

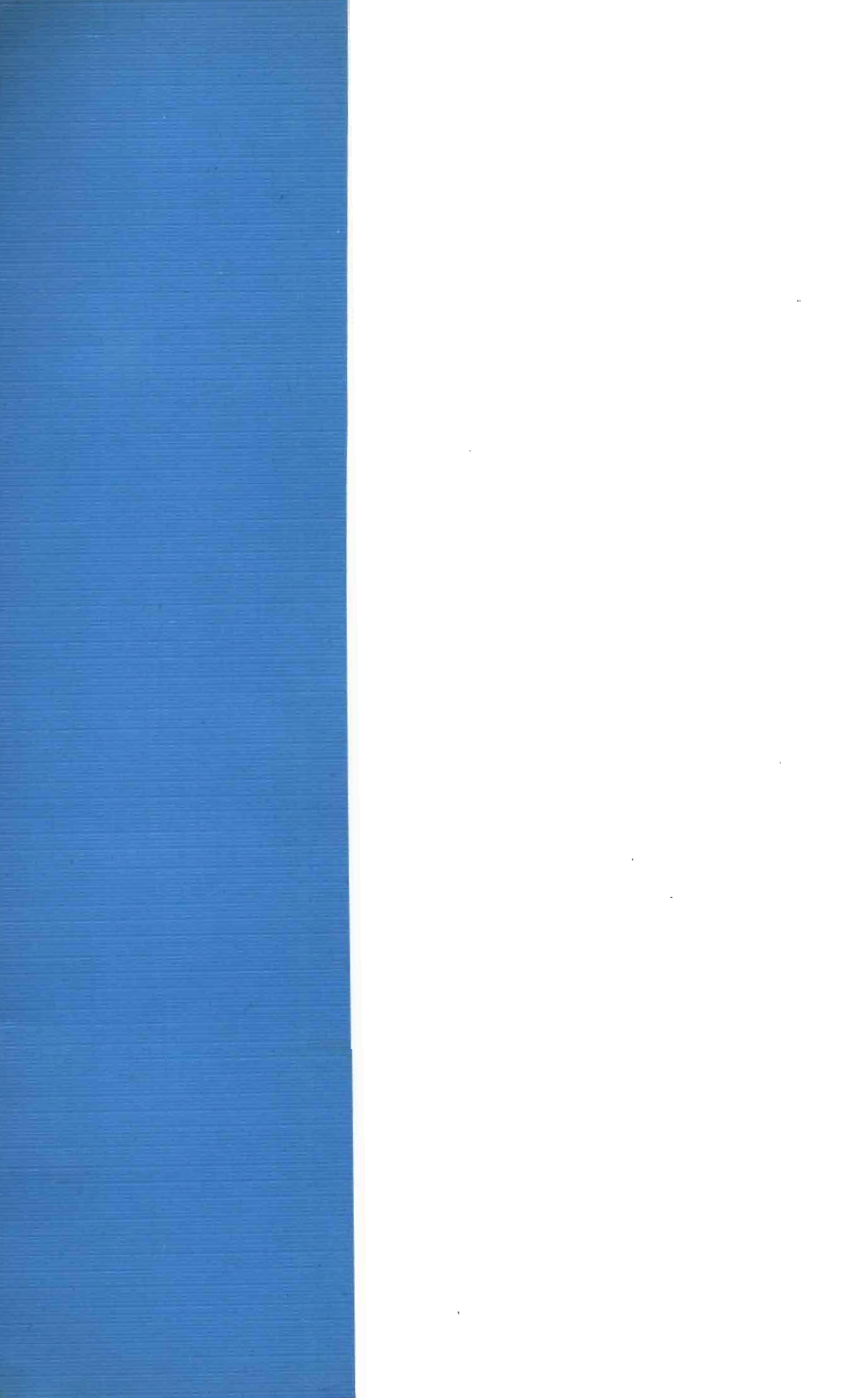
TRUYỆN NGẮN
ĐƯỜNG ĐẠI
VIỆT NAM
TÁC GIẢ TỰ CHỌN

**



vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC



Truyện ngắn đương đại Việt Nam
tác giả tự chọn

NHIỀU TÁC GIẢ

TRUYỆN NGẮN ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

TÁC GIẢ TỰ CHỌN

TẬP II

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Những người tuyển chọn:

Phạm Việt Long

Ma Văn Kháng

Tô Đức Chiêu

BẠN ĐỌC THÂN MẾN,

*Xuất bản bộ Truyện ngắn Việt Nam dưới tựa đề **Truyện ngắn đương đại Việt Nam - tác giả tự chọn**, chúng tôi không có mục đích nào khác là muốn cung cấp cho bạn đọc một số lượng không nhỏ những truyện ngắn hay nhất, đặc sắc nhất của đông đảo các nhà văn Việt Nam có thành tựu về thể loại này.*

Thường thức một tác phẩm là trực tiếp đọc nó. Tuy nhiên, để có thể tận tường hơn trong cảm nhận, việc tham khảo thêm các dữ liệu có liên quan cũng là điều cần thiết và thú vị. Và như vậy thì một tấm ảnh chân dung, vài nét về nhân thân tác giả và đôi lời người viết bặt mí về xuất xứ, cội nguồn cảm hứng của sáng tác, những tâm sự tác giả gửi gắm vào tác phẩm, có thể sẽ tạo ra một lối mở có ích cho hiệu ứng thẩm mỹ của ta khi thưởng thức; gia dĩ, thông qua những lời tự bạch nọ, đôi khi còn có thể tìm ra được những bí ẩn kỳ thú, những quy luật lạ lùng của sự sáng tạo.

Bộ sách sẽ ra mắt bạn đọc lần lượt từng tập, được đánh số thứ tự từ 1 đến hết. Việc xếp sắp các tác giả ở từng tập thuần túy dựa vào thời gian thu nhận được văn bản tác giả gửi đến.

Truyện ngắn Việt Nam, niềm tự hào của văn xuôi nghệ thuật Việt Nam. Truyện ngắn Việt Nam, thể loại tự sự cỡ nhỏ có dung lượng nghệ thuật không nhỏ và có một đội ngũ tác giả đông đảo.

Hy vọng rằng bộ sách sẽ làm hài lòng bạn đọc.

Những người tuyển chọn



TÔ ĐỨC CHIÊU

Họ và tên: **Tô Đức Chiêu**

Ngày tháng năm sinh: 25.9.1940

Quê quán: Hải Dương

Nghề nghiệp: Nhà văn, nhà báo

Địa chỉ hiện nay: 4B, Lý Nam Đế - Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Tập truyện ngắn: *Ngày về, Đàn vịt gười bay về đâu...* Tiểu thuyết: *Về trong mưa bão, Tháng năm dài lang bạt...*

Các giải thưởng văn học: Tặng thưởng cuộc thi tiểu thuyết 1998-2000 của Hội Nhà văn Việt Nam, giải thưởng Cuộc thi truyện ngắn 2001-2002 của Tạp chí Văn nghệ quân đội.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Người Việt ta trọng tình nghĩa. Tình người sẽ giúp vượt qua sóng gió, sẽ bỏ qua những lỗi lầm và sai phạm của nhau, sẽ giúp ta biết thể tất để hoà hợp mà sống với nhau và vì nhau...

Phải chăng đó cũng là cái đích đi tới của văn học.

NGƯỜI ĐÀN BÀ NÓI CHUYỆN MỘT MÌNH

Chợ Trương hôm nay đông thật! - Chị vừa te tái bước về vừa nghĩ khi đôi bàn chân chấm phẩy ngang bên khóm tre làng Kim Trang. Quý quái! Sao khóm tre này lại vẫn gần như nguyên si tới tận hôm nay. Năm mươi năm rồi còn gì. Một nửa thế kỷ đã trôi qua. Gần một cuộc đời con người đã trôi qua. Nói rằng anh chị yêu nhau cũng xuất xứ từ khóm tre này kể cũng hơi thái quá nhưng mối tình của họ gắn với bao mẩu chuyện xoay quanh khóm tre. Kim Trang hồi ấy là làng tè. Tè hai mang hay ba mang chẳng rõ mà chỉ biết rằng ngày ngày viên xã uỷ vẫn áo lương khăn xếp lên trình quận trưởng Thọ Trương cùng lúc mấy anh du kích làng cải trang làm đồng bám địch để báo tin ra vùng căn cứ. Lính quận Trương rất hay ra Kim Trang để uy hiếp làng Thị và làng Cao là hai thôn đã phá tè nối liền với vùng tự do Gia Lộc, Ninh Giang ở phía sau. Khóm tre đầu làng Kim Trang lại nằm ngay trên bờ đê cao cao làm điểm tựa cho lính quận mai phục. Du kích làng Thị vận động theo con ngòi nổi tắt

Ao Phe tới Chùa Dền bố trí đánh chặn và du kích làng Cao theo đề Chùa Mới tới trận địa ở Chùa Mới. Bên này thấy bên kia nhô đầu lên thì nổ súng và ngược lại bên kia phát ra bên này thì các tay súng đua nhau khai hoả. Cũng có khi chẳng bên nào nhìn rõ bên nào và cứ bắn vung tí linh rồi lặng lẽ lui quân thu hồi trận mạc.

Nhất thiết anh kéo chị ở lại. Tì vai! áp má! Bóp cò! Hãy hướng đầu ruồi vào mép phải dưới chân khóm tre! Tất nhiên bóp cò chỉ là giả và địch đã rút. Còn tì vai là thật! áp má thì hơn cả thật! Rồi anh ép chị vào tường đất bên thành công sự và bàn tay lần tìm. Chị rầy rụa kêu lên: Dừng! Dừng! Người ta trông thấy! Chết bây giờ! Của anh cả mà! Em giữ gìn và để dành cho anh mà!

Bằng ấy năm trôi qua với biết bao đổi thay mà khóm tre vẫn còn đó. Khác chẳng là nó cần lại, lá gần và vàng úa, thân cây mốc xám mốc thối như bện vào nhau vì bị lũ trâu làng cọ mình hết ngày này sang tháng khác. Chỉ sợ người ta lại phá đi khóm tre kỷ niệm này. Thời ầm ầm đua nhau xây dựng hợp tác với khẩu hiệu kêu đến vang trời đã chôn vùi không biết bao nhiêu cái mà chị cho là đẹp đẻ của một giai đoạn vàng son máu lửa. Chị bước nhanh! Chẳng mấy chốc đã tới Chùa Dền để tạt ngang mảnh ruộng cấy lúa đang thì đứng cái. Phải rồi! Cũng chính là thời khắc này những năm trẻ trung tươi đẹp thế nào anh cũng chao châu chấu com. Gớm! Mà làm sao ngày ấy

những thứ ăn được dễ dàng kiếm ra làm vậy. Lúa mùa xanh biếc và đứng thẳng, lá cứng ra xiên chéo và sắp sửa có đòng, nắng vàng rực và hơi ong ong, hơi khô chứ không gay gắt chói chang, chim chien chien bay về lượn tít trên cao, chim dẽ gọi nhau thoang thoang dưới ruộng nước xập xềnh, ấy là lúc châu chấu cơm chẳng hiểu từ đâu xuất hiện hàng đàn. Loại châu chấu này nhỏ, cánh ngắn không bay nổi chỉ nhẩy rất nhanh từ lá lúa này sang lá lúa khác. Gió heo may thổi về, không gào thét như khi mùa đông đến hẳn, cũng không lững lờ như mỗi lần hoa lá tàn phai mà xuân chưa vội vàng xuất hiện, cứ từng đợt, từng đợt nhẹ nhàng và se se chạy trên ngọn lúa làm cả cánh đồng mênh mông gợn sóng lẫn tăn và các chú chấu cơm hoan hỉ bật càn tí tách. Chàng trai đang vỗ tiếng uôm uôm ngày ấy và là chồng chị hôm nay đầy tự tin buộc giỏ đựng chấu ngang thắt lưng, kiểm tra cây dậm mắt dày nan nhỏ để chấu không thể chui lọt và hai cái nẹp tre buộc cho bụng dậm bẹp xuống ngăn chấu chạy ngược trở lại, sau đó ung dung bước xuống ven bờ. Động thái ban đầu cũng thận trọng. Đường chao nghiêng nghiêng hớt nhẹ trên những ngọn lúa đồng đang vui mừng đón gió heo may.

Chao châu chấu cơm cũng giống như te ruộng bừa. Nghĩa là phải đi đúng đường đúng xá dòn chấu về phía bờ bên kia theo chiều gió thổi làm cho mật độ chấu ngày càng đậm đặc. Khi thấy chấu đã nhiều trọng dậm anh dừng lại, chân trái đứng nguyên làm

trụ, chân phải hơi co về phía trước và rất mau, rất nhanh, đánh một đầu dậm vào đùi gối, tách, tách, làm cho chấu chẳng những bị dồn gọn về một chỗ mà còn đau ê ẩm mình mẩy dón cục lại, lúc ấy anh mới thanh thản thò một tay vào bụng dậm vốc từng vốc chấu cho vào trong giỏ. Lại đi tiếp mẻ thứ hai, mẻ thứ ba, khi đường chao đến sát bờ bên kia thì chấu mới thật là nhiều, chỉ dăm bảy lượt chao đã phải dừng, đánh một đầu dậm nhưng không bay nổi qua bờ sang ruộng bên kia, không cất cánh tung mình lên trời được, chỉ mỗi cách chui vào bụng dậm. Thế là lưng một giỏ chấu rỗ to. Để ăn cũng được vài bữa. Dem sang chợ Trương bán cũng được vài hào.... Giờ đây người khôn của khó, lúa tốt bởi bởi, màu xanh đậm đà mơ màng dưới nắng mà chẳng thấy chấu đâu, cũng chẳng mấy ai muốn ăn thứ chấu này nữa nhưng vẫn nhớ nhung tiếng tiếc thế nào.

Người đàn bà bước vội về phía nổ tát Ao Phe. Rồi tới nơi ngày xưa có cây đa Cổng Hột. Rồi lanh chanh nhón gót trên con đường trục của làng vừa mới đổ xi măng thay cho lớp gạch quá lâu ngày gần như mủn ra thành đất. Đứa cháu nội đang mãi chơi với chúng bạn không phát hiện ra bà nó về chợ. Và chị đang vội. Quá vội! Chị đáp lại rất nhanh lời chào hỏi của người này người khác để bước lên ngõ nhà mình. Vén màn vào trong nhà chị đặt ngay thúng xuống và ngồi bên mép giường. Kéo tấm chăn mỏng lên ngang người anh, sờ vào hai bàn chân anh xem nóng lạnh

thế nào, nhìn vào đôi mắt anh đang hau háu và cuối cùng vuốt vuốt những sợi tóc đang xoã ra trên trán anh cho gọn lại rồi nói:

- Thăng Quỳnh chắc vội ra vùng nên không kịp đợi tôi về. Nó để nhà nằm một mình. Thôi đừng trách nó! Con trẻ mãi miết làm ăn. Chúng toan làm giàu. Bọn trẻ làng này đua nhau làm giàu. Tôi môn nhà chúng nó, hề chưa mua được chiếc xe máy mới coong nước sơn bóng loáng là lông lộn không yên! Chúng ham đua đòi! Chúng ham đú đờn! Thăng nào cũng thế!

Anh kêu lên một tiếng ú ớ và chị hiểu đó là tín hiệu gì rồi nên vui mừng nói tiếp:

- Tôi vừa ở chợ Trương về đây nhà ạ. Lâu nay không sang chợ ấy thấy mọi sự thay đổi ghê gớm quá. Đường hai mươi người ta rải nhựa. Cứ nghĩ về cái ngày bộ đội Gia Lộc đánh phục kích ở Quán Khoang mà buồn cười. Làm thế quái nào lại để một thằng chạy thoát rồi về cứ tranh luận nhau mãi là chưa diệt gọn. Rồi cái khóm tre làng Kim Trang...

Chị im và quay nhìn anh. Khuôn mặt anh hơi hồng lên, đôi mắt chớp chớp, đôi môi hé ra nhưng chẳng phát thành tiếng, thành lời, dường như tới khi anh cố gắng lắm làm khuôn mặt bừng đỏ thì chỉ là những âm thanh ú a ú ớ. Thường thấy ai đến thăm vào thời khắc này anh như đau đớn hiểu ra sự bất lực của mình, sự tàn hoại của mình, hai hạt lệ xót thương hờn tủi hiện ra trên khoé mắt. Chị hiểu mình cần

phải thế nào liền vội vàng lấy khăn lau nước mắt cho anh, lau mặt cho anh, đôi bàn tay thân mến vuốt hai bên má anh, rồi tiếp:

- Khóm tre ấy vẫn còn nguyên như ngày nhà dùng nó làm mục tiêu dạy tôi bắn súng. Ngày ấy chúng ta cũng ở Chùa Dền ngay bên ruộng lúa bốn sào trồng màu vụ đông và cấy lúa vụ mùa. Ngày ấy chúng ta còn trẻ, mười lăm mười sáu tuổi đầu, rồi quanh quẩn cả hai cùng vào du kích.

Có lẽ chuyện cũ gợi buồn vì làm sống dậy ở cả hai người một thời xa vắng chị chuyển sang vấn đề hôm nay:

- Thăng Quỳnh nhà mình đổi thửa và đầu thầu thêm được những gần năm ngàn mét vuông ở chỗ Ba Toà. Nó xăng xái lắm. Thôi vợ chồng chúng nó có chí là ta mừng. Nó lên kế hoạch trồng trên bờ những bao nhiêu cây nhãn Linh Chi, bao nhiêu cây cam, bao nhiêu cây xoài Đài Loan, bao nhiêu cây bưởi lai Vĩnh Phú... còn ao chia ra làm bốn khoảnh, khoảnh nào nuôi cá giống, khoảnh nào nuôi cá bố mẹ, khoảnh nào nuôi cá thịt, khoảnh nào chuyên dùng làm nơi dự phòng. Mà sao bây giờ con cá con tôm cũng phức tạp làm vậy? Ngày xưa trong ao ta chỉ nuôi cá mè, cá chép, chặt cây chuối vứt xuống làm thức ăn hoặc thả trâu xuống tắm cho chúng ị ra làm môi, giờ đây nào cá chim trắng, chim đen, nào rô phi, trê Ấn Độ, nào mè hoa, mè Trung Quốc. Rồi thức ăn cũng phải mua của đại lý này đại lý nọ, loại này loại nọ, tùy theo

giống cá và tuổi của cá. Ồi chà chà! Nhà ơi, sao mà tôi nghe cứ thấy nhức cả đầu!

Chị ngừng một lát để những điều mình nói ngấm vào cơ thể anh và cũng là giành thời gian để thở. Giọng chị tất nhiên không vui. Song cũng chẳng thể gọi là buồn. Dường như cái sự ngày ngày kể chuyện cho chồng nghe đã thành nếp sống quen thuộc đến mức lúc nào cũng vội vàng cho xong công việc để được ngồi bên nói với anh. Lúc đầu khi anh còn ngọng ngô đáp lại thì là câu chuyện của hai người. Nhưng dần dần anh mất tiếng, chị vẫn nói, chị vẫn hỏi, chị coi cái chớp mắt của anh, những hạt lệ đau đớn của anh, màu sắc trên khuôn mặt anh, cái lông mày nhíu lại hay răn nở ra, đôi cánh mũi phập phồng, đôi làn môi lay động... tất tậ là ngôn ngữ của lời đáp, là biểu lộ đồng cảm hay phản bác, là đã tiếp nhận những gì chị nói.

Chị say sưa:

- Thì ra bây giờ đến con cá dưới ao cũng sướng. Chúng đâu có phải ăn phân trâu phân bò mà là thức ăn sản xuất trong các nhà máy. Chúng ăn cũng thành bữa như người và được chăm sóc như người. Vợ chồng thằng Quỳnh còn bảo giống cá chim trắng mua đâu mãi từ Đài Loan hay Quảng Đông gì đó. Hai nơi ấy có phải ở Trung Quốc không nhà nhỉ? Có cách xa bằng từ đây tới Sài Gòn không nhỉ?

Có tiếng cọ quảy của lạch giường. Anh muốn trở mình. Ấy là lúc sự mệt mỏi đã không thể nào chịu

được. Chị xoay ngoắt người. Rồi co cả hai chân lên. Chị đỡ anh lăn nghiêng người ra hẳn phía ngoài. Trên hiên một vệt nắng thu tãi ra vàng nhạt. Cửa sổ bên giường nhìn ra vườn chuối xanh rờn những tàu lá uốn cong. Mùa này nếu không chao chấu cơm thì bầy chim sẻ đồng. Chị lại nhớ về anh những ngày xa xưa trẻ trung. Cái giống chim sẻ như biết cách làm vui cho người. Nó cũng biết nịnh người! Chỉ cần rắc một ít rơm vàng, buộc một con chim mồi cho nó nhảy nhót, ngồi ở chỗ khuất xa xa và đợi. Thế nào chim cũng xà tới. Thi nhau bới thóc sót lại trên rơm. Ấy là lúc kéo cho hai cánh lưới chụp xuống. Cái giống chim này rất nhanh mà dại. Chỉ không thấy bóng người là chúng tin rằng chẳng có gì nguy hiểm trên đời này cả. Và sang xuân chúng hay đi thành từng đôi - Giống chim cũng biết nịnh tình với nhau đáo để mình nhỉ - Chúng chui vào mái tranh làm tổ và đẻ trứng. Đêm đêm con cái trong tổ ấp trứng còn con đực ở ngoài ngủ gà ngủ gật cạnh gác. Chỉ cần soi đèn dầu là chim đực quáng quáng nhìn thấy gì còn chim cái thì yên tâm có sự cạnh gác cứ việc ôm trứng ở phía trong. Một cái bóng lùn tùn chớp nhanh qua hiên cửa. Đứa cháu nội xuất hiện. Lúc này nó mới biết bà nội đi chợ về. Nó vén màn rồi cứ đứng thập thò mếu máo:

- Bà... ơi!...

Chị lú lú rú:

- Lại đây cháu. Lại đây! Mau lên bà đợi. Lại đây với bà, với ông, ngoan nào!

Đứa cháu cứ đứng im làm nũng. Nó cũng muốn lại lắm nhưng nó sợ ông. Nó không hiểu sao ông nội của nó lớn thế rồi mà không biết đi, không biết nói, đến vệ sinh cũng không biết gọi. Bà cứ phải giúp ông làm tất cả. Đôi khi bố nó nữa. Cũng có khi ông nó lại khóc mặc dầu chẳng có ai đánh. Nó bé thế mà chỉ khóc có hai ba lần vì bị mẹ đánh vào đít, đằng này ông nó khóc có nước mắt hẳn hoi ngay khi chẳng bị ai đánh cả. Một bữa bà bế nó vào bảo là để chơi với ông, bà nói chuyện này chuyện nọ, nó thì gọi ông ơi, ấy thế là hai giọt lệ rất lớn hiện ra trên khoé mắt ông. Rồi ông nấc lên. Từ bữa ấy nó sợ. Nó chả bị ông đánh bao giờ nhưng vẫn sợ. Thấy đứa cháu cứ nhùng nhằng chân trong cửa chân ngoài cửa người đàn bà nhaoi ra, hai tay bơ bãi ôm lấy cháu, mắng yêu nó, hôn vào má nó: Con tũn của bà! Con tũn ngoan của bà vào với ông nào! Đứa bé rầy rầy và không kịp đòi quà chợ của bà cố thoát ra được rồi biến mất. Ở trong buồng ông nội nó nhìn theo khóc òa lên như đứa trẻ! Chị vội co chân lên giường nằm dài ra và ôm chặt lấy người bệnh dễ dàng. Chị lau nước mắt. Chị vuốt lại tóc cho anh. Chị ngồi lên và một tay vẫn nắm lấy bàn tay anh, miệng nói:

- Con bé Tũn hư thế. Bố mẹ nó không biết dạy nó. Nhà đừng buồn nữa để tối nay tôi đánh bố đánh mẹ nó. Tôi sẽ bắt bố mẹ nó nằm duỗi dài thẳng cẳng ra hè kia và lấy roi mây. Phải đánh bằng roi mây chúng nó mới nhớ được!

Chuyện roi mây ấy lẽ tất nhiên chẳng bao giờ xảy ra cả. Chính chị cũng quên bém những lời bịa đặt để dỗ dành anh. Cuộc sống lứa đôi của anh chị có những sóng gió, thăng trầm. Cái sự họ yêu nhau âu cũng là lạ của làng. Chị gia đình khá giả. Còn anh thì nghèo xác nghèo xơ. Những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp xóm thôn điêu tàn, người ta hoặc ở đồng ruộng hoặc ở chiến hào. Làng lúc lập tề, lúc phá tề, lúc rào kháng chiến, lúc treo cờ ba soọc và bầu ra một ông xã uỷ ngày ngày dẫn phu lên quận. Chị nhiều lần đi phu. Lúc đập gạch. Lúc đắp đường. Lúc vác tre. Lúc chở cát. Quận lỵ Thọ Trương thời ấy chính là khu trụ sở hợp tác sản xuất nông nghiệp của xã Lam Sơn bây giờ nhưng mà uy nghi, nhưng mà ghê sợ. Trên diện tích chẳng biết bao nhiêu mét vuông tường cao rào kín. Bốn góc bốn tháp canh vót lên. Chung quanh hào rất sâu và rộng thành hồ nước lớn hình vành khăn dây thép gai đặt chìm dưới đó. Một con đường độc đạo từ phía chợ Thọ Trương chạy vào bị đào cắt ngang chừng vài bốn mét, hai cây gỗ bắc ngang cho lính quận hoặc các xã uỷ, các phu phen đi lại và đêm về lại kéo lên. Nếu có ô tô của ông tỉnh trưởng tới kiểm tra, của ông quận đi Hà Nội, Hải Dương hay của ông quan ba xếp bột Đồ Neo thì hai thanh cầu dã chiến được thả xuống để rồi xong việc lại kéo về ngay. Lần đầu tiên vào trong quận làm phu chị rất sợ. Nhưng không thể lùi bước. Một viên cai ra cắt đặt công việc. Có dăm bảy chị em, người giúp dọn

nhà cho bà quận trưởng, người xuống bếp làm cơm cho lính tráng, người quét sân, người gánh nước. Viên cai chỉ vào chị:

- Hầu việc bà Ách di đăng.

Đó là căn buồng phía cuối dãy nhà lính vắng tanh. Chị bước vào còn chưa thấy bà Ách di đăng đâu cả thì viên cai ập tới. Cửa đóng sập. Then cài. Miệng chị bị nhét giẻ chặt cứng. Và không thể nào kháng cự được nữa cho tới khi chị mềm nhũn người ra. Không ai nhìn thấy nhưng những người đi phu hôm ấy đã phỏng đoán. Chị đau đớn. Chị thẹn thùng. Có phút giây muốn nhảy xuống sông Cửa Đình tự tử. Nhưng rồi chị tự chủ được. Chị đi đến một quyết định táo bạo trong hoàn cảnh lúc bấy giờ nhưng rất sáng suốt là nói thật với chồng. Cái đêm xa xôi ấy bầu trời đen đặc và sâu thăm thẳm hai người ngồi bên nhau dưới gốc cây đa Cổng Hột. Chị vừa khóc vừa nói. Chị thêm ôm anh quá mà không dám ôm. Chị muốn gục đầu vào lòng anh quá mà không dám làm vậy. Chị khát khao đôi bàn tay ấm nóng và chai sạn của anh nhưng không dám bật hàng cúc bấm đợi chờ. Chị mãi mê nói và run lên khi đôi cánh tay lực lưỡng ôm ghì lấy chị, kéo sát vào lòng, rồi những ngón tay ấy ấm êm, thân thiết lần tìm khuy cúc trước dải yếm đào.

Chị lại kể:

- Ngày xưa cánh đồng Mạn Điền, cánh Quán Dòng, cánh Đồng Nương, cho tới Bồ Vô, Bồ Hồng là đất thực chính yếu làm ra lúa gạo nuôi cả làng. Ngày

nay khác rồi! Tôi vừa qua thăm bốn sào Chùa Dền nằm trong cánh Mạn Điền. Lúa đang thì đứng cái. Gió heo may rải đồng sao mà se se mát lạnh cả người. Năm mươi năm trước vào những ngày này nhà đến là hay chao châu com. Giờ thì châu com chẳng có để mà chao bắt. Và người ta cũng chẳng ăn châu com nữa. On trời ruộng đất rút đi song thóc gạo sao mà lấm thê. Chuyện hột bữa, dứt bữa nói lên bọn trẻ cứ ngỡ ngác tưởng rằng ông cha đang bịa. Còn cái vụ đói đến chết người thì chúng coi như chỉ có ở thời hồng hoang khai sinh lập địa. Thế cũng là may, nhà nhĩ. Nhà đừng buồn vì com gạo bây giờ bao giờ cũng no nê.

Anh chớp mắt nhìn và nheo nheo ra chiều hiểu ý và để cảm ơn. Nói có vẻ khách khí khó nghe chứ thực ra từ trong sâu thẳm cõi lòng anh cảm ơn chị lắm lắm. Tuổi đã gọi là già. Xế chiều đứng bóng. Chẳng còn sôi động và ngào ngạt tình yêu đôi lứa như ngày tháng năm nào nhưng mà hai người ngay cả từ khi anh chưa ngã bệnh trầm luân đã gắn bó như hình với bóng. Cũng có lúc va chạm nhau nhưng thường là chị nín nhịn để cho anh ngay sau đó ân hận với riêng mình. Làng Thị nhỏ bé như quả trứng hồng giữa cánh đồng lúa xanh tươi. Nhà anh chị ở phía cuối làng sát với con sông Cửa Đình. Con sông này từ thời anh chị nhỏ bé ngược về ngàn năm trước là vương quốc huy hoàng của muôn loài tôm cá và những đàn vịt giới. Cả một cánh đồng triều bát ngát chạy từ Miếu Dưới, cứ theo dòng sông ngược qua Bờ Vô, Bờ Hồng, tới Ba Toà

mùa mưa về nước ngập mênh mang, mùa nước rút phơi ra những thửa ruộng triều trũng đầy rong rêu tôm cá. Sông thu nhỏ vô đúng dòng của nó. Mặt nước lờ lờ và giữa làn sóng lẫn lẫn những chú tép sông, to và trắng nhẩy tanh tách. Anh thế nào cũng lại lấy dậm ra. Thoạt đầu đi từ Bờ Hồng cùng với một hay hai người bạn nữa cào xuôi theo dòng nước. Kiểu đánh bắt này khắp vùng cũng chỉ một làng Thị mới có. Dậm xếp hàng hai, hay ba, cào chìm là là sát mặt bùn. Giỏ đựng đan theo hình con vịt đang bơi gọi là vịt, dùng hai ống nứa khô buộc kẹp hai bên để nổi lênh bênh rồi buộc dây nổi giữa vịt với bụng người. Vịt nổi một phần còn một phần chìm trong nước. Chính vậy mà tôm tép cho vào không bị chết. Các chàng trai nhịp nhàng thông thả bước trên sông. Lúc họ thấy tay kéo đã nặng, nghĩa là bùn đất vào, cũng có nghĩa là tôm tép vào theo, họ đồng loạt ghé vào một bên bờ, rất nhanh nhấc miệng dậm lên khỏi mặt nước. Tôm tép nhẩy rào rào nhưng cũng chỉ trong bụng dậm mà thôi. Thò tay vào đánh cho bùn tan ra nước, rồi dãi để vớt đi những rác rưởi, thế là vớt, thế là bắt.

Giọng chị vui say:

- Kể ra cũng sắp đến mùa dọn triều. Mình chẳng có ruộng triều nên năm nào nhà cũng đi cào sông. Đôi khi ăn không hết phải đem bán. Gớm! Những con tôm tép thời ấy sao mà tươi ngon thế. Rang khô, tới bữa xúc ra đĩa vắt tí chanh hay tí quất vào, thái tí ớt quả

nữa, ăn với cơm chan nước rau muống luộc thì đến Hoàng thượng cũng chả có bữa cơm ngon làm vậy.

Bỗng dung giọng chị cất cao đầy hứng khởi:

- Nhưng giờ đây làm quái gì còn chuyện cào sông với dọn triều. Nhà có nhớ không, thoát đầu người ta đắp đập Ba Đông nói là để giữ nước. Thế là chẳng còn triều lên xuống nữa. Tôm cá biển sạch. Rồi đàn vịt trời ngàn con bay đi đâu chẳng biết. Triều khô! Triều cạn! Triều chẳng còn là triều. Nhưng các bậc lãnh đạo báo cáo lên trên rằng biển đất một vụ thành hai vụ nghe sao rõ hay. Nhưng mà hai vụ đó là hai thứ đuôi gà má chó. Cũng may cái lớp quan làng quan xã ấy biến cả rồi. Giờ đây bọn trẻ đảm đương chức việc xem ra hăng hái lắm. Ôi cha cha! Cái hôm họp dân bàn chuyện dồn vùng đổi thửa cứ sục sôi y như ngày khởi nghĩa bàn lập chính quyền. Gia đình nào cũng có mặt. Có gia đình đi họp hai, ba người. Gia đình mình thì tôi đi như nhà đã biết đấy. Thằng Quỳnh nhà mình nhảy lên tung tung vì bốc thăm được tới năm ngàn mét vuông. Vợ chồng nó như đang bay trên mây đây nhà ă. Thôi thì nhà hãy thương con, vì con, mà tha thứ cho nó không gần gũi bố liên tục. Nó chẳng phải đứa con hư nhưng mà mãi mê quá!

Chị nói liền một mạch rồi quay nhìn thấy mắt anh chớp chớp, biết rằng anh đã hiểu. Rồi đôi môi anh nhành ra để làm cái việc ta quen gọi là cười. Mà anh cười thật! Cười ùng ục như tiếng ghen của đờm. Chị vội ôm lấy anh và riu lưỡi: Nhà nhỉ! Nhà vẫn nghe

được những điều tôi nói đấy nhỉ. Thế là nhà đã chia sẻ niềm vui với tôi. Thế là nhà đã san bớt gánh nặng cho tôi. Ngày tháng qua đi, vật vờ sớm chiều, chợ búa, đồng áng, ruộng vườn, hễ rảnh lúc nào là chị lại đến bên anh nói chuyện. Chuyện hôm nay, chuyện hôm qua, chuyện xóm, chuyện làng, chuyện đầu Ngô mình Sở, nói bất cứ cái gì chị thấy trên đường làng từ sáng đến tối khuya, kể lại bất cứ kỉ niệm gì về hai người bỗng dưng nhớ ra được. Chỉ mong sao anh đỡ cô đơn. Chỉ cầu khẩn anh bớt buồn tủi. Cũng có người chép miệng bảo sống không còn ra sống thì chết đi cho rảnh. Nhưng chết đâu có dễ! Và lại sự sống thì bao giờ cũng là sự sống, là quý giá nhất trên đời, và cái chính là ở anh lòng dạ vẫn đang khát khao, ý chí ngày đêm vươn tới. Con người ta cho dù sống khoẻ mạnh, sung sướng, mà chẳng có ý chí, chẳng có khát vọng, chẳng muốn hướng tới một điều gì có ích thì đúng là chết quách đi cho rảnh. Anh của chị đâu thế! Anh thêm khát sự hoà đồng. Chỉ vì mỗi lần bè bạn đến chơi anh lại quá đau buồn trước sự bất lực thành thử chị phải cầu xin đừng đến nữa. Cũng như muốn ôm lấy đứa cháu dứt ruột của mình, mà không cử động được chân tay, không nói được ý mình, nhìn cháu đấy mà cứ vờ vờ nghìn trùng làm lòng dạ anh xót thương. Anh muốn biết mọi chuyện xảy ra ở xóm ở làng vậy thì chị sẽ kể, gần ba năm nay rồi chị vẫn kể, cái chớp mắt của anh là sự linh hội, cái âm phát ra ú ớ nhẹ nhẹ của anh là sự đồng tình, cái trán nhăn nhăn của anh là sự

phản kháng. Là công dân của làng anh phải biết việc làng. Chị phát biểu thay anh! Chị bỏ phiếu cho anh! Chị làm mọi việc gấp đôi thay thế khi anh khoẻ mạnh.

Làng xóm nói rằng không mối tình nào được như vợ chồng nhà ấy. Lời khen có thặng hoa lên một chút xong xem ra cũng chẳng phải là quá đáng. Kể thì cũng có một thời tao loạn. Sự ấy lại xảy ra sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Xóm thôn bỗng dung như lên cơn thần kinh co giật. Mọi giá trị đổi thay. Đêm đêm từng đoàn thiếu nhi bị kích động thi nhau gào thét. Quan hệ thôn xóm thanh bình bỗng trở thành thù ghét, hằn học, bới móc, vu oan, giáng hoạ. Gia đình kha khá của chị bỗng trở thành đối tượng để xét hỏi, đầu tố. Bố mẹ chị bị giam hãm. Mái nhà tranh bên chồng bỗng chẳng còn ấm êm đối với chị. Người chồng còn trẻ măng không tỏ thái độ gì nhưng cũng không thể xoè cánh ra che chắn cho chị hoặc giả nghe những lời viển vông đường mật nên anh không muốn làm thế. Rồi cái việc đã chôn chết trong lòng là bị viên cai lệ Thọ Trương cưỡng hiếp bung ra và người ta nói công khai. Người ta xôn xôn gào thét lên rằng chính chị đã rủ rê tên cai đó. Chị là đi! Lại là đánh đi với thằng địch. Vừa đánh đi vừa làm gián điệp cho nên làng này mới bị đốt, bị phá, bị càn đi quét lại, bị bom na pan, và vì có chị làm gián điệp báo trước nên trận bộ đội ta đánh quân lệ Thọ Trương cuối năm 1953 đã không thành. Không diệt gọn được quận mà lại còn hi sinh bao nhiêu người.

Chính chị đã giết chết các chiến sĩ đó. Ôi chao ôi! Thế này thì làm sao cãi nổi. Một lần nữa chị toan nhảy xuống sông Cửa Đình nhưng mà sao dám nhảy. Bởi nếu chị chết thì chắc chắn bố mẹ chị chết theo mà ông bà không chết theo thì cũng bị hành hạ cho đến chết. Chị bỏ về nhà với bố mẹ và ngày ngày giả câm, giả điếc, giả đui, giả mù, mỗi khi có những đứa trẻ do người lớn xúi giục, dí sát mặt vào mặt chị, châu mọ ra vừa ngêu ngao hát vừa cười khanh khách: *Anh chót yêu con địa chủ....* Ngậm hờn, ngậm tủi và đắng cay đến hết chịu chị xin với cha mẹ trốn đi. Chị ra Hòn Gai. Rồi Cẩm Phả. Thuở ấy chưa có phong trào đào than thổ phỉ như bây giờ nhưng chị vẫn tìm mọi cách để sống. Phải sống! Phải trở về! Cho đến khi sóng gió qua đi, vào một buổi chiều chẳng còn nhớ ngày tháng nào, đang toan tính tìm đường trở về thì người con trai bỗng dưng xuất hiện. Người đó là anh! Ra thế này hả trời! Chị muốn gào lên nhưng mà câm lặng. Chị đã từng đoán sẽ có sự này. Chị đã từng mong đợi sự này. Nhưng bây giờ đây nó hiển hiện trước mắt thì chị bàng hoàng hồn xiêu phách lạc. Gã trai làng khuyu hai chân xuống. Đôi mắt anh chớp chớp van xin. Đôi môi anh mấp máy nhưng mà không cong. Họng cứng! Ngực đau! Lưng buốt! Tội xâm! Phải mấy phút sau anh mới hồi sinh dần dần trở về thực tại. Khuôn mặt đỏ bừng. Vợ anh đây rồi! Người con gái vai áo vá chằng vá đụp và lấm lem bụi than là vợ anh đây rồi! Đôi má hây hây ngày xưa hóp lại.

Đôi môi tươi hồng ngày xưa đã nhợt nhạt phôi pha. Nhưng đôi mắt thì vẫn sáng lăm, đong đưa duyên tình khêu gợi, giận dữ đầy mà vẫn chứa chan ngàn ngạt hương đồng. Tám thân mềm mại dường như bỗng dưng lạnh cứng, tro ra như đá như than, rồi run lẩy bẩy nhạt nhoà trước đôi mắt anh. Chao ôi! Đã bao ngày mong ước. Đã bao đêm anh bồn chồn và khát khao nhìn nửa cái giường phía trong nơi chị vẫn nằm trống tro trống trọi. Có lúc anh mơ màng mê tỉnh quay vào ôm choàng vùng thỉnh không của nửa cái giường ấy, để rồi hốt tay đập xuống chiếu đánh bệt một tiếng hư vô, để rồi thương người và thương mình, xót người và xót ta, nước mắt cứ ào ạt chảy. Sau bao lần như vậy anh quyết định đi tìm chị dù có phải lần mò tới tận góc biển chân trời. Chị đây rồi! Anh lấy hết sức bình sinh choàng tới thì chị đã nhanh hơn lui lại. Chị toan chạy chốn. Anh lao tới chắn ngang. Chị ngẩng mặt lên cao không nhìn vào mặt anh và giọng chua cay như người khác nói thay cho chị:

- Anh là ai! Anh cần gì? Anh từ đâu tới? Sao lại cả gan trông ghẹo phụ nữ thế này.

Chị cúi xuống bỗng thấy hai mắt anh đỏ đẫm. Nét mặt anh sắt đá nhưng giọng thì hoảng loạn như người đang chìm dưới âm phủ cầu mong được kéo lên bờ:

- Là tôi! Cần nhà về với tôi! Về làng Thị! Không phải trông ghẹo phụ nữ mà chộp bắt nhà về!

Rồi anh khóc. Khóc như một đứa trẻ khóc. Anh nói rằng đã tỉnh ngộ. Anh van xin tha thứ. Rằng sống

gió đã qua và thanh bình đang trở lại. Rằng anh đã đến tạ tội với bố mẹ bên ấy. Rằng các bậc sinh thành cũng đã mở lòng lượng thứ.... Những câu sau này làm chị bủn rủn cả người. Cha mẹ chị vẫn còn sống. Chắc hẳn hai người mong chị. Nước mắt chị ràn rụa và bỗng dưng chảy miết. Đôi chân cứ vậy cuốn nhanh. Như bị ma đuổi. Như bị người xưa. Về tới căn lều của mình ở đầu xóm nhỏ chị gục vào góc vách. Chị vợ lấy manh chiếu che kín từ đầu đến chân. Như ngày xưa chơi trò tùm hum. Như thuở ấu thơ chơi trò đi ẩn. Chị mệt mỏi! Chị rã rời! Chị đau đớn cào xé để toàn thân thu lại và rũ xuống lả dần trong cơn mê sảng. Chị đâu có biết rằng anh đi đến và lặng lẽ ngồi ở phía ngoài chẳng khác nào con chim đục gác cho con chim cái ngủ ngon trong tổ. Giá đừng có trời đất! Giá đừng có không gian! Giá muôn vật muôn loài quanh ta bỗng dưng biến sạch, để chỉ còn ta với ta, chỉ còn anh với chị, chỉ còn hai trái tim yêu thương và hờn giận cùng đau đớn chia sẻ, cùng đập, cùng ngừng. Và chị đã muốn tha thứ để chia sẻ và được chia sẻ. Chị vun vén những gì có thể để hôm sau ra ô tô về Hải Dương rồi từ Hải Dương đi bộ hai cây số về làng Thị.

Chị không kể lại chuyện này cho anh nghe vì đây là kỉ niệm đau xót. Sự hàn gắn cũng không thể có ngay được mà phải mấy năm sau. Nhưng thôi! Mọi sự đã qua. Cho vào vĩnh viễn! Những năm tháng tiếp theo đôi vợ chồng yêu thương hạnh phúc. Chị như con chim sẻ cái chui vào trong tổ trên mái tranh khư khư

giữ lấy quả trứng và ấp ủ. Anh như chàng sẻ đực luôn đỗ ở bên ngoài canh gác và ngày ngày tha kiếm mồi về. Trải qua bao cao trào, từ đổi công đến hợp tác xã cấp thấp, hợp tác xã cấp cao, từ lợn ăn phân trâu đến cắt đuôi cắt tai, từ đào chuôm trên đồng để vớt đất ra nước thay trời làm mưa đến sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, lợn phèo, nháo nhác. Vợ chồng gắn bó lúc đói, lúc no. Nếu anh không ngã bệnh nằm đấy thì đời sung sướng biết bao nhiêu. Nhưng sao lại nếu nhỉ? Điều gì đã xảy ra thì xảy ra rồi. Mình chỉ có thể chấp nhận. Chỉ có thể tìm mọi cách vượt qua để mà tồn tại. Chị chạy thuốc bên đông, bên tây, thuốc nam, thuốc bắc, thầy bà đủ loại nhưng mà trời bắt tội như vậy thì làm sao mà khỏi được. Chị chăm sóc anh. Chị tìm mọi cách để anh đỡ cô đơn buồn tủi. Anh không nói được, không viết được, nhưng mọi sự chứng tỏ rằng anh nghe được và hiểu được, vậy thì chị kể chuyện cho anh nghe. Mỗi câu chuyện chị nói còn giá trị gấp ngàn vạn lần lời động viên chung chung. Chị biết anh khi còn khoẻ mạnh rất hay gọi lại những kỷ niệm ấu thơ vậy thì chị kể lại những chuyện thời son trẻ. Chị biết anh khi còn khoẻ mạnh rất quan tâm tới làng xóm vậy thì chị kể chuyện làng xóm.

- Sáng nay Ủy ban mời tôi lên nhà ạ, có mấy người làm công tác nghiên cứu hay viết văn viết báo gì đó từ trung ương về. Họ hỏi về trận đánh bắt quận bằng đòn càn đòn gánh ở chợ Thọ Trương năm 1951 tôi cũng chẳng nhớ nữa. Ngày ấy tôi theo mẹ đi chợ

chứng kiến tất cả. Ghê thật! Các chị du kích vùng đồn càn lên làm bọn lính đông hàng ngày hung hăng ngạo ngược giờ đây cuống cuống bỏ chạy hoặc lạy như té sao. Buồn cười nhất là có những đứa chạy về cổng quận thì cái cầu độc nhất bắc qua đoạn đường cắt đã bị đồng bọn thấy động rút lại rồi. Thế là cuống cuống nhảy xuống hồ. Gặp ngay bùng nhùng những dây thép gai.

Chị lại nhảy sang chuyện khác chẳng liên quan gì tới trận đánh lính ở quận ở chợ Thọ Trương.

- Cánh đồng triều bên sông ngày xưa mình vẫn cào dậm ấy giờ đây làng gọi là vùng. Thằng Quỳnh nhà mình lớ ngớ vớ ngay thừa mệnh mông sát Ba Toà. Bọn trẻ đã đắp con đường thẳng tắp từ Miếu Dưới chạy tới. Chúng phóng xe máy vù vù và tuyên bố rằng sẽ mở rộng đường, trải nhựa hay bê tông để ô tô ra tận đó lấy cá. Có khi bọn trẻ làm được như thế đẩy nhà ả. Mình già rồi nên cái gì cũng hãi, cũng sợ, chứ chúng nó thì chẳng coi mọi sự ra cái thứ gì. Chúng nó bảo đưa điện ra là đưa được điện ra. Giờ đây chúng ngồi ở cái vùng vẹt gời kiếm ăn làm tổ ngày xưa ấy mà gọi tới Hải Phòng, Quảng Ninh, hay Thanh Hóa hện mang cá giống về, hện chở thức ăn tới. Nghĩ cho cùng chúng nó sướng thật đấy nhà ả!

Chị nghỉ một lúc, vừa để anh kịp chuyển hoá những gì mình nói vừa để nghỉ ngơi. Chị thấy mệt. Cả ngày hôm nay làm cỏ trên bốn sào Chùa Dền. Chị đâu

còn trẻ nữa. Phải lao động mới có thu hoạch. Phải có thu hoạch mới nuôi sống được anh và bản thân mình. Chị không muốn dựa vào con cái. Chúng đang có mối quan tâm của chúng. Chúng đang có khát vọng bay xa của chúng. Chúng đang sục sôi niềm đam mê là làm cho đời sống ngày một thanh thản hơn, sung túc hơn. Chị thấy mình đã chẳng giúp gì được cho chúng cả thì đương nhiên không nên làm điều gì cản trở tới việc thực hiện ước mơ của chúng. Chị chỉ mong anh sống lâu, cứ nằm thế cũng được để chị đỡ cô đơn, để có người nghe mà kể câu chuyện hàng ngày. Anh ít ngủ. Chị cũng thức khuya. Từ lúc nào chị quen kể cho anh những mẩu chuyện vụn vặt cuối ngày trước khi đi ngủ. Từ lúc nào công việc này trở thành nhu cầu tự thân của chị. Có những lúc bệnh tình anh trở nên trầm trọng chị đã bủn rủn rã rời vì chỉ sợ phải chia tay người bạn đời gần gũi. Chị cũng xuống sức khá nhanh. Đôi khi thằng con trai hay đứa con dâu về chăm sóc chị, giúp chị thay giặt cho bố, quét dọn nhà cửa và thay chị ngồi vào mép giường kể những câu chuyện triền miên. Nhưng lời nói của chúng không có lửa. Giọng kể của chúng không có hồn. Khả năng tường thuật của chúng không có màu sắc. Chị để ý thấy những khi ấy anh vẫn nghe nhưng mà khuôn mặt phẳng lặng. Nghĩa là đôi mắt không hề hấp háy. Đôi hàng mi không hề răn nở. Đôi môi không hề lay động. Những nếp răn trên trán không hằn sâu và cũng không căng răn. Phải chăng nơi mép giường

ngồi đây là của chị và chỉ có chị, giọng nói trong phòng này duy nhất chỉ là giọng nói của chị, âm thanh lên bổng xuống trầm mấy năm nay rồi không thể có điệu nhạc nào thay thế. Khi ấy khuôn mặt anh lại phẳng lặng như gương, lúc răn dài một nỗi niềm xa vắng, lúc thanh thản như vác cuộc thăm đồng giữa mênh mông biển trời xanh biếc.

Làng Thị như quả trứng hồng giữa cánh đồng lúa bát ngát. Con sông nhỏ xuất phát từ Cầu Mè, xuôi về Bờ Hồng, phần ranh giới bên kia là cánh đồng làng Mè, bên đây là cánh đồng làng Thị và như một cô gái tới tuổi cập kê mỗi bước đi đều run riu vào nhau chảy tới Ba Toà. Ở đây nàng gặp một nhánh nữa từ phía Gôi chảy lại, nhập cuộc, phồng phao, phát phơ như một dải lụa màu xanh trời về Miếu Dưới. Con sông lúc này là một cô gái đang độ xuân tươi xinh đẹp, kiêu kì một chút, lẳng lơ một chút, phoir phoir gợi sắc gợi tình trước khi đổ sát Cửa Đình nên làng gọi là sông Cửa Đình. Con sông ấy đã ru hồn anh suốt những năm tháng ấu thơ. Chị phải kể cho anh nhiều về dòng sông, về những nỗi niềm thương nhớ bên sông, về hôm qua và về những gì đang diễn ra hôm nay. Cũng có những lần do say sưa kể chuyện và do mệt mỏi rồi chị ngã ra bên anh và thiếp đi. Giấc ngủ chìm đắm say sưa. Chị không biết gì cả, có những giấc mơ luôn luôn đến rồi ra đi bất chợt, bỗng chị thấy mình đang khóc, khóc trước thân hình anh tái nhợt và giờ tay lau mặt vừa khi choàng tỉnh. Có tiếng khóc thật. Tiếng

khóc của anh! Anh khóc trước sự mệt mỏi rã rời của chị. Anh thương chị! Anh muốn chết cho nhanh để chị đỡ vất vả. Nhưng anh không thể nói ra lời, không thể viết ra chữ, không thể làm gì được. Anh đau đớn và khóc! Chị vội vàng lau mặt cho anh. Chị vội vàng nói với anh thay cho lời ăn năn hối hận:

- Tôi hư đồn quá nhà nhỉ! Ai lại đang nói chuyện cho mình nghe thì lẩn ra ngủ. Đoảng đến thế là cùng!
- Rồi chị chuyển hướng câu chuyện cho không khí vui vui - Chiều nay tôi ra Ba Toà xem hồ cá của con. Vui lắm nhà ạ! Cái giống chim trắng thật hám ăn, mau lớn và ngu dần. Thả mỗi xuống câu một con, con thứ hai vẫn sẵn sàngớp lưỡi, con thứ ba, con thứ tư.... Chúng nó chẳng biết rút ra bài học của cái thằng mắc câu đi trước. Đến con cuối cùng trong hồ vẫn có thể chết vì thói hám ăn và ngu dốt như thế. Loài cá thì làm gì còn biết nghĩ nhà nhỉ!

Chị mỉm cười với lời kết luận của mình rồi tiếp:

- Ba hôm nữa làng đón danh hiệu làng văn hoá. Anh trưởng thôn bảo giá nhà khoẻ mạnh thì hay biết bao nhiêu. Nghe nói có cả đại biểu của sở văn hoá trên tỉnh cùng mấy phóng viên báo chí cùng về. Dường như họ có ý định đến thăm gia đình ta vì nhà trước đây là một cán bộ say sưa bậc nhất việc xóm việc làng. Họ tới thăm nhà đừng nghĩ nhiều đấy nhé. Lúc họ chào để chia tay mình đừng buồn. Và nhất là đừng có khóc. Mình cứ cười lên thì lần sau họ mới lại đến thăm lần nữa. Mình nghe tôi đấy nhớ!

Đứa cháu nội cứ thập thò ngoài cửa. Nó muốn vào với bà. Nó muốn vào với ông. Nhưng mà nó sợ. Bà nó bảo ông nội vì thương cháu quá nên không nói được, vì mãi nghĩ tới cháu nhiều quá nên chân tay không cử động được, vì lo toan cho gia đình thôn xóm nhiều quá nên đôi khi hay khóc. Nó không tin lời giảng giải của bà. Chứng cứ là ông Toàn bên hàng xóm cũng thương yêu cháu nội lắm nhưng vẫn nói được đầy chữ, ông lo toan công việc suốt ngày nhưng có thấy khóc đâu. Trung thu lại về. Cửa sổ bên giường mở rộng. Ông trăng tròn nhô lên dát vàng dát bạc trên những tàu chuối lóng lánh ướm ánh trăng. Và chị Hằng cũng thương tình ông nó hay sao mà nhòm vào tận trong giường lại còn phủ bóng xanh mát lên mặt ông. Nó chợt thấy ông hiền quá. Nó bỗng thương ông quá. Nó muốn lại gần nhưng mà vẫn còn hỗi. Bà mua mấy thứ đồ chơi cùng bánh gói trong giấy bóng xanh, đỏ, tím, vàng, để vào gần chỗ cái gối của ông và gọi:

- Cháu ơi, ngoan nào, vào đây ông cho quà!

Nó thập thò ngoài cửa:

- Quà của bà chứ?

Chị giải thích:

- Không phải! Quà của ông.

Nó cãi:

- Cháu vừa thấy bà đi mua về.

Chị vẫn kiên trì:

- Nhưng bà mua bằng tiền của ông.

Chị nhào ra và dường như hơi giận dữ thì phải

phát vào mông cháu, bẻ thốc nó vào trong nhà. Chị dần nó trên giường. Nó không tìm đồ chơi. Nó không quờ lấy bánh. Nó xoay người lại và cùng với trăng vuốt lên mặt ông. Phút giây ấy nào ai có thể ngờ, anh biết hết tất cả, xót thương và đau đớn làm anh quằn quại, anh gồng mình gắng sức cố bật ngòai dậy, như ngọn đèn dầu trước khi tắt, loé lên để rồi không bao giờ còn sáng được nữa. Khi đưa cháu hoảng sợ lùi ra và chị quay lại thì anh không còn thở được nữa. Khỏi nói nỗi đau đớn mệnh mông tới mức nào. Khỏi nói nỗi cô đơn thiếu vắng tới mức nào. Cái giường trống! Thảm ruộng! Lặng lẽ như một cái bóng. Thình không như sa mạc hoang vu. Làng Thị biến đâu như lặn chìm nơi chân trời góc biển. Rồi một ngày, ngày hôm sau nữa, ngày hôm sau nữa, nữa nữa nữa, hễ đưa con trai hay con dâu từ vùng về làng lại thấy mẹ chúng ngồi bên mép giường, khi ôm đưa cháu nội, khi không, mặt vẫn tươi hướng vào chiếc gối đặt ngay đầu giường, miệng vẫn cười vui và tiếng nói kể về những gì xảy ra ở làng, hôm qua, hôm nay, vẫn cứ triền miên tuôn chảy, như thời gian vẫn trôi, như cuộc sống vẫn tràn trề và thăm thẳm đến vô cùng vô tận.

Nhà sáng tác Nha Trang, 9-9-2003

LÝ BIÊN CƯƠNG



Họ và tên: **Lý Biên Cương**

Ngày tháng năm sinh: 1941

Quê quán: Hải Dương

Nghề nghiệp: Viết văn, viết báo

Địa chỉ hiện nay: Thành phố

Hạ Long - Quảng Ninh

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Đã in 30 tập sách gồm tiểu thuyết, truyện ngắn, tản văn, kịch bản phim truyện, thơ ở Trung ương và Quảng Ninh. Năm 2003, in *Lý Biên Cương tuyển tập truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết ; Phù du* (2004).

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng U.B.T.Q Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải thưởng chính thức truyện vừa Tạp chí Nhà văn 1998. Giải thưởng Báo Văn nghệ năm 1972 và 1975...

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Truyện ngắn vốn thuộc sở trường ngôi bút riêng tôi. *Người bán than rong* chỉ là một nhân vật trong số những con người tôi quan tâm hằng ngày. Cuộc sống nó vốn vậy, nhiều chiều, nhiều vẻ. Vượt lên mọi tai ương là chính phẩm chất thường có của những con người bình thường. Họ đang ở đâu, lúc này đây?

NGƯỜI BÁN THAN RONG

Không gì buồn phải đi chữa bệnh dài hạn xa nhà. Ở diệt bệnh viện không được, mùi thuốc men, mùi hôi hám, người ra, người vào ồn ào, ăn không đặng, ngủ chẳng xong. Đành đến trọ tạm nhà khách một cơ quan quen, cũng may, sáng chiều ra bệnh phòng nạp thuốc, trụ sở vắng ngắt, mình tha hồ tắm táp, đọc sách báo, mệt thì tự do ngủ. Tôi tạm quen với cái nếp sống bất đắc dĩ ấy mấy tháng liền, chong mắt hầu như suốt đêm nhìn lên trần nhà, hoặc giả mở cửa ra hiên ngó đường phố âm ào xe máy nối đuôi nhau vụt qua, lơ đãng nhìn mấy con thạch sùng tắc lưỡi dưới gốc cây sữa nồng nàn bữa hoa. Bên chiếc máy điều hoà nhiệt độ, tôi phát hiện một chú tò vò cần mẫn gây tổ, chú vọt qua cửa sổ như tia chớp nhẹ, loáng cái đã trở lại, miệng ngậm viên đất ướt bé xíu, lặng lẽ đắp bồi cho cái tổ to dần, một mình cặm cụi, chẳng cần ai biết, chẳng kể giờ giấc. Chú không hình dung việc làm nhỏ nhoi kia lọt vào mắt tôi, một người bệnh buồn bã vì quá rỗi, mượn chú ngắm xem dài dài, cốt khuây khoả nỗi cô quạnh, giết vội thì giờ.

Rồi tôi cũng quên khuấy chú, bởi quen thêm một người bạn mới, bắt đầu từ tiếng rao “Than ơ”. Phải, khoảng một hai giờ khuya, trong cái tĩnh lặng hiếm hoi của phố xá về đêm, tôi thường bị đánh thức bởi mấy tiếng “Than ơ” hụt hơi, vắng vắng nơi hè phố. Bao giờ nghe tiếng rao, tôi cũng vội vã ra mở cửa, từ tầng hai nhìn xuống đường đã thấy anh ta lộc cộc chiếc xe đạp chóc hết sơn, hai bên gác ba ga đầy lè hai sọt than tổ ong. Anh chàng bán than rong cho các quán xá, các hàng ăn đêm đang tắt bật lửa bếp kíp buổi sớm đón khách. Tôi vốn người vùng than, quanh năm sấp ngửa cùng than, đi đâu gặp được hình dáng màu sắc than là bập lầy luôn, âu cũng dễ hiểu cái thói quen cục bộ riêng mình. Anh ta chống một bên sọt xe xuống vệ đường, giọng “than ơ” tắc nghẽn, hai tay cuống quýt và khệ nệ bê từng chồng than vào các ngõ ngách gọi mua. Trong màn đêm lơ mờ sáng đèn, không rõ mặt anh, chỉ qua cái dáng lộm khộm, đủ hay con người này đang phải làm một việc quá vất vả, quá nặng nhọc, kiếm được đồng tiền đúng là đổ mồ hôi sôi nước mắt.

Một đêm kia, vừa thoảng mấy tiếng “than ơ”, tôi đã nghe giọng anh thất thanh “ối trời ơi”. Vội chạy xuống mở cửa, tôi hoảng hốt thấy anh nằm xoài giữa đường, chiếc xe đạp dè ngang người, than lăn võ lũng chồng. Loay hoay mãi tôi mới lôi được anh khỏi chiếc xe lũng bùng than sọt, dìu anh vào vỉa hè, đặt anh nằm gối lên chiếc ghế bà hàng nước gửi lại. Một anh

chàng quê mùa, quần áo lem luốc, mặt mũi bơ phờ hẳn thức đêm nhiều. Anh nhắn nhó: “Cảm ơn bác đã cứu em. Khổ, quần quật cả ngày mới được hơn chục ngàn bạc. Hai thằng chó ấy đâm thẳng xe máy vào người em, cướp đi chiếc túi có cái chứng minh thư cùng mấy đồng lẻ”. Thì ra anh bị trấn, bị bọn đều ăn đêm nặng nhẹ cái túi vải. Bọn mặt hạng thật, cướp của ai đi một nhẽ, cướp của anh bán than rong, mỗi viên than lơ lải mấy cắc, nước mẹ gì. Thương anh phều phào khóc, máu đọng thái dương, miệng ời ời kêu trời, tôi vỗ nhẹ bàn tay lên vai anh an ủi, còn người còn của, gọi xe xích lô chở gấp anh vào viện cuối đường. Vất người trong xe, anh còn ngoái đôi mắt hốc hác kêu: “Nhờ bác trông giúp cái xe thô. Nó là cả cơ ngơi làm ăn của nhà em đấy”.

Từ bấy, tôi và anh trở thành đôi bạn, đêm đêm hai đứa ý tứ chào nhau, tôi từ gác hai giờ tay vẩy vẩy và anh hí húi khuôn từng hòn than vào các bếp lửa. Chẳng biết giờ anh còn phải đạp xe những đâu, Hà Nội dạo này nở rộ các quán đêm, người ta cần than cho các bếp phở rong, các gánh bún sáo, các quán hầm bà làng món ăn nóng, xe than chịu khó rong ruổi thì đầy mấy cũng vơi dần. Vất vả, nhưng là một nghề kiếm cơm lương thiện, ai bây giờ chẳng phải dầm mặt đối chọi gắt gao trước kinh tế thị trường, khối người còn đầu tắt mặt tối đủ kiểu làm ăn khốn khó kia. Anh bảo: “Em thế cũng tương chán bác ạ. Mỗi ngày em thì được ngủ vài giờ sau bữa ăn trưa. Chiều sang bãi sông

Hồng mua than, vét than, tranh giành với bọn nhóc bờ đê, chui xuống các sà lan quét quáy, đội lên từng sảo than nhỏ. Rồi lặn ngụp đáy sông lấy bùn nhão than, đóng khuôn từng hòn tổ ong một. Mong trời nóng, than heo heo khô thì mới kịp nửa đêm cất lên xe thô giao tới từng quán. Bán xong than là trời sáng bạch, cái đói sôi réo âm âm, phải nhét một tảng bánh mì vào bụng mới tạm yên. Còn trời mưa thì...”

Tôi ở xứ than nên tôi hiểu nỗi cay nghiệt của bánh than mới đóng gặp mưa bất chợt. Bao nhiêu công sức đi toi, bao nhiêu mồ hôi nước mắt đổ xuống sông xuống biển hết. Những hòn than tổ ong từ khuôn ra tròn trĩnh, ngon mắt vậy, chỉ một chập mưa cơn, hoặc mưa sủi bong bóng là nhão nhoét tất, than cuốn đăng than, bùn trôi đăng bùn. Cái giống than vốn kỹ tính, than đóng tổ ong phải là than cám, được sàng mắt lưới thép cẩn thận, nếu lổn nhổn lẫn vào than hòn, than kíp lê thì tài thánh cũng không dồn khuôn nổi. Đóng xong than được nắng được gió thì tốt, chẳng may ông trời nổi cơn, giáng cho trận mưa phù phàng thì một ngày ròng vạt lộn coi như trắng tay, nhìn đồng than vữa trôi từng mảng chỉ thiếu nước khóc. Anh bạn tôi nói đúng, đánh bạn với cái nghề trần trụi sức lực, đổi từng bát mồ hôi kiếm mấy đồng bạc còm, tưởng an thân không ngờ cũng lắm gieo neo. Tranh cướp để có than đóng là một chuyện. Phơi phóng tránh mưa gió, tránh cả người cấp vật là chuyện khác. Đêm đêm còm côi giao than, đã mấy chủ quán trả tiền ngay

cho đâu. Chịu nhé, bữa nay không đắt hàng, bà chẳng còn mấy đồng đất túi. Dồn dăm bữa trả một thẻ không được à, không thì mời ông bốc lại than, bán cho hàng nào thì bán. Họ đánh đổ mình, hàng trăm viên than xếp đống bên bếp rồi, công lênh gần như suốt đêm rồi, bốc lại hoá có người đời. Thôi thì tặc lưỡi cho họ chịu, cho họ hành tội. Đã thế còn hoạnh hoẹ, chê bai dài lưỡi đủ kiểu. Nay, mấy chục hòn than bữa trước than ít bùn nhiều, đốt chẳng cháy gì sất, khói um cả lên. Nay, mày làm ăn điều toa vừa chứ, hòn than mỗi ngày một bé, bà là bà trừ dứt đuôi của mày mười hòn, muốn giăng sao thì giăng. Đừng cãi nhé, mang than đi chỗ khác mà bán nhé, xê ra vệ hè kia mà đứng, bán hết cả người ta rồi. Đại thể vậy, cậy mình có tiền, muốn tây đông gì chẳng được. Kiếm ra hòn than đủ cục, đem được nó tới nơi tiêu thụ trăm đường cục hơn, bao giờ đồng tiền nát đất chặt bên thắt lưng mới có thể tạm yên, cái chuyện đêm nợ bị cướp giật chỉ là hãn hữu. Hai anh em mời nhau chén trà khuya, tôi hỏi thông cảm:

- Vậy chớ anh sử dụng đồng tiền thế nào?

Anh xuýt xoa chén nước nóng lòng tay, rành rẽ từng lời:

- Thì vẫn như người đời vẫn dùng. Tiền ăn ngày hai bữa, mỗi bữa đúng ba đồng, ăn uống phung phí giờ chả gì mặc họ, mình chỉ cốt no cái bụng, dưa muối qua ngày. Tiền trọ, mỗi tối gọn lỏn một đồng, tháng chẵn ba chục, góc nhà trải gọn cái giát giường, trưa hạ

xuống ngã lưng, đem đi hàng lại dựng lên. Hà tặn hà tiện, cốt mỗi tháng dành dụm vài ba trăm....

- Gửi về quê à?

- Vâng, quê em nghèo, còn lam lũ lắm. Cô vợ em ngồi quán đầu làng bán thêm mẻ lạc mớ muối. Em có cô vợ và đứa con gái xinh ơi là xinh. Vợ em còn mỏng mày hay hạt, em đi xa thế này là lắm đứa mở cờ trong bụng, thừa dịp tán nhảm. Em thì em bơ đi, con người ta ăn ở cốt ở cái bụng tin nhau, ở dật nhà mà giữ chỉ có nước ăn cám. Con gái em sáu tuổi, đã sinh viên lớp một của xóm rồi.

- Anh gửi tiền làm vốn thêm cho mẹ con nó bán hàng?

- Đâu có, nói bác đừng cười, em xây nhà. Mỗi tháng một ít, dồn vào dựng móng, mua gạch, cuối năm em sẽ có một ngôi nhà khang trang, nhỏ thôi, đủ chỗ chui ra chui vào. Em bảo với nhà em chịu khó ngồi quán, tiền em gửi về lúc mua đá, lúc mua xi măng, năng nhặt chặt bị. Cả xóm lác mắt, đồn ầm em lên thủ đô làm việc gì rất dầm tiền, bới ra tiền. Cái thằng cùng đình như em xây nổi nhà tất đất nước mình đang mở mặt mở mày. Em nhờ chú em xóm bên trông coi họ lịch xây, chẳng mấy nhà sẽ dựng xong, bác tin không?

Tôi nhìn đôi lông mày anh bạc phéch nắng nôi, gật đầu tán đồng. Những người như anh tôi vẫn thường gặp, đông đúc khắp mọi nẻo đường. Một lớp

người học vẫn có thể không nhiều nhưng sức lực cùng ý chí sống không hề kém ai. Họ ra đi từ những làng quê lầy bùn, những mái nhà xiêu vẹo, chỉ hai bàn tay sây chai, đôi mắt dại dờ mờ sinh, họ lần mò ra phố phường làm đủ mọi việc kiếm sống, dành dụm tiền nong. Muốn tìm họ rất dễ, hoặc sáng sớm, hoặc khuya tối đến các điểm ngã ba ngã tư công cộng sẽ gặp họ túm năm tụm ba ngồi đứng đủ kiểu, đầu tóc cháy xém, chòm chup chiếc mũ cối, mũ lá ngả màu, động thấy ai đi xe máy tới là rào rào chạy đến như ong vỡ tổ: “Em đây, em móc cống, đổ cầu có nghề đây”. “Cháu phụ vữa cho ông tốt, giá rẻ, chỉ cần hai bữa cơm nuôi thôi”. “Bác cần chở gạch ngói đến đâu, em xin xung phong”. “Lặn sông vét bùn đổ vườn ư, xong ngay!” Giằng xé nhau, chửi bới nhau trước miếng mồi mỡ con. Đâu đã ổn, nhiều buổi ngồi trơ mắt ếch, ôm bụng đói vạt vạ vĩa hè, ghé đá, công viên, chờ mong mòn mỗi sáng trưa, chờ mong có người gọi ới hộ việc...

Anh bạn “than ơ” thoát sớm những ngày chợ người. Bà chủ trọ mách anh xuống các tàu than cập bến sông Hồng chịu khó giúp thủy thủ, họ sẽ cho vét than dưới đáy sàn tàu. Anh đánh trần hì hục thâu đêm, ngày nắng ngày mưa, ít nhiều hôm nào cũng đổ đồng những thúng than vụn bên vườn trọ. Rồi nháo than từng cối với bùn sông. Rồi đóng than thành bánh, thành hòn. Rồi kiếm chiếc xe tổng tộc nửa đêm chất than lên xe đi giao các bếp ăn ngang cùng ngõ hẻm. Quần quật suốt đêm, sáng về lại nhà trọ, tay

vân vê mấy đồng tiền cũ bọt, đồng nào cũng trơn nhẵn mỡ bắm (thì tay các mẹ quán rong chẳng ướt rượt mỡ suốt sao), anh nở nụ cười méo mó, mắt mơ tưởng tới ngôi nhà xây tít mãi miền quê, cùng cô vợ nổi tiếng xinh xắn, đẹp ngời ngời, ấy là theo lời anh khoe.

Quả cô vợ anh ta cũng khá xuân sắc, tôi đã gặp một lần. Trưa chủ nhật nọ, tôi đang rỗi rãi nằm khểnh, mắt cuốn hút vào còn tò vò bay đi bay lại gây tổ bên chiếc máy điều hoà thì có tiếng đập cửa. Tưởng ai, hoá anh, anh đi cùng một cô gái cùng tuổi, người quê nhưng mặt mũi sáng sủa, mắt đưa đẩy tinh nhanh, lông mày kẻ một vệt chì đen nhẹ. Anh cuống quýt: “Giới thiệu với bác đây là nhà em. Như đã nói với mình, bác đây là ân nhân, người cứu sống anh cái đêm bị cướp. Vợ chồng em đến thăm bác, cảm ơn tấm lòng cứu mạng bác dành cho em. Không có bác đêm ấy thì...” Cô vợ cúi đầu rất thấp chào tôi, liếc đôi mắt rất sắc quan sát khắp phòng: “Cũng là kiếp nợ nhờ thiên hạ, bác khác, nhà em khác, một trời một vực nhĩ. Chỗ bác thơm toàn mùi quả chín, mùi mỹ phẩm đắt tiền. Chỗ nhà em thì hôi nồng mùi cống rãnh lâu ngày, đủ thức rác bẩn chuột chết”. Anh chồng không hề bực tức những lời vợ thẳng đuột, ngược lại còn hồ hởi biết tôi đang chú ý đến vẻ đẹp hiếm hoi của vợ mình: “Báo cáo bác, căn nhà riêng chúng em đang lên tường. Nay mai xong có dịp em mời bác đến xông nhà trước”. Lúc này cô vợ đã ngồi xuống ghế bành, véo von đôi môi mọng đỏ như kẻ son: “Vâng, cũng nhờ anh ấy gửi tiền về,

dồn mỗi buổi một ít. Thợ giờ đang rồi, em thuê cũng rẻ. Em định cất luôn hai tầng, móng bê toàn đá, gạch đỏ xây hai mươi hai mươi, cầu thang đóng gỗ lát, được thề làm thẳng một lèo, câu dầm thì tốn lắm, sức đâu”. Rõ một người đàn bà xốc vác, đảm đương nhiều chuyện lớn. Làm nhà cũng là một chuyện lớn, tậu trâu lấy vợ làm nhà mà. Được một người vợ biết lo toan, cũng mát mặt trước bàn dân thiên hạ. Cô nàng xem ra hơi đành hanh, bắt nạt chồng. Những nhìn cái đuôi mắt lừ lừ của cô cùng cái dáng len lét của anh chồng mỗi khi nói lại nhìn nhanh vợ là đủ thấy.

Tôi hơi bồn thần lo cho anh, bởi một lý do khác. Đàn ông với nhau, cái đập vào tôi trước tiên là sức khỏe dư thừa của cô. Anh chồng lẻo khẻo vậy, chuyện chiếu giương hỏi được mấy đở? Lần gặp sau, tôi cợt nhả:

- Minh hỏi thật, vợ cậu đô con, cậu có đủ sức đáp ứng không?

Anh cười khùng khục, vô tư:

- Bác tinh thật đấy, con vợ em như hùm cái, nộp tô bao nhiêu cũng chẳng bở bèn. Minh thì hăng, đi xa về càng háo hức, muốn đánh tấp lự một quả cho sướng. Nhưng hần cáo già, biết đủ từng trận. Hần bắt em tắm gội thật sạch cho thơm tho con người. Hần bắt em còn vờn vuốt như mèo vờn, đủ thứ tội nọ, chẳng hiểu hần học các mảnh khoe ấy ở đâu. Em thì thâm kệ, mày muốn thì ông chiều, ông đánh cho mày cháy khét

thì thôi. Hấn tra: “Khoẻ thế thì ở ngoài ấy có lần mò con bớp nào không?”. Em mới xa xả: “Thế một mình ở nhà, mụ vẫn tìm đứa nào?”. Hấn nhơn nhơn: “Ngứa thì phải gãi, đàn ông bây giờ thiếu quái gì”.

Tôi lắc đầu:

- Vợ ăn nói với chồng thế không ổn.

Anh lại cười, nhe hàm răng đục lờ khói thuốc:

- Tính con vợ em vốn thích trêu người chồng, hấn muốn em cáu em ghen. Cáu thế nào được trước khuôn mặt hấn rạng rỡ, vàng cũng không mua được. Suốt đêm hai đứa rằm rập quần nhau, em thì mồ hôi túa táp, mặt bở hơi tai. Hấn vẫn cười nói như hoa: “Tôi mà bắt được ông đi đêm với con nào, tôi thiên cả hai đứa”. Đàn bà cũng lạ, suốt ngày quật quã con cái cơm nước hàng họ, đêm lại bị chồng keo một keo hai, vậy mà cứ hơn hơn. Thành thử một vài tuần, dù nắng dù mưa, em vẫn phải thì thụt về quê, trước là nộp tiền cho hấn mua vôi cát, sau nữa là nộp mình....

Húng chí, anh chàng thuật lại tôi nghe đủ thứ chuyện vợ chồng ái ân. Những nghe kể thì cô vợ anh quả cũng khiếp. Chồng về, quán xá dù đang đông khách mấy cũng bỏ, phải kéo chồng vào gian trong làm cái chuyện kia tấp lự, nhớ lắm rồi, ngấu ngiên lắm rồi. Tối tối, cái điệp khúc nọ lập tức diễn, con thức học mặc con, ai gọi cổng cũng điếc. Một người đàn bà nông nản đường chiều chắn, một con mái như mọi con

mái thế gian, có những ngày đòi hỏi con đức quyết liệt, không buông thả. Anh từng chết ngất trong vòng tay vợ rắn khỏe, từng bị mùi mồ hôi vợ dập dính khắp da thịt mình, từng ngỡ mình không còn nổi mình, mình sắp tan ra, sắp chết đến nơi, sắp rời rụng từng khớp xương một. Chao ôi là sức lực con mái đang đông sức, đang độ hồi xuân. Hình như nó chẳng cần để ý tới ai, chẳng cần thông cảm những gì, nó chỉ biết mỗi nó, tất cả phải dành cho nó, mọi thứ trên đời chỉ riêng nó hưởng. Mỗi bận về quê trở lại phố, anh chàng của tôi lê lết cái thân cò bộ, sáng sáng xiêu vẹo đạp xe than dọc đường, miệng “than ơ” phều phào, mất hết sức lực. Nhưng đôi con người sáng bóng niềm vui, thanh thần thừa gửi mọi người quen lạ, mồm miệng hân hoan, chỉ muốn giải bày, muốn khao khoang tất tậ, cả những trò hú hí riêng tư. Anh gãi đầu:

- Con vợ quý cái của em chỉ có hai điều hấn ham hố: một là tình tọt đêm đêm, hai là tiền. Bao nhiêu sức cho hấn cũng ít, bạc triệu tiêu loáng hết veo. Em vừa thích thú, vừa sợ hãi hấn. Mình thân hạc, thân cò, chiều hấn sao bên, thứ gì mình cũng thiếu, cũng phải cố.

- Cậu đúc được đứa con cũng giỏi đấy. Có con, tình nghĩa vợ chồng thêm sâu đậm, đứa con bao giờ cũng là cái cầu nối giữa hai người.

Anh chàng hồn nhiên:

- Thế ra em vẫn chưa nói để bác rõ à? Đứa bé ấy đâu phải con em, con riêng của nhà em đấy chứ. Hai đứa chúng em làm bạn với nhau, cô ấy đã có đứa bé ấy rồi. Mẹ con cô lang thang từ biên giới về, anh chồng bỏ rơi bám theo một ả buôn chuyến sang mãi đất bạn. Em mới bảo hấn: “Đằng ấy không chê tổ nghèo, tổ xấu xí thì về sống cùng tổ, méo mó có hơn không”. Em mới dựng cho hấn chiếc quán nhỏ đầu làng, hấn thơm tho thế, chân lấm tay bùn sao thối.

- Đàn ông như cậu kể cũng hiếm đấy!

- Bác quá khen, ai lâm vào hoàn cảnh em cũng phải xử sự thế. Em thì cỡ nhỏ, ba mấy tuổi đầu không mảnh tình vắt vai, học vấn không, tài năng chẳng có gì, tiền bạc chỉ biết trông vào hai bàn tay. Người ta vận hạn gặp cảnh éo le mới tá túc cửa nhà mình. Mình không đón tất người khác sẽ đón. Đàn bà nhan sắc như quả trời cho, không rụng vào bị kẻ này sẽ rơi xuống thúng đứa nọ. Em thương hấn lắm, bởi hấn đẹp. Các cụ bảo: “Cái nét đánh chết cái đẹp”. Đành rằng thế, nhưng cái đẹp vẫn rất đáng đề cao, cái đẹp giúp mình thêm gắn bó với cuộc sống. Nhớ vợ, bao giờ em cũng nhớ những nét riêng của vợ. Cái mắt ấy, lưng eo ấy, dóng chân như người mẫu, nốt ruồi bên mép duyên như diễn viên.

- Thế mới chết, mới bị hấn xỏ mũi. Làm lụng cật lực, hao tâm tổn sức, cuối cùng cậu được cái gì ở vợ hả?

Anh chàng đã ráo hoảnh:

- Được gì ở vợ ư, được cái đẹp! Em cục mịch thế này mà được vậy là nhất thế gian, oán thán nổi gì.

Tôi ngượng, biết mình lỗ lòi. Xưa nay mỹ nhân như danh tướng, đàn bà nhan sắc là một tài sản quý giá trời ban, vua cũng phải cúi rạp trước sắc đẹp cung phi, bao kẻ nam nhi từng dũng mãnh nơi chiến trận nhưng sẵn sàng bị cái duyên mỹ nữ trói gọn tù binh, chết sặc trong con mắt lúng liếng đưa đẩy, thân bại, danh liệt. Sử sách chép đầy chuyện oái oăm, ngỡ không có thật những mục cáo già khuynh đảo đàn ông, khuynh đảo xã tắc. Thượng đẳng còn thế, anh bạn tôi chỉ anh bán than quen, bị lôi cuốn vào con đường ái ân, si mê khờ khạo trước một người đàn bà sành sỏi đủ đường, kẻ cũng không lạ. Hình như tôi chưa đánh giá hết anh, hình như anh đúng. Anh vất kiệt đời mình cho một gia đình quả là lý chí. Ai trên đời bôn ba đông tây, tháng ngày giăng gió thì tất phải có lúc biết dừng, biết lo toan gây dựng cho mình một gia đình ổn thoả. Lãng thang mãi hỏi để làm gì. Giàu sang mấy cũng bằng vút đi, nếu không có một nơi mình gửi gắm, mình nhớ nhung, mình tin cậy. Mà cái đẹp bao giờ cũng đầy quyến rũ, đắm đuối, lôi kéo. Ở mặt này, anh suy nghĩ có phần hơn tôi, thanh thoát hơn, đạo hơn. Tôi thành kẻ chứng nhân cuộc đời anh lam lũ, những buổi trò chuyện không dứt mỗi khi giao hàng xong, những hể hả về tiến độ thi công ngôi nhà

hiện rõ từng ngày, những đồng tiền chất bộp đầu hôm chí sáng mới có. Tôi ngừng ngắm anh vuốt ve phẳng phiu những tờ bạc lẻ cũ rách, nhàu phếch mồ hôi, soi lên mắt dò tìm tiền giả, nâng niu bó gọn từng loại, chẵn trăm tờ một, mỗi bó buộc riêng một sợi nịt khác màu. Anh reo to:

- Cuối tháng gom được mấy trăm em sẽ gửi về cho mẹ đi mua ngôi. Lấy công làm lãi, đổ mồ hôi một tí, chịu đựng những thùng than ướt rượt giỏ xót dọc sống lưng, a ha, thế là có tiền. Em dựng nổi nhà thì hả vong linh thầy bu em quá, cả đời các cụ chỉ mong có một chỗ chui ra chui vào. Sắp cất xong nóc rồi, thầy bu ơi!

Anh thủ thỉ:

- Em gom góp cháo nóng húp quanh thế này là học cái tính ông cậu em để lại. Ở quê em, ngày xưa bao cấp, hợp tác xã quản lý đến từng cây tre vườn, lấy đâu vật liệu cất nhà. Vậy mà ông cậu em dựng nổi ngôi nhà tường gạch mái ngói, những ba gian thênh thang. Cả xã đều trố mắt, tắc miệng thán phục. Cỡ như ông cậu em làm gì có tiêu chuẩn cấp phiếu gạch ngói. Ông kiếm đâu ra những cửa quý hơn vàng kia? Ông moi ở đất, ở cỏ. Mỗi ngày ông rầy mầy bờ lúa phơi cỏ làm chất đốt. Mỗi ngày ông lặn hụp vè sông đóng từng hòn gạch thô. Ông đắp lỗ toen hoén ngay bờ ruộng, mỗi đợt vãi ba viên, khi gạch, khi ngói. Ông cứ thùng thẳng kiểu kiến tha mồi, có người qua ruộng

còn bīu môi: “Định cất nhà hay xây tiểu đấỵ”. Ông lặg lē không thēm bắt lời, đầu trần chân đất, suốt ngày phơi cở, đốt lò, khói um như hun chuộť, vợ con la chết cha chết mẹ. Đùng cái, ông mớć thợ miền ngược về động thổ. Mấy vạn viên gạch ám khói đen xỉn, công lênh hun nấu ròng rã hàng năm trời, hoá thành ngọc thành vàng. Bây giờ vật liệu xây dựng bán đầy rẫy khắp chợ vùng quê, có tiền khắć có tất, nói ra chuyện cũ hẵn chẳng mấy ai tin. Nhưng ngôi nhà ông cậu em lằm lũi khắć khoải vun vén mà có hiện vẫn đứng sừng sững giữa làng. Bác về quê em chơi, em sẽ đưa bác tận nơi, thực mục sở thị.

Anh chỉ từng hòn than dập dính mùn cửa đang phơi nắng ngổn ngang bờ sông vắng:

- Chiếć xe đạp cộc cách này thật sự có íćh, ngày nó lai than thường mấy chục cây số. Tiếng là bán than, nhưng mỗi bếp họ chỉ mua vài hòn một, người thành phố ở chậť, họ không có chỗ trữ than. Góc phố này mấy bếp, góc phố kia mấy bếp, đạp xe rạc cắg. Những nhà hàng lớn họ bỏ than từ lâu, họ đun ga, lửa phun dữ dội, nồi chảo sạch bóng. Chỉ mấy hàng còm vẫn cần than em. Đưa chậm, họ mắg xơi xơi. Đưa nhanh, họ kêu “hôm nay tao không cần, mang quán khác mà giao nhế, than của mầy bản ời là bản”. Than không bản ai gọi là than?

Anh vē vē thuốc lầo, nắm đấm lại, đặt viên thuốc chấm lửa đầu tay kia, đầu này kê miệng rít. Tài thật,

anh hút như không, da tay chịu lửa tấp xạm mà cảm bỏng rộp:

- Nghĩ đến cái ngày được duỗi thẳng chân giữa nhà, ngắm nhìn thoả thích con mắt, người em cứ bưng bưng. Nhà mình, nhật nhạch mỗi buổi một tí mà thành, sung sướng nào bằng. Cái thằng em, vợ đẹp con khôn, nhà cao cửa rộng, hoạ có nằm mơ. Cũng bỏ cất công bỏ quê tha phương, dần mặt kiếm ăn trước mọi tai bay vạ gió phố phường.

Tôi thật sự thần phục tâm chí anh chàng. Ngó bề ngoài, mấy ai ngờ một con người cần cỗi, da dẻ mốc thếch, mặt mũi đầy mụn trứng cá, suốt ngày chùm hụp chiếc mũ nan rách nát tua tủa, vậy mà đầu óc đầy ắp những dự định lớn lao. Anh chẳng coi mùi mễ gì cái vất vả một nắng hai sương, cái cực nhọc chui rúc hầm tàu vét than nháo than, cái tủi hổ trước những lời xua đuổi mấy mụ hàng quán.... Đêm đêm, anh vẫn gò lưng trần, đập xe than khắp ngã, mỗi khi qua cửa phòng tôi lại cất tiếng rao ngắn ngủi, như chào, như báo tin. Chính hình bóng ngôi nhà ngày một hiển diện, ngôi nhà đang có thực, ngôi nhà thuộc riêng anh đã thôi thúc anh vượt hết mọi gian nan kiếm sống, thân cô thế cô giữa chốn thị thành. Giả dụ không có tôi chịu trận nghe anh giải chuyện thì anh hẳn buồn biết bao. Anh sống một mình nhưng không muốn giấu mình, thích được phơi bày, được hàn huyên. Cũng là một tuýp người thời hiện tại, trụ một phía thấp nhất của

đời sống, trong lúc xã hội đang hùng hực cuốn băng mọi sinh lực, cuốn băng từng thời khắc nhỏ.

Nửa tháng nay anh bỗng mất biến.

Tôi đi ra đi vào, bụng thắc thỏm. Đã thấy nhớ, thấy vắng không đâu. Hay anh về quê, nhà xây xong, cô vợ nông nã chần gối không chịu thiếu bóng người đàn ông? Hay anh ốm, người quật quã nắng gió ấy, không ốm thì chó, ốm hẳn một sống mười chết? Nhưng anh trọ đâu, tôi nào biết. Quen hai ba giờ sáng tiếng anh rao than lọt qua cửa sổ. Quen rót chén trà nóng mời anh giảm bớt phút giây mệt nhọc. Thành thử vô tâm, quê quán không hỏi, tên tuổi chẳng vấn danh, bụng kêu anh “than ơ” như một cái tên. Mấy tuần nay, nửa khuya về sáng, phố xá như bùng nổ, như lên cơn sốt, như điên dại trước các trận bóng đá thế giới, máy truyền hình thi nhau mở, nhất là các quán hè đường, dân mình bị cơn cuồng phong trước mỗi trận đấu, tiếng reo “vào rồi” vang tới tận bờ hồ. Đã mất ngủ càng thêm mất ngủ, độ chừng ấy giờ, tôi mở cửa xuống đường, hoà cùng khối người đang chết lịm trước trái bóng. Anh bạn tôi đâu, giờ này của bóng đá, cũng giờ làm ăn riêng anh. Mọi ngày vắng vẻ anh không bỏ buổi nào, vẫn gò lưng đẩy xe than đi khắp. Giờ phố xá choang đèn, người người tấp nập, kẻ ăn kẻ uống tràn lan, hàng quán đổ xô ra mặt đường như nấm mọc, thiên hạ đang cần đồ lửa thì anh khuất mặt, than tổ ong anh đúc bán hết sạch ư? Hay anh giận vợ, mấy

hôm trước anh to nhỏ mách tôi cô vợ dạo này giở quẻ, nghe đâu thậm thụt theo giai, cặp bồ với anh chàng “chú em bên xóm” nhờ trông nom giám sát ngôi nhà xây dở. Tôi hơi ngạc nhiên thấy anh nói cái chuyện tày trời đó thản nhiên như chuyện ai, không phải chuyện mình. Tôi khuyên anh bình tĩnh, người đời vốn đổ kỵ, không thích ai hơn mình, anh thì nhà cửa đề huề, vợ con đom đàng, dễ có ít bị xít ra nhiều. Anh rành rọt:

- Nó bỏ em, tình tốt thằng ấy hay thằng khác, em không ngạc nhiên. Em chỉ thương nó, quấn vào em đúng khổ một đời, em thì trên răng dưới động mỗi cái cần ăng ten số. Nó thì đẹp thế....

Cái thằng, lúc nào cũng “đẹp, đẹp”, dễ mài ra mà ăn chắc?

Ngẫm kỹ, thấy quý thêm tấm lòng anh. Con người đã mấy ai chịu tôn vinh, chịu quên mình trước cái đẹp vốn dĩ được tạo hoá ban phát. Cái đẹp đâu thuộc riêng ai, dù dấy vợ mình. Nó là hương sắc kết tinh của đất trời, mặt của mặt, hoa của hoa. Nó có sức mạnh đầy bí ẩn, đầy trác hoạ, cũng đầy kiêu hãnh của kiếp người trăm luân.

Bụng nóng như lửa, tôi quyết tìm ra manh mối tin tức anh. Tốt hơn hết dò hỏi mấy bà bún phở đầu phố, mấy bà vẫn thường xuyên mua than, xảy chuyện gì họ chẳng thông tỏ. Thấy tôi hỏi, một bà quệt khăn tay lau mồ hôi, nói như gắt:

- Anh tìm nó làm gì, nó nợ anh hần?

Tôi chối vội vàng:

- Không, chỉ là chỗ quen thân, lâu lâu thấy vắng thì nhớ...

Bà nọ nhìn tôi chằm chằm:

- Bạn bè gì mà thằng bé về châu ông bà ông vãi từ tám hoánh cũng không rõ. Anh chưa biết nó mất thật rồi hả? Chúng tôi tiễn đưa nó đến tận đài hoàn vũ, mỗi người thấp nhớ nó một nén nhang. Khổ, đến cái tên thật nó cũng không có, chứng minh thư không, mọi loại giấy tờ không...

Tôi hoảng hốt:

- Cậu ấy bị sao, trời ơi!

- Máy thằng mất dạy đua xe, cái đêm trận đấu Vôn Cúp khai mạc. Cá độ được thua gì không rõ, dứt trận đấu, chúng rồ máy điên dại lao trên đường. Đúng lúc thằng bé gò cổ đạp xe than. Đứa đâm nó vỡ óc chết tại chỗ. Nó đập mặt xuống đường, cấp cứu đến viện nhưng không kịp, chả trời trăng được lấy nửa câu. Khám trong người tuyệt nhiên không một giấy tờ gì làm bằng. Công an người ta nhấn tìm thân nhân cũng chẳng ma nào tới nhận. Sống dầu đèn, chết kèn trống, chết mà im lìm một thân một mình như nó thật tội.

Anh bạn “than ơ”, tôi mất anh đích thực rồi. Cái điều vô lý nọ, ngỡ không thật, ngỡ cứ đùa. Không chỉ

một bà, mấy chủ quán gần cũng giăng giăng kể chuyện anh bị tử tử và đau lòng. Chẳng hay cô vợ mà anh luôn nức nở ngồi khoe bao giờ mới biết tin anh chết? Liệu cô có cuống lên, có gào gào khóc vĩnh biệt một con người từng trao xương, gửi thịt? Hay quá mãi mê say đắm đường tình, coi anh như kẻ qua đường, ngày đêm chỉ biết chúm mũi vô hồi vào những chuyện “giời ơi”.

Tôi bực cả chính mình, người hăng hăng. Chả còn thiết ngắm tìm những cụm hoa sữa thập thò ngay lề đường trước mặt, hương hoa cứ nồng ngát khó chịu. Chả còn thiết dõi theo đường bay chú tò vò gây tổ bên chiếc máy điều hoà gió, chú bay nhẹ như chiếc lông tơ, dừng dừng khuôn về từng mẩu đất dưới đôi cánh đen mờ màu than xỉn.

Đêm ấy, mấy lần tôi thức giấc, ngực bồng rất như bị tiếng rao “than ơ” đập mạnh. Hai bên phố thỉnh thoảng lại rộ lên “vào rồi”, tiếng thét của khối người đang cuống điên trước trái bóng, chắc chẳng ai biết có một anh chàng bán than rong trên đời vừa thiệt phận. Chẳng trách họ được, mỗi người một cảnh ngộ, cuộc sống ồn ã vẫn tiếp tục cuốn trôi. Trời oi quá, rạng sáng mới đổ mưa chẳng? Mưa nhanh đi, ào nước mạnh đi, mấy ngày nay nồng nực khó ngủ lắm rồi!



DŨNG HÀ

Họ và tên: **Phạm Điện**

Ngày tháng năm sinh: 15.8.1929

Quê quán: Hồng Phong, Vũ Thư, Thái Bình

Nghề nghiệp: Thiếu tướng quân đội - Hưu trí

Địa chỉ hiện nay: Lý Nam Đế, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Gió bắc* (1963), *Sao Mai* (1974), *Mảnh đất yêu thương* (1978), *Đường dài* (1987), *Cây số 42* (1996)...

Các giải thưởng văn học: Giải ba Tạp chí Văn nghệ Quân đội năm 1962 truyện ngắn *Trung Thành*. Tiểu thuyết *Sao Mai* được dịch toàn bộ ở Liên Xô năm 1986.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Các cô gái Việt Nam muốn lấy chồng nước ngoài, dù thế nào cũng cần phải có sự đồng cảm, dựa trên tình yêu chân chính, bình đẳng, hoàn toàn tôn trọng lẫn nhau thì mới có được hạnh phúc bền vững. Sự hấp dẫn, vô vấp thái quá đều đưa đến kết quả ngược lại.

HẠNH PHÚC Ở ĐÂY

Chiếc Volga lăn bánh ra khỏi sân ga Nội Bài. Nhìn vẻ mặt Lukin thoáng chút băng khuâng, tôi thầm đoán ra. Quả nhiên, Lukin quay sang hỏi tôi bằng tiếng Việt:

- Rất tiếc là không có cô Hoài Thu ở đây, chị Yên ạ.

Tôi nói:

- Hoài Thu có biết hôm nay cậu đến Hà Nội. Tôi rủ cô ấy cùng đi đón cậu, nhưng cô ấy bận không ra sân bay được, chiều cô ấy hẹn gặp cậu ở khách sạn.

Lukin trông rất đẹp trai, người cân đối, gương mặt đầy đặn phúc hậu và diêm dã.

- Tôi rất vui chị Yên ạ. Cảm ơn chị nhiều. Cũng là nhờ có ý kiến của chị và Thương (con gái tôi), tôi mới có thể đến đây hôm nay.

- Tôi cũng rất mong chuyến du lịch của cậu sang Việt Nam lần này sẽ thành công.

Chúng tôi cùng cười, ôn lại những kỷ niệm ở Sydney, nơi Lukin và vợ chồng đưa con gái tôi sinh sống.

Chả là năm ngoái, vợ chồng con Thương nhà tôi điện về mời đích danh tôi sang chơi. Vợ chồng nó đều sinh trưởng ở Hà Nội, hiện sống định cư ở Úc. Chúng nó mới có đứa con đầu lòng. Con Thương gọi điện về giục già mẹ sang ngay. Vợ chồng tôi chỉ có mỗi nó là phải sống xa nhà, đi làm ăn nơi đất khách quê người, lại đã mấy năm rồi, làm sao tôi không thương không nhớ, không giúp nó khi gặp khó khăn? Thế là tôi bay sang bên ấy, đảm nhận phần việc chính là nuôi dưỡng thằng cu con có tên khai sinh là Christopher Việt. Cái tên dài dòng nên tôi cứ gọi là thằng Tô Phở cho tiện. Hằng ngày vợ chồng nó đi làm, nhà chỉ có hai bà cháu. Chiều về, khu nhà lại đông vui nhộn nhịp. Bạn bè, hàng xóm sang chơi uống bia, đánh bài giải trí. Phần đông đều là người Hà Nội, nhưng có xen một số người Âu, Lukin ở trong số đó. Anh ta thuê căn nhà bên cạnh, ở chung với mấy người bạn Việt Nam cũng sống độc thân như anh. Những lúc đi làm về, Lukin thường sang chơi với vợ chồng con Thương và Tô Phở. Khi tâm sự về chuyện vợ con, Lukin thổ lộ tâm tư là cậu rất muốn lấy vợ là người Việt Nam.

Lukin cái tên nghe có vẻ Nga, là người Bungari, vốn là kỹ sư hoá, phiêu bạt sang Úc đã mười năm nhập quốc tịch Úc. Khác với nhiều người Âu khác, Lukin là người làm ăn chăm chỉ, tư cách đứng đắn, cư xử đúng mực. Vì không có vợ con nên Lukin tình nguyện làm hai ca trong một ngày. Nghe nói vì thế mà lương khá cao, tới mấy nghìn đô. Lại không rượu

chè, trai gái, nên hoà mình được với bạn bè người Việt. Lukin chơi thân với vợ chồng con Thương nhà tôi, vì thế cũng trở nên thân quen với tôi. Lukin gọi tôi là chị Yên bằng tiếng Việt rất sôi. Con Thương bảo tôi: “Mẹ ạ, Lukin nó rất muốn lấy vợ Việt Nam, con định giới thiệu nó với chị Hoài Thu, bạn con ở cơ quan cũ. Chị ấy cũng xinh, chưa lấy chồng, còn đang kén. Con muốn chị ấy sang đây cho có chị có em”. Tôi ngần ngại rồi bảo “Ai chứ cô ấy thì mẹ thấy được đấy”. Con Thương định là làm luôn. Nó gọi điện về nói chuyện với Hoài Thu, tỏ tình cảm, khoe con chán rồi bảo gửi cho nó chiếc ảnh nào đẹp nhất để làm kỉ niệm. Thu liền gửi thư và ảnh sang kèm theo bao nhiêu là cái hôn cho Tô Phổ. Con Thương đưa ảnh cho Lukin xem rồi hỏi có ưng cô này không? Lunkin cười híp mắt: “Đẹp, đẹp lắm, cô ấy bao nhiêu tuổi?” “Chị ấy hơn tôi hai tuổi”. Lukin trầm trồ: “Trẻ nhỉ, tôi bằng lòng lắm”. “Nhưng tôi có đủ tiêu chuẩn không?”. Thế là con Thương viết thư về cho Hoài Thu đặt vấn đề ra với những lời lẽ không bắt bẻ vào đâu được: “Chị cứ nhận lời mời của nó đi du lịch một chuyến, coi như sang chơi với chúng em, Lukin sẽ mua vé khứ hồi cho chị”. Thư của Lukin viết rất nắn nót bằng tiếng Anh, kèm theo một tấm ảnh 9 x 12 tuyệt đẹp “tôi sẽ rất hân hạnh được chị nhận lời mời sang đây như một chuyến du lịch. Tôi xin chịu mọi phí tổn”.....

Sau đấy là vài lần điện thoại. Tôi hỏi con Thương: “Chuyện đến đâu rồi?”. Nó bảo: “Anh chàng

Lukin thì mê lắm nhưng vợ Thu còn lừng chừng. Vợ ấy bảo “từ từ để tao nghĩ đã”. Con bảo: bà hâm lắm, cứ nhận lời mời du lịch đã, biết đâu sang đây bà lại muốn ở lại luôn. Bà ấy bảo: “con ranh !”.

Một lần tôi hỏi Lukin:

- Nói chuyện nghiêm chỉnh nhé, tại sao Lukin lại thích lấy vợ Việt Nam? Lại cứ phải là người Việt Nam? Tôi thấy những cô đầm cũng rất đẹp chứ?

Lukin nhún vai, xoè hai bàn tay ra:

- Nói thật với chị Yên, trước kia tôi cũng đã có một cô vợ. Nhưng nó lười, ăn tiêu hoang phí, lại nghiện rượu. Tôi bảo mãi nó không nghe. Ngày nào cũng cãi nhau. đành phải chia tay. Tôi ở đây, tôi thấy con gái Việt Nam rất tốt: rất xinh đẹp, thông minh, trẻ lâu lại chăm chỉ yêu chồng yêu con, tiết kiệm không chơi bời nhảy nhót. Tôi là người lao động, rất muốn được chung sống với những người vợ chăm chỉ thủy chung như thế.

Thấm thoát tôi sang Úc đã được một năm. Thành cu đã biết chạy. Sắp đến Tết, tôi nóng ruột quá đòi về, con Thương cố giữ nhưng tôi phải về tuy rằng thương nhớ thằng bé biết bao nhiêu. Hôm tôi ra sân bay, bạn bè tiễn đưa đông lắm. Máy mẹ con bà cháu đều khóc. Lukin chụp cho mấy bà cháu một lô ảnh. Về nhà, vợ chồng con cái sum họp, tôi vui trở lại, nhưng nhiều lúc cứ bồn thần vì nhớ thằng bé. Con Thương

gọi điện về, tôi hỏi: Thằng Tô Phở thế nào, có nhớ bà không?. Nó bảo: “Sáng hôm sau, nó thức dậy rồi đi tìm bà, vào cả toa lét gọi mãi”. Tôi bật khóc. Con Thương bảo: “Lukin muốn sang Hà Nội gặp chị Thu đấy”.

Khi chúng tôi vừa bước ra khỏi xe, một thiếu nữ ăn mặc bộ đồ đầm thêu hoa trang nhã, dáng vẻ kiêu sa, từ trong khách sạn bước ra với nụ cười thật duyên dáng:

- Cô ơi, cháu đã đến đây mười lăm phút rồi.

Tôi reo lên:

- Hoài Thu, cô đang lo cháu không đến.

Rồi tôi quay sang Lukin đang đứng sững, vẻ mặt ngỡ ngàng.

- Lukin có nhận ai đây không?

Nhưng Hoài Thu, với phong cách một nhân viên ngoại vụ thành thạo, đã tiến đến, chìa tay nói bằng tiếng Anh:

- Chào anh Lukin, tôi là Hoài Thu, bạn của Thương. Chúc mừng anh đã đến thăm Việt Nam, thăm thủ đô Hà Nội của chúng tôi.

Lukin cảm động thật sự. Đôi mắt anh chàng sáng long lanh. Anh vội vàng nắm bàn tay nhỏ nhắn một cách trân trọng:

- Chào cô Hoài Thu. Tôi rất hân hạnh được gặp cô ở đây. Cô có mạnh khỏe không?

Cô nàng bất ngờ cầm một bó hoa nhỏ đặt sẵn trên mặt tủ kính trong quầy hàng đưa cho Lukin, với nụ cười rất khả ái:

- Xin tặng anh.

Sau mấy phút làm thủ tục, nhân viên khách sạn đưa chúng tôi vào một căn phòng nhỏ, có gắn máy điều hoà. Hai chiếc giường đơn trải đệm trắng muốt nằm song song trong một góc. Nhìn chung căn phòng có vẻ sơ sài. Cô nhân viên khách sạn nói như phân trần:

- Khách sạn đã hết sạch phòng. Chỉ còn phòng này, rất mong quý khách thông cảm cho.

Lukin gạt đầu ra vẻ hài lòng. Như thế cũng phù hợp với tính cách xuề xòa của anh ta ở bên Úc. Tôi đưa mắt cho Hoài Thu ra ý hỏi: Thu nói ngay:

- Ở đây họ hứa hai ba ngày nữa sẽ giải phóng một phòng hạng một trên tầng hai, nhìn ra hồ. Lúc ấy anh sẽ thấy Hà Nội của chúng tôi đẹp như thế nào.

Tôi thấy ý định ban đầu của mình đã đạt. Lukin đã gặp cô nàng. Tốt hơn hết là lúc này để cho họ trò chuyện với nhau. Giữa hai người lại không còn cách biệt về ngôn ngữ. Hoài Thu nói tiếng Anh rất lưu loát thoả mái. Tôi nói:

- Lukin này, bây giờ cậu đã đến Hà Nội, là khách của gia đình. Lẽ ra tôi phải mời cậu về nghỉ ở nhà, nhưng nhà tôi lại cách đây những mười kilômét,

không tiện cho cậu nên nhờ Hoài Thu xếp cậu ở giữa trung tâm thủ đô. Cậu có thể dạo bộ quanh hồ. Chiều nay thích ăn gì, nhờ Hoài Thu gọi cho. Có nhiều món đặc sản Việt Nam đấy. Sáng mai tôi sẽ lên thăm cậu, ta sẽ bàn chương trình du lịch của cậu.

Tám giờ sáng hôm sau, tôi cùng hai đứa con đi xe máy lên thăm Lukin. Máy mẹ con đã phác ra một chương trình tham quan cho anh bạn Úc, những danh lam thắng cảnh, kể cả chùa Hương, sáng đi tối về, thẳng lớn nhà tôi nói:

- Con chắc mẹ sẽ rất nhàn. Đã có chị Thu tiếp khách hộ trong cả thời gian này.

Mới gõ mấy tiếng, cửa phòng đã bật mở. Lukin trong bộ quần áo thể thao trắng reo lên:

- Ô chào chị Yên. Chào hai bạn trẻ.

Sau phút chào hỏi giới thiệu các con, tôi hỏi thăm Lukin việc ăn ở, sức khỏe. Lukin trả lời mọi cái đều hài lòng, trừ căn phòng hơi tối và ẩm.

- Nhưng không sao, vì tiền thuê phòng cũng thấp hơn tầng trên mà. Vả lại chị Yên biết đấy, tôi sang đây với mục đích gì.

Tôi hỏi ngay vào điều chính yếu ấy:

- Câu chuyện với Hoài Thu vui vẻ chứ?

Trái với dự đoán của tôi, vẻ mặt Lukin trở nên hơi buồn:

- Chiều hôm qua, sau khi chị về mười lăm phút, cô Hoài Thu cũng về luôn.

Tôi ngạc nhiên:

- Sao lại thế? Hai người chưa nói chuyện gì với nhau à?

- Nói rồi. Trong cả mười lăm phút đó.

- Thế ra làm sao?

- Cô ấy từ chối lời cầu hôn của tôi.

Tôi sững sờ:

- Lại thế ư?

Vẻ mặt điềm đạm. Anh nói thông thả:

- Tôi đưa thư của Thương cho cô ấy. Cô ấy đọc rất kỹ, cười khúc khích, miệng nói “con ranh, con ranh”. Con ranh là gì hở chị Yên? Tôi trình bày nguyện vọng kết bạn của tôi, lòng ngưỡng mộ của tôi đối với cô ấy. Tôi nói rằng trước đây mới chỉ được nhìn qua ảnh, nay được hân hạnh gặp trực tiếp, sự ngưỡng mộ của tôi còn tăng lên gấp mấy. Nhưng tôi đã thất vọng. Cô ấy nói rất rõ ràng là chuyện ấy không thể thành được.

Tôi ngớ ra và cũng nhìn thấy vẻ ngạc nhiên của hai đứa trẻ. Tôi thật sự bối rối. Tôi càng biết rõ Hoài Thu vốn là một trong mấy đứa bạn thân nhất của con Thương nhà tôi hồi nó còn ở nhà. Thật lòng tôi rất

muốn họ tìm được tiếng nói chung. Thế mà... trong thoáng chốc, tôi nghĩ đến công sức, tổn phí cho một chuyến đi của Lukin, lại thêm trách con Thương đơn giản, chưa chi đã giục Lukin bay sang khi điều kiện còn chưa chín muồi. Biết nói với anh ta thế nào? Tôi đành cất lời an ủi chung chung.

- Cứ bình tĩnh Lukin ạ. Cứ kiên trì.

Lukin rút trong túi áo ra một cuốn sổ nhỏ, lật vài trang như dò tìm rồi nói với vẻ hết sức nghiêm chỉnh:

- Không lo chị Yên ạ. Hôm tôi về, có anh bạn giới thiệu tôi với cô em gái là bác sĩ ở Ninh Bình. Có địa chỉ đây. Đêm qua, tôi đã viết thư gửi kèm với thư của anh bạn, mời cô ấy lên đây chơi, và nhận quà. Tôi tin là một hai ngày nữa cô ấy sẽ đến.

Tôi giật mình nghĩ bụng: ra anh này không viễn vông đâu.

- Liệu cô ấy có lên không?

- Tôi nghĩ là thế nào cô ấy cũng lên. Nếu cô ấy không lên tôi sẽ tìm đến chỗ cô ấy. Anh cô ấy đã ghi rõ cho tôi địa chỉ và đường đi rồi.

Mấy mẹ con đưa mắt nhìn nhau. Thành lớn hỏi:

- Hôm nay anh có đi chơi không? Chúng em đưa đi.

Vẫn cái giọng điềm tĩnh:

- Tôi không có nhiều thì giờ các bạn trẻ ạ. Bây giờ tôi muốn được lên phố Phù Đổng Thiên Vương. Có người giới thiệu cho tôi một cô nữa ở phố ấy.

Lukin lật lật cuốn sổ tay, lấy ra một tấm ảnh rồi đưa cho tôi:

- Chị Yên xem cô này có đẹp không?

Tôi nhìn vào tấm ảnh: một thiếu nữ có khuôn mặt thanh tú, mặc bộ đồ đầm màu hoa cà, đội mũ rộng vành hơi lệch sang bên, sau lưng là một vườn hồng rực rỡ. Tôi càng ngạc nhiên:

- Cô nào vậy?

Lukin tủm tỉm:

Tôi phải phòng xa chị Yên ạ. Có một người quen khác bên ấy giới thiệu cho tôi. Có địa chỉ ghi sau tấm ảnh đấy. Bây giờ chúng ta hãy đi đến nơi ấy.

Tôi lật tấm ảnh đọc nhanh mấy chữ: "*Tô Hoàng Diệp, nghệ sĩ múa, Phù Đổng Thiên Vương*". Tôi trân trân nhìn Lukin nhăm nhính: đây là cô thứ ba. Lòng tôi bỗng tràn lên một nỗi hoài nghi về anh chàng.

- Cậu có muốn đi chùa Hương không?

- Đi chùa làm gì hở chị Yên? Tôi đề nghị chúng ta đến địa chỉ này. Không nên lãng phí thời gian mà.

Làm sao khác được? Đến thế này thì đành phải chiều ý anh ta thôi. Hai chiếc xe gắn máy lại vù vù

trên đường. Xe dừng lại trước một biệt thự nhỏ, xinh xắn, có cổng sắt, chuông điện và những giò phong lan rực hoa treo trên bao lơn. Một phút sau hồi chuông điện, một người đàn bà to béo, tóc tím bước ra. Tôi chào bà và nói:

- Thưa bác, có anh bạn người Âu bên chỗ bác Ích nhà ta sang du lịch Việt Nam, nhân tiện đến thăm gia đình.

Người đàn bà không lộ vẻ gì ngạc nhiên, lại niềm nở chìa tay mời chúng tôi vào nhà sau khi đã mở rộng cánh cửa, hướng vào trong, lên tiếng:

- Hoàng Điệp ơi, khách phương xa đã đến này.

Có tiếng trong vất như pha lê đáp lại “Con ra đây”. Tiếng giầy gỗ lộp cộp trên nền gạch hoa. Một cô gái xuất hiện. Tôi đánh giá rất nhanh “đẹp, cũng ngoài ba mươi”. Người đàn bà đã kịp rử tai cô gái điều gì. Lập tức thiếu phụ dang rộng hai tay khiến chiếc áo khoác mỏng màu xanh xoè ra như cánh bướm, đi nhanh về phía chúng tôi, miệng nở nụ cười mê hồn, cất tiếng trôi chảy bằng tiếng Anh:

- Ôi xin chào anh Lukin. Con gió nào đưa anh đến đây vậy. Em mới nhận được điện tối hôm qua và bây giờ anh đã đến rồi.

Cô nói tiếng Anh như gió nên cô con gái út sinh viên ngoại ngữ của tôi thành thất nghiệp. Cô tíu tít pha trà. Mẹ cô đã nhanh chóng bưng ra một khay trên

có mấy đĩa bánh ga tô, kẹo ngoại và một bao 555. Cô gái - thiếu phụ niềm nở mời khách, tự tay lấy nĩa xiên chiếc bánh ga tô rồi đưa cho Lukin, dáng vẻ rất “đằm”. Cô nói một mạch tay vung vẩy duyên dáng. Đại ý rằng cô đã được tu nghiệp tiếng Anh mấy năm ở Luân Đôn, đã từng học y khoa sau vì mê nghệ thuật nên trở thành diễn viên múa ba lê. Cô khen cuộc sống ở Châu Âu, nền văn minh của những nước cô đã đi qua như Anh, Pháp, Thụy Điển. Cô hỏi công việc, tuổi tác, lương bổng, hoàn cảnh gia đình thời gian chuyến du lịch sang Việt Nam, cùng những khó khăn Lukin gặp phải ở khách sạn. Tôi lặng lẽ quan sát hai người thấy rõ nỗi cảm mến của cô nàng và cả ánh mắt vui vẻ của Lukin, khác hẳn so với sáng nay.

Nàng thân mật nắm lấy cánh tay Lukin:

- Phải để em đưa anh đi chơi mới được. Em sẽ đưa anh đến những câu lạc bộ tuyệt vời, ở đấy có khiêu vũ, các món ăn Âu, Á chọn lọc. Chúng mình sẽ nhảy với nhau. Anh đồng ý không?

Rồi cô hỏi:

- Anh ở khách sạn không có phiên dịch thì chán chết. Hay là anh đến ở nhà em. Anh quen chú em bên ấy cũng tức là người nhà rồi. Em sẽ biểu diễn những món ăn đặc sản cho anh thưởng thức.

Tôi chỉ còn biết ngồi im nghe chuyện, muốn đứng lên lại ngại mình khiếm nhã.

Cuộc tiếp kiến kéo dài trong hơn một giờ. Tôi cảm thấy hai người đều hài lòng. Nhưng rồi Lukin cũng ý tứ đứng dậy.

Khi chúng tôi sửa soạn ra về, cô nàng Hoàng Diệp liền khoác tay Lukin vừa đi vừa nói liến thoắng. Rồi cô quay sang tôi, vồn vã:

- Lukin nói rất quý trọng chị và nhờ vào chị rất nhiều trong chuyến đi này. Thế nào em cũng đến thăm chị và nhờ chị giúp đỡ. Em rất thích sống ở bên ấy. Khí hậu hợp với em hơn.

Thấy Lukin ngồi lên sau xe thang lớn nhà tôi, cô nàng vội xua tay:

- Thôi thôi không phải phiền em nữa, để chị đưa Lukin về khách sạn cho. Nói chuyện với nhau rất tiện. Có khi chị đưa anh ấy đi chơi luôn, đến câu lạc bộ Quốc tế.

Thằng cu nhà tôi đang muốn chuồn, nghe thế liền vồ lấy:

- Hay quá. Em bàn giao cho chị đấy. Con đi đăng này mẹ ạ.

Nó vù luôn, loáng cái đã biến mất. Tôi thở phào. Thôi thì tùy. Để xem vấn đề sẽ ra sao?

Hoàng Diệp sửa soạn rất nhanh. Cô đã kịp trang điểm nên trông rất lộng lẫy. Chiếc áo giakét trắng như tuyết, chiếc quần bò tím bó sát cặp đùi tròn lẳn,

đôi giày mười hai phân, mái tóc uốn dài buông loà xoà, khiến cô càng yếu điệu hấp dẫn. Dắt chiếc DD màu đỏ chói ra, thấy Lukin còn lưỡng lự, cô bấm nút điện nổ máy, miệng giục:

- Lên xe đi Lukin.

Lukin có vẻ ngượng, ấp úng nói mấy câu với tôi rồi ngồi lên sau lưng Hoàng Diệp, hai tay vụng về bám lấy xe. Hoàng Diệp tăng ga nói:

- Cứ ôm lấy em cho chắc. Anh không quen ngồi xe máy đâu.

Con bé nhà tôi thận trọng lái xe qua ngã tư. Nó khúc khích:

- Tình yêu thời ... tin học đấy mẹ ạ.

*

Liên mấy hôm tôi bận công việc của cơ quan nên không đến thăm Lukin hàng ngày. Tuy thế lòng vẫn nhớ trách nhiệm của mình và lời căn dặn của con gái về chuyện Hoài Thu. Nhớ lại tâm sự của Lukin hồi tôi bên ấy: “Tôi muốn lấy vợ, chưa có chồng bao giờ thì càng tốt, tuổi ba mươi cũng được. Nếu đã ly dị rồi cũng được, miễn là hợp với tôi”. Tôi thâm điểm lại: Hoài Thu, ba hai tuổi, duyên dáng, kiêu sa, chưa chịu lấy ai có lẽ vì cô nàng quá tự tin. Thật ra, cô này tôi ưng nhất. Rồi đến cái danh sách “tự phát hiện” của Lukin: cô bác sĩ nào đó ở Ninh Bình mà tôi có cảm

giác là một câu chuyện khá viễn vông. Bây giờ, lại xuất hiện một ngôi sao: nàng Tô Hoàng Diệp. Cô này đẹp sắc sảo và ham lấy chồng Tây một cách lạ kỳ. Phong cách cô nàng rất “đằm”, cũng có thể vì thế mà hợp với Tây chẳng? Cô ngán những anh đàn ông Việt Nam vì lý do gì?

Tôi nhẩm tính thời gian nghỉ phép của Lukin chỉ còn mười ngày nên thấy không yên lòng. Chủ nhật đến, tôi lại cùng cô con gái lên Bờ Hồ với ý định rủ Lukin chiều nay đi ăn bánh tôm đặc sản Hồ Tây, vừa thưởng thức cảnh đẹp thủ đô, vừa tạo điều kiện thúc đẩy tình cảm của hai người. Lukin không ở nhà. Tôi quay ra quây tiếp tân. Cô nhân viên sau khi hỏi tên tôi cẩn thận rồi mới cho biết.

- Người khách ấy đi rồi. Trước khi đi anh ta có nhờ cháu một việc như sau: nếu có người nào tên là chị Yên đến thì nói cho biết tôi ở địa chỉ này, còn với người khác thì tuyệt đối không được nói.

- Mấy hôm nay cô có thấy ai đến thăm Lukin không?

- Có có. Hai ba cô gì đó. Cháu hỏi tên thấy không đúng nên nói là anh ta đi đâu không rõ.

Rồi cô tiếp viên đưa cho tôi mảnh giấy ghi tên khách sạn, số phòng, số điện thoại.

Tôi hơi hoang mang không hiểu sự tình gì đã xảy ra. Hai mẹ con phóng xe đến địa chỉ mới. Đến quảng vườn hoa Gandhi, bỗng nghe tiếng gọi rồi rít:

- Chị Yên, chị Yên.

Tôi nhìn thấy một cô gái đi xe máy ngược chiều vừa vượt qua vệt bảo con gái dừng xe tạt vào lề đường. Hoá ra là nàng Hoàng Diệp. Nàng vẫn diêm dúa nhưng dáng có vẻ bơ phờ, vội vã. Tôi hỏi vui:

- Nàng đi đâu mà đẹp thế?

- Ôi chị ơi, mấy hôm nay em mệt hết hơi, tìm Lukin khắp chốn. Đến khách sạn, họ bảo nó đi rồi. Chị có biết địa chỉ của nó không? Em rất cần được gặp chị. Hỏi mãi mới biết chỗ, tìm đến chị lại đi vắng, thành ra em cứ chạy rong khắp Hà Nội.

Tôi linh cảm có điều gì không bình thường đã xảy ra giữa cô nàng và Lukin. Không hiểu sao tôi trả lời trơn tru:

- Nào có biết. Tôi vừa đi đến đây.

Hoàng Diệp ân cần kéo tay tôi, quả quyết:

- May quá, em gặp được chị đây. Em có điều này muốn nói với chị. Chị em mình vào kia ngồi đi.

Chúng tôi ngồi trên chiếc ghế đá sát ven hồ. Con bé nhà tôi ý tứ đứng lên đi đến chỗ bọn trẻ con đang câu cá.

- Có gì cô cứ nói cho tôi nghe.

Không rào đón, Hoàng Diệp nắm tay tôi thân thiết, nói một mạch:

- Em rất yêu Lukin chị ạ. Em quyết tâm lấy nó. Em thấy em rất hợp với nó. Mà nó cũng có vẻ mê em. Đây là thời cơ có một chị ạ. Em biết Lukin rất quý chị, rất nghe chị. Em đề nghị chị hết lòng giúp đỡ em. Em sẽ không bao giờ quên ơn chị. Em mới ngoài ba mươi, so với nó thì còn trẻ chán. Nó bảo nó bốn mươi nhưng trông nó cũng rất trẻ và đẹp trai. Nó có công ăn việc làm chắc chắn, lương bổng đảm bảo đời sống. Mà không cần, cứ sang được đến nơi, em sẽ đi làm. Nghề của em cũng hái ra tiền. Hai đứa chung lại, sẽ rất đàng hoàng chị ạ.

- Lukin đối với cô thế nào?

- Nó chưa nói gì. Tính thẳng này có vẻ kín đáo lắm, nhưng cứ xem thái độ bên ngoài thì có vẻ nó cũng mê em. Em nói riêng với chị nhé - cô gái hạ giọng nói thâm vào tai tôi - chúng em đã hôn nhau rồi đấy. Triển vọng rất sáng sủa chị ạ.

- Nó có mười ngày nữa, làm gì được?

Tôi hỏi mà trong lòng thấy ngán ngẩm đối với cả hai vị này.

- Tổ chức cưới ngay chị ơi, phải hết sức tranh thủ, để lâu rách việc. Em có ông cậu làm ở uỷ ban quận. Em đã nói trước với ông ấy rồi. Ông ấy bảo: cứ chắc chắn đi, thủ tục giấy tờ thì không khó. Ôi, chị cố giúp em nhé. Chị nói nó nghe ngay. Em hứa là sẽ không quên ơn chị.

Cô nàng còn say sưa thuyết trình đến nửa giờ nữa rồi mới dùng dằng chia tay và còn hẹn gặp lại ở nhà tôi.

Nơi ở của Lukin khá khuất nẻo, thích hợp với những người muốn ở ẩn và.. ít tiền. Tôi bấm chuông. Tiếng Lukin vọng ra giọng ngái ngủ:

- Ô chị Yên, chị Yên, xin chờ một chút.

Cửa mở. Chúng tôi bước vào căn phòng nhỏ có máy điều hòa mát dịu. Lukin quần áo chỉnh tề, vẻ mặt tươi tắn.

Sau lời hỏi thăm sức khỏe, tôi hỏi:

- Tại sao cậu lại chuyển đi đột ngột thế?

Lukin lúc lắc đầu tùm tùm:

- Để khỏi bị quấy rầy chị Yên ạ.

- Ai quấy?

- Cái bà ấy.

- Cô hôm nọ ấy à? Người ta quý mến mình mới đến thăm chứ.

- Vâng đến thăm nhiều lần. Ngồi rất lâu. Rất khuya.

- Cậu sang đây tìm vợ kia mà?

- Nhưng tôi không thích bà ấy (cười). Cô Hoàng Diệp rất đẹp nhưng hơn tuổi tôi.

Tôi làm bộ câu kính hỏi:

- Sao biết kỹ thế?

- Tôi điều tra và xem được chứng minh thư. Với lại cái chính là tôi thấy cô ấy không giống như những cô gái Việt Nam ở Sydney như cô Hòa, cô Thanh, và Thương của chị.

Tôi không khỏi bật cười, ngắm cái anh chàng Tây cao lớn, đẹp trai, diêm đạm này. Hóa ra anh chàng cũng khôn ranh đáo để.

Tôi nói hơi gắt:

- Kén chọn vừa chứ. Thời gian của cậu còn có mấy ngày nữa thôi đấy. Tích cực tìm gặp Hoài Thu đi.

Lukin vẫn điềm nhiên:

- Không vội, không vội. Tôi được nghỉ hai mươi ngày. Có thể đến ngày thứ mười chín, tôi đạt kết quả cũng nên. Chị Yên cứ yên tâm.

- Mấy ngày qua cậu làm những gì?

- May quá, chuyển sang đây, tôi gặp cậu bạn đồng hương. Chúng tôi rủ nhau đi chơi bằng chân, bằng xích lô, xe máy ôm. Đã xem Cột cờ, bảo tàng Quân đội, đền Ngọc Sơn, Công viên Lênin. Cũng vui.

Tôi hỏi châm biếm:

- Thế cô bác sĩ ở Ninh Bình đâu rồi?

- Cô ấy có lên thăm tôi ở khách sạn cũ. Tôi đã chuyển quà của anh cô. Cô biết nói tiếng Anh khá khá. Cô rất nhiệt tình mời tôi đi cùng cô về thăm Ninh Bình. Tôi hứa sẽ đi nhưng tôi không đi nữa.

Tôi vẫn giữ giọng châm biếm hỏi:

- Sao không đi? Cậu có một danh sách dự bị đến nửa chục cô kia mà?

Lukin chìa hai bàn tay ra theo thói quen, tỏ ý thất vọng:

- Cô bác sĩ rất đẹp, lịch sự nhưng lại không có ý định lấy chồng Tây và sống ở nước ngoài.

Tôi thở dài, nghĩ đến cô nàng Hoài Thu.

Tôi ngỏ ý mời Lukin chiều nay đi Hồ Tây ăn bánh tôm với gia đình. Vì nhà tôi đi công tác trong Nam nên chỉ có ba mẹ con. Tôi hỏi ướm:

- Lukin muốn mời thêm cô bạn nào không? Tô Hoàng Điệp nhé?

- Tôi muốn mời cô Hoài Thu.

Tôi nghĩ bụng “Thằng này thế mà khôn”.

Bữa “chiều dã” của gia đình diễn ra trên tầng gác của nhà hàng bên Hồ Trúc Bạch. Tiết trời về chiều ấm áp, gió thổi dịu dặt khiến mặt hồ lặn sóng lẫn tẩn. Tôi giới thiệu cho Lukin mấy món gọi là đặc sản như: Bánh tôm Hồ Tây, ốc hấp, lươn tẩm bột, lươn om.

Lukin cầm đũa khá thành thạo, ăn hết những thứ tôi tiếp cho, luôn miệng khen ngon, nhưng kiên quyết gấp trả vào đĩa những miếng thịt gà béo ngậy. Đúng rồi. Ở bên ấy họ không ăn thịt gà như thế.

Tôi nhìn thấy Lukin luôn nhìn ra phía đường Thanh Niên, nhìn chăm chú từng chiếc xe máy có những thiếu nữ quần trắng áo dài đang lướt qua, ánh mắt bồn chồn.

- Tại sao đến bây giờ chưa thấy cô Hoài Thu đến chị Yên?

- Mình cũng đã điện cho cô ấy. Cô ấy nói đang bận túi bụi nhưng hứa sẽ cố gắng đến thẳng đây. Cô ấy còn gửi lời chào cậu nữa.

Câu nói khiến Lukin hớn hở hẳn lên. Anh ta gõ ngón tay xuống mặt bàn khe khẽ hát một câu gì đó. Tôi chú ý không nói lại với Lukin về cuộc trò chuyện của tôi với Hoài Thu. Thực ra nội dung câu chuyện khác hẳn. Vừa nhận ra tôi, Hoài Thu đã lên tiếng chào, hỏi về “người khách chưa mời đã đến”, rồi khoe luôn:

- Cháu mới có chuyện với cái Thương đêm qua. Nó gọi về nhà.

Tôi vội hỏi:

- Nó nói gì? Chắc lại chuyện ấy chứ?

- Cô ả hỏi cháu đã gặp Lukin chưa? Đã nhận lời chưa? Cháu nói với nó tâm tưởng của cháu - Hoài

Thu cười ngặt nghẽo - nó mắng cháu xoi xoi: bà hâm tĩ độ, làm sao bà lại nghĩ thế? Lukin là thằng đàn ông tốt nhất nước này đây. Tôi định ninh là bà sắp sang đây cho có chị có em, thế mà bà lại dở chứng ra thế? Cháu bảo: thì mày cũng phải từ từ cho tao nghĩ cái đã. Tao thấy trái tim tao chưa rung động. Nó hét: “Cứ nhận lời du lịch sang đây đã, rồi trái tim bà sẽ rung động sau”. Ồi giờ, nó huấn thị cháu một bữa no nê. Cháu phải nói thật với nó “hiện có một anh chàng đang theo tao, có học, mặt mũi chân tay nom cũng được, phải tội nghèo, tao còn đang cân nhắc”. Tôi bảo: cân nhắc vừa thôi con gái ạ. Cô thấy Lukin nó cũng chân thành!

Chúng tôi đang vừa nhăm nháp vừa trò chuyện thì bất ngờ một cô gái ào đến như cơn gió: nàng Tô Hoàng Diệp. Nàng thật lộng lẫy, gương mặt khả ái được trang điểm kỹ càng, chiếc áo choàng len rộng màu lá mạ và đôi ủng da gót rất cao. Không để ý đến vẻ lúng túng của chúng tôi, nàng sà vào chiếc ghế trống cạnh Lukin, bàn tay xinh xắn vỗ vỗ lên vai anh chàng, cười hồn nhiên nói như gió:

- Anh Lukin tẻ lắm nhé. Mấy ngày nay biến đi đâu để em tìm hết hơi.

Tôi phải đỡ lời đưa mắt cho Hoàng Diệp:

- Cũng vì cô mà tôi phải kéo Lukin ra đây đây.

- Ôi em rất cảm ơn chị.

Nói xong, nàng nhào người qua bàn, ghé môi hôn chụt vào má tôi rồi quay sang Lukin:

- Nào Lukin, ăn gì mời em với chứ?

Tôi gọi thêm món ăn. Bữa ăn kéo dài đến tám giờ tối mới xong. Chúng tôi đứng dậy. Lại chính nàng Hoàng Diệp chủ động phân công:

- Để em đưa Lukin về cho - quay sang tôi nói nhỏ - chị nhớ giúp em đẩy chị nhé.

Lukin phác một cử chỉ thoái thác, nhưng Hoàng Diệp đã thân mật khoác tay anh chàng:

- Chúng mình đến khách sạn Thăng Long. Em có con bạn làm ở đấy. Có sàn nhảy tuyệt lắm. Cứ yên tâm đi, rồi Diệp sẽ trả anh về tận phòng ngủ của anh.

Nàng cười ròn rã, kéo Lukin đi xuống cầu thang sau khi lại nháy mắt cho tôi một lần nữa.

Khoảng mười giờ đêm, tôi đến tắt đèn chuẩn bị đi ngủ, bỗng nghe tiếng xe máy ầm ầm vang động trước cửa nhà, tôi trở dậy nhìn qua khe cửa, thấy nhà mình sáng rực lên bởi ánh sáng của hai ngọn đèn pha chĩa vào. Có tiếng gọi hồi hả:

- Cô Yên ơi, cô Yên có nhà không?

Tôi lật đặt ra mở cửa. Tiếng máy nổ trộn với tiếng sửa gay gắt của con Jôn trong ánh đèn pha sáng bạch khiến tôi hoảng hồn, nghĩ đến một tai nạn có thể xảy ra: Thăng lớn nhà tôi đến lúc này chưa về.

Hóa ra là bà giám đốc cũ của cơ quan tôi. Bà đã nghỉ hưu và đang có khả năng trở thành thông gia với gia đình tôi. Bà hơn tôi mấy tuổi nên tôi vẫn coi bà như đàn chị.

Tôi chưa rót xong chén nước, bà đã hỏi ngay:

- Có phải cô đang làm mối cho một thằng tây sang đây kiếm vợ không?

Tôi ngạc nhiên:

- Có. Cậu này em quen từ hồi sang bên các cháu, là chỗ hàng xóm láng giềng với vợ chồng con Thương nhà em. Nó chỉ muốn lấy vợ Việt Nam nên vợ chồng nó bèn bố trí cho Lukin sang đây du lịch và nhờ em giúp đỡ giới thiệu.

- Đã giới thiệu ai chưa?

- Rồi. Con Thương giới thiệu cô bạn thân của nó ở cơ quan và cậu ta cũng tự tìm hiểu thêm...

Bà khoát tay ngắt lời tôi:

- Thật chẳng ai như cô... việc gì phải giới thiệu người ở đâu ở đâu. Tôi với cô không phải là chỗ người nhà à? Sao cô không trao đổi với tôi. Tôi có cô em đấy. Nó tên là Tích. Cù Thị Tích. Nó kén lắm, chỉ muốn lấy chồng nước ngoài.

- Thế à?

- Cô ấy chưa đến bốn mươi, trông trẻ lắm nhá. Biết nói tiếng Tây Ban Nha, có cửa hàng phở ở Tạ Hiền. Phở Kim Tích có tiếng nhất Hà Nội đấy.

Tôi nói dài bồi:

- Hoài của. Thế mà em không biết trước.

Bà đứng phắt dậy kéo tay tôi:

- Đi! tôi đưa cô đến nhà cô ấy, tôi giới thiệu cho cô biết. Cô sẽ ưng ngay cho mà xem.

- Vâng, thế để mai...

- Đi luôn bây giờ kéo mai lại rách việc. Tôi đem sẵn xe máy đây. Rồi sáng mai, cô giới thiệu ngay với thằng Tây. Cô mà giới thiệu thì thế nào mà nó chả nghe. Như thế, mình sẽ có một người nhà ở nước ngoài.

Tôi thấy nể quá trước nhiệt tình và thái độ cương quyết của bà. Vả lại tính tôi hay vị nể. Tôi lập cập mặc thêm áo ngoài, dẫn dò con bé rồi leo lên chiếc DD. Bảy giờ đã hơn 10 giờ đêm, đường phố đã thừa thớt. Hai xe máy bật đèn pha sáng quắc, nổ máy rầm rầm, lao trên đường phố Huế, phóng nhanh như bị ma đuổi.

Mãi đến mười hai giờ đêm, tôi mới về đến nhà, sau khi ăn một bát áp chảo đầy tú ụ ngoài kế hoạch do cô chủ đích thân trình diễn và tiếp thu cả một chương trình lớp lang môi giới do bà giám đốc cũ của tôi đạo diễn hướng dẫn. Bà giám đốc vừa ăn vừa bảo tôi.

- Cô có thấy đúng là phở ngon nhất Hà Nội không? Thằng Tây này mà lấy được cô ấy là nhà nó đại phúc. Nước nó làm gì có phở. Món áp chảo này là gia truyền nhà tôi đấy cô ạ. Cô hết sức giúp đỡ cho em nó nhé. Chỗ chị em mình với nhau, đi đâu mà thiệt.

Tôi cũng hăng lên, lấy cái quyết tâm của thủ trưởng cũ:

- Chị cứ yên tâm, được như thế thì còn gì bằng. Mai em sẽ đưa Lukin đến đây, làm như tình cờ đi ăn sáng. Cô em nhớ làm thật ngon nhé.

Cô chủ hàng phở “ngon nhất thủ đô” chúc chúc môi, phác ra một nụ cười kín đáo:

- Được như thế, em sẽ mời chị sang chơi đầu tiên.

Việc của bà giám đốc ủy thác tuy khẩn trương đến thế nhưng cũng phải để lại sau chuyến đi chùa Hương về. Tôi rủ thêm mấy cô cậu đi cùng Lukin. Anh chàng tỏ ra hào hứng, mê mải chụp rất nhiều ảnh ở khu vực chùa Thiên Trù, trên dòng suối Yến, nhưng ngại leo núi không chịu đi vào chùa trong.

Hai hôm sau, tôi đáp xích lô đi thật sớm, chưa đến tám giờ đã gõ cửa phòng Lukin. Chỉ thấy cửa đóng im ỉm. Lật đặt trở xuống hỏi bộ phận tiếp tân, được biết Lukin đi chơi hạnh phúc hai ngày nữa mới về. Nhẩm tính thấy thời gian lưu trú chỉ còn bốn hôm nữa, lòng tôi cũng bồn chồn, áy náy cho Lukin. Nửa tháng đã trôi vèo mà đến nay vẫn là con số không.

Hai ngày nay, buổi sáng, tôi và con gái tôi lại đến. Được biết anh chàng đã về. Một người khách Âu đứng chơi trước cửa chỉ tay về phía ngã tư đầu phố sột sắng:

- Lukin à? Nó đang uống cà phê ở cửa hàng Karaoke chỗ cái biển ấy.

Nói xong anh ta nháy mắt về ranh mãnh.

Tôi vội đi ngược lên tìm đúng quán hàng nhìn vào. Quả nhiên Lukin đang ngồi trước chiếc bàn nhỏ trong tận góc phòng, mắt chăm chú nhìn lên màn ảnh tivi cỡ 25 ỉnh, từ đó phát ra tiếng đàn lục huyền bập bùng, từng hàng chữ thay nhau nổi lên biến đi. Ngồi cạnh Lukin là một cô gái còn rất trẻ chỉ chừng hai hai hai ba mắt xanh mỏ đỏ, diêm dúa trong bộ váy áo màu hoa đào, tay cầm chiếc micro, hướng lên màn hình. Giọng cô nghe cũng khá hay:

Hôm qua tôi đến nhà em

Ra về mới biết bỏ quên cây đàn...

Hôm nay tôi đến tìm đàn...

Tôi dè dặt lên tiếng:

- Lukin, xin chào.

Lukin nhìn ra reo lên:

- Ô chị Yên, chị Yên...

Rồi với vẻ hơi thô bạo, Lukin đứng dậy đẩy cô gái đang nghiêng người tựa sát vào vai mình, toan

bước ra. Cô gái cũng ngừng hát, nắm lấy áo Lukin, nũng nịu:

- Anh đi đâu vậy? Không nghe em hát nữa à?

Dường như đoán được ý nghĩ của tôi, Lukin vừa bắt tay tôi vừa nói vội vã:

- Tôi hay đến đây uống cà phê buổi tối và nghe hát gặp cô này. Cô nói có người nhà bên ấy nhưng chưa có điều kiện đi thăm. Cô ấy nói là rất mến tôi.

Tôi châm chọc:

- Cậu tốt số thế. Sang Việt Nam mới mấy ngày đã khỏi cô mê. Tha hồ chọn nhé.

Lukin nhún vai, chìa hai bàn tay theo thói quen:

- Không biết thế nào. Cô ấy là con bà quán. Cô đến chơi mấy lần và kéo tôi sang đây cho kỳ được. Nhưng lại nhất định không cho tôi trả tiền. Cô ấy nói nhà cô có nhiều đôla muốn sống ở nước ngoài. Cô muốn cưới tôi, cho là cưới giả cũng được.

Tôi thấy hoang mang và trong lòng cũng hơi nản. Nhưng kịp nghĩ đến trách nhiệm với bà giám đốc cũ tôi lại áy náy. Khổ, tính tôi cả nể mà. Thì cứ đi xem. Tôi chặc lưỡi tự nhủ thế.

- Lukin, tôi mời cậu đi ăn sáng với tôi.

Lukin vui vẻ nhận lời ngay. Tôi gọi hai chiếc xích lô.

Thật hại cho cô nàng Kim Tích. Vì sai thời điểm hẹn nên khi chúng tôi dừng xe bước xuống đã chạm trán ngay với nàng trong bộ quần áo bà ba màu hoa cà nhàu nát, quần ống thấp ống cao... Nàng đang gất gồng cô bán gà, tóc tai bơ phờ không phấn son, trông ban ngày phải đến bốn năm. Nhìn thấy tôi, nàng ớ lên một tiếng “kìa chị”, kèm theo một nụ cười hết cỡ. Cha mẹ ơi, lúc ấy tôi mới nhìn thấy mấy chiếc răng cửa của nàng: nó vừa dài, vừa xấu. Thảo nào đêm trước, nàng chỉ chum chim cười nụ.

Tôi cố ý đã dậm đứng lâu lâu ngoài vỉa hè, chỉ trở giới thiệu cái phố ăn uống chật hẹp nhưng rất nổi tiếng với Lukin, cốt để cho nàng kịp sửa sang bộ mã. Quả nhiên nàng đã biến rất nhanh và năm phút sau hiện ra, khác hẳn đi trong chiếc váy áo màu cà phê sữa điểm những chấm tròn to màu trắng. Một mớ tóc xoăn, một đôi má phấn, một chút môi son và hai vệt chì đen trên đôi mắt hơi sâu.

Nàng đưa chúng tôi lên gác, ngồi bên chiếc bàn tròn trải vải hoa xanh trên có một bình hoa thực được vàng đỏ đã mãn khai bên cửa sổ, đón luồng gió xuân mát dịu thổi vào. Tôi giới thiệu với cô chủ hàng người khách nước ngoài và nói rằng anh ra rất muốn được thưởng thức phở Việt Nam, món ăn mà con Thương nhà tôi thường ra sức quảng cáo ở bên ấy. Rồi tôi giới thiệu nàng:

- Phở Kim Tích ngon nhất Hà Nội đây. Cậu được ăn một lần suốt đời không quên.

Cũng như mấy lần trước, Lukin lại tò mò hỏi tôi giải nghĩa hai chữ Kim Tích là gì? Tôi đã từng giải thích Hoài Thu là mong đợi mùa thu, Hoàng Diệp là con bướm vàng, nhưng hai chữ này thì tôi bí. Thì có được học chữ nho nào đâu. Tôi ú ớ vài giây rồi nói đại:

- Kim Tích: kim là vàng, tích là tích lũy, là dành dụm. Có nghĩa là dành dụm, tích lũy vàng. Đây cậu xem, cô này chưa lập gia đình mà có chí hướng như thế.

Lukin gật lấy gật để:

- Thế ra chị này cũng có quyết tâm làm giàu.

Đích thân nàng phục vụ bàn. Nàng sai bảo người làm đưa từ dưới nhà lên rồi tự tay sắp xếp mọi thứ: khăn bông ướp thơm để lau tay trước khi ăn, xà lát mắm ớt, hạt tiêu, hai lon bia Heineken, hai đôi đũa ngà, hai chiếc thìa sứ, hai bát nhỏ Giang Tây.

Tôi kéo ghế mời cho được cô nàng cùng ngồi. Thường ngày chắc là nàng linh lợi, sai phái người làm veo veo, lúc này ngượng nghịu ngồi xuống, hai bàn tay mập mập cứ xoắn mãi vào nhau, gò má tròn căng ửng hồng, đôi môi chúm chím, nhìn kỹ thấy cũng không phải là không có duyên. Chúng tôi vừa ăn thông thả vừa nói chuyện:

- Lukin, có đúng là ngon không?
- Ngon lắm. Thật tuyệt, chị Yên ạ. Cảm ơn chị.
- Tác giả là cô này đây.
- Cảm ơn. Rất cảm ơn chị.

Cô chủ quán đã trở nên mạnh dạn hơn:

- Ôi, em rất muốn được ra nước ngoài bán hàng phở. Ở bên ấy có nhiều người Việt Nam phải không anh? Có phải người Tây cũng rất thích phở Việt Nam phải không? Em mà được sang bên ấy, em làm hàng ăn, chồng con sẽ không phải làm gì, chỉ ngồi trông nom thôi.

Vừa nói, cô nàng vừa đưa cặp mắt nhìn anh chàng rất chăm chú. Trông Lukin lúc này giống như một con gà tồ.

- Nhưng phải có người bảo lãnh - Cô nàng nói tiếp về thăm dò.

Tôi thấy cũng phải đáp lại bữa ăn sáng thịnh soạn, một khi đã ăn xong phở ăn thêm chút bánh gatô, uống chút cà phê:

- Cô có kỹ thuật giỏi như thế này ra nước ngoài thì giàu lắm.

Má cô chủ quán đỏ lên:

- Thì trăm sự nhờ chị đây.

Khi chia tay, tôi có cảm giác cô chủ quán đã thật sự khiến cho Lukin phải chú ý đến mình.

*

Trở về khách sạn, chúng tôi ngồi trong phòng khách nói chuyện. Lukin trình trọng thông báo:

- Tôi hôm qua cô Hoài Thu đã nói chuyện với tôi.

- Tuyệt quá. Cô ấy gọi cho cậu à?

- Không. Tôi gọi cho cô ấy, nói rằng còn hai ngày nữa tôi phải về nước, muốn gặp cô ấy lần nữa. Cô ấy nói “sự chân tình của anh khiến tôi khó nghĩ quá”. Không hiểu là như thế nào.

Chính tôi cũng đang băn khoăn, nghĩ đến công sức của Lukin. Anh ta chân thành nhưng vẫn có cả sự khôn ngoan thực dụng. Tôi nghĩ đến thái độ hơi quá lạc quan và giản đơn của mình hồi ở bên ấy cùng với hy vọng của vợ chồng con Thương đối với chuyến đi của Lukin nhằm vào Hoài Thu.

- Ngày kia cậu phải về nước rồi. Tôi rất tiếc vì công việc chưa đầu vào đâu.

- Ô chị Yên đừng lo. Tôi kiên nhẫn.

- Cậu nên tập trung vào một đối tượng thôi. Mà cậu phải chủ động hơn nữa. Mình là đàn ông.

- Vâng vâng - Lukin mỉm cười hóm hỉnh.

Tôi đến bên máy điện thoại gọi cho Hoài Thu.

- Sáng ngày kia cô tiễn Lukin ra sân bay, Thu đi với cô nhé. Cứ chờ ở nhà. Xe đi qua, cô sẽ đón.

- Vâng, cháu sẽ cố thu xếp cùng đi với cô.

Cả ngày hôm sau, tôi bận bịu lên phố mua mấy thứ gửi cho con gái và để tặng.

Lukin, mãi đến trưa mới về đến nhà. Chẳng biết duyên nợ thế nào suốt từ trưa đến tối, tôi lại được lần lượt tiếp mấy vị khách không mời: nàng Tô Hoàng Diệp duyên dáng với chiếc Dream mới thay, bà giám đốc cũ và cô em Kim Tích. Bất ngờ nữa là cả cô gái Karaoke cũng tìm ra chỗ ở của tôi cũng thật tài. Có trời biết tại sao họ lại đề cao vai trò ảnh hưởng của tôi đối với Lukin như thế.

Dĩ nhiên tôi phải rất nhiệt tình hứa sẽ làm hết sức mình để giúp đỡ các nàng. Tôi cũng nói rằng ngày mai Lukin sẽ về nước nhưng chắc chắn sẽ lại sang nếu “bên đây đã có một bên hẹn”.

Sáng hôm sau, tôi và cô bé phiên dịch ở hàng xóm ôm bó hoa và những gói quà xếp lên chiếc Toyota, theo đường phố Huế đi lên, dừng lại trước nhà Hoài Thu ở Hàm Long. Bà chị cô đã đứng đợi sẵn:

- Em nó dặn lại nó lên đây trước tiễn khách rồi phải về làm việc. Em nó không được nghỉ.

Với nhạ cảm đàn bà, tôi bỗng khắp khởi mừng. Cô nàng đến trước nói chuyện riêng với Lukin, biết đâu chả có sự gì chuyển biến tốt.

Khi xe đỗ trước cửa khách sạn quả nhiên đã thấy Hoài Thu đang ngồi cùng Lukin trên chiếc divan trong phòng khách. Cô nàng mặc chiếc áo dài đỏ, thêu cành hoa trắng trên ngực, đi giày búp bê, trang điểm nền nã, kín đáo nên trông rất hấp dẫn.

Hai người đứng dậy vui vẻ chào. Tôi đưa bó hoa cho Lukin nói lời chúc anh lên đường may mắn, rồi hỏi luôn:

- Cô cậu đã tâm sự được nhiều với nhau rồi chứ?

Hoài Thu mỉm cười ý nhị:

- Sáng nay công ty cháu có khách nên phải đến sớm tiễn anh Lukin. Cháu rất tiếc cháu đã nói với anh ấy.

- Nói thế nào con gái?

Lukin đỡ lời và cô bé sinh viên thực tập của tôi nói theo:

- Hoài Thu nói với tôi rằng “hãy kiên nhẫn vì hôn nhân là việc hệ trọng của cả một đời người. Cần có thời gian”.

Hoài Thu chỉ mỉm cười, lắc mái tóc xõa xuống bên má, rồi xem đồng hồ tay.

- Bây giờ Thu phải về làm việc kéo muộn giờ. Chúc anh lên đường bình an. Nhớ chuyển cái thư của Thu cho Thương – Thu quay sang tôi – Con Thương nó lại lo cháu cho mà xem.

Đúng mười giờ, Lukin từ trên gác bước xuống với chiếc vali trên tay. Cậu chàng đã cạo râu cắt tóc gọn ghẽ, mặc chiếc quần bò xanh, chiếc sơ mi cộc tay in chim hoa sắc sỡ nên trông càng trẻ và đẹp trai.

Chiếc xe phóng nhanh êm ru. Còn cách sân bay chừng vài cây số xe chạy vượt qua một chiếc Dream, trên có một đôi trai gái. Lukin nhanh mắt nhìn ngang bỗng kêu lên:

- Chị Yên, cô Hoàng Diệp kìa.

Tôi nhìn ngoài lại qua tấm kính, nhìn rõ cô gái ngồi phía sau trẻ trung trong bộ đồ đầm màu xanh, đôi bít tất dài sắc sỡ bọc kín cặp đùi thon thả. Tôi thốt lên:

- Lukin nói cô ấy ra đây tiền ư?

- Không hiểu sao cô ấy lại biết chỗ tôi ở. Tôi qua cô ấy đến chỗ tôi. Cô nói thế nào cô cũng ra sân bay tiền để nói nốt câu chuyện. Tôi đã cảm ơn và nói dừng đi nữa vì trời lạnh. Nhưng... – Lukin lại xòe bàn tay ra, nhún vai.

Xe vào gân ga hàng không, đỗ dưới một lùm cây nhãn. Chúng tôi ra khỏi xe vào một kiốt bên cạnh. Ngồi chưa ấm chỗ tôi đã nhìn thấy nàng Hoàng Diệp đang đi vào nhà ga. Dáng đi hồi hã. Tôi gọi Lukin, trỏ tay ra hiệu. Anh chàng xua tay:

- Tôi không muốn gặp cô ấy, chị Yên ạ.

Tiếng loa bỗng vang lên nhắc nhở hành khách đi chuyển bay vào làm thủ tục.

Chúng tôi vội đi vào nhà ga. Lukin vừa đi vừa quan sát, ra hiệu cho tôi dừng để cho Hoàng Diệp nhìn thấy. Tôi không hiểu được ý nghĩ của anh ta.

Lukin xuất trình giấy tờ. Ký tên đóng dấu xong anh lại kéo chúng tôi đứng ra một góc khuất. Đúng lúc ấy, một chiếc Nissan từ ngoài lao vào đỗ xích trước thềm nhà. Một người đàn bà ăn mặc sang trọng lần lượt chui ra cùng một bó hoa lớn. Tôi lại ngăn người: Chính là bà giám đốc thủ trưởng cũ của tôi và nàng Kim Tích to béo, chủ hàng phở “nổi tiếng nhất thủ đô”.

Tôi bỗng nảy ra một ý định, liền chìa tay ra:

- Lukin, tạm biệt nhé. Chúc lên đường may mắn. Hẹn gặp lại ở Hà Nội. Tôi có công chuyện nên phải về gấp. Cậu vào đi, loa đang yêu cầu khách quốc tế vào trước đó.

Lukin thân thiết bắt tay tôi và cô bé phiên dịch và kéo sụp chiếc mũ vải lưới trai xuống tận mắt, lẩn nhanh vào đám đông đứng vây kín cửa vào. Tôi kéo cô bé đứng ra một góc khác nhưng vẫn nhìn rõ bóng dáng Lukin thấp thoáng trong đám người. Đúng vào lúc Lukin bước qua một nhân viên hải quan, thì gần như cùng một lúc mấy tiếng gọi khẩn cấp thất thanh vang lên: Lukin! Anh Lukin! Hai người phụ nữ giờ

cao bó hoa ra sức xô đẩy người xung quanh, hồi hả chạy vào. Nàng Kinh Tích vội dúm bó hoa vào tay Lukin một cách vụng về, giọng xúc động:

- Em ra tiễn anh đây. Về đến nhà, anh điện ngay cho em biết nhé.

Cô chủ quán phở vừa lách được thân hình mập mạp ra thì cổ Lukin đã bị hai cánh tay mềm mại của nàng Hoàng Diệp khép chặt cùng với lời thắm thiết:

- Em chờ thư anh đây. Mong gặp lại sớm nhất bên ấy nhé.

Rồi nàng kiễng chân đặt một nụ hôn trên má anh chàng.

Lukin lúng túng ôm mấy bó hoa, miệng lẩm bẩm câu gì nghe không rõ rồi biến nhanh vào trong gian nhà kính. Hai nàng quay ra, vẻ mặt ai cũng tươi tắn, hớn hở. Thật may. Họ không nhìn thấy cô cháu tôi.

Mãi một tháng sau, tôi mới nhận được thư của con Thương. Mở phong bì ra, tôi đọc ngay thư của Lukin sau tám bưư ảnh viết bằng tiếng Việt rất nắn nót:

Anh chị Yên thân mến!

"... Em rất biết ơn sự chăm sóc của chị Yên và gia đình trong những ngày thăm Hà Nội. Chỉ tiếc rằng mục đích chuyến đi lại chưa thành. Em mới hiểu rằng lấy vợ Việt Nam cũng không

phải đơn giản khi yêu người và được người yêu. Em hy vọng sẽ lại được sang Việt Nam lần nữa vào cuối năm nay hay đầu sang năm. Lần này em sẽ cẩn thận hơn. Cậu Chúa phù hộ đến ngày ấy cô Hoài Thu vẫn chưa lấy chồng...”

Đọc xong bức thư tôi ngồi bần thần rất lâu, ngẫm nghĩ lại sự đời. Bây giờ quan niệm về “chồng tây vợ Việt” đã thay đổi nhiều. Có bao nhiêu cặp vợ chồng như thế đã xuất hiện trên đường phố Hà Nội. Trông họ đều đẹp đẽ, sang trọng... nhưng họ có được hạnh phúc không? Cái gì thật sự làm nên hạnh phúc của họ? Những gương mặt lướt qua tôi: Lukin, Hoài Thu, Tô Hoàng Diệp, Kim Tích, cô gái Karaoke, bà giám đốc cũ... Bất giác tôi thở dài, chẳng biết nên buồn hay nên vui.

Ngoài kia ánh nắng đang rung rinh trên những chùm hoa giấy hai màu. Tôi cảm thấy một làn gió hơi nóng thổi vào. Bỗng nhớ ra bây giờ đã là cuối xuân. Năm nay nhuận hai tháng ba.

1994



NGUYỄN QUANG HÀ

Họ và tên: **Nguyễn Quang Hà**

Ngày tháng năm sinh: 15.1.1941

Quê quán: Quang Biễn, Quang Châu,
Việt Yên, Bắc Giang

Nghề nghiệp: Làm báo, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Phan Đình Phùng, Huế

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Tiểu thuyết: Kinh thánh mến yêu, Cuối tuần trắng mặt, Thời tôi mặc áo lính, Trái ngọt vườn cấm, Tiểu thư bị bùa mê, Sông dài như kiếm...*

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Một bà mẹ Việt Nam sống hiu hắt, đặt hai tấm ảnh của hai đứa con trai lên bàn thờ. Một tấm ảnh đứa con trai là lính nguy. Một tấm ảnh đứa con trai là lính giải phóng. Bà mẹ im lặng nhưng là một đau thương tận cùng sau cuộc chiến tranh.

Tôi là người lính đã qua chiến tranh rất thấu hiểu nỗi đau này. Hy vọng nỗi đau ấy không tái hiện trên đất nước này. Kẻ nào lãng quên, chà đạp lên những nỗi đau của chiến tranh là những kẻ táng tận lương tâm.

HOÀNG Ở ĐÂU BÂY GIỜ?

Lũ bạn bè thích tụ tập nhậu nhẹt thường ở cái tuổi trên dưới ba chục. Khi đã ngà ngà thì khua chân múa tay, chẳng coi trời đất ra gì. Huynh cũng bị cuốn vào dòng lũ ấy. Anh thích cái cảm giác ồn ào, thích cái ngây ngất lâng lâng, như bay, như lượn cùng đồng trang, đồng lứa.

Cuộc rượu tối thứ bảy này thật âm ỉ. Các đĩa mồi chỉ còn lựa thưa. Rượu trắng còn nhiều. Một can đầu. Rượu cứ rót ra chén. Cụng ly. Rồi uống. Uống như quán tính. Như nhu cầu của kẻ ngà ngà. Có đứa tự hát nghêu ngao một mình. Có đứa cầm đĩa gõ bát lanh canh. Có đứa nằm gục bên mâm. Lũ cứng rượu thì uống, thì thi nhau nói. Gạt tay nhau để nói. Nói bằng được.

Câu chuyện như súng máy chuyển làn từ khi ai đó khen cái nhẫn trên tay Hoàng đẹp. Được khen, Hoàng sướng. Chẳng hề giữ miệng giữ mồm. Cứ giơ cái nhẫn lên khoe bô bô:

- Tau dẫn trung đội đi phục kích. Trúng ổ. Lũ Việt cộng thua, công nhau chạy re vô rừng. Chúng bỏ lại một cánh tay trái. Ngón tay đeo nhẫn của cánh tay ấy có chiếc nhẫn này. Mặt nhẫn khắc hai chữ H, N lồng vào nhau. Đúng là trời cho. H là Hoàng, tau đây. N là Nhã, vợ tau. Chiếc nhẫn trở thành kỷ niệm một chiến công và là kỷ niệm một mối tình. Phải không, tui bây? Uống đi, trăm phần trăm.

Hoàng cười hể hả.

Còn Huỳnh, câu chuyện làm cho cơn say đang bông bênh trong anh bỗng trôi đầu mất. Huỳnh hỏi:

- Chữ H viết in. Chữ N viết hoa. Phải không?

Hoàng giơ ngón tay đeo nhẫn lên trời:

- H, tên đàn ông cứng cỏi. N, tên đàn bà, à không, tên phái đẹp phải mềm mại mà.

Huỳnh hỏi tiếp:

- Chiếc nhẫn bằng đuyara phải không?

- Mắt trinh sát có khác, thoáng cái là biết liền.

- Sao lâu nay không thấy mày đeo?

- Con Nhã nó giành. Bọn tau hẹn nhau, luân phiên. Một tháng đứa này, một tháng đứa kia. Nhã bảo đeo nhẫn này hên, buôn bán được, nên giành đeo miết. Khi hôm nàng mới chịu chia hên cho tau ít ngày.

Giọng Huỳnh chợt đục mờ:

- Mày coi dưới chân hai chữ lồng cho nhau ấy có ba chấm nhỏ không?

Hoàng chột ngó người:

- Trúng rồi. Có ba chấm nhỏ nì.

Mắt Huỳnh như đóng đinh vào khuôn mặt của Hoàng. Giọng anh đành lại:

- Trận phục kích mày lập nên chiến công ở Khe Dứa, phía dưới xóm ga Hương Thủy, phải không?

Hoàng chột cảm nhận ra điều gì đó không bình thường ở những chứng cứ đúng từng chi tiết. Lưỡi Hoàng như ngán lại:

- Ờ... ờ... ơ Khe Dứa.

Huỳnh vụt đứng dậy, hai mắt như hai ngọn lửa:

- Trời ơi! Chính mày đã giết thẳng bạn thân nhất của đời tau.

Như bản năng, Huỳnh sục tay xuống dây lưng tìm súng. Mặc dù vẫn chỉ tay không, nhưng hành động ấy không qua được mắt bạn bè. Cả đám tỉnh hẳn rượu. Chuyện rượu chè đã thành chuyện khác rồi. Một nhóm vây quanh giữ chân Huỳnh. Một nhóm đẩy Hoàng ra cửa. Nỗi hốt hoảng phủ lên mắt Hoàng. Hoàng biến vào trong bóng đêm.

Huỳnh là sĩ quan quân khí tỉnh đội Quảng Đà. Anh trong đoàn năm người ra Mường Noòng trực

tiếp nhập một loại vũ khí đặc biệt cho chiến trường Đà Nẵng. Trên đường đi, Huynh bị sốt rét phải nằm lại ở bản Atin. Bản sơ tán, dăm nóc nhà nằm chìm dưới tán cây xanh. Huynh chỉ kịp buộc võng bạt lên cột nhà, anh đổ người xuống đó, hắt nửa võng đắp kín người, bắt đầu mê man.

Nhóm biệt động của Hiền đi tập huấn trên quân khu về qua, gặp bà con Cà tu đón đường báo tin: “Có bộ đội đau hung. Nó không ăn, không uống, không nói. Nó sắp chết rồi”. Hiền hỏi: “Nó ở mô?”. Đáp: “Để mình đưa”. Bọn Hiền kéo tới, lật võng đắp. Gọi, Huynh không biết gì nữa. Người nóng như lửa. Con rét run đã chuyển sang co giật. Hiền kêu lên: “Sốt ác tính rồi. Phải đưa đi ngay”.

Là lính thâm niên ở chiến trường, họ biết phải làm những gì trong tình huống này. Dồn được chặt, cáng được buộc. Chỉ ít phút sau, bọn Hiền bốn người thay nhau lợi khe, vượt đèo cáng Huynh đến trạm xá Tiền phương cánh Nam Thừa Thiên, lính quen gọi là trạm xá Nam. Vừa nhìn thấy Huynh, người y sĩ trực tiêm thẳng hai ống ký ninh vào mạch máu anh.

Con sốt ác tính như dòng lũ bị chặn lại. Nhưng phải ba ngày sau Huynh mới mơ mơ màng màng mở mắt.

- Đây là đâu bác sĩ? – Huynh hỏi cô y tá.

Cô y tá mừng cuống, quay về phía suối gọi lớn:

- Anh Hiến ơi, anh Huynh tỉnh rồi! – Cô cúi xuống gần mặt Huynh vui vẻ – Số anh còn hên lắm. Không gặp anh Hiến thì anh chết ở Atin rồi.

Hiến chạy xộc vào. Bàn tay yếu ớt của Huynh nắm lấy tay Hiến. Cô y tá nói:

- Đây là anh Hiến. Một trong bốn người khiêng anh từ Atin tới đây. Ba người kia anh Hiến đã cho trở lại đồng bằng. Một mình anh ấy ở lại chăm sóc anh thôi.

Huynh lắc lắc tay Hiến.

- Biết nói gì với Hiến đây?

- Nói chi – Hiến lắc đầu – Bọn lính chúng mình, đưa ni cần đưa tê, đưa tê cần đưa khác, cứ xoay vòng cả đời mà.

Chỉ khác sự cần đời thường của lính là Huynh, Hiến đến với nhau như duyên trời. Gặp dính ngay, không rời nhau ra nữa. Giống như sự đan dít từ tiền kiếp của cặp tình nhân vậy. Khởi sự nơi Hiến là trách nhiệm người lính với nhau. Khi biết Huynh từ Đà Nẵng ra, không có bạn bè ở Thừa Thiên, thương Huynh cô đơn, Hiến ở lại nuôi anh. Để giữ bí mật nơi trú quân không được nổ súng thì Hiến bắn sóc, bắn chim bằng ná cao su. Đêm, lần mò sang tận khe suối bên kia núi câu cá chèn. Hết nấu canh măng, canh chua, canh nấm, Hiến xoay đủ mọi cách nướng cá,

miễn sao Huynh ăn ngon miệng, ăn nhiều là Hiền thấy vui rồi.

Một đằng là tình chiến hữu. Một phía là nghĩa ân nhân. Hai người càng sống với nhau càng ý hợp, tâm đầu. Chẳng có chuyện gì mà cứ thủ thủ với nhau, thù thù với nhau suốt đêm, suốt ngày không chán. Cuối cùng hai người kết nghĩa anh em. Huynh hơn hai tuổi làm anh. Trong buổi kết nghĩa, Hiền chỉ chiếc nhẫn trên tay Huynh đề nghị:

- Anh tặng em chiếc nhẫn ni nghe. Vừa là kỷ niệm tình huynh đệ chốn rừng thiêng, vừa... anh biết không, vợ em tên Nhân. Hai chữ lồng vào nhau ấy là tên hai vợ chồng em. Đeo chiếc nhẫn ấy chắc Nhân thương em lắm. Giờ ngón tay đeo nhẫn lên nhìn. Hai chữ H, N xoắn xuýt nhau. Huynh bỗng nhớ Nụ nôn nao. Nhớ chiều ấy đài phát thanh tỉnh Hà Bắc đưa tin về một cô gái mười tám tuổi. Cô đi học lớp tháo bom nổ chậm cấp tốc. Mãn khoá, trên đường về gặp năm tốp máy bay Mỹ lao tới thả bom. Có một quả bom nổ chậm nằm chình ình trên đường. Mọi người dạt đi như bèo gặp gió, tránh quả bom không biết sẽ nổ bất kỳ lúc nào. Cô gái ấy một mình vụt tới, ngồi trên đỉnh quả bom nổ chậm, rồi hý hoáy một mình tháo gỡ. Cô gái phá bom nổ chậm ấy là Nguyễn Thị Nụ. Huynh không ngờ người có tên Nụ đó lại chính là Nụ của anh. Huynh hăm hở đạp xe về tìm Nụ. Khi hai bàn tay em nằm gọn trong tay Huynh, anh vẫn

nửa tin, nửa ngờ, khe khẽ bóp nhẹ hai bàn tay ấm mềm của Nụ, vẫn ấm mềm, dịu dàng tha thiết như mọi lần. Và rồi cũng hai bàn tay này đã lấy một chi tiết nào đó của bộ phận trái bom đã bị em tách rời ra, bí mật, âm thầm mài dũa, chạm khắc làm nên chiếc nhẫn này.

Ngày cuối cùng ở quê hương trước khi chia tay vào Nam chiến đấu, Huynh đeo em đạp lững thững suốt dọc con sông máng quê hương, thước đường nào cũng đầy kỷ niệm của hai người. Tối, họ không về nhà. Dẫn nhau lên đồi bạch đàn, vắt chiếc xe đạp nằm một mình, hai đứa bẻ lá bạch đàn thơm phức trải ra làm chiếu. Họ cứ nằm ôm nhau trong mùi thơm bạch đàn. Mãi rất lâu, rất khuya. Nụ cầm tay anh đặt lên ngực mình, em nói:

- Anh xem. Em của anh còn thơm tho biết bao. Em yêu anh. Em là của anh tất cả. Em có thể cho anh hết không hề tiếc nuối gì, mối tình đầu của em ạ. Song làm thế, em sợ rằng một lúc nào đó, anh có thể nghĩ em đã dễ dãi với anh cũng có thể sẽ dễ dãi với người khác. Em không muốn có một giây phút nào anh nghĩ không tốt về em. Vì vậy em phải nén lại. Giữ cho người yêu của anh thật trắng trong, thật tinh khiết cho tới ngày anh trở về, hai đứa mình cưới nhau. Được không? Bằng lòng thì gật đầu đi. Nào, Huynh?

Huynh cảm thấy rõ thân hình Nụ nóng bỏng trong vòng tay anh. Việc ấy, lời ấy, Huynh cảm nhận

tình yêu ở em thiêng liêng xiết bao. Anh đã gạt đầu. Nụ miết môi em trên môi anh một cơn lốc quay cuồng.

Mãi tới lúc bình minh, Nụ mới trao cho Huỳnh chiếc nhẫn.

- Đẹp không?

- Đẹp lắm.

- Chỉ giỏi nịnh thôi. Ba chấm này là gì, biết không? Không à. Dốt thế! Em chỉ chờ ba năm thôi đây. Không về, đừng trách...

Vậy mà từ bấy đến nay đã bảy năm. Bảy năm Nụ vẫn chờ. Giá Nụ biết Huỳnh vừa suýt chết, chắc Nụ hoảng hồn.

Dòng ký ức của Huỳnh chợt dứt khi Hiến hỏi:

- Anh nghĩ chi mà đắm chiêu rứa?

Huỳnh kéo Hiến ngồi sát bên mình, anh kể chuyện Nụ cho Hiến nghe, rồi tháo nhẫn lồng vào ngón tay Hiến:

- Mình đã hỏi Nụ. Nụ đã nhất trí trao chiếc nhẫn này cho Hiến.

- Xạo.

- Thật mà. Nụ ở trong tâm tưởng mình, nên mình hỏi. Nụ trả lời liền.

- Em sẽ kể chuyện chị Nụ cho Nhàn nghe. Chắc Nhàn cảm động lắm đây.

Có chiếc nhẫn như thêm một sợi dây thắt chặt hơn hai người vào với nhau. Họ quyến luyến nhau đến nỗi, khi Huynh ra viện, Hiến tiễn anh một quãng đường, đến lúc chia tay, Hiến nói:

- Ở mô cũng là chiến trường. Ở mô chúng ta cũng là lính. Đào ngũ mới nhọc. Còn đánh Mỹ, dù cho ở nơi nì hay nơi kia, có chi khác nhau. Hay, anh về đội biệt động thành Huế với chúng em đi. Ở đó, anh em mình sẽ được gần nhau.

Không cần nghĩ nhiều, Huynh bằng lòng ngay. Lẽ ra theo dọc Trường Sơn về phía Nam, thì Huynh đã rẽ trái đi thẳng xuống đồng bằng.

Sống với đội biệt động ở hậu cứ Châu Ê mấy ngày, Huynh nhận ra ngay Hiến là linh hồn của toàn đội. Anh em kể về Hiến như kể về những huyền thoại. Từ việc cấm cờ trên đỉnh núi Ngự Bình, tới cải trang lính dù về móc cơ sở ngay tại Huế giữa ban ngày. Từ việc gặp ba Mỹ đi tuần ở Cầu Vực, thấy một tên lưng thưng đi sau, anh nấp vào bụi cây chờ, khi tên Mỹ thứ ba tới, anh nhảy ra, một tay túm cổ áo nó, một tay dí súng vào ngực lồi đi, bất ngờ đến nỗi hai tên lính Mỹ đi trước không hề biết gì, tới việc giết tên ác ôn Hoàng Thổ ngay trong nhà hán, có cả một trung đội dân vệ canh phòng, anh rút ra rồi, chúng vẫn chưa kịp trở tay. Định treo giải mười triệu đồng cho ai bắt được hai tai anh mang về, mà chịu.

Huynh sống với Hiến được đúng một năm. Cái chất hùng ở Hiến, khỏi nói. Anh xoay đổi tình thế dễ như trở bàn tay. Nhưng nổi bí riêng, Hiến không tính ra. Một đêm thấy Hiến không ngủ, trở mình sột soạt mãi trên võng bạt, Huynh hỏi:

- Nhớ Nhàn hả?

- Chúng em lấy nhau tám năm rồi – Hiến đáp – Nhàn thêm một đứa con. Nhưng bây chừ có con, chúng tỏ em vẫn quanh quất về nhà, chúng sẽ hành Nhàn ra cám. Anh chưa thấy Nhàn khóc thẳm. Thấy, chắc anh cũng nát ruột.

- Khó gì. Khi lộ bụng, cho Nhàn vào Đà Nẵng sinh. Ít tháng sau mẹ tròn con vuông, về Huế, nói là xin con nuôi.

- Trời. Rứa mà em định bó tay.

Một chuyến Huynh và Hiến về sâu. Hiến rủ Huynh về nhà. Tới cổng, Hiến bảo:

- Anh đứng ngoài gác cho em. Em về với Nhàn một chút nghe.

Huynh nấp vào bóng cây. Ôm súng gác cho bạn. Mắt cảnh giác, nhưng lòng Huynh nhớ Nụ lạ lùng! Anh cũng thêm những đêm tạt về với Nụ thế này. “Chờ anh. Nụ nhé!” Huynh thẳm thì một mình. Anh có cảm giác Nụ ở đâu đây rất gần. Thoang thoảng rất rõ mùi nước chanh gội đầu. Huynh nhận ra hương thơm ấy những lần ôm đầu Nụ vùi vào ngực mình.

Một lúc sau Hiến ra.

- Nhân vui chứ?

- Vui lắm. Chắc chúng em sẽ có con. Vì Nhân bảo chưa khi mô hạnh phúc Nhân có cái cảm giác rừng mình như vậy.

- Đàn bà họ nhạy cảm lắm.

- Ôi, ước chi em có một đứa con cho Nhân.

Đêm ấy hai người về đến Khe Dứa ngoài xóm ga Hương Thủy thì mìn Clâymo, lựu đạn, súng AR15 nổ mịt mù. Một mảnh đạn cắt phăng cánh tay trái của Hiến. Thêm một viên đạn xuyên qua bắp chân. Huynh đã cố gắng Hiến thoát khỏi vòng lửa đạn. Sáng, vào được cửa rừng. Gặp hôm địch thả quân càn quét chiến khu. Mất nhiều máu, lại bị nhiễm uôn ván, ngang đường vòng vo tìm trạm phẫu, không kịp, Hiến đã chết trên tay Huynh.

Chôn Hiến ở góc rừng. Lòng Huynh rối bời, đau quặn xé. Anh bắn lên trời ba phát AK cùng một lời thề trước mộ Hiến:

Ngày nào mình còn sống, mình sẽ còn đi tìm kẻ đã giết Hiến. Mình tin rằng nhất định mình sẽ bắn vỡ sọ kẻ khốn kiếp ấy.

Huynh không khóc nhưng nước mắt tràn ra đầy mặt.

*

Huynh đã nhờ cơ sở tìm xem đơn vị nào của địch đã phục kích đêm ấy ở Khe Dứa. Kẽ cầm đầu là đứa nào. Tìm mãi không ra. Sau chiến tranh tình cờ gặp Hoàng. Và Hoàng đã tuột khỏi tay anh.

Dù Hiến không kịp nghe Nhân báo tin vui cô tắt kinh, dù Huynh đã trở về sống trong niềm âu yếm khôn tả của Nụ sau mười lăm năm xa cách, nhưng cái chết của Hiến còn đó, lời thề của Huynh còn đó. Mỗi lần nhớ lời Hiến trắng trời: “Nhân thương em quá. Em chết, Nhân sẽ bơ vơ lắm, anh ời” là mỗi lần Huynh lại bàng hoàng.

Lần này vào giỗ Hiến, Nụ đang có thai sắp sinh, Huynh phải đi tàu một mình. Tàu đến ga Huế tám giờ sáng, Huynh nhảy xe thô về nhà Hiến ngay. Nhà không vắng vẻ như hai mẹ con Nhân từng sống.

Huynh tới lúc nhà đông người, nhốn nháo. Trên bộ ngựa bên cửa sổ, một người đàn bà đang quần quai, đầu rối bù, mắt trợn ngược, bọt mép sùi ra như hai đám bọt xà phòng. Vừa thấy Huynh, Nhân giục anh liền:

- Anh đưa ngay lên bệnh viện giúp em.

Không cần biết đầu đuôi ra sao, anh vẫn giữ tác phong người lính, khi cần, hành động cái đã. Vắt ba lô vào chân cột, chạy ra cổng vẩy xích lô và anh bồng người đàn bà ra xe, lên thẳng phòng cấp cứu.

Các bác sĩ nhận ra ngay bệnh nhân quen. Chỉ lại lên cơn động kinh, có phần nặng hơn trước. Chỉ

chích hai mũi thuốc, nửa giờ sau khuôn mặt méo mó của người đàn bà dần ra dần. Chân tay thả xuôi, hết co giật. Nhịp thở cũng đã ổn định. Một giờ sau chị tỉnh hẳn, hầu như chị không có cảm giác vừa trải qua một cơn hiểm nghèo. Chẳng chào hỏi ai, không một lời cảm ơn, chị vùng dậy, tụt xuống giường, đi chân đất bươn bả trở về nhà. Huynh tất tả theo sau.

Tới nhà, chị như vừa đi đâu về, thế thôi. Lát sau chị ra ngồi thừ trước thềm. Chợt cười. Chợt khóc. Chị lột áo, phơi ngực ra trước nắng. Rồi bần thần xé chiếc áo ra từng mảnh. Đôi mắt vô hồn đắm đắm nhìn về phía đông.

Huynh hỏi Nhàn:

- Thế này là thế nào?

Nhàn đáp:

- Con Nhã, em gái của em đó. Từ ngày nó lấy chồng lính biệt kích, hai nhà trở nên mặc cảm với nhau. Hầu như không quan hệ chi nên anh không biết. Hoà bình, em lấy cái bằng liệt sĩ của anh Hiến bảo lãnh, chồng nó khỏi đi cải tạo. Nhưng bất chợt vợ chồng con cái nó kéo nhau đi vượt biên. Gặp bão, thuyền bốn mẹ con giật vào bờ. Từ đó, Nhã hoá điên. Không nơi nương tựa, bốn mẹ con đưa nhau về quê. Nhà thuê cũ họ đã lấy lại. Em đành nhận về đây nuôi.

- Chồng cô ấy không có tin tức gì cả à?

- Không. Thăng ấy tháo vát lắm. Thuộc loại đàn ông giỏi giang. Em không tin nó chết. Song chẳng có tin chi khác. Để bớt nỗi đau day dứt, em đặt ảnh nó lên bàn thờ, coi như đã chết rồi. Ảnh nó đây, thiệt tội nghiệp!

Nhàn dẫn Huỳnh vào bàn thờ. Trên bàn thờ hai khung ảnh đặt kề nhau. Huỳnh giật mình, bên ảnh Hiến là ảnh Hoàng. Huỳnh sững người, suýt nữa anh bật ra tiếng kêu: “Chính kẻ đó giết Hiến đây!” nhưng Huỳnh ngăn lại được. Chờ Nhàn thắp hương lên hai bát nhang, Huỳnh nói chậm rãi, lo toan:

- Vậy là cái gánh trên vai Nhàn càng nặng thêm.

- Biết làm răng được anh – Nhàn đáp – Dù chi Nhã cũng là em em. Các con của Nhã là cháu em. Chúng không chìm xuống biển là may lắm rồi. Nặng nề rứa, chứ cực nhọc hơn em cũng không thể bỏ chúng được. Chỉ tội Nhã. Mất chồng nó hoá điên. Thỉnh thoảng gần đây lại lên cơn động kinh. Ít người yêu chồng đấm đuổi như nó anh à. Lúc biết nó yêu Hoàng, cả nhà em can ngăn, nó không nghe. Nó dắt Hoàng về quỳ dưới chân cha mẹ em hứa sẽ chung thủy, chăm sóc Nhã suốt đời – Nhàn than thở – Cái số chị em em vất vả quá phải không anh? Anh coi cái Nhã kia. Nó cứ nhìn về phía đông, phía biển, phía nó đợi mãi chồng nó ra đi không thấy về.

Trên bộ ngựa khi sáng Nhã lên cơn động kinh, bây giờ thằng con trai của Hiến đang chăm chú dạy hai đứa con của Hoàng làm toán. Có chiếc kẹo chanh

có từ bao giờ trong túi áo, nó lấy ra, lột giấy bạc, cẩn thận cẩn chiếc kẹo chia làm ba phần. Hai miếng lớn chia cho hai em. Miếng nhỏ cho nó. “Nếu ba đứa nhỏ kia biết được sự thực. Cha hai đứa này giết cha một đứa kia thì sự thể sẽ ra sao?”. Huynh giật mình vì ý nghĩ ấy. Trán anh rơm rớm mồ hôi.

Gạt tâm trạng nặng nề ra khỏi đầu, Huynh hỏi Nhàn:

- Cháu lớn của Hoàng đâu rồi?

- Mười ba tuổi đầu, bằng cái óc tiêu, mẹ điên, em dại, đành bỏ học, chạy chợ. Nói chạy chợ là nói rửa, chứ sáng sáng, tối hàng mấy người bán trái cây quen ở chợ, xếp đầy trệt, đi vòng quanh chợ bán. Bà con thương mà mua cho. Đôi khi các cô các bác gọi nhờ mua giúp tô bún, bát cháo, cho thêm mấy trăm lẩy có trả công để cho. Em cứ nghĩ, rồi đây con bé lớn lên, không hiểu sẽ ra rằng. Phải chi Hoàng còn, chúng chưa đến nỗi. Không lo được nhiều, cũng làm ngọn tre vắt đi cho mấy ngọn mướt, ngọn bí leo lên.

Vừa lúc ấy bé Hoàng đi chợ về. Nó gầy quắt, đen điu, chỉ bằng con người ta lên mười. Nhưng trông thật hiền và ngoan. Cháu chào từng người, chia ba quả quýt cho ba đứa nhỏ, đưa tiền kiếm được cho Nhàn, rồi sà vào lòng mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ lại xé rách áo rồi. Thôi, mai con dành tiền mua cho mẹ chiếc áo mới. Chừ con đi đun nước tắm cho mẹ nghe.

Bé Hoàng vào bếp nhóm lửa. Nước sôi, Nhàn và bé đỗ Nhã vào phòng tắm. Tiếng nước sôi. Tiếng kỳ cọ. Cả tiếng cười vui của bé Hoàng vọt ra. Ngoài sân, ba đứa bé đã thôi học, đang chạy huỳnh huych đuổi theo một trái banh cao su.

Huỳnh chợt nghĩ: Bỗng Hoàng xuất hiện giữa khung cổng, Huỳnh nổ sung, Hoàng ngã vật ra, máu chảy lênh láng, vẫn cố ngóc đầu dậy gọi con: “Nào các con hãy tới đây với ba!” Tiếng nổ ấy sẽ làm ngôi nhà đang ấm cúng này tan tác đến nhường nào. Nghĩ thế, Huỳnh bàng hoàng cả người.

Như để lấy lại sức lực, Huỳnh cầm bó hương lững thững một mình ra nghĩa trang Thành phố. Nắng chiều còn vàng rực trên ngọn thông quanh nghĩa địa như thể ngày anh và bạn bè đưa Hiến về đây.

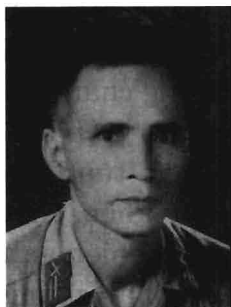
Huỳnh châm hương. Những lần trước thăm Hiến, Huỳnh chỉ thắp cho Hiến ba cây hương, còn chia tất cả cho các mộ xung quanh. Lần này anh thắp cho Hiến cả bó. Mùi hương trầm bay, xao xuyến. Quỳ trước mộ Hiến, rất lâu, Huỳnh như không nghĩ gì, mà cũng như nghĩ rất lung. Mãi anh mới thì thầm được:

- Ai ngờ kẻ giết Hiến lại là em rể Hiến. Nhàn nói: “Dẫu sao... em cũng không thể bỏ chúng được”, chẳng lẽ Nhàn đã linh tính tiên cảm về một điều gì đó chẳng. Hai chữ – dẫu sao – hình như Nhàn có biết. Hiến đã báo mộng cho Nhàn sao? Người âm biết

mọi chuyện mà. – Nhưغمغم nghĩ gì, lát sau Huynh lại tiếp tục thì thầm. – Hiến thấy đó, chị em Nhân Nhã đã về ở với nhau. Những đứa trẻ sống chan hoà với nhau. Hiến và Hoàng đã ngồi với nhau trên bàn thờ. Hiến có hiểu cho lòng mình đang rối tung lên như thế nào không? Hiến ơi, nếu em sống khôn, chết thiêng hãy hiện hồn về đây, nói cho anh biết anh phải làm gì bây giờ để xứng đáng là người bạn chung thuỷ của em và là một con người.

Nấm hương không bùng cháy lời phán quyết. Cây cỏ vẫn xanh màu xanh ấy. Vẫn là gió dịu dịu từ trên đỉnh đồi thông tràn xuống. Sao trời bắt đầu hiện trong màn đêm lung linh.

Hương đã tắt từ khi nào. Sương lạnh như nhấc Huynh trời đã khuya. Huynh vái Hiến ba vái rồi đứng dậy. Anh như kẻ mộng du vừa đi vừa nói với bóng cây mờ mờ hư ảo trong màn sương trước mặt: “Hoàng ở đâu bây giờ? Cậu hãy về đi. Vợ con cậu đang rất cần cậu đó, Hoàng ạ!”. Huynh cứ bước từng bước, không hề vội vàng, như cánh buồm từ từ trôi.



SIÊU HẢI

Họ và tên: **Nguyễn Siêu Hải**

Ngày tháng năm sinh: 2.7.1924

Quê quán: Hà Nội

Nghề nghiệp: Đại tá quân đội (hưu trí), nhà văn.

Địa chỉ hiện nay: Tập thể Bắc Nghĩa Tân,
Cầu Giấy, Hà Nội.

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Voi đi, Sông Lô, Mảnh trăng Tô Lịch, Bóng chiếu Thăng Long, Nắng kinh thành, Trăm năm truyện Thăng Long Hà Nội, Người mang biệt danh Cây gỗ mun...*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Thăng Long (1998).

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Vào bộ đội, viết truyện ngắn, ký sự lịch sử, tiểu thuyết và cuốn *Lược sử pháo binh trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ* (1945-1975), tôi đều có ý thức phải viết để ghi lại công lao, mồ hôi, xương máu của cán bộ, chiến sĩ ta trong có Pháo binh và đồng bào.

Ở bộ đội, tôi đã chỉ huy chiến đấu và hành quân nhiều trận từ trận Gia Lâm (đầu 1947), đánh ở sông Lô, đường 13 Yên Bái - Nghĩa Lộ, trận Phủ Thông nổi tiếng (1948)... Nhưng đều đánh với sơn pháo 75 ly, nặng tổng cộng 700kg, tháo rời khi hành quân. Đầu 1949, tôi nhận lệnh lần đầu tiên đưa 1 khẩu dã pháo 75 ly trên hai tấn đi chiến dịch Bắc Kạn. Cuộc hành quân cực kỳ gian khổ đó đã giúp tôi viết truyện ngắn *Voi đi* ngay tại vị trí tập kết. Mặt khác, nhà văn Nguyễn Huy Tưởng luôn thúc giục tôi: "Viết đi! Các anh viết mới sống". *Voi đi* tính đến 2000 đã được tái bản 13 lần.

VOI ĐI

Thấy để nguyên cả súng kéo đi không được nữa, anh đơn vị trưởng cho lệnh tháo rời ra từng bộ phận để khiêng vác. Một cảm giác hãi hùng và thất vọng lướt qua mọi người. Anh em lặng lẽ tháo. Vài anh đội viên lấu lỉnh bám theo ngay cái lá chắn, hoặc cái máng, bộ phận nhẹ, để được gánh đi trước. Còn cái máng nặng nhất trở lại sau với hai mươi anh em, anh San và tôi.

Tôi cho buộc đòn dọc, rồi đòn ngang.

“Nào hai ba, lên vai, ích!”

Cái nòng được nhấc lên khỏi mặt đất nhưng đi một cách rất chậm. Anh em rất lúng túng vì quả thật không có chỗ đi, chân giẫm vào nhau, vai sát cánh sát nhau. Đi được vài bước đã ồn ồn:

- Đi đau quá, ối này này thôi thôi!
- Sau chả đi cho người ta đi!
- Hố đi thế nào!

Thế lại đặt phịch xuống, mặt mũi nhăn nhó.

- Cái dây buộc ngắn thế này, làm gì chả chết vai người kia, buộc lại đi!

Anh Tân tiểu đội trưởng cũng đứng đó nói thêm:

- Anh em phải buộc cho đều dây, chứ lệch là có người nhẹ không, có người sụn lưng đấy!

- Gớm tôi biết rồi ông nói như trượng mẹ.

- Chứ không ư, thôi đi, cái máng có lẽ đến nơi rồi!

Nói xong lại lên vai, đi. Được vài chục thước lại đặt xuống để thở vì ngực bị nén xuống nhiều quá, khó thở. Đứng ra xa nhìn thấy bao cái mồm méo sệch, há hốc kêu oai oái, bao nét mặt nhăn nhó, khi giẫm phải gai, bao cái lưng khom khom trông thảm hại. Nhất là lúc đó lại ở giữa hai bên núi cao chót vót, lau, lá mọc chia ra tua tủa, sương đêm nhỏ giọt, mưa lún phún từ đêm chưa ngớt, không khí ướt át, hơi thở ra phì phò càng thêm nặng.

Sức lao động tốn nhiều và liệu đường đi đã được một phần nghìn từ đây đến chỗ đánh chưa?

Theo chương trình thì tất cả phải đến một địa điểm cách đây độ tám cây số, thì ăn cơm và nghỉ tại đó tránh cái nắng ban ngày, tối lại đi. Nhưng thực ra mới đi được hai cây số.

Tôi và anh San phụ trách ở đây thực sự là không dám giục nhiều, chỉ ôn tồn bảo anh em thôi.

Tuy biết là chậm đấy nhưng chả sao đi nhanh được. Hồ tác chiến đào ngang dọc, đang khiêng hụt chân, tụt xuống luôn.

Anh Đất hay bản nhất, luôn mồm nói với anh Thịnh đi liền trên:

- Đi không có mắt à, đi trước sáng sửa hơn, đi liết mãi, người ta đi sau vướng, nó tối mít chả biết chỗ nào để nhả chân mà trên cứ đi biên biệt!

Đồng chí Thịnh nghe cười hèn hếch:

- Ồi giờ, việc gì phải bản, mình làm con trưởng chống gậy đây thôi... thời mình phải chịu khó nhọc hơn các em thứ, bé ít tuổi hơn, nó đi trước mặc nó!

Thế là tất cả lại rộ lên cười.

Trên đường đã có người qua lại! Xe đạp, gánh hàng từ xa thấy vậy phải nhảy xuống hoặc đứng dạt sang bên. Thoáng có bóng vài chiếc yếm trắng và dải thắt lưng xanh cũng đứng đợi ở đó. Tất cả phá lên cười. Anh Thịnh đang khiêng, huých anh Cần nói:

- Này thôi đi đi chứ, khá rồi, sắp tươi rồi.

Khi đi gần đến các chị dân công nói trên, tiếng khóc òa bật lên:

- Ồi cha! Ồi mẹ người ta ơi!

- Ồi cha, ời mẹ người ta ơi, nặng thế này! Đi nào!

Người khóc người cười rộ, người nhấp nháy mắt liếc. Anh Thập lúc đi ngang, quay sang nói:

- Các chị ơi, gánh giúp chúng tôi với!

- Ủng hộ bộ đội mà!

- Úi cha thế thì thú quá!

Các chị nọ cũng cười theo, tỏ ý không giận gì. Đây, chỉ cần vài phút khuây khoả đó mà cũng có thể đi được quãng khá dài. Phía trên cũng có tiếng ồn ào. Tôi rảo bước lên tới các bộ phận nhẹ kia, cũng đang còn lại ở đó.

Anh em đang nghỉ. Cái nào đã nghỉ lâu, lại lên vai đi.

- Tôi tưởng các anh đã đi xa rồi?

- Thừa anh nặng lắm! Đói quá!

Luôn luôn bên tai nghe tiếng “hai ba” vọng lại. Tôi vượt lên một quãng xa bắt gặp cái bánh xe. Thứ bánh xe này khiêng bốn người thì nhẹ, mà thật ra không đủ người; mà khiêng hai thì nặng quá....

Anh Toàn và anh Chúc co rúm người lại mới đi được! Chân run run, tay run run, cái bánh xe vì vậy lắc lư theo cái đà ấy lại càng nặng! Kết cục rơi phịch xuống. Hai anh kịp chui vội nếu không ắt phải điếng chân. Anh Toàn ngồi xuống lân la ra chỗ cái bệ nói với anh Mạch:

- Mạch hộ tớ một buổi, tớ nát cả vai rồi!

- Anh có gánh được không?

- Được!

Mạch đổi sang chỗ Toàn, lại chỗ cái bánh xe, chặt ngắn cái đòn đi, xuyên qua lỗ bánh xe mà lúc lắp, là chỗ của cái trục. Anh Chúc đi lom khom giữ cái đòn, còn anh, anh lấy tay lăn bánh xe cho nó bon đi trên đường.

- A được đấy, đỡ gánh khổ, thôi các anh đi sau nhé!

Tôi nhìn theo, trong bụng vui mừng. Lúc khó là lúc nhiều mẹo nhất! Đi nữa qua cái cầu chợ Rạng, gặp nhiều bộ phận tám người khiêng đang đặt chông kèn bên đường. Anh em ngồi nghỉ! Tôi lại định tìm lời khuyến khích thì có bộ phận anh em lại lẳng lặng lên vai. Anh em đi, anh em nghỉ rồi lại đi mặc lòng! Mỗi cái tôi giao cho một cán bộ phụ trách, khoán trắng cho họ chịu phần trách nhiệm đôn đốc vì biết thế nào nó cũng đến được địa điểm đã định theo chương trình. Anh Lệnh phụ trách coi cái bệ. Anh ta vui tính hay quấy với anh em nên vui đi nhanh hơn cả. Đám đồ đi, thỉnh thoảng Lệnh ta đi sau lại xướng một câu:

- Khởi chính cổ... ồ... ồ!

Tất cả anh em lại đồng thanh:

- Ồi a... ới a... anh Lệnh ơi!

Hoặc:

- CỬ ai... Ới a... ới a... anh Lệnh ới!

Các người làm ruộng bên đường đều ngừng việc nhìn theo anh em cười theo như nắc nẻ:

- Các anh gánh cái gì mà nặng thế?

- Cái máy dẫn nước bắt về đây để làm ruộng đó!

Tôi vượt cái bệ tìm cái máng xem sao. Được non cây số, lại thấy cặp Mịch và Chúc loay hoay với cái bánh xe.

Lần này ngoài cái đòn gánh đút ngang làm trục bánh xe, Mịch ta còn lấy hai cây nửa kẹp hai bên phía ngoài như hai càng xe bò.

- Anh Chúc này đi trước cầm như kéo xe bò nhé, tôi đi sau đùn nào!

Nhưng lại chả được vì có một bánh nên nó hay đổ sang hai bên lại bẹp gãy cả nữa.

Người đi trước cũng nhọc, người đi sau cũng khổ. Tôi vội hỏi:

- Sao kẻ trước lại thôi?

- Lỗi này tốt lắm, nhưng anh Chúc mệt không giữ được, mà tôi giữ thì cao quá cúi mãi, đau lưng quá?

Nhìn lại tôi lại thấy anh Chúc người bé nhỏ trắng trẻo đang thở hổn hển, mồ hôi lấm tấm như râu mọc quanh miệng, mặt tái nhợt. Anh nói:

- Mệt quá, hãy nghỉ đã. Bao giờ đến thì đến.
- Cô tí vậy, cho kịp cái bánh trước, làm cả hai cái tốt lắm, bớt được người mà nhàn!
- Mệt lắm.
- Thế anh cầm ba-lô nhé!

Nói xong Mạch đưa cái ba-lô bằng dây thép đan cho Chúc, một mình vác cái bánh đi. Mạch cho bánh đứng vững, bắt đầu đun đi rồi chạy theo. Hai tay xoa theo nó. Nó nghiêng sang phải, lại hất sang trái, nó sang trái, tay phải kiên luôn. Nó chạy chậm, lại phải du nhẹ cho nó đi nhanh để dễ khiển. Lúc lên dốc vừa du vừa lái, thùm cả lưng. Lúc đổ dốc lại có nhiều hồ mới nguy. Nếu không kìm, nó lại tùm xuống thoir càng chết tay cứ phải giữ từ cái nan hoa này, lại bỏ ra cái búa vài cái kia, co lại để cho nó khỏi lặn mạnh. Gặp cái dốc nào không phá hoại cho nó lặn mạnh, nó chạy âm âm, lộc cộc, như xe goòng, lại cũng phải tránh cho xa. Có một lúc Mạch chạy bỏ hơi tai để kịp nó, vì nó vừa va phải hòn đá suýt đổ nghiêng. Anh Dư phụ trách coi hốt hoảng bảo anh em tránh ngay kẻo què chân. Bánh xe âm âm qua. Xong Dư quay lại ba hoa với tôi:

- Gớm anh ạ. Máng bịt kín thế này ai cũng chả hiểu là cái gì, họ cứ hỏi vớ vẩn, duy có một người đàn bà Mán đi qua chỉ vào nói là cái báng súng. Chúng tôi lạng cả người đi anh. Có lẽ có con voi nào đi qua đặt ở nhà người ta đấy!

- Thôi che nữa vào, còn cái bánh nữa đâu.

- Các anh ấy đi xa lắm rồi, có lẽ họ ăn cơm xong rồi. Anh em đói lắm anh ạ!

Thấy các bộ phận này có thể tới N.Đ ăn cơm sáng được. Còn cái nòng thì chả thể nào đến được. Anh em ăn từ hôm qua suốt đêm rồi còn gì! Tôi vội viết mảnh giấy con nhắn anh Giáp làm hoả thực mang cơm xuống và dặn các bộ phận khác, nhất là cái bánh xe đi qua N.Đ là nơi đông đúc, phải che đậy kỹ, không được bon như trên. Đưa cho đồng chí Lưu liên lạc cầm cấp tốc đi, còn tôi quay lại với cái nòng súng lúc đó mới lê tới gần chợ Rạng đang reo hò ầm ầm.

Anh San thấy tôi tới tiến lại:

- Anh cho hoả thực mang lại đây chứ!!!

Tôi ngắt lời:

- Bảo rồi, bảo rồi, liệu cầu này thế nào, tre bương mong manh lắm!

- May ra đi được, tuy vậy chắc chắn.

Nòng tới đầu cầu.

- Cầu đấy! Cầu đấy!

- Cẩn thận khê chứ kéo lại hựt, nguy hiểm.

Tôi nhìn cảnh hai mươi người chen nhau mới có chỗ đứng trên mặt cầu, chả còn nom thấy cái nòng đâu. Chân phải cũng lê thời đi mới được. Hồi hộp

nhìn theo. Nó ra được giữa cầu rồi! Bỗng cái tre buơng chống đỡ cầu kêu răng rắc!

Anh San hét:

- Bỏ xuống chạy!

Như cái thông phong vỡ, vút một cái, anh em chạy xô lên bờ. Tiếng cười ầm ỹ. Anh Tuyên vừa nhảy cẫng, vừa bô bô:

- Suýt nữa bị xô xuống suối. Gớm thật!

- Thôi im im. Này đồng chí Thịnh, San, khê bò ra lôi cái dây vào đây để kéo!

Anh Thịnh và San vừa bò ra ngấp ngừng. Cầu lại răng rắc rồi. Lại lùi vào. Sau một mình Thịnh ra nắm được đầu dây. Anh em xúm lại kéo. Nòng từ từ chuyển rồi tới đất. Tiếng thở ra khoan khoái.

Mặt trời đã lên cao gay gắt! Anh em như mất sắc cả. Chúng tôi đều vào nghỉ tại quán hàng ở đó. tính ra mới đi được ba cây số! Anh San và tôi trong lòng như không yên, đều thủng thỉnh đi lên, vừa đi vừa ngó còm mang đến chưa, anh em đói lả cả rồi.

Vừa đi tôi sực nghĩ đến cái xe quẹt của đồng bào thiếu số vẫn dùng để lấy củi.

- May ra cái lối ấy dùng được anh San nhỉ!

- Tôi cũng đương nghĩ đến cái lối xe đó. Nhất định được! Nếu không có lẽ chả đến được trận đâu!

- Ta quay lại bàn với anh em đi!

Chúng tôi đều quay lại nói với anh em ý định như vậy.

Đồng chí Tân cướp lời luôn:

- Anh chưa bảo nhưng anh em đã đang nghĩ đến rồi, định nói với anh, thế cho thực hành chứ!

Quay lại phía anh em, anh đồng dạc:

- Thôi các đồng chí chịu khó làm đi, cơm sắp đến rồi, chiều đi đỡ vất vả!

Vài anh giắt rìu vác dao bước ra, số còn lại nằm lăn ra chả nói gì.

Tôi đang nôi nói chuyện với anh San và Tân quanh cái bát điều, thời bên ngoài tiếng cây sung đổ đánh rầm một cái, lá vương vào mái nhà sàn sạt. Anh San cười:

- Thật là nhà Vệ đi đến đâu đổ rầm đến đó.

Một lúc sau, xe quẹt đóng xong, thời cơm vừa mang đến. Ngươi ngắt, anh em xúm lại ăn chỉ có muối thôi, vền vền mỗi người được hai bát đã hết. Tôi gắng hỏi anh Giáp lúc đó đang quạt phành phạch:

- Sao cơm chậm mà lại có thế này?

- A thưa, thưa anh, thổi xong từ sáu giờ sáng đợi ôi cả. Bộ phận nào đến là sà vào ăn hết cả. Lại thổi, thời cái khác lại đến, đôi họ ăn hết cả. Anh Lưu

vừa đến đưa giấy, mới ghé một nồi mang đi ngay, sợ ở đây đói.

Tôi quay lại bảo Tân đong gạo thêm, nửa giờ sau xong. Anh em ăn. Anh Thạch vừa rửa bát vừa nói:

- Lúc này hai bát, nay ba bát thành ra lúc nào cũng đói!

Bên ngoài nắng gắt. Trong khi anh em nghỉ tôi cho anh Tân là một đồng chí nữa đi vào lán trong mượn hoặc thuê trâu.

Một lúc sau. Anh San gọi anh em dậy để thử xem sao! Kết quả xe đi qua một cách ngon lành! Núi rừng buổi trưa êm ả vang lại chuỗi cười khoái trá giòn tan của anh em. Tư tưởng an nhàn xô đến.

Có tiếng bàn tán:

- Chiều nay tươi nhé! Thôi đi đi.

- A chà anh Tân mang trâu về nhà rồi, đi thôi!

Anh Tân về báo cáo chỉ mượn được một con trâu thôi và đã cho đồng chí Đào đi trước mượn con nữa.

Trâu được đóng vào. Đánh một roi cho nó vội dấn, quỳ cả chân trước xuống xe mới chuyển lệch lệch loạng quạng trên đường kêu răng rắc... Nhưng được vài trăm thước, trâu chùng lại thở hổn hển. Anh em lại phải buộc dây hai bên kéo đỡ cho trâu. Đồng chí Tân dắt trâu đi giữa cho nó khỏi tụt xuống hố. Riêng tôi thú nhất cái xe này, có thể đi qua các hố

tác chiến như thường, rất tiện và nhanh, không phải bắc ván.

Cỏ bên đường chết dí, đá non rụng lá tả. Thân xe lệt xệt mòn dần. Nặng quá lắm lúc phải có đòn bẩy mới đi. Nồi vắt vả tương đối bớt thôi, chứ không sao tránh khỏi. Tay anh em kéo dây phồng cả lên. Và tận hai giờ chiều hôm đó tôi mới tới N.Đ mà chương trình định đến từ sớm nay.

N.Đ đông đúc, buôn bán vui vẻ. Dân chúng xô ra xem. Họ bàn tán xôn xao cảnh tượng tám hoặc mười người khiêng một bộ phận che lá kín mít, người nào cũng quần áo chân tay lấm láp, xóc xếch, tay chống cái gậy, chân từ từ bước một, khiến một ông cụ già phải cười rộ:

- Gớm ông cụ nào mà nặng thế kia, những tám người con chống gậy cơ đấy. Hà, hà!

Một anh nông dân chống cán thuổng bảo vợ:

- Các anh ấy khiêng bộ phận máy bay mà ạ!

Người vợ nhấp nháy mắt: - Ta cũng có máy bay à?

- Sắp! Sắp!

Vài anh hàng phở có vẻ thạo hơn:

- Gớm toán công binh này họ đi là cầu ở đâu đấy!

Vài bà đi buôn thân mật hơn hỏi:

- Các anh mang cái gì mà nặng thế?

- Mang ống về dẫn nước làm ruộng đây!

Một anh Com-măng-đô cười ngửa, đeo sao vành, dừng sang bên, nhìn anh em chúng tôi từ đầu đến chân. Đọc trong đôi mắt màu hạt dẻ tôi thấy như anh đã tìm thấy cái bí quyết tại sao quân đội Việt Nam đã thắng nổi Pháp.

Ở đây, các bộ phận khác đã đi cả rồi! Chỉ còn cánh hoả thực ở lại thu xếp trả bát đĩa nồi niêu. Anh em mới đến sau, quyết rượt đuổi theo, vượt qua đèo Mon lúc còn sáng, để đến V.C. đích thứ hai, chứ không chịu kém.

Được một quãng khỏi phố N.Đ, tôi đi trước gặp hai anh Cù và Điều đang ngồi bên đường. Cái bánh xe lăn một bên. Đồng chí Điều vừa dứt cơn sốt rét, kê vài cái đòn lên cò nằm. Tôi đến, anh đang lau mồ hôi và kêu nhức đầu. Tôi hỏi:

Bánh xe này dẫn đầu nhất sao lại tụt ở đây?

Anh Cù trả lời số là đã bỏ xa toán đi sau hàng bảy tám cây số, nhưng vì gặp lúc liên lạc lên bảo phải lấy lá che kín, không được bon qua phố N.Đ. nên lại phải khiêng. Lúc đó ở giữa đồng chả có cái nhà nào, không có đòn dài phải khiêng bằng cái đòn hai đốt tre làm ngỗng lẫn lúc trước. Vì vậy nặng quá, anh Điều nhăn nhó khóc. Qua phố, anh Điều kêu nặng phải đặt nghỉ. Một cụ già thấy đòn ngắn quá bảo đợi đấy để ông cụ ra đi lấy cho hai cái đi lấy cho hai cái

đòn dài khác khiêng cho nhẹ, nhưng lại bé quá. Hai anh phải chập lại để khiêng, một cái yếu quá gãy trước còn lại một cái nhưng vẫn phải khiêng. Đi được một quãng hai cái nó kẹp lại, nghiêng vai anh Điều đau quá. Đồng chí Điều lại mếu máo lần nữa. Ra khỏi phố vừa tầm lên cơn sốt rét, nằm lì lại đây đến tận bây giờ. Khát quá chả có nhà nào xin nước, vì lo ốm đi sau lạc chết, lại khóc.

Tôi đành để cho hai anh tháo ra bon theo lối đi trước. Đi được một quãng tới hàng quán, bánh xe lại dừng lại. Họ vào hàng gặp anh Đào đi mượn được một con trâu mộng nữa đang cho ăn cỏ.

Con trâu mộng này to lắm, chủ nó là một bà trong làng. Trái với lần hỏi mượn hoặc thuê, lần này mượn dễ quá. Bà ta vui lòng ngay, lại cho cả một người nhà đi theo để đem trâu về. Sau vỡ lẽ ra con trâu mộng này khoẻ lắm! Vì vậy không ai trị nổi nó! Ra ruộng nó cày băng băng lôi tuột cả cày đi! Không ai giữ nổi thế là nó phá lên rừng.

Trâu mất nết, bà chủ chỉ than vầy thôi. Nay gặp bộ đội cần mượn trâu, bà ta trong bụng có ý là nhờ luôn bộ đội trị hộ con trâu này cho nó vào khuôn phép. Bà ta còn dặn nhỏ anh người nhà:

- Nếu cần cứ để các ông ấy mang đi mấy ngày cũng được. Ăn uống, đi với anh em lo gì.

Nghe Đào kể như vậy, chúng tôi cười âm âm lên:

- Được, cứ cho nó ra đây, trâu nào cũng phải vào phép ngay!

Qua vậy lúc mới đóng trâu mộng này, nó đi băng băng, khiến con đi sau cũng phải miết theo. Các Vệ nhà ta bình tĩnh đi bên cạnh nó đùa:

- A ha, khoái cha chả!

- Cứ thế này thì lại tươi hơn cả cả kia!

Trời đỡ nắng, gió hây hây lay động ngọn lúa xanh. Cánh đồng bát ngát. Lúc này ai cũng có thì giờ ngắm cảnh vật quanh mình, hưởng gió mát.

Thoáng một cái đã đến chân đèo M. Trâu vẫn còn hăng, xe bắt đầu lên nhưng rồi lại chậm dần. Trâu dừng lại thở hồng hộc. Tất cả anh em lại phải vào kéo dây để đỡ trâu mà cũng chỉ lê được vài chục bước lại phải nghỉ lấy hơi! Lúc đó độ năm giờ chiều, mặt trời còn đầy nhưng đường nhiều cây lá quá nên tối, người qua lại ít. Chim xào xạc về tổ, ngoài tiếng hò hét “nào đi” chả còn tiếng đùa cười nữa! Anh em đi lác la lác lự, vừa kéo dây, chẳng dọc hai bên đường.

Anh Tân chuyên môn dắt trâu đi giữa. Có vài chị phụ nữ đi trên xuống thung thính. Tới chỗ anh em căng dây các chị cứ vô tình đi len vào giữa hai hàng dây đó. Tiếng cười bị nhin từ lâu bật ra! Hai chị nhanh chân lùi lại đi vòng ra phía ngoài, còn một chị cuống quýt vẫn đứng trong giữa trước mặt anh Tân.

- Ô kìa chị, đi đâu đấy, ở kìa!

Anh em phá lên cười. Hai hàng dầy lúc này hơi khép lại. Chị ta càng lúng túng. May giữa hai anh Thành và Đâm có chỗ hở. Chị liền chui qua, chạy biến, mặt cúi, cười chữa thẹn. Tiếng cười vui theo sau mãi. Vui xong lại ỉu như cũ, nhưng chưa hết chuyện. Một chị thiếu số đi rừng về cứ cười hềnh hệch:

- Ô kìa con tau tắng... tau tắng...

Nói xong lại cười.

Anh em nhại lại:

- Tau tắng, tau tắng, tình nhỉ?

- Pi noọng ơi, ơi!

- Gớm thương sao được!

Lần này chị ta đi khỏi, chả ai cười nữa.

Thực ra con trâu mới lên được đèo, nhưng cũng mất nhiều thì giờ vì nó! Đây là một khuỷu sườn đèo. Một bên thành đứng cao chót vót, phía dưới là rãnh nước lúc này cạn, một bên khe sâu.

Trâu mộng phá ngang kéo xe lọt xuống cái rãnh đó, còn mình nép vào thành núi ì ra. Đánh thế nào cũng không đi! Cho xà beng bẩy dứt nó cũng chỉ nhếch sệu sào vài bước chân rồi lại ép vào tường. Lôi đến rách mũi cũng không đi! Trâu như muốn thi gan với người! Lại đến lượt anh Tân hăng tiết gạt roi và

xà beng ra, lại nắm chặt lấy dây thiếu luôn qua mũi trâu, mặt anh ta gân hằn lên. Răng nghiến chặt.

- Hừ... Hừ... có đi không?

Vừa nói anh ta vừa đâm mạnh vào mặt trâu huỳnh huých. Mắt nó đỏ tung bừng. Anh em hồi hộp. Anh Biên cầm khẩu súng sẵn.

Một thôi sau, anh Tân ngừng tay nói:

- Thôi bây giờ ai vào dắt đi được rồi. Nào xem nào.

Trâu đi thông thả đi. Anh em cười xoa. Anh Tân tự đắc:

- Trâu mộng có vẻ sợ tứ rồi đấy!

Còn con trâu kia thời nép vào bờ đi theo anh em. Lúc này phải cho nó đi trước kéo con mộng hay phá lắm. Đi qua một cầu gỗ ngắn, chúng tôi cứ cho đi bừa. Ngờ đâu gỗ lâu ngày quá, gãy rắc, một toé, con trâu trước tụt cả bốn chân xuống, co lên co xuống mà chả hơn gì! Phải có người xúm lại lôi lên mới qua. Còn trâu mộng đi sau nữa!

- Nếu nó bước dài thì không tụt!

Hồi hộp nhìn theo! Trâu cũng lưỡng lự. Chợt nó bước ào đi, nhưng loạng choạng vài bước nó qua được.

Anh Tân ba hoa:

- A con này khôn, nó giẫm vào cái xà dọc nên không tụt như con kia!

Đến một chỗ nguy hiểm nữa, phải tháo trâu ra vậy. Đường chỉ còn vền vền một sông con, lại gồ ghề ở giữa, chỉ đủ người và xe đi thôi. Muốn xe khỏi lăn xuống hố, phải có người đứng dưới kê đòn, một đầu vào đường, một đầu trên vai mình, nếu xe có đi thiên một tí, có đòn đỡ rồi. Tôi chưa kịp chỉ ai! Anh Hạnh đã tụt xuống với cái xà beng:

- Để tôi đỡ cho!

Xe đi qua, sông trạch ở giữa đường, gặp chỗ hơi cao, nên đến một chỗ nó trơn, lăn vèo xuống vào xà beng. Đồng chí Hạnh vẹo cả lưng, không đỡ nổi, phải buông tay. Xà beng vụt xuống đất, rồi lại vút lên lăn kèn. Đồng chí Hạnh chỉ đủ thì giờ nhảy vù sang bên cho khỏi bị chết dí, nhưng cũng không sao tránh được xà beng vút ngang sườn.

- Úi dùi ôi... úi dùi ôi!

- Y tá đâu?

Anh em xúm lại, lời Hạnh lên đang nhần nhó:

- Thật không nhanh có chết không!

May chỗ phá hoại đó không sâu lắm nhưng xe lăn kèn xuống rồi, muốn lên phải đánh dúc! Anh em đều mệt nhoài, trời lại tối hẳn.

- Cho trâu ăn cỏ đi không có đói chết!

Anh San có ý kiến:

- Thôi nghỉ đã, sẵn rùng nữa, các cậu vào lấy thật nhiều nữa ra, làm đuốc đi, nhanh lên!

Anh em làm theo. Tiếng chặt nữa kêu san sát. Số còn lại tản mát dần. Người hút thuốc lào, người ngồi tụt xuống vệ cỏ! Mặc cái xe nằm chổng gọng ở hố!

Tôi lại phía gần trâu, châm thuốc lá hút, thấy đồng chí Thành đang cầm thanh nữa con, quệt đồng phân trâu mới, bôi vào chỗ bị sát chảy máu lút tụt ở cầu, ở bốn chân trâu nọ.

Tôi hỏi để làm gì.

- Thưa anh, ở quê chúng tôi, cứ lấy phân mới của trâu bôi vào vết sát, trâu chóng khỏi lắm, không có chủ nhà họ chửi cho chết.

Nhưng chưa hả, đồng chí Thành còn chỉ cho tôi xem cái vết lằn ngang dọc rớm máu ở đít trâu.

- Các anh ấy cứ sẵn nữa tươi đánh như pháo, cạnh nữa sắc chảy cả máu trâu, tôi bảo phải lấy đòn gõ mãi các anh ấy không nghe!

Tôi ra chỗ con trâu đang ăn cỏ ràn rạt! Tôi nhảy lên lưng nó vỗ vài cái! Nó thủng thỉnh đi. Gặp vài chị phụ nữ đi lại. Các chị ấy nói băng quơ:

- Gớm nhàn hạ nhỉ! Chính phủ nuôi ăn ngày hai bữa cưỡi trâu chơi! Tôi mệt không muốn trả lời! Đồng chí Thành thấy vậy tiến lại hỏi:

- Anh không nói gì à?

Nửa giờ sau tôi lùi về. Bao bó đuốc được đốt lên sáng rực cả đường đi!

Chúng tôi xúm đông lại, người xà beng, người đầu gối, người cánh tay vằn hết sức mới lật sắp xe lại được. Bên trên mấy anh hì hục phá đường làm lồi lên. Người tháo dây thép lồi riêng cái nòng lên. Tiếng “hai ba” ầm thét lên! Nó lại lún xuống đất, xà beng nẩy canh canh mãi mới lên được. Cái xe gỗ không, gần mòn hẳn rồi cho lên dễ dàng lắm. Trong khi anh em lau mồ hôi, anh Tân chỉ ra xe nói:

- Tôi đã bảo mà, phải chọn cây gỗ trám mới tốt, xe này gần tiêu rồi, mai nhớ nhé!

Anh em cười với nhau.

- Đông người chả sợ gì, làm xong tuốt.

- Gớm ông cụ này ghê thật, mỗi lần ông ta chuyển mình là bỏ cha bỏ cháu!

Thành ra mất hơn một giờ mới lại đóng trâu vào để đi. Nhưng trời đóng trâu khó quá! Nó chỉ lẩn quanh! Người nọ lừa không được lại người khác!

- Họ – họ – họ!

Anh Tân vào. Vào cái, lừa được trâu lại. Càng dễ lên râu:

- Tốt, trâu hay phá ngang, muốn về chuồng mà, phải kéo mới được!

Tôi thét cho đi! Đoàn người lại đi rầm rập. Anh Tân luôn mồm gắt anh Nhượng cầm đuốc.

- Tôi bảo mà trâu nó đi tôi phải có lửa, gai mặc, anh phải đi cạnh đây soi nó đi.

Bó trước, bó sau linh tinh trông đến đẹp mắt. Lúc này nhớ cơm nên tiếng hò bớt dần. Cũng may lại rẽ vào một quãng đường đất không phá hoại, mưa hôm qua chưa ráo còn trơn như mỡ.

Trâu hết phá thôi rồi, đành phận theo đóm đi giữa hai hàng rào người, người nào, người ấy đầy dẫy sát khí, đòn ngắn đòn dài trong tay. Đường như vậy lại càng dễ đi hơn! Xe như lướt trên bùn đi băng băng!

Chúng tôi vừa đi vừa chạy mới kịp, nỗi vui mừng quên cả mệt và đói. Gặp cho bùn sâu bắn vung cả lên người, chân tay ông quần be bét, những vẫn đi.

Tàn đuốc rơi lả tả, cứ phải phủi luôn, không chấy cả quần áo.

Đang cơm vui, cơm mang đến, nhưng xét ra chả có chỗ nào cao ráo cả, mà cái đà đang đi nhanh. Một số anh em đều muốn thôi để đến C.V. ăn một thể cho sạch sẽ đường hoàng, duy chỉ có anh Tân cứ léo nhéo:

- Thôi anh em ơi ăn cơm đã.

Tôi gạt đi:

- Thừa anh, anh em đói lắm.

Tôi bảo anh ấy phải im. Cuộc hành quân vẫn đi với cái đà đó có lẽ đến sáu, bảy cây số một giờ, tới bờ suối lúc nào không rõ.

Lúc đó mới có chín giờ tối. Chỉ còn lội qua cái suối nông là đến C.V. Trái hẳn với ý tưởng chung là có lẽ mười hai giờ mới tới được.

Ai ai đều thấy hơn hở vô cùng. Đến đây, một là dùng thuyền qua, hai là cho lội qua.

Tôi đang dùng dăng thời anh em đều muốn lội qua bừa, vừa để rửa chân tay, gột quần áo nhân thể! Thế là tất cả ùm xuống! Nước chảy xiết như cuộn chân đi, đóm soi sáng rực cả mặt suối! Tàn rơi xuống xèo xèo tất ngấm! Trâu gặp nước đi bạt mạng. Cái xe nặng thế mà nước có chỗ lật hơi nghiêng đi. Chúng tôi đều phải thò tay ấn xuống! Sang bờ một cách nhẹ nhàng! Bỗng anh San kêu oai oái:

- Thôi chết rồi. Chết cha – Đồng hồ xuống nước rồi, nguy, nguy! – Anh em đang người vắt áo, người vắt quần, thấy vậy cười âm lên.

- Lại mấy chục rồi. Thôi anh thiếu gì tiền.

- Gớm cậu tưởng tớ giàu lắm à?

Vừa nói anh San vừa xót xa lắc đồng hồ cho ráo nước. Đồng chí Lưu, liên lạc viên, tới đưa tin là trên kia thu xếp nhà cửa đủ cả rồi.

Tôi rảo bước về trước với hoả thực, xem qua chỗ ăn ở tạm, bảo dọn cơm sẵn ra.

Tôi lại nhà đánh thức đồng chí thư ký dậy làm báo cáo, kể qua kinh nghiệm về cho tiểu đoàn rõ, để phổ biến cho “hạng anh cả” sắp đi sau. Làm xong, mãi chả thấy ai về! Tôi lại cho Lưu đi xem thì té ra cái xe quẹt mòn, gãy đôi không đi được nữa. Anh em phải lê cái còng vào gốc si cho người gác, mai làm cái khác. Tất cả kéo về ăn cơm. Cơm nguội ngắt, hơi ôi, vài hạt muối, bát canh măng lạo xạo.

Tôi cùng ngồi ăn một mâm, có bốn anh em, với anh người nhà của bà chủ cho mượn trâu mộng.

Vừa ăn anh ta vừa thủ thỉ với tôi:

- Thôi mai, cháu xin ông cho cháu mang trâu về. Bà chủ cháu dặn thế. Gớm cháu đi với các ông mệt quá! Mười một giờ đêm mới được ăn cơm. Suốt ngày làm, cơm lại chả có gì mà các ông vẫn khỏe đều, vẫn vui ghê thật!

Đúng mười hai giờ khuya tôi phụt đèn, đi ngủ. Sớm hôm sau chúng tôi dậy, ngược, đã thấy anh người nhà hôm qua dắt trâu mộng về, sau khi trả xong tiền bà hàng hơn chục gấp chả chó.

1949

DƯƠNG HƯỚNG



Họ và tên: **Dương Hướng**

Ngày tháng năm sinh: 8.7.1949

Quê quán: Thụy Liên, Thái Thụy, Thái Bình

Nghề nghiệp: Hải quan

Địa chỉ hiện nay: Thành phố Hạ Long -
Quảng Ninh

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Tập truyện ngắn: *Gót son, Người đàn bà trên bãi tắm, Tác phẩm chọn lọc Dương Hướng, Bóng đêm và mặt trời tuyển chọn Dương Hướng*; Tiểu thuyết: *Bến không chồng, Trấn gian đời người*.

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Văn nghệ Quân đội. Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Truyện ngắn này tôi hư cấu từ một chi tiết có thật trong lần về quê, nhìn thấy bóng dáng một nhà sư nữ - nhân vật Duyên trong truyện - từ trong chiếc xe con sang trọng bước ra với gương mặt kiêu sa, đôi gót son hồng khiến lòng tôi xao động...

Từ một cô học trò thơ ngây trong sáng, trong một đêm đầy bom đạn Duyên đã đến sống với 6 người lính pháo thủ trên trận địa đầu cầu. Với phẩm chất cao đẹp, tấm lòng bao dung, nhân hậu, với sự nhạy cảm của tâm hồn người con gái, nàng đã tự nguyện đốt cháy mình - tự nguyện hiến dâng tình yêu cho cả sáu chàng pháo thủ. Chi tiết này vừa mang tính hiện thực vừa lãng mạn và bi hùng. Và suốt cuộc đời chìm nổi của Duyên có lẽ những phút giây sống với sáu chàng pháo thủ lại là những phút giây thực sự hạnh phúc nhất của nàng.

KHOẢNG TRỜI RIÊNG

Ở nơi thôn quê như làng Đoài này bỗng có một chiếc xe Ni-san bóng loáng xuất hiện lao vút trên đường là một sự kiện chưa từng có. Mấy đứa trẻ mãi mê chơi chuyện giật thót người đứng bật dậy như phải bỗng trở mắt nhìn theo chiếc xe vút qua rồi đổ lại trước ngõ nhà lão Dinh ở đầu cầu Đá Bạc. Lũ trẻ trong xóm chạy bổ tới. Người lớn thì ngơ ngác.

Cánh cửa xe bật mở, từ trong xe bước ra một nhà sư nữ áo chùng thâm, đầu vấn khăn nâu, chân đi guốc quai tím lịm, lộ đôi chân son hồng với dáng vẻ kiêu sang.

- Cụ Dinh ơi ời! Có khách! Có khách!

Một đứa trẻ vừa reo vừa chạy bổ vào nhà ông Dinh. Lão Dinh đang ngồi chẻ tre đan dưới gốc xoan. Vội chạy ra tay vẫn lăm lăm con dao. Nặng chiều lung linh rắc đầy lối ngõ, thơm ngát hoa xoan tím lẫn hoa nắng vàng. Gương mặt nhà sư đẹp như nàng Kiều, mắt ngân ngấn nước, nhìn lão Dinh.

- Cha ơi cha, con là Diên, con gái của cha đây.

Lão Dinh đứng lặng như pho tượng. Lão không ngờ con gái lão, cái con bé Diên đánh đi tứ phương bỏ nhà đi biệt tăm mười lăm năm nay bây giờ lại khoác áo nhà chùa. Trông Diên lúc này vừa đầm thắm, vừa kiêu sang. Đôi gót chân son thắm đỏ hơn cả thời con gái.

Tin Diên trở về làm sống động cả làng Đoài. Diên đi tới đâu thiên hạ nhìn bằng đủ mọi ánh mắt và để lại sau lưng đủ lời đàm luận. Người khen, kẻ chê, người tiếc thương và cả đam mê. Người ta đam mê Diên như đam mê một giai nhân. Thân hình Diên óng ả, ánh mắt đen thăm thẳm như có ma lực cuốn hút đàn ông. Thời niên thiếu, tuổi mười ba Diên đã là cô gái đẹp nhất làng Đoài. Điều tệ hại dân làng Đoài thì tăm tối còn Diên cứ sáng rực lên, da trắng mịn. Diên như con chim lú lo của buổi bình minh vào đời. Sáng sáng tinh mơ đường làng Đoài bướm còn bay lẩn trong lớp sương mù trắng bạc, Diên vừa chạy vừa đuổi bướm miệng rúc vang những hồi còi dài báo cho các đội viên dậy tập thể dục hô vang làng “Thiếu niên khoẻ!” “Khỏe! Khỏe! Khỏe”. Tiếp sau đó là tiếng quét đường rào rào trên con đường “măng non”. Đường măng non mỗi đoạn xây một tấm biển giống như cột mốc cây số. Mỗi tấm biển đều được vẽ một mầm măng mới nhú có dòng chữ: “Đoạn đường măng non phân đội I”. Đoạn đường măng non của

phân đội Diên bắt đầu từ dốc cầu Đá Bạc, bao giờ cũng sạch bong. Đó là nhờ công của Diên, cô gái đầu làng. Các cụ bảo cấm có sai “Gái đầu làng, khoai đầu luống”. Tuổi mười ba, mười bốn, mười lăm, Diên lớn vòng lên thành thiếu nữ rực rỡ. Những đêm trăng sáng lũ trai làng lặn ngụp dưới sông, chui rúc dưới gàn cầu Đá Bạc rình trộm xem Diên tắm. Đàn ông thèm khát được nhìn thấy Diên tắm. Có người dọa nếu ai nhìn thấy Diên tắm một lần sẽ mắc bệnh mộng du. Cánh đàn ông kháo nhau nếu được xem Diên tắm, người có vợ muốn bỏ vợ, có nhân tình bỏ nhân tình, bọn choai choai bỏ học ngắn gọn. Các bà vợ cấm chồng con ra tắm bên sông cầu Đá Bạc. Họ đồn bên sông cầu Đá Bạc có ma. Quả thực bên sông cầu đã không ít kẻ chết trôi. Có kẻ chết trôi vì rủi ro, có kẻ chết vì tình, có người dọa không yêu được Diên cũng chết. Có kẻ lại bảo được ngủ với Diên có chết cũng sướng. Lại có lời đồn, những người đàn ông chết trên sông cầu Đá Bạc đều mãn nguyện vì họ đã được ngủ với Diên. Diên là người đàn bà có tấm lòng bao dung không muốn tất cả những linh hồn đã chết mà không được hưởng hạnh phúc một lần. Đó là tư tưởng lớn của những người mơ mộng thêu dệt lên những bản tình ca đồng quê và những câu hò tự tình trên sông cầu Đá Bạc. Đó là câu hò của thầy giáo Thiêm, người đầu tiên được Diên tình tự trong một đêm trăng, trên bờ sông. Dòng sông lặng lẽ trôi từ

bao đời. “Hò ơ... trăng soi lẻ bóng một mình – Ước gì ta được với mình đêm nay”. Câu hò vang vọng dòng sông rạo rục lòng người.

Còn những đêm trái gió trở trời người ta lại nghe tiếng khóc than. Đó là thời kỳ Diên bỏ làng đi. Người làng Đoài bảo nhau rằng hồn ma những người chết trôi hiện về thương nhớ người đẹp. Vào những đêm mưa gió sập sùi như thế, lão Dinh thả vó dưới chân cầu Đá Bạc, cá tôm nhiều vô kể. Sáng ra dân làng Đoài kháo nhau cả đêm lão Dinh đắm đắm với ma. Những con ma trời hiện lên đập thùm thụp trên mặt sông như những con rái cá rồi lù đù trôi vào vó lão Dinh. Có một lần lão kéo vó thấy nặng trĩu, bốn gọng vó nhúm lại, lão Dinh soi đèn thấy hẳn một cái đầu lâu tóc còn xanh nằm gọn giữa vó. Đó là thời kỳ máy bay Mỹ thường ném bom trận địa pháo đầu cầu...

Trận địa pháo đầu cầu có lần bị trúng bom sáu pháo thủ hi sinh. Sau cái chết của sáu chàng pháo thủ, lại có tin đồn Diên đã ngủ với cả sáu chàng pháo thủ vào những đêm Diên bị lão Dinh đuổi khỏi nhà.

*

Sau mười lăm năm, Diên mới lại trở về làng Đoài. Buổi sáng, Diên vẫn mặc bộ quần áo nhà chùa đi ra đường, con đường “măng non” xưa giờ cũng già đi theo năm tháng. Một vài cỗ xe bò kéo treo treo lẩn

bánh trên những ổ gà khắp khển. Những gương mặt người làng Đoài cũng già nua khắc khổ ngoài sức tưởng tượng của Diên. Có những gương mặt đã từng được Diên ghi nhớ thời xuân sắc cũng xa lạ và xấu xí. Riêng có ánh mắt họ vẫn rực lên nỗi đam mê thèm muốn. Bên kia cầu Đá Bạc giờ đã hình thành một cái chợ nhỏ. Ngay dốc cầu một phản thịt lợn đỏ au phơi dưới nắng. Diên giật mình nhận ra tay Thọ hơi hấp háy cặp mắt tình yêu hý liếc lưỡi dao sáng loáng xẻo một nhát nhấc lên miếng thịt lợn vạt “đét” xuống phản rồi nhìn Diên chăm chăm:

- Ôi Diên ơi! Diên lại đây anh bảo cái này đã. Nghe tin Diên về mà anh chưa kịp sang chơi.

Diên miễn cưỡng đứng lại, Thọ đưa dao xẻo vệt khoanh thịt cho vào túi bóng hấp háy cặp mắt ty hý.

Anh biểu ông cân thịt để ông nhắm rượu, Diên cầm lấy – Thọ ấn túi thịt vào tay Diên miệng cười hanh hách – Diên không tin, về hỏi ông cụ, những năm Diên đi vắng tôi với ông ở nhà nhâm nhi với nhau suốt – Thọ lại ghé sát vào tai Diên – Anh hỏi thật nhé, có phải Diên đi tu thật hay giả vờ khoác áo nhà chùa hé hé... tôi trông vào đôi mắt Diên còn lúng liếng đáng yêu lắm đó.

Diên quăng túi thịt lên phản rồi vội vã bỏ chạy lên cầu Đá Bạc. Dòng sông vẫn tha thiết trôi, trôi lẫn cả bóng hình Diên trong đó. Bên bờ sông xa xa chỗ

khúc quanh rẽ ra dòng sông Cái, chiếc bè vó ai giương cần cao lừng lững một góc trời. Đàn chim mòng mòng chao nghiêng sà xuống mặt sông rồi bay xéo về phía trận địa pháo năm nào – Nơi ấy dân làng Đoài đắp lên ba cái lò gạch. Ba cái lò gạch đã đốt cháy cả cánh đồng làng Đoài nên bây giờ đành bỏ hoang giống như những pháo đài thời tiền sử. Địa hình nơi đây thuận lợi đã biến trận địa pháo năm nào thành bãi chiến trường cho đám trẻ chăn trâu chơi trò trận giả. Chúng bò lổm ngổm quanh lò gạch bắn súng miệng đoànng, hô xung phong, quân ta tiến lên.

Những đứa trẻ kia vài ba năm nữa lại cầm súng như những chàng pháo thủ của Diên năm nào..., những chàng pháo thủ đêm đêm lần ra bến sông cầu Đá Bạc lặn ngụp như những con rái cá. Ôi những chàng pháo thủ trẻ trung...

*

Bữa cơm tối dọn ra, hai cha con Diên ngồi ăn. Lão Dinh rót rượu vào chén đưa lên miệng nhấp một hớp rồi đặt chén xuống mâm. Từ bữa Diên về, lão chưa nói gì. Lão lặng câm như thể lão vẫn câm lặng từ cái ngày lão đuổi Diên ra khỏi nhà. “Nhục nhả lắm con ơi”. Lão nói với Diên không biết bao lần câu đó. Khi Diên đi, lão khóc âm thầm. Lão còn khóc hết phần đời còn lại của lão. Và bây giờ lão không ngờ Diên đột ngột trở về.

- Cha nói với con điều này – Lão đột ngột lên tiếng – Hãy ở nhà với cha. Mọi chuyện quá khứ bỏ qua. Từ mai con cởi áo nhà chùa làm lại đời mình từ đầu. Tuổi già của cha chỉ trông cậy vào con. Nếu con đi nữa cha đành buông xuôi về với sông Cái cho xong đời.

- Cha! Con xin cha...

Diên buông bát đũa đi ra cửa. Một cơn gió ào vào, Diên rung mình nhìn lên bầu trời. Bầu trời đông quê đầy sao khuấy động nỗi cô đơn trong lòng Diên. Diên lững thững ra bên sông. Trận địa pháo năm nào bên kia sông lơ mờ hiện lên dưới trời sao. Lại một ngôi sao sà xuống thành vệt sáng dài rồi tắt lịm. Mặt sông bỗng nổi sóng âm vang trong tâm tưởng. Những chàng pháo thủ đang trở về... Diên vội vã bỏ chạy về nhà. Suốt mười lăm năm qua Diên luôn sống trong tâm trạng khắc khoải về quá khứ của mình. quá khứ với những chàng pháo thủ, quá khứ với người thầy – thầy Thiêm chủ nhiệm lớp 9B của Diên. Hình bóng Diên luôn rục lên trong mắt thầy Thiêm. Diên nhận ra rõ nhất điều này từ lần nhà trường tổ chức thi cắm trại. Trên sân trường rục rờ cờ hoa, mỗi trại đều mang màu sắc các dáng vẻ riêng. Ánh mắt thầy Thiêm ngời sáng kéo lớp trưởng và Diên ra hỏi nhỏ:

- Phần kỹ thuật trại, phần sân thể thao, giếng nước sân trại thầy không tham gia. Riêng phần “vườn cây”, thầy tham gia thế này. Thầy thấy vườn

cây trại lớp 9A lấy tên là “Hạt lúa quê ta”, lớp 9C lấy tên là “Vườn ươm xanh non”. Riêng lớp ta theo ý thầy phân “Vườn cây” ta sẽ trình bày khác hẳn với các lớp. Trên tấm biển ta sẽ trích câu nói của Hồ Chủ tịch “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”. “Vườn cây” lớp 9B lấy tên là “Cây Người”. Và em Diên sẽ là biểu tượng của “cây người”.

Thầy Thiêm vừa nói vừa nhìn vào trong mắt Diên, Diên hiểu rõ tình cảm của thầy dành cho Diên.

Thật không ngờ Diên đã đóng vai “cây người” cực kỳ sinh động. Cả hội đồng giám khảo nhà trường vừa bước vào cổng trại lớp 9B đã sững sờ nhìn “vườn cây” của lớp này như một hiện tượng lạ lùng chưa từng có. Diên cầm tấm biển “Cây người” đứng vào vị trí vườn cây của trại mắt long lanh nhìn mọi người, miệng cười tươi. Chưa bao giờ Diên lại đẹp như phút giây này. Đây mới đích thực là vườn cây tương lai của đất nước. Kết quả trại lớp 9B của Diên đã đứng nhất toàn trường. Tối đó thầy Thiêm đến nhà Diên mang theo niềm vui mơ mộng của tiết mục “cây người”. Hai thầy trò ra bờ sông. Bến sông Đá Bạc lung linh ánh trăng. Thầy Thiêm bảo đời thầy chưa bao giờ có niềm vui và những giây phút đẹp như lúc này. Dường như cả buổi tối thầy Thiêm nói mỗi câu đó. Giọng thầy khác thường. Bản thân Diên cũng khác thường, khi thầy Thiêm nắm lấy bàn tay Diên.

Thầy chạy, Diên cũng chạy. Và trăng trên trời, trăng dưới nước cũng chạy. Làng quê yên tĩnh đồng đất mênh mông, thế giới này chỉ có hai thầy trò Diên sống như trong mộng. Thầy Thiêm dắt Diên chạy tới lô cốt nằm ngay ngã ba có nhánh sông chảy ra dòng sông Cái. Dòng sông Cái mênh mông cuốn theo những mảng bèo tây trôi lênh bênh ra biển. Biển cả đón nhận tất cả, cả rác rưởi, xác người chết trôi. Có người chết vì rủi ro, có người chết vì tình và có cả người chết vì chiến tranh bom đạn. Hai người vợ lão Dinh, cha của Diên đều bị chết ở khúc sông này và đều được biển đón nhận. Bà vợ thứ nhất dám liều mình bơi qua sông này khi nghe tin lão Dinh bị thương trong đêm đánh bắt đầu cầu. Bà bơi trong tiếng súng đi đùng, chớp lửa toé ra từ cái lô cốt ngã ba sông. Đêm ấy bà đã không đến được với chồng mà lại về với biển cả. Người vợ thứ hai của lão Dinh chính là mẹ của Diên, chết là vì Diên bỏ nhà ra đi. Bà đã ôm mồn mõi vì thương nhớ Diên. Mẹ Diên ra đi để lại mỗi mảnh giấy ghi mấy chữ: “Ông thứ lỗi cho tôi, tôi không thể sống được, tôi đi đây. Đi về sông Cái. Đừng tìm tôi ở đâu mà khổ cái thân”. Khi tìm được mảnh giấy, lão Dinh ra sông Cái lặn ngụp mấy ngày liền. Lão dầm dẫm dưới nước chán lại lên bờ đứng như trời trồng trên cái lô cốt nhìn ra ngã ba sông. Cái lô cốt người Pháp để lại có bốn cửa nom như bốn con mắt quỷ nhìn về bốn phương trời. Lão

cứ đứng mãi giữa mênh mông trời đất. Lão nguyên rửa mảnh đất sao bạc bèo. Lão lại nguyên rửa dòng sông đã đánh cắp cả hai người vợ mà lão hết lòng yêu quý. Và con Diên, hòn máu duy nhất của lão cũng bị dòng sông làm hư hỏng. Thời kỳ ấy dân làng Đoài bảo lão bị điên. Người ta thấy lão cầm giỏ đi móc cua mà chả được con cua nào. Lão cứ lần mò mãi ở khoảng ruộng có chiếc lô cốt bắt toàn rắn nước mang ra sông Cái thả và đứng nhìn xem những con rắn nước bơi về đâu. Có những con bơi xuôi theo dòng sông Cái ra biển. Còn những con bơi ngược vào bờ lão lại ném ra giữa dòng, lão lại cười hô hô. Có những con lão ném đi ném lại tới hai ba lần vẫn không chịu bơi xuôi ra phía biển, lão điên tiết quật chúng vào thành lô cốt rồi đốt lửa nướng. Người ta bắt gặp rất nhiều lần lão Dinh ngồi nướng rắn trong lô cốt ăn. Vừa ăn lão vừa khóc. Lão khóc hai người vợ bỏ lão đi, lão khóc con gái lão không biết phiêu bạt phương nào. Chuyện này mãi sau Diên mới nghe dân làng Đoài kể lại.

*

Sáng sớm lão Dinh dậy ngồi trên chiếc chiếu trải giữa nhà hút thuốc Lào. Diên dậy thổi cơm, lão Dinh bảo:

- Con thêm một bát gạo, gọi thằng Thọ sang ăn cơm để nó xây cho cái nhà tắm. Nay không có phiên

chợ thẳng Thẹo không phải mỗ lợn. Mày đi vắng tao có việc đều gọi nó.

- Cha! Cha không biết chính anh ta đã giết chết đời con?

- Thôi mà, cho qua đi chấp chi chuyện đó xưa rồi. Với lại bây giờ mình cần phải xây ngay cái nhà tắm con ạ. Bây giờ con không nên ra tắm ngoài bên sông.

Diên vừa nấu xong cơm đã thấy Thẹo cầm con dao xây và chiếc bay vừa đi vừa gõ cách cách miệng hát theo nhịp bài hát “Cuộc đời vẫn đẹp sao, tình yêu vẫn đẹp sao... Dù đạn bom thét gào...” – Con chào ông ạ, anh chào cô Diên. Thẹo liếc cặp mắt nhìn Diên, miệng vẫn liến thoắng. Bỏ cứ yên trí, con chỉ xây nhaoáng cái là xong, tối nay là cô Diên chúng ta gánh nước về tắm.

- Thôi anh Thẹo à. Em nó vừa về chưa quen với cuộc sống dân dã, anh nói năng cho từ tốn.

- Ấy, có gì đâu ông, con mừng cho ông, con mừng cô Diên nhà ta về ở hẳn nhà, có làng xóm, có cha con bạn bè. Tội gì phải phí cái thân. Có đúng thế không ông nhỉ?

- Ấy, anh lại ăn nói hồ đồ rồi – Lão Dinh gạt đi – Người tu hành là tu cái tâm cái đức. Em nó có bỏ chùa về là vì hoàn cảnh, vì tôi.

Theo im thít ngồi xuống cạnh lão Dinh kéo điều vào lòng hút thuốc lào. Lúc này Diên mới nhìn kỹ Theo và giật mình bởi khuôn mặt nhầy nhầy chất chứa đầy nhục dục và xôi thịt. Chính con người ngày xưa đã một thời si mê Diên, và bây giờ Theo vẫn còn si mê Diên. Chính vì si mê Diên theo đã rình bắt quả tang Diên với thầy Thiêm trong đêm sáng trăng nằm với nhau cạnh cái lô cốt ngoài bờ sông. Chuyện lan ra khắp làng xã, trường học, thầy giáo ngủ với học trò. Lão Dinh trối Diên bên gốc cau cho kiến đốt. Lão uất ức vác dao lên ban giám hiệu nhà trường đòi giết thầy Thiêm. Thầy Thiêm bị kỷ luật ba tháng sau đó đi bộ đội. Bà mẹ thầy giáo Thiêm lại bảo Diên là con tinh tinh quyến rũ con trai bà, huỷ hoại cả công danh sự nghiệp của con trai bà. Diên đã có ý nghĩ định cắn lưỡi chết khi bị trối dưới gốc cau nếu Theo không đến giải thoát. Đêm yên tĩnh. Trong nhà tiếng khóc thầm của mẹ Diên “Diên ơi thà rằng con giết bố mẹ đi còn hơn”. Gió từ ngoài sông thổi vào ngọn cau xao động. Diên ngửa mặt nhìn trời. Bầu trời đầy sao xanh ngấn ngắt. Càng nhìn lâu những chùm sao càng sáng lên. Hai tay Diên bị trối giật ra phía sau. Diên áp tai vào thân cau nghe tiếng chim gù gù và tiếng chim non rinh rích trên ngọn cau. Đúng vào lúc Theo xuất hiện trên bờ tường rào nhào đến cắt trối cho Diên.

- Chạy đi – Theo nói khẽ.

Diên đưa tay cho Thọ lồi tuột qua tường, chạy ra bờ sông. Diên cầm đầu chạy ra bến sông cầu Đá Bạc, Thọ chạy theo nói:

- Diên hãy tha lỗi cho anh nhé.

- Anh hãy cút đi - Diên giận dữ hét lên.

- Đừng nói với anh thế. Anh xin em. Cũng chỉ vì anh yêu em....

Thọ chạy vượt lên chặn đường Diên. Diên đứng sững giây lát rồi nhảy ào xuống sông bơi sang bờ bên kia. Mặt sông gợn sóng, Diên lật người bơi ngửa. Trời đêm mênh mông xanh cao, trên bờ tiếng Thọ kêu: văng mặt sông. Diên có cảm giác đang được hoà tan trong nước. Ra giữa dòng chỉ cần buông xuôi Diên sẽ về với sông Cái, về với biển cả. Diên đã vượt qua được dòng chảy sang tới bờ bên kia nằm ra bãi sông. Kể từ phút giây huyền diệu nằm gọn trong vòng tay thầy Thiêm, tới lúc này Diên mới nhận ra mình là đứa con gái hư hỏng. Thực ra Diên vẫn chưa nhận thức rõ rằng mình hư hỏng về lẽ gì. Diên vẫn còn trinh trắng. Cả hai người mới chỉ nằm lẫn ra vạt cỏ cạnh cái lô cốt nơi ấy khuất bóng trăng. “Ngồi xuống đây để chị Hằng khỏi nhìn thấy”. Thầy Thiêm nói được mỗi câu đó. Diên cũng không nhận rõ vòng tay thầy Thiêm dịu dàng nương nhẹ Diên như thể Diên còn là đứa bé con. Lúc đó Diên đang muốn được

khóc thút thít bên thày thì giật bắn người nghe tiếng quát của Thợ và bố mẹ Diên xuất hiện...

Lúc này nghĩ tới giây phút ấy Diên thấy rã rời, người mệt lả, chìm dần, chìm dần xuống lớp cát mát lạnh trên bãi sông.

Khi tỉnh dậy Diên nghe rõ tiếng bước chân chạy rậm rịch, rồi những bóng người như những bóng ma trần truồng nhảy ào xuống sông lặn ngụp như những con rái cá. Diên hoảng hốt bật dậy cầm cổ chạy vào con đường dẫn tới trận địa pháo. Đúng lúc đó thì có tiếng máy bay và tiếng keng báo động đồn dập. Những bóng ma đang lặn ngụp ngoài sông ào lên bờ chạy bổ về trận địa. Diên mỉm cười nhận ra đó là những chàng pháo thủ đi tầm đêm. Diên đang phân vân chưa biết trốn đi đâu thì tiếng máy bay gầm rú. Trên trận địa pháo cao xạ nổ rền từng đợt, những viên đạn từ nòng pháo lao lên trời đan chéo nhau thành từng dây lửa đỏ rực. Liền sau đó Diên thấy chớp lửa nhằng một cái, tiếng bom dậy lên, Diên ngất lịm. Khi tỉnh dậy Diên đã thấy mình nằm trong lán của những chàng pháo thủ với bộ quần áo dày bịch của lính. Diên ngỡ mình đang lạc vào thế giới xa lạ. Diên ngơ ngác nhìn vào gương mặt trẻ trung của từng chàng pháo thủ. Họ cứ ngỡ Diên là nàng tiên từ trên trời bị gãy cánh rớt xuống trận địa. Cũng có thể những dây đạn lửa đã bắn trúng đôi cánh Diên.

- Hãy ở đây với tụi anh cô bé ạ.

- Em sẽ trở thành nữ pháo thủ của trận địa đầu cầu Đá Bạc...

*

“Em là thiên thần và là vợ anh. Chúng ta sẽ cưới nhau” đó là câu nói của chàng pháo thủ mà Diên đã trao thân cho chàng nhưng chưa kịp làm đám cưới thì chàng đã bị bom phạt mất đầu. Xác chàng chôn ở cả hai bên sông cầu Đá Bạc; một phần chôn ở gần trận địa, còn cái đầu đã trôi vào vó lão Dinh. Trong đêm mưa gió sập sùi, lão Dinh đã lặng lẽ đem chôn ở trong cái lô cốt có bốn cửa nom như bốn con mắt quý.

*

Cạnh chiếc giường của Diên là ô cửa sổ nhìn về phía đông. Từ ngày Diên về, ô cửa sổ vẫn đóng kín bung.

Xưa kia ô cửa sổ này là khoảng trời riêng của Diên. Diên có thể ngồi ngắm mãi cái khoảng không bao la. Dòng sông cầu Đá Bạc uốn một khúc quanh tẽ ra làm hai nhánh, một nhánh xuôi ra dòng sông Cái còn một nhánh bao quanh cánh đồng làng Đoài.

Từ ngày trở về làng, Diên vẫn chưa một lần dám mở hai cánh cửa sổ để nhìn lại khoảng trời riêng của mình. Diên vẫn sợ cái sức sống thanh xuân trời dậy mỗi khi ngồi lặng nhìn ra khoảng riêng ấy của mình. mấy đêm nay đêm nào Diên cũng nằm mơ tới thày Thiêm và những chàng pháo thủ. Đêm nay

mấy lần Diên giật mình bật dậy mở đôi cánh cửa sổ. Khoảng trời riêng của Diên lại hiện lên. Chiếc bè vó nằm lẻ loi với ngọn đèn thấp sáng thâu đêm bên ngã ba sông có lối rẽ ra dòng sông Cái. Bây giờ Diên đã biết chiếc bè vó ấy là của thầy Thiêm. Sau cái lần cha Diên cầm dao lên Ban giám hiệu nhà trường đòi giết thầy Thiêm, ba tháng sau thầy đi bộ đội, khi trở về đôi mắt thầy chẳng còn nhìn thấy gì nữa. Thầy đành làm bạn với chiếc bè vó suốt đêm ngày. Thầy ăn ngủ tại đó. Sáng sáng bà cụ lại dò dẫm mang cơm ra cho thầy và đổ cá đi chợ bán. Diên thường hay nhìn hút theo bóng bà cụ chấp chới trên bờ sông.

Cũng từ ô cửa sổ Diên nhìn ngược theo dòng sông cầu Đá Bạc, phía bên kia trận địa pháo năm nào bây giờ là ba cái lò gạch giống như những pháo đài cổ. Hình ảnh những chàng pháo thủ lại hiện về trong tâm trí, Diên sợ hãi đóng chặt hai cánh cửa nằm xuống giường kéo chăn trùm kín đầu. Đêm vắng nghe như có tiếng ma đập thùm thùm ngoài bên sông. Diên thiếp đi. Trong giấc ngủ Diên lại mơ thấy những chàng pháo thủ về gọi cửa đòi ngủ với mình. Diên lại choàng dậy và nghe rõ ngoài cửa sổ có tiếng cạo cửa, và giọng nói thì thào:

- Diên! Diên ơi! Đừng sợ. Anh là Thạ đây.

- Anh Thạ ơi. Tôi van anh, hãy để cho tôi sống yên ổn. Anh đã giết chết một đời tôi rồi chưa đủ sao?

- Diên! Sao em ác mồm ác miệng thế – Giọng Theo khẽ rít qua khe cửa – cũng tại vì anh yêu em. Bây giờ thấy em ru rú ở góc nhà anh không thể làm ngơ...

Diên để mặc Theo nói mãi ngoài cửa. Trong tâm trí Diên vẫn ám ảnh mãi gương mặt những chàng pháo thủ. Đó là vào thời kỳ cha Diên vác dao đi tìm Diên khắp mọi nơi. Lão Dinh mò lên trận địa tuyên bố: “Nếu các người còn chưa chấp con Diên, tôi sẽ kiện các người lên tận Trung ương”.

Diên biết mình trước sau sẽ phải ra đi. Từ sau cái chết bất ngờ của chàng pháo thủ bị bom phạt mất đầu, Diên cảm thấy mình thực sự không còn gì. Tiết trinh đã gửi cho chàng pháo thủ, Diên không muốn yêu bất kỳ người con trai nào khác nhưng lại thấy thương tất cả những chàng pháo thủ đã cư mang mình trong những ngày cùng quân. Và khi bắt buộc phải đi khỏi trận địa, Diên đã quyết định hành động một cách điên cuồng. Đêm đêm Diên lần lượt bí mật hẹn từng chàng pháo thủ ra bến sông Đá Bạc và yêu họ cuồng nhiệt rồi đột ngột bỏ đi biệt tăm, khiến các chàng pháo thủ ngẩn ngơ, chàng nào cũng ngỡ mình là người hạnh phúc nhất đời... Điều kỳ lạ suốt những ngày đó bầu trời yên tĩnh không một tiếng máy bay. Trận địa không phải báo động lần nào...

Cho đến một ngày máy bay địch bất ngờ ập đến ném bom trúng trận địa, sáu chàng pháo thủ hy sinh.

Có một điều không ai ngờ cả sáu chàng pháo thủ đều đã được người con gái làng Đoài yêu cuồng nhiệt.

*

Một ngày hội trường được tổ chức long trọng chưa từng có trong suốt ba mươi năm nay. Vài ba người bạn gái lớp 9B xưa đi công tác về nghe tin Diên, đã đến rủ chị đi dự ngày hội trường. Mười lăm năm nay Diên không bao giờ dám nghĩ sẽ có ngày gặp lại bạn bè trong lớp 9B do thầy Thiêm làm chủ nhiệm. Diên miễn cưỡng để bạn bè lôi kéo nhưng khi ra tới trường Diên đã giấu mình đứng lẫn trong đám đông không ai nhận biết Diên là ai. Lần đầu tiên trong đời Diên chứng kiến một ngày hội trường với đủ mọi lứa tuổi mọi gương mặt. Có những thầy giáo đã thành lão già lụ khụ râu tóc bạc trắng. Ngồi trên hàng ghế danh dự có cả số học sinh của các khoá ra trường đã thành đạt, đã nổi danh. Ấu cũng là số phận – Diên nhìn đám học trò chúng cũng đang phơi phới như Diên xưa, đứng xếp thành từng khối dưới một rừng cờ hoa. Và cả rừng người kia không ai ngờ Diên đã có một thời là cô gái xinh đẹp nhất trường, là biểu tượng “cây người” của vườn cây tương lai bây giờ cũng đang có mặt ở đây. Ý nghĩ này làm Diên chợt hoảng sợ bước vội ra khỏi sân trường như trốn chạy.

Diên về tới nhà, ngoài gốc xoan lão Diên đang ngồi đan. Lão đan đủ mọi thứ rổ, rá, dầm, sàng. Ngày xưa còn khoẻ, lão dầm dằm ngoài sông cát vó suốt từ

tôi đến sáng, giờ sức yếu lão lại ngồi đan suốt từ sáng đến tối.

- Sao về sớm thế hả con? – Lão Dinh nói, tay vẫn rờ rẫm đan.

- Thưa cha con thấy nhức đầu quá.

- Ấy là con chưa quen ở chỗ đông người đó thôi.

Diên bước vào giường cảm giác ngạt thở. Diên đưa tay mở hai cánh cửa sổ. Ánh sáng chói chang tràn vào gian buồng. Ngoài khoảnh trời riêng của Diên chiếc bè vó của thầy Thiêm lại hiện lên lưng lửng góc trời. Phía bên kia sông Đá Bạc trận địa pháo năm nào lại hiện lên ba cái lò gạch giống những pháo đài cổ. Bọn trẻ trâu lại đang chơi trò trận giả đốt những đồng lửa khói nghi ngút dưới nắng. Tiếng pháo tiếng trống ngày hội trường vọng về. Một cơn gió từ bên sông ào vào, Diên ngửi những chàng pháo thủ từ cội âm hiện về...

Ngoài sân tiếng Thạo bỗng vang lên:

- Bố ơi, hôm nay con chọc bốn chú ỉn trên dưới một tạ một loáng cái đã hết bay...

Diên lại đóng vội hai cánh cửa sổ và nằm miết cho đến tối. Cơm nước xong Diên lại mở đôi cánh cửa sổ nhìn ra khoảng trời riêng của mình. Trăng đêm nay sáng lạ lùng. Khoảng trời riêng của Diên lung linh như giát bạc. Ngọn đèn vó bè của thầy Thiêm lấp loá trên mặt sông. Trên trời những ngôi sao dày

chi chít nhấp nháy Diên bỗng thấy thềm muốn được bay ra với khoảng trời riêng của mình. Diên lại khép đôi cánh cửa sổ như sợ có ai đang rình rập mình. Diên xuống bếp quấy đôi thùng ra gánh nước ngoài bến sông. Diên lội ào ra dòng sông vực đôi thùng nước đầy và cứ đứng nhún nhảy thả đôi thùng lập lờ mãi trên mặt nước. Diên nhìn nước trong thùng sóng sánh ánh trăng. Một cảm giác lạ xôn xang trong lòng giống như ngày nào Diên tắm đêm với chàng pháo thủ. Diên bỗng nghe như có tiếng vang từ lòng sông, những chàng pháo thủ của Diên đang réo gọi: Diên quăng đôi thùng nước lên bờ rồi ào xuống sông dầm mình trong dòng nước mát lạnh. Diên chợt thấy bừng tỉnh ra mọi điều và cảm nhận rõ thấy cuộc sống này vô cùng đẹp đẽ hơn bao giờ hết. Diên cứ ngỡ như mình đang độ mười tám đôi mươi của thời còn là cô gái lớp 9B đẹp nhất trường.

Diên vươn người lao ra giữa dòng sông bơi xuôi về phía sông Cái có ngọn đèn vó bè của thầy Thiêm. Ngọn đèn mỗi lúc một lớn dần và Diên nhìn thấy rõ trên bè vó bóng thầy Thiêm đứng lặng dưới trăng như một pho tượng. Thầy đứng như đang nghe dưới lòng sông có con cá nào đang bơi vào vó thầy và con nào bơi xuôi ra dòng sông Cái.

- Ai đấy? Ai mà đêm hôm lại bơi vào vó người ta thế hả?

- Thầy! – Diên gọi vang mặt sông.

- Ôi. Thiên thần nào thế hả. Đã từ lâu lắm tôi chưa nghe ai gọi tôi là thầy.

- Đồ thầy nhận ra em đấy.

Bóng thầy Thiêm ngả nghiêng trên bè vó. Đêm vắng lặng. Tiếng đối thoại nghe như tiếng ma.

- Thầy ơi thầy, em là Diên của thầy đây.



NGUYỄN KHẢI

Họ và tên: **Nguyễn Mạnh Khải**

Ngày tháng năm sinh: 3.12.1930

Quê quán: Thành phố Nam Định

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Thành phố Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Xây dựng* (1951), *Xung đột* (1959), *Mùa lạc* (1960); *Hoà vang* (1967); *Chủ tịch huyện* (1972); *Cha và con và* (1979); *Một thời gió bụi* (1993); *Ông đại tá và vị sư giả* (1993); *Thượng đế thì cười* (2003)...

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Lê Thanh Nghị (1951); Giải thưởng Văn nghệ Việt Nam (1951-1952); Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 1982; Giải thưởng Văn học Asean 2000.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Tôi sinh trưởng ở Hà Nội, trước sau sống ở Hà Nội gần nửa thế kỷ mới vào sống ở thành phố Hồ Chí Minh, tự xem cũng là một cựu công dân của Hà Nội, cách sống cách nghĩ của mình phần nào cũng nhiễm được cái phong khí của đất kinh kỳ. Ấy là nói Hà Nội của một thời cách mạng, chiến tranh, bao cấp. Là cái Hà Nội của ngày xưa. Còn Hà Nội của bây giờ thì không thể hiểu, chưa thể hiểu thảo vát, tài giỏi hơn chúng tôi nhiều, nhưng cũng gian trá, giảo hoạt, thô lỗ hơn người của ngày xưa nhiều.

Chỉ mong người Hà Nội của hôm nay dần có phải biến hoá theo thời thế để sinh tồn vẫn giữ được cái tính cách gốc: dám quên thân vì nghĩa lớn; biết tôn trọng và giúp đỡ những tài năng khác nhau kéo về đất kinh đô lập nghiệp; là bà đỡ cho những tư tưởng mới, những sáng tạo mới; xây dựng được những tiêu chuẩn sống vừa truyền thống vừa hiện đại cho tuổi trẻ cả nước trong tương lai.

Hãy bắt đầu từ một bà lão trong “Một người Hà Nội”.

MỘT NGƯỜI HÀ NỘI

Chúng tôi gọi là cô, cô Hiền, là chị em đôi con dì ruột với mẹ già tôi. Năm 1955, tôi từ kháng chiến trở về một Hà Nội nhỏ hơn trước, vắng hơn trước, còn họ hàng chỉ còn lại có dăm gia đình, vì chồng và con đều đi theo cách mạng. Cô Hiền cũng ở lại, đầu cô chú vẫn sống ở Hà Nội suốt chín năm đánh Pháp, các con lại còn nhỏ, chả có dính líu gì tới chính phủ “ngoài kia” cả. Họ ở lại chỉ vì không thể rời xa Hà Nội, không thể sinh cơ lập nghiệp ở một vùng đất khác. Lại thêm, chú tôi làm nghề giáo học, ông giáo dạy cấp tiểu học, là người cần thiết của mọi chế độ, chế độ cộng sản cũng phải khuyến khích trẻ con đi học, học văn hóa và học làm người. Còn chính trị, chính em là những lứa tuổi trên, học sinh tú tài và sinh viên đại học. Tình thế là đúng nhưng tôi vẫn lo, thật ra không có gì đáng để phải lo nhưng tôi vẫn nghi ngại gia đình này rất khó gắn bó với chế độ mới và chế độ mới cũng không thể tin cậy được ở họ. Là vì họ ở rộng quá, một tòa nhà tọa lạc ngay tại một đường phố lớn, hướng nhà nhìn thẳng ra cây si cổ

thụ và hậu cung của đền Ngọc Sơn. Với người vô sản, ở quá rộng là một cái tội, trong khi cán bộ và gia đình họ phải ở chen chúc trong những khu nhà tập thể, có khi phải ở ngay dưới gầm cầu thang của một nhà bạn bè. Cái mặc cũng sang trọng quá. Mùa đông ông mặc áo ba-đờ-xuy, đi giày da, bà mặc áo măng-tô cổ lông, đi giày nhung đính hạt cườm. Lại cái ăn nữa cũng không giống với số đông. Bàn ăn trải khăn trắng, giữa bàn có một lọ hoa nhỏ, bát úp trên đĩa, đĩa bọc trong giấy bản và từng người ngồi đúng chỗ đã quy định. Gia đình tôi thì ăn uống bình dân hơn, vợ chồng con cái ngồi xúm xít quanh cái mâm nhôm, thức ăn có khi múc ra đĩa, có khi cứ để nguyên trong nồi, nồi lớn đặt giữa mâm, nồi nhỏ đặt cạnh mâm, cứ việc sục muôi vào, sục đũa vào, vừa ăn vừa quất con mắt cái, nhòm nhòm, hả hê, không cần phải khuôn bó theo một quy tắc nào cả. Ăn cốt để sống, để làm việc, hay hóm gi cái thứ lễ nghi rườm rà của..... giai cấp tư sản. Tôi không dám thốt ra miệng nhưng vợ chồng vẫn bảo riêng nhau: “Cô Hiền đích thị là tư sản rồi. Đã là tư sản thì không thể tin cậy được. Việc mình thì biết, việc cô mặc cô, dính líu nhiều có ngày lại rắc rối”.

2

Đã là người gốc Hà Nội thì không thể không nghe nói tới sự giàu có lương thiện của cụ Tú Dâu hàng Bạc, là nhà ở cuối Hàng Bạc đầu Hàng Mắm.

Xưa kia đất ấy ở bên sông, mảnh Nghệ An chở nước mắm ra đổ lại bến và bốc ngay lên nhà. Nước mắm đổ vào các kiệu chôn chìm trong đất, mỗi lần thay phải dùng khăn bông trắng lau chùi sạch. Một dãy nhà chôn kiệu nước mắm và một gian nhà để tiền, tiền kẽm, mang một quan tiền kẽm đã phải vác vai. Cụ Tú đậu tú tài khoa thi hương cuối cùng khi tuổi đã lớn, sau đó là bỏ hẵn bút lông để theo bút sắt. Cụ Tú ngâm thơ vịnh nguyệt, ăn ở giao tiếp theo kiểu cách nhà quan, dạy con cái cũng theo khuôn phép nhà quan là cái phần hào nhoáng của gia đình. Còn cái phần căn cốt, cái phần được người đời trọng thực nể thực, cái gian nhà tiền ấy đều do hai bàn tay đảm đang của vợ chồng dựng nên. Bà chỉ buôn có nước mắm thôi. Thơ của cậu Tú được bạn bè khen nịnh chẳng qua là nhờ ở cái mùi nước mắm Nghệ, nhờ ở mùi tiền từ các kiệu nước mắm, con cháu sau này vẫn đùa vụng thế. Bà Tú Dâu là em ruột bà ngoại tôi và là chị ruột mẹ cô Hiền. Hình như cả ba chị em đều lên ở Hà Nội cùng một thời, cái thời Pháp mới sang, phố phường còn là nhà lá, nhưng chỉ có bà Tú là tiếng tăm hơn cả. Nhìn những tấm ảnh các cụ chụp từ hồi đầu thế kỷ mà cảm động. Các cụ đều ăn mặc theo cái “mốt” của thời ấy: khăn vấn bỏ đuôi gà, áo tứ thân bằng hàng tơ dệt thưa gọi là xuyên, mặc quần lĩnh Bưởi và đi hài. Ba bà đặc nhà quê nhưng lại đẻ ra một loạt con gái rất tân thời. Khoảng cuối những năm 30, mẹ già tôi vẫn còn để răng đen,

nhưng đã vấn tóc trần đeo kiềng cổ và vòng tay bằng vàng chạm vừa thô vừa nặng. Cô Hiền vào những năm ấy đã cao răng trắng và uốn tóc, mặc quần áo đồng màu, hoặc đen hết, hoặc trắng hết. Còn nữ trang đã biết dùng đồ ngọc bạch kim và hạt xoàn. Cũng vào những năm ấy một số gia đình công chức cao cấp và quan lại, có cả mấy nhà buôn bán tơ lụa, thuốc bắc, kim hoàn, cho con gái lớn mở phòng tiếp khách văn chương, gọi là salon littéraire để mời gọi mấy anh văn sĩ, thi sĩ mới nổi và các cậu sinh viên, cao đẳng. Khách Văn chương là cái khung phải có, còn đám công tử một mai sẽ thành quan đốc, quan trạng, quan huyện mới là những nhân vật chính của mọi mộng mơ theo kiểu Tự lực văn đoàn. Ngôi nhà của gia đình cô Hiền cũng là một salon nổi tiếng, không phải vì bố mẹ giàu hoặc sang mà vì có con gái lớn quá đẹp, vừa đẹp vừa thông minh, biết cách tự khoe bằng những mẩu chuyện rất duyên dáng của mình. Tôi sợ dĩ biết vô ối chuyện vặt vãnh của mấy ông Lan Khai. Đái Đức Tuấn tức Tchya, Phùng Tất Đắc, Lê Văn Trương, Hồ Dzếnh... là do cô tôi kể lại cả. Ông Trương còn nhờ cô đọc dùm bản thảo của nhiều cây bút chưa thành danh, một phần vì tin ở cái tài thẩm định văn chương của cô, phần nữa cũng vì ông quá bận: bận viết, bận hút và bận cách làm giàu. Tôi hỏi đùa: “Vậy cái ông Nam Cao là do cô tìm được ra phải không?” cô trả lời rất nghiêm trang: “Ông Lê Văn Trương tìm ra. Là do ông ta nằm hút thuốc

phiện ở nhà Trác Vỹ, tiện tay với lấy một chồng bản thảo để kê đầu, rồi tiện tay lôi ra một tập thể đọc”, cái tập ấy có tên “Cái lò gạch” do một cây bút hoàn toàn vô danh viết ra”. Nếu cô tôi cũng sinh làm thơ làm văn như người của thời bây giờ thì cũng có thể là một bà Lưu Thị Hạnh.

3

Được sống năm đầu ở Hà Nội vừa giải phóng với lứa tuổi chúng tôi ngày ấy mới hăm bốn hăm năm cái xuân xanh, là cực kỳ khoan khoái. Chín năm xa phố phường, xa ánh điện, không được vào rạp xem chiếu bóng hoặc cải lương, không được vào một cái chợ đông người giữa ban ngày, bây giờ mỗi ngày đều ở Hà Nội, mỗi đêm đều ở Hà Nội, mãi mãi còn ở Hà Nội. Chúng tôi thì vui thế, tại sao những người vốn sống ở Hà Nội chưa thật vui nhỉ? Họ đang tìm cách thích ứng với chế độ mới, cách sống, cách làm việc, cả cách nói năng nữa. Một lần tôi đến thăm cô chú, thằng em trai đã 14, 15 tuổi chạy ra mở cửa rồi kêu âm lên: “Mẹ ơi! Đồng chí Khải đến”. Cô tôi cau mặt gắt: “Phải gọi là anh Khải, hiểu chưa?” Bất đồ chú tôi cũng bước tới, nắm tay tôi rồi hỏi hồn nhiên. “Tại sao chủ nhật trước đồng chí không ra chơi, cả nhà chờ cơm mãi”. Cô tôi thở dài, quay người đi. Tôi nói: “Nước được độc lập vui quá cô nhỉ?” Cô trả lời: “Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều phải nghĩ đến làm ăn chứ?” Theo cô, chính phủ can thiệp vào

nhiều việc của dân quá, nào phải tập thể dục mỗi sáng, phải sinh hoạt văn nghệ mỗi tối, vợ chồng phải sống ra sao, trai gái phải yêu nhau như thế nào, thậm chí cả tiền công xá cho kẻ ăn người ở. Về sau tổ dân phố lại vận động nhau không nên nuôi người ở? Nhà này trước đây có hai người ở, một anh bếp và một chị vú. Chị vú là vợ anh bếp, để được đưa con nào lại đưa về quê cho bà ngoại nuôi. Sau ngày giải phóng cô tôi cho anh bếp về quê làm ruộng, còn chị vú vẫn ở lại, vì chủ tớ còn cần dựa vào nhau. Mỗi ngày chị đi chợ, đều có cán bộ bám theo, dò hỏi: “Chị có bị nhà chủ hành hạ không? Tiền công có được đều đặn không? Thái độ chính trị của họ là như thế nào?” chị vú gất âm lên: “Nếu họ không tử tế thì tôi đã xéo từ lâu rồi không khiến anh phải xui”. Chị ta kể lại chuyện đó cho cả nhà nghe, bình luận: “Cách mạng gì toàn để ý những chuyện lật vặt”. Bây giờ thì chị vú đã mất rồi, về quê được bốn năm thì mất. Chị trông con cho bà cô tôi từ năm 19 tuổi, đến năm 45 tuổi mới về quê, tình nghĩa như người trong họ. Anh chồng không lấy vợ khác vì các con đã trưởng thành, anh làm chủ nhiệm một cửa hàng mua bán của xã, ngày giỗ ông chú và ngày tết đều đem gạo, đậu xanh, miến và rượu, toàn của nhà làm cả, lên biếu cô và các em.

4

Trong lý lịch cán bộ tôi không ghi tên cô Hiền. Họ thì xa, bắn súng đại bác chưa chắc đã tới, hưởng

hồ còn là bà tư sản, dính líu vào thêm phiên. Tôi vẫn định ninh cô phải thuộc giai cấp tư sản vì cô có gương mặt đặc biệt là tư sản, càng già lại càng rõ. Tôi hỏi cô:

- Tại sao cô không phải học tập cải tạo, cô giàu cũng tài nhỉ?

Cô Hiền cười rất tươi:

- Tao chưa đủ tiêu chuẩn.

Tôi cũng cười:

- Lại còn chưa đủ.

Cô nói thản nhiên:

- Tại sao có bộ mặt rất tư sản, một cách sống rất tư sản, nhưng lại không bóc lột ai cả thì làm sao thành tư sản được.

Tôi nín lặng vì đó là sự thật. Cửa hàng của cô chỉ bán có một thứ: hoa giấy, các loại hoa giấy và các lẵng hoa đan bằng tre, thêm ít bưu ảnh và sổ tay kỷ niệm. Hoa làm rất đẹp, bán rất đắt, nhưng chịu thuế rất nhẹ, chỉ có một mình cô làm, các con thì chạy mua vật liệu, hoặc làm giúp phần cuống lá vào dịp Tết ta và Tết tây. Nhiều bà bạn cũng tỏ ý ngờ vực: "Trông bà như tư sản mà không bị học tập cũng lạ nhỉ?" Cô tôi trả lời thật nhẹ nhàng: "Các bà không biết nhưng nhà nước lại rất biết". Tất nhiên là cô khôn hơn các bà bạn của cô và cũng thức thời hơn

ông chồng. Sau ngày Hà Nội giải phóng cô vẫn có hai dinh cơ, một nhà đang ở và một nhà ở hàng Bún cho thuê. Ông làm nghề dạy học, con đông, đủ ăn là may, có tiền dư để tậu nhà là do ông viết sách giáo khoa cấp tiểu học, được Nhà Học chính công nhận và cho in bán. Năm 56, cô bán ngôi nhà ở hàng Bún cho một người bạn mới ở kháng chiến về. Một năm sau, có một cán bộ tới hỏi về nhà cửa và có nhắc tới ngôi nhà ở hàng Bún. Cô trả lời tỉnh khô: "Xin mời anh tới ngôi nhà anh vừa nói, hỏi thẳng nhà chủ xem họ trả lời ra sao. Nếu còn thắc mắc xin mời anh trở lại". Cũng trong năm 56, ông chú tôi muốn mua một máy in nhỏ để kinh doanh trong ngành in vì chế độ mới không cho phép ông mở trường tư thục. Bà vợ hỏi lại: "Ông có đứng máy được không?" Ông chồng trả lời: "Không", "Ông sẽ phải thuê thợ chứ gì. Đã có thợ tất có chủ, ông muốn làm một ông chủ dưới chế độ này à?" Ông chồng tính vốn nhát, rút lui ngay. Cô kết luận với tôi: "Chế độ này không thích cá nhân làm giàu, chỉ cần họ đủ ăn, thiếu ăn một chút càng hay, thiếu ăn là vinh chứ không là nhục, nên tao cũng chỉ cần đủ ăn". Làm hoa giấy không thể làm giàu được nhưng rất đủ ăn, lại nhàn, lại không phải lo sợ gì. Tôi hỏi lại: "Còn chú, còn các em?". "Chú tuy chưa giàu nhưng đành để ngồi chơi, các em sẽ đi làm cán bộ, tao sẽ phải nuôi một lũ ăn bám, dầu họ có đủ tài để không phải sống bám".

Cô Hiền bên ngoại, chị Đại bên nội là những người đàn bà có đầu óc rất thực tế. Mọi sự mọi việc đều được các bà ấy tính toán trước cả. Và luôn luôn tính đúng vì không có lòng tự ái, sự ganh đua, thói thời thượng chen vô. Không có cả sự lãng mạn hay mộng mơ vớ vẩn. Đã tính là làm, đã làm là không thềm để ý đến những đàm tiếu của thiên hạ. Cô tuyên bố thẳng thừng với tôi: "Một đời tao chưa từng bị ai cám dỗ, kể cả chế độ". Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chẳng hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp tiểu học hiền lành chăm chỉ, khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc.

Có gì mà kinh ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng: "Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập được khỏi phải sống bám vào các anh chị". Là thôi hẳn. Cô bảo tôi: "Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng thì cái gia đình ấy cũng chẳng ra sao". Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi: "Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi

đứng nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng". Có lần tôi cãi: "Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm". Cô ngồi ngẩn ra một lúc, rồi bảo: "Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ còn sau này muốn sống ra sao là tùy".

Đầu năm 1965, Hà Nội có đợt tuyển quân vào chiến trường trong Nam, là đợt đầu tiên nên tuyển chọn rất kỹ càng, lứa tuổi từ 18 - 25, diễn viên cải lương và kịch nói có, nhạc sĩ có, họa sĩ có, giáo viên trung học rất đông, là những chàng trai ưu tú của Hà Nội. Nghe nói khoảng 660 người. Người con trai đầu tiên của cô Hiền vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện đăng ký xin đi đánh Mỹ. Tháng 4 năm 1965, lên Thái Nguyên huấn luyện. Tháng 7 rời Thái Nguyên vào Nam. Họ có dừng lại Hà Nội vài giờ vào lúc tối, nhưng không một ai biết. Tôi hỏi cô: "Cô bằng lòng cho em đi chiến đấu chứ?" Cô trả lời: "Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng". Ba năm cô không nhận được một tin tức gì về đứa con đã ra đi, lại đến thẳng em kể làm đơn xin tòng quân, cũng đòi vào chiến trường phía trong để gặp anh, nếu anh đã hi sinh thì nối tiếp chí hướng của anh. Tôi lại hỏi cô: "Cô cũng đồng ý cho nó đi à?". Cô trả lời buồn bã: "Tao không khuyến khích, cũng không ngăn cản, ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nó phải chết, cũng là một cách giết

chết nó". Rồi cô chép miệng: "Tao cũng muốn được sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả, hoặc chết cả, vui lẽ thì có hay hóm gì". Cũng may chú em tôi học rất giỏi, thi vào đại học với số điểm rất cao, nên nhà trường giữ lại. Tôi đến chúc mừng cô và em, cô nói: "Hiện tại thì nó may hơn anh nó, nhưng nếu anh nó còn sống rồi cũng chưa biết đứa nào may hơn đứa nào". Cô tôi tính toán việc nhà việc nước đại khái là như thế.

6

Tháng 12 năm 75, cô Hiền cho con gái xuống nhà gọi vợ chồng tôi tới ăn liên hoan mừng em Dũng đã về. Cô nói: "Nó đeo ba lô bước vào đến giữa nhà tao còn hỏi, anh muốn mua gì?" Tôi cũng không thể nhận ra nếu được gặp đồng chí thượng úy này ở đâu đó. Gày ốm quá, da đen quá, râu ria cũng nhiều quá, chả còn tí dấu vết gì là một chàng trai của Hà Nội. Trong mấy chục năm sống dưới chế độ ta, mỗi tháng cô chú đều tổ chức một bữa ăn bạn bè, gồm các cựu công dân Hà Nội, những tên tuổi đã thành danh của đất kinh kỳ. Khoảng mười, mười lăm người gì đó. Cửa hàng đóng từ chiều, các bà lần lượt đến trước, xông ngay vào bếp cùng làm cơm, các ông đến sau, mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, bỏ áo khoác ngoài bên trong còn mặc bộ đồ, thắt cà vạt, nhưng đã sờn bạc cũ kỹ. Tiệc đã bày xong, vẫn chỉ có mấy ông ngồi tán suông chứ chưa thấy các bà. Rồi cửa trong mở, bà chủ xuất hiện trước như diễn viên trên sân khấu, lược giắt trên cài

hoa bột lấp lánh, rồi một loạt bảy tám bà tóc đã bạc hoặc nửa xanh nửa bạc, áo nhung, áo dạ, đeo ngọc đeo dây đi lại uyển chuyển. Ngày thường các bà mặc áo bông ngắn, quần thâm, đi dép đi guốc, vuông khăn len tơ tếp buộc cổ hay bịt đầu là các cô Lọ Lem của mỗi ngày, có phải trò chuyện mình cũng dễ ăn nói buông tuồng, thiếu ý tứ. Tất cả là bình dân, tất cả đều có quyền ăn nói thô tục. Còn lúc này, toàn là những người quý phái mình phải xử sự ra sao nhỉ? Cô hỏi tôi: "Xã hội nào cũng phải có một giai tầng thượng lưu của nó để làm chuẩn cho mọi giá trị. Theo anh, ở xã hội ta thì là tầng lớp nào?". Tôi cười phá lên: "Thưa cô, là bọn lính chúng tôi, là giai cấp lính chúng tôi, chứ còn ai nữa". Cho nên cái mùi lính trắng thâm nhiễm vào mọi nơi mọi chỗ, quan hệ kiểu lính, vui chơi kiểu lính, ăn nói kiểu lính, văn chương cũng là một mùi lính. Là người lính vừa chiến thắng, người lính đang được cả xã hội trọng vọng. Còn bây giờ, sau bữa tiệc mừng đại thắng mười lăm năm, tầng lớp lính đã mất ngôi vị độc tôn của mình rồi. Bây giờ là thời các giám đốc công ty, các tổng giám đốc công ty, các cổ vấn, chuyên viên kinh tế thật giả đủ loại lên ngôi ban phát mọi tiêu chuẩn giá trị cho cả xã hội. Tôi xin trở lại cái bữa tiệc của buổi tối hôm ấy, bữa tiệc của mấy người thượng lưu của Hà Nội đã mất ngôi tiếp đãi, chiều nịnh hai anh bộ đội từ một thành phố lớn nhất nước trở về. Nói cho thật, Dũng mới là nhân vật chính, còn tôi chỉ là một loại nhân

vật phụ, ghé gắm vào cái vịnh quang chung mà thôi. Trong bữa tiệc hình như tôi nói có hơi nhiều, nói về thành phố Sài Gòn rộng lớn, đông hơn, đẹp hơn cái Hà Nội của mình, về người dân Sài Gòn cũng lịch thiệp nhã nhặn hơn người dân Hà Nội. Những người ngồi nghe đều nín lặng, không một ai hỏi lại, không một ai bình phẩm gì thêm. Tôi đã nói điều gì thất thố? Một ông già hướng mặt về phía Dũng bảo: "Đồng chí bộ đội có chuyện gì vui kể nghe nào?". Dũng nói: "Thưa các bác, chỉ có những chuyện không được vui lắm". Một bà nói: "Cứ nói, người đi xa về có quyền muốn nói gì thì nói". Dũng nói rằng trong nửa năm nay anh không ngớt nghĩ về những người từ Hà Nội ra đi cách đây đúng 10 năm. Sáu trăm sáu mươi người. Bây giờ còn lại khoảng chừng trên dưới bốn chục. Anh kể về một người bạn cùng trung đoàn, cùng một cấp thượng úy, tên là Tuất. Khi chuyển tàu từ Thái Nguyên tiến vào ga Hà Nội đã gần nửa đêm. Vừa mưa to xong, ánh điện lờ mờ nhòe trên lá cây, trên những mặt đường vắng hun hút, trên sân ga Hà Nội. Tàu vừa dừng lại thì từ đâu đó bật lên tiếng loa rất sâu, rất vang: "Quý khách chú ý! Quý khách chú ý! Chuyển tàu từ Thái Nguyên...". Tuất ngồi cạnh Dũng chợt nhòai người qua mặt bạn, gần như đưa cả nửa thân người qua khuôn cửa sổ, hất mặt lên phía có tiếng loa kêu nho nhỏ: "Dũng ơi, Dũng, tiếng của mẹ mình đây! Tiếng của mẹ mình đây!... không một ai được phép dời khỏi toa tàu, không một người thân

nào được biết trước để chờ sẵn ở sân ga, để được nhìn nhau lần cuối, nói với nhau một lời cuối. Tất cả đều phải bí mật. Dừng kể tiếp:

- Thăng Tuất hi sinh ở trận đánh vào Xuân Lộc, trước ngày toàn thắng có mấy ngày. Cháu về Hà Nội là muốn nhào ngay lại nhà ga, đến phòng phát thanh, gặp mẹ Tuất, nói với bà một lời, vì bọn cháu vẫn ở cạnh nhau trong suốt mười năm. Vậy mà phải mấy ngày sau cháu mới dám đến. Cháu biết nói thế nào với một bà mẹ có con hi sinh, mà bạn của con mình lại vẫn còn sống, sống đến bây giờ, đến hôm nay. Bà bước ra giữa một đám đông nhưng cháu vẫn nhận ra ngay được là mẹ của Tuất vẫn nói là hần giống mẹ hơn giống cha. Cháu chỉ còn kịp nói: Thưa cô, cháu là Dũng... nước mắt đã đầm đìa, rồi cháu òa khóc y hệt một đứa trẻ. Bà nín chặt lấy một cánh tay của cháu nhưng không khóc, người bà run bần bật nhưng không khóc. Và bà nói run rẩy: "Nín đi con, nín đi Dũng. Cô đã biết cả, cô biết từ mấy tháng nay rồi".

7

Nhiều năm đã trôi qua. Tôi sống ở thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có việc phải ra Hà Nội đều ghé lại thăm cô Hiền. Chú tôi đã mất rồi. Các em đã có gia đình riêng. Chúng nó cũng đã bắt đầu già. Lớp các cụ trong họ chỉ còn vài người, cô Hiền là một. Cô đã yếu nhiều, đã già hẳn, ngoài bảy mươi rồi còn gì, nhưng cô vẫn là người của hôm nay, một người Hà

Nội của hôm nay, thuần túy Hà Nội, không pha trộn. Nơi tiếp khách của cô sau tấm bình phong cao hơn đầu người bằng gỗ chạm suốt mấy chục năm không hề thay đổi. Một bộ sa lông gụ "cái khánh", cái sập gụ chân quỳ chạm rất đẹp nhưng không khảm, cái tủ chùa một cánh bên trong bày một cái lọ men Thủy hồng, một cái lư hương đời Hán, một cái liễn hấp sâm Giang Tây, và mấy thứ bình lọ màu men thì thường nhưng có dáng lạ, chẳng rõ từ đời nào. Cô đang lau đánh một cái bát thủy tiên men đỏ, hai cái đầu rồng gắn nối bằng đồng, miệng chân cũng đều bịt đồng, thật đẹp. Bên ngoài trời rét, mưa rây là lướt chỉ đủ làm ẩm áo chứ không làm ướt, lại nhìn một bà lão (nếu là một thiếu nữ thì phải hơn) lau đánh cái bát bày thủy tiên thấy tết quá, Hà Nội quá, muốn ở thêm ít ngày ăn lại một cái tết Hà Nội. Năm nay chắc chưa thể có thủy tiên. Dân Hà Nội nhảy tàu lên Lạng Sơn buôn bán đủ thứ mà không buôn được vài ngàn củ thủy tiên nhỉ? Ví thử có thủy tiên liệu còn có người biết gọt tía thủy tiên. Lại thêm cái cách sống, cái tâm lý sống ồ ạt, xô bồ, vụ lợi của đám người vừa thoát khỏi cái chết cái khổ đã dễ gì có được sự bình tĩnh để thưởng thức vẻ đẹp trang trọng của một giò hoa thủy tiên. Cô Hiền nói:

- Anh ra Hà Nội lần này thấy phổ xá thế nào, dân tình thế nào?

Tôi vừa cười vừa nói:

- Chưa bao giờ Hà Nội vui như bây giờ. Phở xá vui, mặt người vui.

- Nhiều người nói Hà Nội đã sống lại.

Tôi nói:

- Có đúng một phần, phần xác thôi, còn phần hồn thì chưa. Cứ nhìn nghe những người Hà Nội buôn bán, ăn uống, nói năng, cư xử với nhau ở ngoài đường là đủ rõ.

Nói thế cũng hơi nghiệt. Vì có mấy việc vừa xảy ra làm tôi tức, tức và đau. Tôi đạp xe ở đường Phan Đình Phùng, tôi đạp chậm, vừa đạp vừa nghĩ ngợi. Một ông bạn trẻ đạp xe như gió thúc mạnh bánh xe vào đít xe tôi, may mà gượng kịp. Tôi quay lại nói cũng nhẹ nhàng: "Cậu đi đâu mà vội thế?". Hắn không trả lời, đạp vượt qua xe tôi, rồi quay mặt lại chửi một câu đến sững sờ: "Tiên sư cái anh già!". Lại một buổi sáng tôi tới thăm một người bạn ở quận Đống Đa, đã lâu không đến nên quên đường, lát lát phải hỏi thăm. Có người trả lời, là nói sòng hoặc hắt cằm, có người cứ giương mắt nhìn mình như nhìn con thú lạ. Tôi có than phiền với vợ chồng bạn về sự thiếu lễ độ của người Hà Nội, cô con gái đang cho con bú góp lời liền: "Ông ăn mặc tẩm như thế lại đi xe đạp họ khinh là phải, thử đội mũ dạ, áo ba-đơ-xuy, cưỡi xe cúp xem, thừa gửi tử tế ngay". Tôi cười nhắc nhó: "Lại ra thế". Cô Hiền không bình luận một lời nào về những nhận xét không mấy vui vẻ của tôi về người Hà Nội. Cô than

thở với tôi rằng dạo này tôi thường nghĩ ngợi mọi chuyện một cách duy tâm, y hệt một bà già nhà quê. Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn sang đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng tàn cây đè lên hậu cung, một phần bờ rề bặt đất chổng ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay tới sự khác thường, sự rời đổi, điểm xấu, là sự ra đi của một thời. Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn luôn là thời vàng son. Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không như thế. thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho một lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế đâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cầu tới đặt bên kia bờ quảng dây tời vào thân cây si rồi kéo dần lên, mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm: "Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được". Cô muốn mở rộng sự tính toán vốn dĩ đã rất khôn ngoan của mình lên thêm một tầng nữa chẳng, cái tầng vô hình, không thể biết, nhưng phải biết là trên đời này còn có nhiều lý sự không thể biết để khỏi bị bó vào những cái có thể biết. Bà già vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá. Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kỳ chói sáng những ánh vàng.



CHU LAI

Họ và tên: **Chu Văn Lai**

Ngày tháng năm sinh: 5.2.1946

Quê quán: Hưng Đạo, Phù Tiên,
Hưng Yên

Nghề nghiệp: Nhà văn, nhà báo

Địa chỉ hiện nay: Lý Nam Đế, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Truyện ngắn: *Người im lặng* (1976); Tiểu thuyết: *Nắng đồng bằng* (1977); *Vòng tròn bội bạc* (1990); *Phố nhà binh* (1992); *Cuộc đời dài lắm* (2002)...

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng văn học Bộ Quốc phòng...

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Cả đời cha đời mẹ đã trăn mặc núi rừng, bây giờ đến đời con lại chiếu buộc tròn, ba lô con cóc, mồ hôi ướt vai lên rừng xanh núi đỏ làm người lính biên cương thì cũng trái lòng lắm lắm, như là mình có tội với con, như là đẩy đoạ con mà không thể không làm.

Thế là hụi hẩng, là trống trải đến bàng hoàng. Trong một đêm bàng hoàng như thế truyện ngắn *Con tôi đi lính* ra đời.

CON TÔI ĐI LÍNH

Con tôi đi lính, vâng, tức là đi bộ đội thì có gì phải nói, có gì ghê gớm lắm đâu đến nỗi phải ghi, phải viết lại. Ấy vậy mà tôi vẫn viết, như thể nếu không làm thế, nó cứ bắn khoăn ằng ạng trong lòng lắm!

Bởi lẽ cái sự đi lính của con tôi đối với tôi, một gã đàn ông đã bắt đầu vào già, hay cả nghĩ, hay vâng vi mọi nhẽ ở đời, lại là tương đối đặc biệt.

Điều đầu tiên phải thú nhận một cách hết sức thành thực là tôi đâu có ý định cho nó vào bộ đội. Đời cha nó, đời mẹ nó đã mòn mỏi khoác áo lính rồi, có mỗi mình nó là con một, việc gì phải cho nó cũng khoác thêm một áo trận nữa. Nhưng khốn nỗi, thi ba trường trượt hết hai, trượt thẳng cả, ông con chỉ được có một mỗi trường, mà cũng là vào non, đó là trường Đại học Quân sự. Chao ôi! Kinh tế lên, giá trị người lính lên và vị thế của các trường quân đội cũng trở thành cao sang lắm! Vâng! Thoạt đầu thì cũng chỉ là trộm nghĩ như vậy, hơn nữa, vào được đó là thẳng bé mặc nhiên hội tụ những ưu thế tuyệt hảo

mà không một hệ trường bên ngoài nào có thể có: Thoát được cái tệ nạn xã hội, tránh xa được cái chết trắng, chất lượng giảng dạy siêu đẳng, ra trường là không phải khăn gói quả mướp lo đi kiếm việc làm, đây là chưa nói suốt bốn năm học, tiền ăn, tiền mặc gần như được khoán trắng, gia đình không mấy may phải lo nghĩ gì. Đây! Bao kẻ cứ dài mồm ra kêu cơ chế bao cấp là cổ hủ, là lạc hậu, nhưng riêng thằng con tôi lại được cái bao cấp đó che chở, giữ gìn, thì thiên đường đây chứ thiên đường ở đâu.

Nhưng... Khổ! Cái khôn khổ của tôi là ở chữ nhưng ráo hoảnh, lạnh như đồng áy. Nhưng trước khi được hưởng thứ tiêu chuẩn “tối huệ quốc” này, a lê hấp! Người ta mời tất cả các cậu chàng về đơn vị làm lính thực thụ một năm cái đã! Tôi cười nhạt! Một năm đã là cái gì! Chuyện vặt! Tốt thôi. Rất tốt nữa là khác. Đời bố nó, mẹ nó còn là lính cả ba mươi năm, trong đó có mười năm đánh nhau chí chạp với kẻ thù kia kìa mà đã có nhằm nhò gì đâu. Lên đường thôi, cậu bé biết thế nào là sướng khổ, là buồn vui, là nỗi nhớ cha mẹ, nhớ phố phường mà chỉ ở nhà, nức mắt đã thụ hưởng một chế độ công tử. Cậu làm sao có thể được. Mạnh dạn lên! Dầu nhìn trong mắt cậu, tôi đã thấy rõ cậu không thích, cậu chỉ muốn ngồi nhà một năm nữa để sang năm thi lại vào một trường Ngoại giao, Ngoại thương, một trường có tên gọi sáng choang, êm ả nào đó mà do sợ tôi nên cậu phải cúi đầu chấp nhận

Nhưng... Lại nhưng rồi! Nghĩ thì dào dạt vậy nhưng đến ngày con nhập đơn vị thì đúng là một cú sốc khá mạnh nện thẳng vào cái đầu lãng mạn, càng già càng nông nổi của tôi. Chao ôi! Nhìn cái động tác nó cắm cúi khâu quân hàm, quân hiệu vào ve áo trong căn phòng tập kết để sáng mai mới lên đường đi xa kia! Ngheo đầu ngheo cổ, xoay ngược rồi xoay xuôi mà khẩu súng và lưỡi gươm nhỏ xíu màu sáng bạc cứ chống ngược vào nhau... Lại còn bộ quân phục nữa! Cao có một mét năm tám, thân hình lẻo khoẻo, khi đi thi tuyển ở Khu đội, phải độn thêm cả phân vải ở lót giày cho đủ thước để girth đây, bộ quân phục nào đối với nó cũng rộng thùng thình, dài bát ngát. Cứ phải xắn lên, cứ phải xốc qua xốc lại cho thoát được khỏi cái dáng bộ một hình nhân. Dặn thêm đôi giày vải, thắt vào bụng chiếc đai lưng, chụp nhẹ cái mũ kê-pi lên đầu, mắt nhìn hơi nghiêm một chút... thế là thằng con tôi bỗng đã hóa thành một chú lính. Sự hóa thân nhanh và đột ngột đến nỗi tôi không còn nhận ra nó nữa, ra cái thằng bé suốt mười tám năm trời chỉ lấy sự ăn diện và trề nải làm cảm hứng chủ đạo.

Lúc ấy, như có một làn chớp sáng lên trong đầu, tự nhiên tôi bước tới đưa tay ra bắt tay nó, một điều mà bố con nhà này chưa bao giờ làm, như bắt tay một đồng đội thân tình. Nó cười ngọng nghịu. Còn tôi lại nhìn xuống đôi phù hiệu trên cổ nó. Thoáng nôn

nao trong người! Liệu nó có hay rằng, bằng hai sắc đỏ đó, vô hình chung nó đã gắn cả đời nó vào con đường binh nghiệp?

Và cái nôn nao mơ hồ này cho đến sáng hôm sau, lúc tiễn nó lên xe về đơn vị thì mới phá ra thành tiếng nổ. Thằng con tôi đang đứng kia, một dấu chấm than thẳng đơ trong đội hình. Nhỏ bé, trắng xanh, mũ to hơn người, chiếc ba lô con có đè chùm lưng, một chiếc chiếu buộc tròn quanh nấp, một vệt mồ hôi đang loang ướt bả vai... Xe nổ máy, nó ngoái lại chỉ nhìn mà không nói, đôi mắt to ơ là to đọng lại trong khung cửa... Xe đi rồi, giữa gió lạnh cánh đồng, hai vợ chồng tóc bạc đứng nhìn nhau, cũng không nói, côi cút, trống vắng, thần thờ như vừa mất mát một điều gì...

Mất mát như cái nhìn của mẹ tôi ba mươi năm về trước khi một mình ra tiễn tôi tại sân ga Hàng Cỏ để làm cuộc hành quân đi B. Chỉ khác, rất khác là hồi đó cả nước ra trận cả một thế hệ háo hức vào chiến trường, đông đảo, hùng hậu, hào sảng, trùng trùng, lớp lớp, gió bay, cờ bay... còn bây giờ chỉ có một nhóm lặng lẽ đi ngược dòng đời phồn hoa đô hội lên miền rừng thực thì bốn phận và nghĩa vụ người lính. Mồ hôi trên vai... Tám chiếc chiếu buộc tròn trên nấp... Hình ảnh ấy công phá tôi dữ dội suốt dọc đường về. Nhìn những tập sinh viên xanh đỏ tím vàng cả trai lẫn gái đẹp đẽ, sang trọng, tươi mơn đi xe máy, đập

xe đạp phóng ngược chiều Mai Dịch, miệng cười, mắt cười, roi roi nắng đông mà càng thêm se lòng, se ruột. Tuổi con tôi đây. Chao ôi! Đáng ra nó cũng đang phải được roi roi thế này. Vậy mà... Mồ hôi trên áo, tấm chiếu buộc tròn... Một mặc cảm cha mẹ đã làm khổ con rồi chọt vắn lên trong tôi. Đôi mắt mở tròn không nói lên điều gì kia biết đâu lại chả ủ thắm một chút oán tránh. Oán trách mà thương cha thương mẹ nên chẳng thể nói ra. Chỉ nhìn...

Tuy vậy vẫn là ngoài đường ngoài ngõ, là cái nơi có thể làm tan loãng được mọi buồn vui thế sự. Nhưng về đến nhà rồi, vợ đến cơ quan, còn lại một mình giữa bốn gian phòng lạnh ngắt, nổi bàng hoàng mới hun hút dần về. Thế là không còn nó nữa rồi! Trước lúc lên xe nó bảo đừng đến thăm, đến tết con sẽ tranh thủ về. Bây giờ mới tháng 9. Còn bao ngày nữa mới đến Tết? Bao ngày? Rùng mình mà không dám rạch rồi đếm ra. Thật là một buổi chiều nặng nề trôi qua sao chậm thế. Cuối giờ mẹ đi làm về. Mặt mày vẫn tỉnh như không. Quái lạ! Đàn bà mềm yếu.... Hay là cô ấy đang cố nén, đang cho nước mắt chảy vào trong để làm yên tâm lòng anh chồng lúc chớm già thường sinh tật hay buồn tủi.

Bữa cơm chiều được dọn lên. Vẫn bàn ấy, bát đĩa ấy, nồi niêu ấy, chỉ trống chỗ ngồi cuối mâm của nó. Nó đã ngồi đấy suốt mười tám năm có lẻ. Nó đã ngồi đấy nhọc nhằn hay thơ thới trước mọi vui vẻ hay

cấu sườn của bố mẹ, mà khôn khổ khôn nạn chưa, cấu nhiều chứ vui mấy. Nó đã ngồi đây với cái lưng dài dần ra như không thể ngồi ở một chỗ nào khác. Quen rồi. Nhập vào tâm rồi. Ngào sâu vào rau dưa thịt cá rồi. Vậy mà chiều nay không còn nó nữa. Cái ghế kia không chủ được đá nhẹ vào găm bàn. Bữa cơm vắng thiếu khuôn mặt trẻ con bỗng thành hoang hóa. Gió lạnh luôn qua khe cửa. Bóng tối phủ kín mặt sân. Giờ này nó đang làm gì? Đã ăn cơm chưa? Cơm được mấy bát? Có thịt có cá như ở nhà hay chỉ lèo tèo vài ba lát đậu, sáu người chung nhau một tô canh lênh loãng? Chiều nay lạnh thế, nó tắm tấp thế nào? Mới hôm qua thôi, nó còn chui vào buồng tắm hai lần sáng, tối mặc cho hơi nóng mù mịt bay ra cùng với cả đồng hương vị dầu gội đầu ngan ngát bốc lên...

Đang nghĩ, cầm bát cơm gạo mới thơm nồng vợ đem cho, vừa và một miếng vào miệng đã nghẹn đắng, nghẹn đơ không thể nhai nốt nữa. Bỏ bát cơm ra ngoài để giấu đi cái sự nghẹn ngào rất không đúng lúc của một thằng đàn ông trong nhà... Cô vợ cảm nhận được điều ấy nhưng vẫn không rời mâm cơm, chậm rãi vừa nhai vừa dõi theo chương trình thời sự trên màn hình. Cám ơn em! Cám ơn bà nó! Nếu lúc này mà cả hai đều buông bát thì tan nát hết nhà cửa còn gì! Bỗng vỡ ra, cuộc đời chỉ âm thầm trong viết lách nó đã làm mình mềm yếu quá đi mất rồi.

Đêm xuống thật thắm thía cái sự buồn! Sợ không dám nhìn vào cái căn phòng 10 thước treo dán la liệt những tranh ảnh ngôi sao ca nhạc, danh thủ bóng đá của con nữa! Tôi qua nó còn ngồi kia mãi mê với quyển *Hoa học trò*. Bây giờ cả căn phòng tôi hun hút như một con mắt nhìn ra mù lòa. Rùng mình... Vội bật đèn lên, và không dè đã bật suốt cả tháng trời sau đó, bày mấy cuốn *Hoa*... ra bàn, treo bộ áo Pull quần bò nó thường mặc vào thành ghế như cách treo của nó... Chỉ để gợi cảm giác rằng nó vẫn ở đó, nó chưa hề đi đâu cả, mùi mẽ của nó còn nồng nặc cả ra đây này. Lạ chưa! Trước đây chỉ cần nó bày bừa ra một chút là nhắc nhở, là riết róng, thế mà giờ đây bỗng thềm cái sự bừa bộn kia quá! Càng bừa bộn, càng lòi thòi càng tốt.

Càng lạ hơn là cái giờ trước khi đi ngủ, theo thói quen bao giờ tôi cũng lấy hết tiền trong túi cất đi, không sợ con tắt mắt chỉ sợ con tiêu bậy nhưng đêm nay, cũng theo thói quen, vừa mới đụng tay vào túi, tay đã rã rời ra! Có còn ai nữa mà phải cất với giấu đây hả trời!...

Đêm đó là một đêm thức trắng với bao suy nghĩ bộn bề. Thì ra bao năm nay vất vả vì con, khổ sở vì con thì cũng là vì mình. Nó ra khỏi nhà tức là nó đã mang tất cả những vui buồn, những ý nghĩa sự sống của mình ra theo. Rõng ruột! Phải chăng người lính nào cũng có một tình yêu con đặc biệt, tình yêu có

chiều thái quá, như yêu chính một thời trẻ thơ của mình, như để bù trừ cho những tháng năm traten mạc quá đời gian lao mà mình đã ném trải. Để bây giờ nó lại phải đi vào gian nan như cha mẹ nó ngày nào thì thật là trái lòng trái dạ làm sao!

Sáng hôm sau, cái nổi bằg hoàng quái quỷ ấy trong tôi vẫn còn nguyên. Thậm chí còn vón đặc hơn. Chỗ này xin một cái ngoặc đơn. Đời tôi đây là lần thứ hai tôi được ném trải cái mùi vị này. Lần thứ nhất là dẫn quân đi B. Cả trung đội năm chục người, trung đội trưởng hồi đó oai lắm, có cả công vụ, cả liên lạc đảng hoàng. Suốt sáu tháng Trường Sơn, trung đội sống với nhau như trong một gia đình thân thiết, tưởng chẳng hề tách rời ra được. Vậy mà đánh bùng một cái, ngay từ hôm đầu đến địa bàn, tại một cánh rừng xa lạ chỗ hố bom B.52, cả trung đội bỗng bị xé ra tơi tả, mỗi thằng về một đơn vị, khiến đầu óc cứ thần thờ đến cả tuần. Và lần thứ hai là lần này. Tất nhiên còn lần nữa nhưng chỉ xin nói nhỏ thôi. Đó là lần chính thức trở thành tù nhân của một người đàn bà mà người đời thường kêu bằng vợ... Thế, sáng hôm sau biết là sẽ không tự giải tỏa được khỏi u ám ảnh trong đầu, tôi bay thẳng đến một trường Dân lập chỉ để thám thính xem còn chỗ không? Còn dịp thời gian nhập học không? Nếu còn, bao nhiêu tôi cũng xin đóng và ngay tấp lự, tôi sẽ bay tiếp đến chỗ đơn vị nó đóng quân, nói khó cho nó được giải ngũ dẫu nó mới chỉ nhập ngũ được có... một ngày. Không *Ngoại*

này *Ngoại* nọ thì *Lập* này *Lập* kia cũng được. Miễn là sớm tối bố con có nhau, đêm đêm không phải lần tìm công tắc bật đèn phòng nó cho đỡ chống chénh cả nhà nữa. Đó là chưa nói, với cái tạng cậu ấm cô chiêu quen ăn sung mặc sướng như nó, không chịu nổi đời lính, nó mà giở trò đào tẩu cho một cái thì rồi là khôn khổ cả nhà!

Nhưng thật không may, hay là quá may, chẳng trường nào còn cả. Thời buổi kinh tế mở, thiên hạ đổ xô đi giăng cho được một mảnh bằng, trường nào cũng chật ních ních đến sợ. Vậy là một mảnh bằng, trường nào cũng chật ních ních đến sợ. Vậy là về. Tiu nghỉu mà về để ngày ngày tự chống chọi với thế giới tâm hồn ốm yếu của mình.

Nhưng quả tình là không chống nổi. Nhà đã rộng, thẳng bé ra đi càng rộng. Rộng đến nỗi lắm khi tôi không dám ở nhà một mình. Nhìn đâu cũng thấy bóng hình nó. Sờ vào cái gì cũng thấy mùi mẽ của nó dính bám vào. Từ cái giường cái chiếu đến đĩa hát băng nhạc, cho đến cả đôi giày đôi dép... Cứ như là nó sẽ chẳng bao giờ trở về nữa. Bỗng thương mẹ cả một đời đưa tiễn hết đứa con này đến đứa con khác ra trận và những đứa con ấy hầu hết là không trở về!

Tôi ngậm nẩy sinh và nung nấu một quyết định: thay vì đếm lịch vật vờ chờ đến Tết thì chỉ năm tuần sau, sợi dây kiên trì đã bị đứt, tôi hát đầu một cách rất gia trưởng bảo vợ lên xe đi thăm con. Thăm

là phụ, đón nó về là chính. Vâng! Chỉ cần tôi thoáng nhìn thấy rõ ràng sự xanh xao, tiều tụy và những giọt nước mắt tủi thân rịn ra khi thoát gặp cha mẹ của nó là tôi sẽ làm thủ tục đón nó về. Tất nhiên tôi không để lộ ý tưởng có tầm vi mô và vĩ mô này ra. Trong mọi chuyện, đàn bà bao giờ cũng chín chắn hơn, để lộ ra có khi hỏng chuyện. Cô ấy chỉ việc ra chợ, khuân một đồng thực phẩm, nhu yếu phẩm và cả dược phẩm có ý nghĩa tổng hợp về nhà: giò chả, ruốc, thịt, mỳ tôm, bitscot, các loại bánh kẹo, muối vừng, bia bọt, xà phòng, thuốc đánh răng, giấy vệ sinh, dầu gội đầu, thuốc đau bụng, thuốc sổ mũi, thuốc lang ben hắc bào, nấm mốc... gói lại, chằng buộc đằng sau xe cho kỹ, y như cái kiểu người ta đi thăm tù, thế là xong. Còn mọi việc cứ để tôi. Tôi lo hết.

Với ý chí sắt đá đó, đến nơi, tôi bỏ qua trung đoàn, bỏ qua tiểu đoàn, bỏ qua cả đại đội, phẩm phẩm đi thẳng xuống trung đội nó đóng quân. Hồi hộp. Lo lắng. Như cả năm rồi không gặp. Như chắc mẩm thằng bé sẽ khóc òa lên, sẽ bị cuộc sống quân trường làm cho biến dạng hình hài khó nhận ra. Ở nhà một sáng nó ăn quà năm, bảy ngàn, ở đây cả ngày cả đêm có năm ngàn thì không biến dạng sao được. Xem nào!...

Bất ngờ tôi chưa kịp xộc vào buồng nó thì đã thấy nó từ vườn rau tăng gia chạy ra. Chao ôi!... Làm

sao tôi có thể tin ở mắt mình được nữa! Nó đây ư! Quần dài, dép lỏ, áo đông xuân, tóc húi ngắn... Là nó mà lại không phải là nó. Nó làm sao có nước da hồng hồng, có tảng ngực còm cộm, có cái nhìn roi roi không gọi lên một chút nước mắt nào hết và miệng cười vạm vỡ thế kia! Ấn tượng về con là eo ọt, mảnh mai, nói khê, cười khê, tóc tai bông bông, mắt nhìn rớt rớt như lúc nào cũng có sương mù Đà Lạt lãng đãng bay bên trong cơ mà...

Sau phút bất ngờ và ồn ã ban đầu, tôi xin phép đại đội cho cháu ra thị trấn chơi. Cháu đóng bộ quân phục vào, mới có hơn tháng mà bộ quân phục đã vừa vặn như được may, được cắt. Và sau đó là một loạt các sự kiện bất ngờ mang đậm tính kịch lại liên tiếp xảy ra.

Bất ngờ thứ nhất là ở cổng gác. Đến trước người lính vệ binh, cháu bỗng đứng nghiêm, hai gót giày nện vào nhau cái cốp và một giọng nói rành rẽ vang lên: “Báo cáo! Tôi xin phép ra ngoài!”. Quả thật tôi thấy rùng cả người! Xưa nay nó có nói được thế bao giờ. Ít nói mà đã nói là thường cấm cản. Người bị cấm cản nhiều nhất là mẹ nó với cái điệp khúc lẽ nhè mỗi sáng ngủ dậy cùng với tiếng nước đá chảy tồ tồ: “Ăn gì nhỉ?”. Chưa hết. Nhắc thấy tôi đi qua cổng mà vẫn đeo kính mát, cháu nhắc nhẹ: “Bố! Bố bỏ kính ra!”. Trời đất! Mười tám năm dằng dặc, bố

toàn dạy con, vậy mà mới có năm tuần thẳng con đã biết dạy lại bố rồi! Được con nhắc nhở mà mát lòng mát dạ.

Cái bất ngờ thứ hai là mẩu đối thoại dầm chất mẩu tử, phu tử đã được vun đắp, ấp ủ từ lâu. Tôi hỏi, mẹ nó hỏi và nói chung cả hai đều tranh nhau hỏi. Hỏi như chưa được hỏi bao giờ. Còn nó lại bình thản trả lời. Trả lời từng nhát. Như trả lời về một tiết học thêm hay một buổi đi sinh nhật bạn ở nhà. Đại khái là rất đối thường tình nhưng lại khá xôn xao thế này:

- Con ăn có no không con?

- No. Cơm nhiều, chỉ ít thức ăn. Bữa nào con cũng đánh bốn bát mà chỉ lúc sau là đói.

- Khổ thân!... Thế có ốm đau gì không? Hời ở nhà con hay sổ mũi nhức đầu vặt lăm!

- Hết rồi. Chỉ thèm nghe nhạc thôi.

- Được rồi. Bố mẹ lần sau sẽ mang cho con chiếc Cassette. Thế tắm tấp ra làm sao hở con?

- Tắm tốt! Tập xong, mồ hôi vã ra, con chờ ráo một tí là tha hồ dội nước lạnh, dội chung cả trung dội. Bể nước to bằng cái nhà. Nhưng vẫn chỉ mong chóng đến Tết để được về tắm bình nước nóng một cái. Con phải tắm hết hai bình.

- Ủ, Tết về mẹ sẽ nấu nước lá mùi cho mà tắm. Tắm cả ngày, tắm mấy bình cũng được. Thế tập tành

có khổ lắm không con? Đã báo động, đã đeo nặng tập hành quân, đã phải gác đêm lần nào chưa?

- Thì em cứ hỏi từ từ để nó trả lời. Hỏi gì như bắn liên thanh.... Nghe bố hỏi này, giờ đây con đang tập gì?

- Tập đội ngũ. Tuần sau bắt đầu tập xạ kích. Tuần sau nữa tập chiến thuật tổ ba người tiến công, phòng ngự rồi. Tập thế chắc là vui hơn.

Chao ôi!... Đội ngũ... Xạ kích... Chiến thuật.... Tổ ba người... Tiến công... Phòng ngự. Những từ này do chính miệng nó, cái miệng chỉ biết rành ban nhạc Rốc này, ban nhạc Ráp nó nói ra đấy ư? Tôi hơi lui người lại, bắt đầu nhìn con với một chiều kích khác và quyết định giành quyền độc tôn hỏi han cho mẹ nó. Mà nói cho cùng, không giành quyền độc tôn cho cô ấy cũng không được. Con gái quần ba, con trai quần mẹ. Cứ để cho hai mẹ con quần nhau. Đây là dịp để chứng tỏ tính khách quan, đức trầm tĩnh của một thằng đàn ông vốn dĩ đã vô cùng thiếu vắng trong tôi chứ sao.

Màn đối thoại được tiếp tục đào sâu vào cái chiều góc ngách:

- Nghe nói, ăn cơm muộn giờ phạt phải đi hót phân, ngủ gật khi gác phải mang bụng cơm chạy mười vòng quanh trại hả con? Con có bị phạt lần nào chưa? Có ai mắng, ai đánh con không? Cán bộ trung đội, đại đội đối xử với con thế nào?

- Mẹ toàn nghe chuyện ở đâu ấy. Ở đây làm gì có phân mà hót! Cùng lắm là bị gọi lên phê bình, nhắc nhở thôi. Các anh trung đội, đại đội hiền lắm, thấy con yếu, các anh toàn cho làm việc nhẹ. Vừa rồi, đại đội phó chính trị có ý bảo con lên làm văn thư, tức là nhàn hơn ở dưới tiểu đội một tý, lại được ăn khá hơn một tý, nhưng...

- Nhưng sao con... Con cứ đồng ý đi! Miễn là qua được tám tháng huấn luyện rồi sau này về trường mới là chính yếu.

- Không! ở dưới tiểu đội quen rồi, vất vả nhưng vui hơn.

- Thôi được rồi, được rồi... tùy con. Nhưng sao ở đây ăn có mấy ngàn bạc một ngày mà mẹ trông con có vẻ... béo?

- Con lên bốn cân đấy. Có thằng ở trung đội con còn lên bảy cân kia. Ngày ăn đủ ba bữa, tối đi ngủ đúng chín giờ, sáng năm giờ dậy thể dục, ban đầu không quen không ngủ được...

- Ừ, ở nhà đêm nào con cũng nhạc nhẽo đến một, hai giờ...

- Chỉ mấy ngày là quen, đặt lưng cái, ngủ liền. Cơm ăn mãi cũng không no có bữa xuống bếp xin cả cháy. Thích nhất là hôm nào được phân công nấu cơm.

- Khổ! Ở nhà không thiếu gì của ngon vật lạ mà có bữa nào con ăn nổi ba lưng cơm đâu...

Tiếng nói tắc nửa chừng... Chính lúc đó tôi hăng giọng một cái như sấm nhằm biểu đạt tính trụ cột có giá trị xuyên suốt của mình trong gia đình, rút gói thuốc lá ra, chìa đến trước mặt nó, một điều mà trước đây tôi luôn luôn răn đe quyết liệt, nói một câu chả đâu vào đâu:

- Tốt rồi! Bây giờ con đã là đồng đội của bố, làm điều gì cho thơm... miệng (*Tôi định nói cho thơm râu*).

- Con có hút đâu, ở đây không có ai hút cả. Hồi ở nhà, tại chúng nó rủ, thỉnh thoảng con mới hút một hơi.

- Rất tốt! Bây giờ bố quyết định đây! Con còn được bốn tiếng nữa, ta thuê một căn phòng có máy hai chiều nóng lạnh đang hoàng, tắm một cái rồi đi ăn, sau đó về ngủ một giấc. Được chưa?

Toàn những thứ hợp với nó cả nhưng lại chính nó trả lời:

- Thôi, thuê làm gì, bố. Ăn xong, nghỉ ngơi tý rồi bố mẹ về đi không tới. Con cũng phải vào để sinh hoạt đọc báo.

Đọc báo... Còn biết nói gì thêm nữa khi nó đã bung ra cái thuật ngữ mang đầy tính điều lệnh khô cần như thế. Thì ăn. Chọn một nhà hàng sạch sẽ, tôi để cho mẹ nó gọi gì thì gọi. Thịt gà luộc, cá hấp, thịt rán, nem chiên, thịt bò xào, canh chua... món gì cũng chơi cả đĩa, cả tô cả. Thêm bốn chai bia Hà Nội nữa

là thành bàn tiệc đãi con. Bắt đầu nó còn rụt rè, còn kêu mẹ gọi gì mà gọi lẩm thề. Sau rồi, dường như bắt thèm, lại có ý muốn làm vui lòng bố mẹ, nó bắt đầu ăn. Ăn thật sự, ăn ngon lành, ăn như rồng cuốn, ăn như chưa bao giờ được ăn, ăn như để một lần cho mãi mãi... Nhìn con ăn, ruột tôi quặn lại, phải giả vờ quay đi vẩy tàn thuốc. Còn mẹ nó, có lẽ sức kìm nén đã cạn, cứ để mặc cho nước mắt chảy ra chan hòa...

Nhoáng cái, hai phần ba lượng thực phẩm trên bàn đã được tẩu tán gọn ghẽ. Nó lau miệng rồi ngẩng nhìn lên, cười:

- Con ăn bù trừ giờ đến Tết. Còn lại chỗ này, con gói mang về cho chúng nó.

- Con cứ ăn hết đi! Mẹ sẽ mua các thứ gói về cho các bạn con sau.

Tất nhiên là nó lắc đầu. Và cái bất ngờ thứ ba, cái bất ngờ cuối cùng trong ngày được hiện ra. Đó là lúc mẹ nó lần giở gói đồ tổng hợp ra, bảo nó còn thấy thiếu thức gì, ngay bây giờ sẽ bổ sung nốt. Nó lại cười, nhặt lên một lọ muối vừng có rắc hạt tiêu, nói:

- Con cầm cái này thôi, còn mẹ mang về hết đi! Chúng nó ăn thế nào, con ăn thế ấy. Bộ đội ai lại đi ăn ruốc với ăn kẹo bao giờ - Rồi nó nhìn mẹ vẻ bí mật - Con bảo nhé... bữa ăn này để con trả tiền, thiếu bao nhiêu mẹ trả nốt. Con vừa được lĩnh trợ cấp năm mươi tư nghìn...

Hai ông bà già nhìn nhau... ở nhà, tuần nào nó cũng tiêu cả trăm ngàn vẫn lâu bầu kêu không đủ, bây giờ cả tháng có 54 ngàn mà lại định đái bố mẹ ư?

II

Chỉ thế thôi. Chỉ một lần gặp thế thôi, lòng dạ tôi đã yên tĩnh hẳn. Yên tĩnh như là biết bao trần trở vừa qua đều chỉ là sản phẩm của sức tưởng tượng bệnh lý. Yên tĩnh đến nỗi, đêm đó trở về nhà, dù không có ý định nhưng ngọn đèn phòng nó tôi cũng không thấy cần phải tí toáy đến nữa. Để rồi từ đó, mỗi lần lên thăm con hay thỉnh thoảng nó có dịp tạt qua nhà, chỉ tạt qua ít phút thôi bởi vì nó bảo xa đơn vị một lúc đã thấy nhớ rồi, thẳng lẳng tử đường phố con tôi lại mỗi ngày đổi khác đi một chút. Điềm đạm hơn, rần rởn hơn, và cả cao lớn hơn. Lúc thì nó khoe với tôi đã sát hạch xong môn này, lúc lại bảo vừa hội thảo xong khoa mục khác... Nói chung mọi việc đều ổn, chỉ riêng bài bắn súng ban đêm, do bị một trận thương hàn đột ngột quật ngã hết cả tháng trời nên thời gian luyện tập không được nhiều, dẫn đến cái sự bắn nhảm sang bia người khác, coi như không đạt yêu cầu. Nghe vậy mẹ nó cuống lên trên một khái niệm quân sự rất mù mờ: “Sao lại bắn nhảm hả? Cái bia thẳng người to thế kia mà?”. Tôi gạt đi: “Đẹp! Năm ngoái tôi cũng bắn trượt cả ba viên kia kìa. Ngày xưa bắn thật thì trúng, bây giờ bắn giả, lại bắn qua ba, bốn mắt kính, trượt là phải rồi. Nó cũng vậy,

giống tôi, chỉ cần có thẳng địch bằng xương bằng thịt ở trước mặt là bắn trúng phóc!”

... Nhưng khi chỉ có hai vợ chồng, tôi mới sửa một cái giọng cho thật đầm thắm: “Không đảo ngũ, không phá binh, không kỷ luật, cuộc sống quân trường khắc nghiệt là thế mà cảm có một lời kêu ca, không có một giọt nước mắt dù chỉ là rơm rớm là tuyệt vời lắm rồi. Thậm chí... Trên cả tuyệt vời. Bà phải cảm ơn những ngày tháng đối với nó vừa rồi”. Vợ tôi nguyền một cái rồ dài: “Sao bây giờ ông không phóng xe máy lên xin nó về nữa đi! Đúng là nói xuôi nói ngược cũng được”.

Tám tháng sau, nó xách ba lô về nhà cùng với cô bạn gái xinh xắn mẹ nó nhờ đi đón. Chà! Đã hoàn toàn ra dáng một người đàn ông mặc võ phục, quân hàm học sinh sĩ quan đeo ngang vai, văn bình thần, nó thông báo khóa huấn luyện đã xong, nghỉ phép mười ngày sau đó bắt đầu nhập học, được phong hàm hạ sĩ, và một giấy đối tượng Đảng nhét túi ngực. Cô bạn gái có cặp mắt bồ câu trông rất ư là phúc hậu của nó chỉ ngồi nhìn nó và im lặng cười.

Cách đây ba tháng, khi dịch sốt thương hàn khiến nó phải đi cấp cứu, cấp cứu cả nửa tháng trời mà nhất định không cho ai nhắn tin về nhà, chính cô bé tốt bụng này đã lặn lội đi hơn bốn mươi cây số một mình để vào quân y viện thăm nó, chẳng sợ lây lan, ngồi hẳn vào giường nó múc từng thìa cháo cho nó

ăn. Cũng chính cô, hồi nó chưa đi lính đã có lần dè bĩu làm cho nó nổi sùng lên: “Tôi thấy bạn chán lắm! Con trai gì mà ở nhà thì chỉ biết dán tai vào máy nhạc, khi ra đường thì tóc tai cứ bóng lộn lên vì xịt gôm...”. Và bây giờ... chỉ nhìn và lặng lẽ cười. Rõ ràng cái nhìn của một nữ sinh viên trước một người lính phong trần.

Còn tôi, lúc ấy cũng nhìn con như nhìn người lạ, rồi lại bật ra một câu cảm thán chả ra đâu vào đâu:

- Vậy là nhà ta đã đủ để thành một tổ tân giao ba người. Và nếu tới đây, cái giấy cảm tình kia có hiệu lực, cả nhà thành một tổ Đảng luôn. Quấy nhỉ?

Nhưng cái điều tôi thật sự muốn nói với nó lại chả quấy chút nào: Tám tháng là một khoảng thời gian rất ngắn trong cả đời người nhưng nó chính là một thứ hành trang vô giá để con bước đi trên những nẻo đường gió bụi. Sau này nó có thể là thế này là thế nọ, có thể thăng hoa và cũng có thể lụi tàn, cái đó không quan trọng, điều thiết yếu nhất là con đã có được một điểm tựa tinh thần để dù ở hoàn cảnh nào, ở đâu, con cũng có cơ hội làm một người tử tế. Khi đó bố mẹ đã già rồi, có thể cũng không còn nữa. Vậy thôi.

Hà Nội 1998



VĂN LINH

Họ và tên: **Trần Viết Linh**

Ngày tháng năm sinh: 1.11.1930

Quê quán: Đại Nài, Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Nhà văn

Địa chỉ hiện nay: Tập thể Giảng Võ, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Mùa hoa giẻ, Goòng, Pả Sua, Gương mặt một người thân, Thành phố người em gái, Đêm nhiệt đới, Bến Thác, Sông Gianh* và nhiều tác phẩm khác.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Đồng cỏ bát ngát, cao nguyên Mường Phồn đẹp hút tâm mắt. Nơi đây tôi từng đan diu với một mối tình mơ mộng, đắm say... Thế rồi, vào một buổi chiều, tôi ở bản Tồn về, ngả lưng nghỉ dưới bóng khóm mận lay ven thảo nguyên hưởng hương gió cô liêu lướt trên nội cỏ. Khoảnh khắc đang thả hồn lang thang bỗng bên tai thoảng vọng đến một tiếng gọi kéo dài "Phim pha...a...a". Tôi bừng mắt hướng ra phía tiếng gọi đang lan toả, nhận thấy xa xa bóng dáng một cô gái Phồn, váy áo một màu đen, đầu trùm khăn đỏ từ nội cỏ trở về. Từ đó, lòng tôi lân lẩn, lẳng lặng, có ý định viết một truyện ngắn về tiếng gọi trên thảo nguyên. Tôi đem chuyện kể lại cho hoạ sĩ Đặng Đức nghe. Anh ta cứ ngồi lặng, rít thuốc lá liên tục. Không lâu sau, hoạ sĩ đã vẽ nên bức tranh một cô gái Phồn trên nội cỏ mênh mông. Anh mời tôi đến xem tranh và nói "Phim Pha của cậu đấy!"

Trần Thuý Mai kể cho tôi hay, một người bạn cô đã lấy tên nhân vật trong truyện ngắn của tôi đặt tên cho con mình - Phim Pha.

PHIM PHA

Nỗi nhớ quê thường đến với tôi hết sức ngọt ngào. Nghe tiếng rúc con chim cơ-lúc đâu đó, y như quang cảnh thảo nguyên được trải rộng trong trí nhớ tôi. Thấy tơ nhện óng ánh lung trời tôi nhớ đến những chiều Cánh Đồng Chum lộng gió. Mùi thơm gỗ báng súng thường dắt dẫn tâm hồn tôi về với những đôi thông nối tiếp những đôi thông Mường Pạc. Vậy đó, song đôi khi có những liên tưởng gần như không có căn cứ, băng quơ lạ thường... Một lần đang cùng đồng đội ngồi trong công sự vùng mặt trận phía bắc, giữa lúc hàng chục lượt máy bay Mỹ thi nhau đánh bổ vào trận địa chúng tôi, phút bỗng nhiên lòng tôi rộn ràng hẳn lên về một nỗi nhớ thật kỳ lạ xen lẫn vui - nhớ gì, vui gì đâu chính tôi cũng không rõ. Chỉ khoảnh khắc thôi, vì đây là mặt trận, là chiến sĩ không nên nghĩ ngợi tản mạn... Về sau, có thời gian nghỉ ngơi, tôi cố ôn lại xem, hôm đó vì sao lòng mình có phút giây xốn xang? Vẫn không tìm ra cội nguồn. Cho đến ngày nọ, cũng trong khung cảnh

mặt trận, đang đào công sự trên đồi cỏ gianh tôi lại bắt gặp giây phút xốn xang ngày nào. Thì ra mùi đất mới lẫn hương cỏ đã gợi nhớ, đem tâm hồn tôi về với những kỷ niệm ở quê nhà. Đập lúa đến khuya, trăng đã lên cao, cùng nhau ăn nắm xôi chấm chẻo me chín, rồi trai gái theo tiếng khèn, giọng lăm, giọng khắp vui bên nhau cho tới khuya, khi sương đã nhuốm lạnh, chúng tôi ai nấy mới chịu chui vào những đồng rơm vừa ấm vừa thơm, ngủ một giấc cho tới lúc mặt trời chói sáng đó đây. Trong số bầu bạn qua những mùa gặt quê nhà, có Phim Pha là người dễ thương dễ nhớ nhiều nhất cho tôi. Đây là một cô gái mảnh dẻ, có mái tóc dày và xanh tựa ngọn thông, một đôi mắt đen nhưng thường nhìn tôi với tất cả vẻ lặng lẽ thảo nguyên. Vào mùa xuân, hoa đoác ca-chiu đua nở trên nội cỏ, đôi môi Phim Pha thắm chẳng kém gì hoa. Phim Pha vốn là người ít nói, nhưng bạn bè đều cho rằng: cô ta nói câu nào chắc như đầm xuống đất câu đó. Ví như lần ở đại hội tòng quân huyện nhà, chính lần tôi ra đi, có số ít bạn trai tỏ ra do dự, bịn rịn điều gì đó, sinh ra rụt rè trong việc ghi tên đầu quân, Phim Pha đã nói một câu làm cho ai nấy đều nhớ: "... Các anh mặc lấy váy, đổi quần đây để chúng tôi tòng quân thay!" Còn chuyện tôi với Phim Pha, đó ai biết được tình yêu đã đến từ bao giờ, chỉ biết rằng, gần nhau thấy mến mến, thương thương, xa nhau thấy nhớ nhớ. Chúng tôi lớn lên bên nhau trong nắng sớm mưa chiều ở cao nguyên

Mường Phuôn, từng chia nhau củ mặc hèo, ăn chung nhau quả mặc choòng... Tuy nhiên, lắm lúc Phim Pha chẳng chịu nghe lời tôi, như sau những đêm đập lúa, khi giọng lắm con gái nghe đã khản, tiếng khèn đám con trai đã bớt dào dạt, Phim Pha chẳng bao giờ chịu chui vào rơm ngủ lại, một hai bắt tôi đem về bản, bạn bè đứng hòong rử rê và tôi chỉ phí công nài nỉ. Phải nói rằng Phim Pha rất yêu khắp Phuôn, khúc dân ca quê tôi. Những chiều khi mặt trời ngả dần vào sau núi Phú Kênh, hai chúng tôi đem nhau từ nội cỏ trở về, Phim Pha thường bảo tôi đi chậm chậm và khắp Phuôn cho cô nghe. Cô cứ im lặng đi bên tôi, bước chân được giữ thật êm trên mặt cỏ...

Tôi vào bộ đội, hồi đó đơn vị phòng ngự trên Phu Cút thì bắt được thư của Phim Pha. Phim Pha báo cho tôi biết ở quê cô đã vào du kích. Những năm sáu bảy, sáu tám, phong trào nữ du kích Xiêng Khoảng lên khá cao. Phim Pha có một mơ ước được đi phục vụ tiền tuyến may chỉ hai đứa mới gặp nhau. Kèm theo thư, Phim Pha có gửi tặng tôi một chiếc khăn tay màu đỏ, thêu hai hàng chữ vàng: góc trên “Tặng chiến sĩ Phu Cút” - góc dưới “Người hậu phương”. Anh em trong đơn vị, kẻ nói “lời đề tặng quá chung chung”, người chế “nghe chẳng có gì thấm thiết”. Cứ nghe họ bàn ra, tán vào đến bực mình. Chi bằng, tôi cất kín khăn vào đáy ba-lô, khi nào nhớ Phim Pha thì đem ra ngắm một mình.

Đầu năm 1969, tôi được trên cho đi học lớp đào tạo cán bộ pháo binh. Làng ở gần đường cái nên tôi được dịp ghé thăm nhà, thăm Phim Pha. Dịp này cô được sung vào đội nữ du kích bắn máy bay, là pháo thủ số một của khẩu đội mười hai ly tám. Phim Pha vẫn mặc váy áo một màu đen, đầu chít khăn đỏ như mọi ngày. Khác chăng là gương mặt Phim Pha trông dày dặn, rắn rỏi, đôi mắt đen nhưng nhìn tôi không bằng vẻ lặng lẽ mà đầy linh lợi, cứ như nước xiết dưới sông Nậm Ngừm. Tôi lên tận chỗ luyện tập để gặp Phim Pha. Cô chỉ ngoái lại nói với tôi “chờ em nhé” rồi trở lại ngay với súng đạn. Mãi tận cuối giờ hai đứa mới gặp nhau.

Về sau tôi cứ tiếc mãi “sao mình không nói được gì với Phim Pha ngoài mấy câu thăm hỏi bình thường”. Ngược lại, dịp này Phim Pha lại là người nói nhiều hơn tôi. Cô ngắm tôi, cặn kẽ như thể sợ nhầm, lúc lâu mới nói:

- Anh cao lên, nhưng gầy đi.

Rồi cô kể cho tôi nghe chuyện trong đại hội “bắn máy bay bằng súng bộ binh”, cô đã nhận lời thách thi đua của Lã Khăm Đi là “bắn rơi năm máy bay Mỹ mới lấy chồng”.

Thấy tôi cười, đôi mắt đen ánh lên, Phim Pha hơi nghiêng đầu mà nói:

- Thế đấy, đừng có anh nào hòng cưới vợ lúc này.

Tôi ngáp ngừng... rồi phải nói thật với Phim Pha rằng mình phải đi ngay bây giờ.

Đôi mắt Phim Pha lặng lại đột ngột, rồi cũng đột ngột trở nên tỉnh nghịch:

- Sao? Không phải anh về để cưới vợ.

Tôi lắc đầu:

- Phim Pha chưa bắn rơi đủ năm máy bay.

Mặt trời đã chìm sâu vào sau dãy Phu kên chỉ còn để lại mấy đường viền ánh sáng bám dưới các mảng mây chiều... Gió Cánh Đồng Chum mát rượi quyện hương cỏ và mùi nhựa thông. Những cánh chim chiều sải nhanh qua thảo nguyên về phía ánh sáng mặt trời còn rớt lại.

Từ dưới đường cái tiếng còi xe nổi lên “bim bim, bim bim” ra vẻ thúc dục.

Tôi chia tay Phim Pha:

- Tạm biệt em nhé!

Sắc mặt Phim Pha có thay đổi, thoáng buồn.

- Thoong Văn nghĩ rằng em dừng lại đây? Em đưa chân anh xuống tận xe.

Hai đứa đem nhau xuống đồi. Những ngọn đồi cỏ gianh sẫm lại trong hoàng hôn. Những đường mòn ngang dọc trên thảo nguyên như những vạch mực ngổn ngang.

Tiếng còi xe lại nổi lên, Phim Pha dục:

- Rảo bước lên Văng Thoong.

Thật rõ buồn, anh lái xe chẳng tâm lý chút nào, nữ mắng tôi ngay trước mặt Phim Pha:

- Hoàn cảnh chiến tranh, tình yêu phải cứng rắn. Cứ bịn rịn, vương vấn với phụ nữ thì còn đâu là tinh thần chiến đấu!

Phim Pha không nén nổi, đối đáp ngay với lái xe:

- Phêng Đi, hình như anh có lần từng bỏ xe, ở lại chơi nhà Xảo Bun suốt một tuần phải không?

Lái xe gượng cười:

- Lần đó xe tôi hỏng - Cường giảng hòa - Vậy cô đã chia tay xong chưa?

Lúc này Phim Pha mới đưa bàn tay nhỏ ra bắt tay tôi. Tôi không muốn nắm lấy bàn tay xinh đẹp... vì là sự chia tay. Khi đã nắm lấy bàn tay ấm của Phim Pha thì chẳng muốn rời...

Xe cuốn bánh. Tôi ngoái nhìn, bóng dáng Phim Pha mảnh dẻ, bao thân thương đã tiến về phía núi đồi...

*

Vào tháng năm, năm một nghìn chín trăm sáu mươi chín, lúc mà bọn Mỹ tập trung mỗi ngày hai, ba trăm lần chiếc máy bay đánh vào Xiêng Khoảng, đốc

quân tấn công lần chiếm Cánh Đồng Chum, mở chiến dịch “O.D.N”, tôi được nghe đài phát thanh Pa-thét Lào đọc một mẫu chuyện chiến đấu của quân dân Xiêng Khoảng. Hôm đó tôi đang lau súng thì một cậu bạn đến hỏi:

- Thoong Văn, nghe thấy gì không? Đài vừa đọc bài nói về cô Phim Pha nào đó của Mường Pạc bắn rơi máy bay Mỹ đấy.

Tôi không tin, có thể bạn đùa, vì họ biết tôi có người thương ở quê nhà tên là Phim Pha. Tuy nhiên đến chiều tôi cũng chú ý, lắng nghe xem, thông thường các bài vở đài thường phát lại lần thứ hai.

Quả nhiên, qua máy thu thanh bán dẫn của trung đội trưởng, tim tôi đập rộn lên, đến loạn xạ khi nghe lọt tên bài qua làn sóng điện “Phim Pha, cô du kích vinh quang”. Bực một nỗi, vào mùa mưa hay có giông chiều, sấm sét cứ làm cho rối loạn làn sóng, tôi phải căng tai ra mà nghe cho lọt từng chữ từng lời qua bài phát thanh.

“... Phim Pha là pháo thủ số một của khẩu đội mười hai ly tám. Người ta có cảm giác nhịp đập của trái tim Phim Pha đang chuyển qua báng súng, chuyển tất cả sức nóng lòng căm thù vào những loạt đạn. Xem như trận chiến đấu chiều qua với trận chiến đấu sáng nay là một, giặc Mỹ chưa đốt trụi được toàn bộ bản Đang chưa cam lòng. Còn những du kích bản Đang cảm thấy mới một chiếc F.105

chiều qua chét cắm đầu vào vũng trâu đầm chưa phải là chiến công duy nhất, chưa hả giận, còn phải bắt thêm nhiều giặc trời Mỹ nát đầu nữa. Đôi mắt Phim Pha cùng mắt đồng đội rực lửa - ngọn lửa đó sẽ đốt cháy thêm nhiều máy bay Mỹ...

Bốn chiếc F.105 đang lượn vòng trên bầu trời do một chiếc vĩ ruồi trinh sát, chỉ điểm. Bản Đang ở dưới chân đồi gồm hai khóm nhà. Khóm lớn có ngôi chùa đồ sộ cổ cụ đã bị máy bay đốt cháy hôm qua. Khóm nhà nhỏ với hai chực bếp nằm cạnh suối sáng nay còn là mục tiêu đánh phá của Mỹ gồm thêm trận địa phòng không của du kích trên đồi. Máy bay Mỹ quần đảo mấy vòng liên. Chiếc vĩ ruồi trinh sát cắm đầu lao xuống làm động tác giả. Nhưng, không lừa nổi những cặp mắt du kích. Nòng súng trên tay họ thấy đang bám lấy chiếc F.105 từ đám mây bên trái lao xuống để cấn trộm. Tên giặc đang trên đà cắm đầu dớp ngay phải loạt đạn đầu khẩu mười hai ly tám của Phim Pha bắn lên. Nó chỉ kịp vội vàng buông hai bầu bom bi rồi mang theo một làn khói xám xịt như một bộ ruột phòi ra, mong cuốn xéo khỏi bầu trời bản Đang. Bom bi tuôn ra từ hai quả mẹ tràn xuống đồi bản Đang, bầu quanh khẩu đội mười hai ly tám, nối tiếp nhau nổ rền, kéo dài... Cả ngọn đồi bị chìm vào trong khói!

Tôi hồi hộp theo dõi bài tường thuật, lòng thầm cảm ơn người viết, cả người đọc nữa. Giá tôi được tay tiếp đạn cho Phim Pha bắn...

Giọng đọc của phát thanh viên nghe càng sôi nổi:

- ... Ba quả bom bị nổ ngay bên công sự. Một làn khói xám xịt chòm phủ lên khẩu đội mười hai ly tám. Trên trời đàn phản lực Mỹ vẫn tiếp tục gào rít, lòng lộn, bom đạn nổ rền, lửa Na-pan ngùn ngụt. Xóm nhỏ của bản Đang cũng đã bốc cháy, ngọn khói bốc lên từ các kho lúa mầu hung hung cuộn cao.

Công sự bị sạt chút ít. Mấy cô du kích loay hoay lo đặt lại súng cho ngay ngắn để tiếp tục chiến đấu.

Trên mình Phim Pha có một vết máu ướt đầm lưng áo. Bua, cô gái tiếp đạn trông thấy, vội vàng mở túi thuốc để băng bó vết thương cho Phim Pha.

Phim Pha bỗng gọi to:

- Đạn!

Bua đành bỏ dở túi thuốc, trở lại với nhiệm vụ. Còn Phim Pha, tay súng như vững vàng hơn nổ cò chính xác hơn. Một tên “thần sấm” từ cao tít bổ nhào xuống, ngược chiều với khẩu đại liên. Nó chưa kịp cất bom thì bị vỡ đầu bởi loạt đạn từ khẩu đội Phim Pha bắn trúng “Thần sấm” bốc lửa quanh mình, như một bó đuốc ngắc ngoải bay đi...

Đến đoạn cuối bài phóng sự, gan ruột tôi phải đau thắt, hai mắt thì tối sầm, vạn vật quanh mình như bị cuốn vào một cơn lốc, sụp đổ nháo nhào tất cả...

- ... Phim Pha bị thương đến lần thứ hai. Vết thương quá nặng nên cô phải trao tay súng lại cho đồng đội. Bua gạt nước mắt, đỡ Phim Pha nằm xuống cạnh súng, rồi cắn răng, nhằm thẳng đầu từng tên giặc trời Mỹ mỗi lần nó lao xuống mà bóp cò, đưa đạn đi từng dòng trả thù cho Phim Pha...

Phim Pha đã hy sinh sau trận chiến đấu ấy.

Như các bạn biết, lần này mãn hạn học, tôi trở lại Xiêng Khoảng với tất cả sức mạnh của đau thương, của lòng căm thù: Bản làng quê hương bị bom Mỹ đốt trụi! Phim Pha đã hy sinh!

Đơn vị tôi hiện cắm sâu ở Mường xúi. Về qua Bản Ban, nhóm anh em đi học về nghỉ lại ở một cánh rừng, ở đó có những người từ mặt trận về cùng nghỉ lại. Nghe những câu chuyện mặt trận của họ cũng vui vui, giúp ích cho mình hiểu thêm được tình hình phía trước. Thì ra, đơn vị này từng hoạt động vùng Mường Péc quê tôi, nghe họ hay nhắc tới bản Đang, bản Tụ...

Rồi đột nhiên, một cảm giác hết sức khó tả lan tỏa nhanh chóng làm toàn thân tôi sồn gai ốc, khi mấy người kia đùa chuyện:

- Cậu xa bản Đang chẳng còn nhớ ai đâu, chỉ một Phim Pha mà thôi.

- Thử hỏi đứa nào được ăn lê cô ấy tặng.

- Lê cũng chẳng bằng chiếc khăn thêu.

- ...

-

Tưởng chừng có thể bỏ vồng, lao ngay tới chỗ những người chưa quen biết kia mà hỏi, hỏi dồn dập “Phim Pha các bạn vừa nói tới là ai? Cô ta người bản Đàng sao? Phim Pha của tôi hy sinh rồi kia mà? Bạn thử tả lại hình dáng Phim Pha mà bạn vừa nói đến!...” Tôi cố nén lòng, tự trả lời mình “Sự đời còn nhiều trùng lặp huống chi tên người”. Hơn nữa, đây là người lạ, tôi không tiện lục vắn, hỏi cung họ về Phim Pha. Làm như vậy để cho lòng mình tiếp tục nảy sinh bao phân vân, băn khoăn, để sáng hôm sau lại hối tiếc sao mình không mạnh dạn...

Tại một trại nghỉ khác vào chiều hôm sau, tôi lại gặp một số anh em, xem ra còn khỏe tán hơn... Họ trò chuyện với nhau khá nhiều, nhắc tới nhiều bản làng quê tôi như Leng, Bi, Tôm... Lần này thì tôi chủ động, lân la đến với họ. Hỏi ra mới biết, số anh em này chỉ đến phối hợp chiến đấu với du kích bản Đàng có vài ba hôm. Thời gian không mấy lâu, nhưng hỏi đến tên các cô gái bản thì anh nào cũng trả lời vanh vách làm cho lòng dạ tôi bồn chồn. Và, tôi đã quyết định hỏi thẳng vào điều mình đang mong biết:

- Vậy..., các đồng chí có biết Phim Pha không?

- Cô ấy ở khẩu đội mười hai ly tám.

Tìm tôi đập muồn bạt khỏi lồng ngực.

- Phim Pha người bản Đang?

- Còn ở đâu nữa!

- Vẫn còn sống?

- Mới hôm kia còn phối hợp chiến đấu với chúng tôi. Cô ta chiến đấu cừ lắm, dũng cảm nhất đám, hai lần bị thương rồi đấy nhé.

- Cô ấy dong dỏng cao?

- Phải rồi. Người yêu là dân lính chúng mình.

- Phim Pha con cái nhà ai anh biết không?

- Điều đó bọn này chịu, phải đến hỏi cán bộ xã. Bọn này biết được đối tượng cô ta là dân lính đủ lắm rồi.

Không còn biết ngược, tôi hỏi thêm:

- Phim Pha vẫn mặc váy áo màu đen, chít cái khăn đỏ?

Anh bạn có vẻ đã câu, trả lời bằng giọng cổ:

- Con gái mừng Péc, cô nào cũng thích mặc kiểu đó.

Tôi bàng hoàng, không còn biết nên hiểu đâu là sự thật???

Tôi xin phép anh em, tạt về quê vào một buổi chiều. Gió vẫn lộng từ Cánh Đồng Chum thổi tới,

vẫn thoáng hương cỏ và mùi nhựa thông, giờ có pha lẫn mùi khét na-pan, thuốc súng. Mặt trời chiều úa vàng nhuộm thêm màu hoang vu lên những ngọn đồi cỏ cháy. Về thăm bản, nhưng giờ đây bản đang ở đâu thì tôi chưa rõ. Bản cũ chỉ còn trơ những gốc cây và cột cháy... Dân làng kẻ còn người mất? Phim Pha? Trong óc tôi thì vẫn lờn vờn cái điều “Phim Pha đã hy sinh”. Những nẻo đường mà hai đứa thường từ nội cỏ trở về giờ đã bị cây dại lấp kín. Tuy nhiên, kỷ niệm vẫn cứ hằn lên rõ nét, đau xót, nhức nhối tựa những lần roi, những vết dao chém. Tôi đưa mắt nhìn lên ngọn đồi sau làng đất đỏ loen loét đã bầm tím lại trong trời chiều. Bỗng, bên tai tôi nghe vọng đến một tiếng gọi thanh trong kéo dài từ trên đồi xuống:

- Phim Pha... a... a....

Tôi hướng về sườn đồi có tiếng vọng gọi. Trên đồi có bóng du kích lồ nhố, hẳn là đơn vị phòng không xa tôi. Và, một cô gái đang rảo bước từ đồi xuống giữa tiếng gọi của đồng đội nào đó. Nghe tiếng gọi từ trên đồi cất lên lần thứ hai người tôi ớn lạnh.

- Phim Pha... a... a....

Hẳn rằng người trên đồi muốn dặn thêm một điều gì đó với người đang đi xuống mà cô ấy chưa nghe lọt có lẽ vì ngược gió chẳng...

Còn tôi, lúc đó hoàn toàn không tự chủ được, cũng buột miệng gọi, như ngày nào chúng tôi vẫn gọi nhau trên đồng cỏ:

- Phim Pha... a... a....

Tiếng gọi của tôi tan đi trong nội cỏ, chẳng rõ lọt đến tai cô gái đang trên đồi xuống nhanh không?

Chao ôi! Cái bóng dáng mảnh dẻ bao thân yêu đang tiến về phía tôi, vẩy váy áo một màu đen với chiếc khăn đỏ chít đầu. Tôi bối rối, lẽ nào Phim Pha còn sống thực, đang hiển hiện trước mắt tôi? Đai phát thanh từng rành rọt phát đi hình tượng hy sinh đẹp đẽ của phim Pha bên khẩu đội, trên đồi bản Đang... Tôi lên tiếng gọi tiếp:

- Phim Pha... a... a....

Đồng thời, tôi cũng đi như chạy tới trước.

Giây phút căng thẳng đã được kết thúc một cách nhanh chóng. Người con gái từ trên đồi xuống dừng bước trước mặt tôi và mừng rỡ kêu lên:

- Thoong Văn!

Còn tôi, như thể bị hụt mất chỗ đứng, rơi từ tầng mây xuống! Tuy nhiên, tôi vẫn giữ được bình tĩnh ngay, chào lại người đến trước mặt:

- Bua!

- Chắc rằng anh chưa về bản? - Cô gái hỏi.

- Anh vừa về tới đây, chưa biết bản đã sơ tán vào đâu.

Bua là đứa em gái con dì tôi. Nó chóng lớn quá. Mới ngày nào còn là cô gái khảng khiu, giờ đã chứng chạc là một cô du kích, một pháo thủ.

“... Nhưng tại sao, lúc này, tai mình nghe rất rõ, ai đó gọi với theo Bua với tên Phim Pha...? Có lẽ, tai mình... thần kinh mình quá căng thẳng nên đã nghe nhầm...”

Hai mắt Bua vừa sáng lên khi nhận ra tôi giờ đã gọn buồn. Giọng nói cũng nghe đau đớn:

- ... Chắc rằng anh đã biết... phần mộ chị đã được dân làng đắp diêm cẩn thận. Bà con nói, khi nào hết chiến tranh sẽ đem phần mộ chị lên lại đồi cao, nơi chị đã hy sinh. Bua cúi mặt...

- Anh đã biết chị hy sinh, do đài phát thanh tường thuật trận chiến đấu đó.

Bua lại ngược lên đồi.

- Chị hy sinh cạnh em. Sau đó em thay chị.

Tôi đứng lặng. Bua cũng vậy. Hai anh em như thể đứng mặc niệm, gửi nhớ thương đến Phim Pha.

Mãi lâu sau tôi mới lên tiếng được:

- ... Nhưng

Bua ngừng lên nhìn vào mặt tôi với đôi mắt ứa lệ:

- Sao anh?

- Ban này.... anh nghe như có người... gọi theo em..

- Vâng, mấy chị trên đồi...

- Nhưng... anh nghe nhầm chẳng... họ gọi tên Phim Pha...

Giọng của Bua đầy xúc động, khi như lạc đi:

- Sau khi chị hy sinh, dân xã ta, cả cán bộ trên huyện cũng thế, bộ đội nữa đều lấy tên chị để đặt cho những cô gái chiến đấu dũng cảm trong vùng...

Bua cởi khăn đỏ trên đầu lau nước mắt.

Còn tôi, chừng như đau đớn đã hết mức, biến thành một niềm tự hào, kiêu hãnh về Phim Pha, về quê nhà. Lòng tôi trở lại bồi hồi, thấy rằng Phim Pha đang sống và sống mãi với thảo nguyên Mường Phuôn lồng gió, nức hương cỏ và mùi thơm nhựa thông, sống vĩnh viễn với tất cả vẻ đẹp của quê hương, với những con người gan vàng dạ ngọc đang sống mái và quyết thắng đối với đế quốc Mỹ xâm lược cùng bọn tay sai bán nước: Phim Pha còn sống và đang đi bên tôi suốt cuộc đời...



HỒNG NHU

Họ và tên: **Trần Hồng Nhu**

Ngày tháng năm sinh: 1.12.1934

Quê quán: Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Thành phố Huế

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Cây tâm hồn trắng, Vãn chuyện phiêu lưu, Ngã hứng về chiều, Thuyền đi trong mưa ngàn, Lễ hội ăn mày, Trà thiếu phụ...*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Văn nghệ Quân đội năm 1958. Giải thưởng Ủy ban toàn quốc VHNT Việt Nam. Giải "Cây bút vàng" Bộ Công an và Hội Nhà văn.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Tôi hoàn thành thiên truyện này vào tháng 4 năm 1993 tại Cửa Lò Nghệ An. Đó là dịp trại viết do Văn nghệ Quân đội phối hợp cùng Quân khu 4 tổ chức. Bối cảnh câu chuyện xảy ra trên vùng đầm phá quê hương tôi - vùng đầm phá dài và rộng nhất Đông Nam Á. Dân chài chuyên sống trên mặt nước ở đây từ xa xưa vốn có một nếp văn hoá đặc sắc, riêng biệt không giống bất cứ nơi đâu như: lễ nhập vạn, lễ hợp hôn trong lòng nước, lễ thôi nôi dưới đáy đầm... với những bài khấn mà như hát dâng lên Thần Đầm, Hà Bá Thủy Vương của họ. Đó là nét văn hoá hoang dại mà cội nguồn, quái dị mà nhân văn, đậm đặc chất phồnclo như nó đã và vốn có. Sau 1945 và về sau này nữa, những gì thuộc về bản sắc riêng đó của người dân đầm phá nguyên sơ và tráng lệ, dần dần mất đi như là tất yếu, không thể cưỡng lại. Tôi đã viết trong sự băng khuâng, nuối tiếc, khắc khoải như vậy...

VỊT TRỜI LÔNG TÍA BAY VỀ

Đầm phá bao la, khúc phình ra khúc eo lại kéo một vệt dài theo mép biển, chạy suốt từ Thuận An đến Tư Hiền, nối liền hai cửa.

Tháng giêng, khi cái rét cuối cùng còn nần ná trong màn sương thưa màu tàn giấy buông lơ lửng từ trên vòm cây xuống sát mặt cỏ, thì làng xóm ven bờ bắt đầu rậm rịch vào mùa lễ hội cầu ngư.

Trong lúc dân đánh cá chuyên sống trên cạn dấn mình vào không khí đình đám, rước cầu rộ ràng mổ bò, mổ heo ăn uống xô bồ thì dân vạn chài đầm phá chuyên sống trên mặt nước hành lễ theo tục lệ riêng của họ một cách lầm lì, đậm đà bi tráng hoang dại. Dân trên cạn gọi họ là “bọn mọi đầm”.

Từ xa xưa, có lẽ từ khai thiên lập địa, và không biết khởi đầu từ đâu, từ điều gì, dân chài đầm phá quen sống cô lẻ từng vạn thuyền một. Gần như họ không có ý thức cộng đồng và không chấp nhận sự cộng đồng. Người già kể lại rằng, sau Tết, vào một

ngày giữa tháng giêng nắng ráo nhưng thường là còn
cắm cắm gió đông bắc, họ nhỏ sào từ nơi ẩn trú đưa
thuyền ra giữa vời phá mênh mông. Họ bày bàn lễ
Thần Đầm ngay trên đầu mũi thuyền. Mâm cúng
đơn sơ nhưng khác thường. Ngoài đồ mã như mũ
măng áo giày bằng giấy và hương hoa, người ta bày
độc một thau đựng nước trong đó lững lơ bơi mấy
chú cá. Trên miệng thau, hai thanh tre nhỏ bản đặt
chéo chụm đầu lại thành hình chữ V, phần hở hướng
vào lòng thuyền, tượng trưng cho sự vây bủa thắng
lợi. Chủ thuyền đóng khố hoặc quần đùi, mình trần
trùng trục, một dải vải đỏ dài đủ chít một vòng
ngang trán, hai múi quàng vòng ra sau vai luôn qua
nách, thắt hờ lại rồi buông thoáng giữa hai vòng vú.
Người vợ chủ thuyền cũng phục sức như vậy, chỉ
khác là phần dưới mặc quần vo lên ngang bắp chân.
Đứa con trai trưởng của họ ăn mặc như bố, hai tay
cầm hai thanh gỗ gõ vào mạn thuyền loong coong
theo nhịp một. Hương trầm đốt lên, thân chủ rì rầm
khẩn. Đoạn, anh ta thò tay vào thau nước, tài tình
nhót lên một chú cá đang lượn lơ, ngậm ngang
miệng, nhảy xuống sông bơi đứng. Cách thuyền
khoảng mười sải, anh ta dừng lại, rút con cá từ
miệng ra tung vòng cầu lên thuyền. Người vợ đã sẵn
sàng, hai tay cầm chiếc vọt đưa ra đón con cá, thành
thục và chuẩn xác như xiếc. Trong giờ khắc đó, nếu
chị ta hứng trật thì sự xui cả năm là phần chắc.
Nhưng điều này gần như chẳng bao giờ xảy ra. Khi

người vợ nghiêng vọt đổ con cá vào sạp thuyền, người chồng liền hụp đầu lặn xuống đáy đầm. Ở đó, anh ta lạy Hà Bá hai lạy như người đang trên cạn vẫn lạy. Xong, bơi trở lại thuyền. Tất cả lễ vật đều trút xuống sông dâng Hà Bá, trừ con cá ném từ dưới lên. Đó là con cá thần phá đã ban tặng cho thân chủ. Lễ tất.

Vào một ngày như thế, một chiếc thuyền đóng toàn bằng tôn trắng không gỉ của Mỹ từ mút đầm Thủy Tú lướt bay ra mặt phá Cầu Hai. Bấy giờ là lúc họ vừa lễ Hà Bá xong, trên chiếc trang thờ nhỏ được trang trí khá đẹp bằng nhựa màu và giấy trang kim lấp lánh treo chính giữa vòm vách ngăn nhìn từ cửa mũi vào, nén hương cúng ông bà tổ tiên đang cháy nốt phần còn lại. Những người lớn đã ăn xong, đã vào việc của mình. Một bày năm sáu đứa trai gái lít nhít đang còn ngồi quanh mâm cỗ, ăn rón. Dáng vẻ chúng hậm hùi, cần mẫn như việc ai nấy làm. Chúng không hề nói năng, tranh cướp nhau ồn ào như bọn trẻ con trên cạn mỗi khi ăn, những đôi mắt vát đuôi thuyền lạnh sắc cứ chốc chốc lại lia chéo qua nhau, mồm phùng to, nhai một cách khoáng đạt và bất cần. Tiếng máy nổ phành phạch đều đều hòa tiếng nước bị rạch xé, ào ạt, long bong, xóa xóa... hai bên mạn.

Người chủ thấp đậm ngồi sau lái, điều khiển thuyền bằng một sợi dây đầu có buộc một chiếc vòng quán màu xanh làm chỗ ngoắc các ngón tay, dáng ung

dung nhưng đôi mắt bồn chồn nhìn qua vai trần của anh con trai cao lớn đang đứng chống nạnh đầu mũi.

- Mừng! Mi nhìn chi rứa? Người mẹ thôi lục cục dọn dẹp trong khoang, khom lưng chui ra, giọng âu yếm mà gần như mắng. Mừng quay mặt lại, trả lời mẹ:

- Có nhìn chi mô! Mạ sửa soạn, chuẩn bị mọi thứ cho tui rồi chưa?

- Rồi! Đã đến ngày mô mà gấp? Có giấy báo rồi hả?

- Rồi.

- Đưa coi! Đưa mô đọc tau nghe thử - người cha lên tiếng.

Anh con trai ngồi xuống, mặt vẫn quay về phía trước, nhìn mông lưng về vệt mờ làng xóm bên này cửa sông. Lườn thịt ở lưng anh ta động đập, báo hiệu sẵn sàng cuộc đối thoại và tuồng như ngồi vậy, anh ta vẫn nhận biết những gì đang xảy ra phía sau, kể cả cái tia nhìn đượm buồn của mẹ.

Người cha bắt đầu. Sự ngổn ngang lòng dạ và cố kìm nén khiến ông bã buội cả người, giọng nói vốn đã trầm giờ đây càng chìm xuống, đục như nước lụt nguồn về.

- Mi quyết rồi hả Mừng?

- Rồi đó cha!

- Rửa răng bữa đi “khám bác sĩ” mi không cho tau với mạ mi biết? Mi muốn nháy qua đầu tau hè?

- Dạ mô dám cha. Bữa nớ tôi cũng có nói rồi. Cha không ưng nên không để tai nghe...

Người mẹ bây giờ đã ra mũi, ngồi sau lưng đứa con trai lớn. Bầy em sau khi ăn xong, chúng sà tới rần rật như một đàn le le, lặng lẽ ngồi bu xung quanh mẹ, há mồm hóng chuyện.

Lát sau, người mẹ chép miệng như tự than với chính mình.

- Cả đời chỉ biết sông đầm cá mú, chừ vô đó làm lụng răng, ăn uống răng?

Mừng quay lại, nét cô liêu trong đôi mắt mẹ làm anh chùng lòng xuống:

- Ui chùi! Anh em sao mình vậy, họ làm chi mình làm nấy, họ ăn chi mình ăn nấy. Lo chi lo rửa, mệt quá mạ ơi.

Đàn em giờ mới riu rít, đứa búa tay, đứa bắm cổ:

- Anh Mừng, anh đi mô rửa? Vô Đà Nẵng ha? Sài Gòn ha? Ngon lành dễ sợ! Cho em đi với, ha? Ha?

Thằng anh lừ mắt quát to:- Câm! Việc người lớn, đâu phải việc tụi bây! Vô khoang mau!

Thuyền rịch rịch... rịch rịch... rồi tắt máy, tấp vào bờ. Mừng nhún chân. Nhoáng một cái, chiếc dây

dừa neo to bằng ngón chân cái đã mềm mại trườn lên, ôm vòng thân cây si, ngoắc lại. Cây si uồm ra trên mặt nước, vòm lá che mát cả một khoảng rộng. Như một ông già thông thái, si buông những chòm râu của mình xuống nước, mách bảo cho dân vạn chài lang thang và ngang tàng những điều mà người đời không ai mách bảo được.

Mừng lên bờ. Người cha vẫn ngồi sau lái, trầm tư. Ráng chiều nhuộm đỏ cả khúc đầm, viền quanh nửa thân trên của ông, khắc thành những đường gò nâu sáng.

*

Gia đình ông Vui đã sinh sống trên mặt đầm này kể đến giờ là đời thứ mấy ông cũng không còn nhớ rõ.

Hồi còn nhỏ, bảy tám tuổi gì đó, có lần ông còn nghe bố ông kể chuyện một đêm ngủ trắng mui, sau mấy ngày liền hốt được của trong một mùa cá hanh trời cho. Lần đó, bố ông sắm được thuyền lưới mới. Từ con thuyền nhỏ rách nát mà mỗi lần đánh bủa, ông phải tát bại cả tay vì nước phọt vào từng vòi tồ tồ, bầu đoàn thê tử chuyển sang con thuyền to gỗ săng lẻ vàng au, mui uốn vòm hai lớp, lớp trong lợp lá thiêm lang, lớp ngoài, lợp lá nón già, mặt mui gài toàn nan tre cật ngâm bùn lâu ngày, đen như mun. Tục lệ làng chài đầm phá là như vậy. Lễ hạ thủy

thường chọn ngày tối trăng. Đêm đầu tiên của mùa trăng sau hạ thủy là ngủ trăng mui. Tất cả nhà leo lên vòm mui, không được nằm ngang, phải nằm dọc. Đàn bà trẻ con nằm giữa, nằm ngoài là đàn ông, trai trẻ. Cái đêm đó, nghe chuyện truyền thuyết, huyền thoại về đầm phá khuya, ông ngủ mê thế nào đó mà từ trong ông chuôi ra ngoài, vượt qua tấm chắn là bố ông. Khoảng gà gáy đầu, nghe tõm một cái. Mặt nước lặn lơ, bóng như được quang dầu. Thằng con trai đã biến đâu mất. Nó rơi xuống nước rồi! Bố ông nhào xuống. Bơi, lặn, mò, gọi,... suốt cả quãng đầm cho đến hết canh...

- Ươ Vui!.... Vui... ui... ui...!

Chẳng thấy tăm hơi, bố ông đành bơi trở lại, mặt cắt không còn hột máu, đỉnh ninh là đã mất đứt thằng con nối dõi. Khi bố ông bầu tay vào mạn đình trèo lên thì một nụ cười sáng lóa chiếu vào mắt. Vui đã ngồi đó tự bao giờ, nhe hai hàm răng trắng nhợt, người lướt thướt như bó rong mới cào dưới đầm lên. Bố ông nổi khùng, đá cho một đá làm Vui lăn hai vòng, hét:

- Thằng “mọi” con! Tau tưởng mi về bụng cặc cho ông Hà Bá đáí rồi chứ!

- Úi chùi! cha nói cha lạ rứa?

- Răng mi rớt xuống không bơi lên ngay? Làm chi dưới nó, hả?

- Thì tui đang ngủ mà. Chìm xuống đáy một chập, tui mới thức dậy!

Bố Vui trố mắt rách cả mi:

- Mẹ nội mi! Ai đời rớt xuống nước còn ngủ được. Láo! Tau đánh tuốt da mi đi!

- Thiệt mà cha. Tui thấy ngứa lỗ mũi, thò tay ngoáy lòi ra con nhét. Con nhét nớ đó cha tề. - Nó chỉ chú cá đang nằm lẩn lóc trên sạp thuyền - Không có hấn đến chọc, có lẽ tui còn ngủ nữa!

Ông Vui bất giác bật cười... Nửa thế kỷ đã qua, gần trọn một đời người rồi mà chuyện xưa vẫn thỉnh thoảng trôi lên trong óc ông...

Dân vạn chài đâm phá là dân giang hồ tứ chiếng, mọi sinh hoạt đi đứng ăn ngủ, để đài, cưới hỏi, ma chay... đều diễn ra trong khoảng không gian chật hẹp của con thuyền. Vậy mà cũng thấy thoải mái, riết thành tập quán, riết nữa thành cổ truyền. Bao nhiêu đời cha truyền con nối, chữ nhứt một không biết, coi trời nước tằm cá bọ tôm thì tài, còn coi quyển sách quyển vở thì lộn nhộn như cua rạm đổ lộn một giỏ. Hồi cách mạng bốn lăm, còn có cán bộ bình dân học vụ chèo thuyền đi dạy a-bê-xê, hết thuyền này sang thuyền khác suốt đêm. Hồi đó ông Vui cũng vô vẽ viết được mấy câu trong vè Thông Tầm rồi chớ. Vài ba vụ lưới sau đó, chữ nghĩa ông gửi lại hết cho Bà Thủy. Ôi chời! Có lẽ từ khai thiên lập

địa đến giờ, ngày nay dân vạn chài mới có người đi học. Thằng Mừng đó, tốt nghiệp lớp mười hai rồi chớ ít à. nghe nói rứa là thằng Mừng được liệt vào hàng “ông Tú” Ghê thiệt! Còn như ngày xưa ngày xưa u mê ám chướng của dân vạn đằm trên trời dưới nước không biết có ai và có cái gì? Bao nhiêu biến thiên của sông núi, bao nhiêu đổi thay của xã hội đều trượt ngoài đầu óc của họ, họ không có nhu cầu biết đến...

Một lần, sau ngày giải phóng miền Nam, trước lễ cầu ngư, có một xuồng máy cập thuyền ông Vui. Ba người bước vào chào hỏi. Một ông cao lớn, da trắng, mặt đang còn trẻ nhưng mái tóc bạc xóa. Ông ta xách một can rượu đầy đến biểu ông Vui, hỏi chuyện đời, chuyện sông nước cá tôm. Mấy tuần sau đó, xuồng ông ta lại đến, xin phép đi theo thuyền ông Vui ít bữa. Cả ngày, ông ta ghi ghi chép chép vào cuốn sổ tay, dày chỉ chút. Rồi một chút là khách và chủ ngồi trước mâm rượu.

- Bác có biết nước Việt Nam mình chừ đây là nước chi không?

- Dạ biết. Nước mình là nước Nam!

- Không... Là tôi hỏi bác... Thế này nhé. Nước nào trên thế giới này cũng theo một chế độ nào đó, ví như nước Mỹ, nước Pháp theo tư bản chủ nghĩa, nước Nam mình hồi còn vua ở Huế, theo chế độ quân chủ. Giờ đây, nước Việt Nam thống nhất Bắc Nam theo chế độ xã hội chủ nghĩa. Bác có hiểu không?

- Dạ... Thiệt tình... không hiểu mấy!

- Thế... thế bác có biết Cụ Hồ không?

- Biết! Biết! Cụ Hồ hồi cách mạng bốn lăm thì biết chứ!

- Có biết “ông” Diệm, “ông” Thiệu không?

- Hai ông nớ ở mô nghe tên lạ hê? Tui thì thoảng lên bờ, mấy nhà phú hộ vùng nì tui đều nghe nói, rằng không nghe đến tên hai ông nớ hê? - Ông lão vạ đầm mặt nghếch ra.

Ông ký giả tóc bạc nằm bờ ra sạp thuyền cười chảy nước mắt nước mũi. Ông Vui hồn nhiên cười theo. Cười chán, ông ngồi dậy ôm lấy ông Vui như hai anh em ruột. Ông hỏi tiếp, lần này thì thấy một giọt nước ngần ngặn trong mắt ông chỉ chực rơi xuống.

- Thế cái hồi ca-nô giặc nó vây ráp bắt lính các vạ chài như bác kể bữa trước, bác có biết hồi đó miền Nam mình thuộc cuộc sống nào không?

- Dạ không! Chế độ mô thì chế độ, dân vạ chài bày tui biết mần chi, mà biết rằng được? Có ai nói cho nghe mô. Tui cả đời sống với đầm phá, biển cạn non mòn chi cũng được... nhưng mà nghĩ hồi nớ bọn hăn cũng ngu hê? Bắt ai không bắt lại đi bắt dân vạ đồ. Rứa khác chi thằng mù đòi đi nơm cá. Bọn vạ chài bày tui, động một cái là húp một chén nước mắm cốt, hít một hơi dài, chui tọt luôn xuống đáy đầm mênh

mông chi xứ, nằm dưới nớ cả ngày cũng được, mần răng mà bắt? Chỉ thương là thương dân trên cạn không biết chạy đường mô cho lọt... Ký ức chen lấn hết lớp này sang lớp khác trong đầu ông Vui.

Giờ đây, đã khác xưa lắm lắm. Phải, khác là phải! Thuyền ông đóng tôn, gắn máy, bày con được đến trường, lúc ở mặt nước thì răng cũng được, ở trường cũng xong, hễ chúng nó bước lên bờ đi học, đi họp, đi chơi... là rất áo quần xanh đỏ vàng tím đẹp như các ông hoàng bà chúa. Cả mụ Vui cũng vậy chứ! Mụ đi chợ huyện chợ dinh bán tôm bán cá, mua gạo mua dầu, quần lụa xát xi đen, áo ka-tê lát chả lục, ui chui là sang...!

... Hồi niệm lần nữa lại hiện về. Đó là một ngày của ba mươi năm về trước. Chàng trai Vui đã ngoài ba chục vẫn không sao kiếm được vợ. Dân vạn chài thường đi bắt cóc đàn bà con gái xa xôi về làm vợ. Họ lên bờ, lân la dòm ngó nơi chợ búa, hễ gặp cô gái nào cô đơn bần hàn, ăn mày ăn xin hoặc thất cơ lỡ vận tha hương... là lập mẹo bắt.

Nửa đêm, ập tới, nhét một củ khoai luộc hoặc cục cơm to vô mồm cô gái (tập tục này cấm kỵ việc nhét giẻ vì cho như vậy là làm ác, thủy vương hà bá sẽ quật chết tươi), chụp áo tơi vác về thuyền, chèo ra giữa phá ngút mắt ngút trời, khói sương mù mịt, chẳng biết đâu là bến là bờ. Đó là cách gần như duy nhất, lại chắc ăn, nếu không muốn chết già. Ngoại

trừ trai vạ này được sự bằng lòng của gái vạ khác, ngoài ra, dân trên cạn không bao giờ lấy dân dưới đầm, họ mới nghe đến tiếng “vạ chài” là đã chết khiếp lên rồi...!

Cô Mận - bà Vui bây giờ - là một cô gái như vậy. Khi bị bắt về thuyền, Mận xác xơ như con mèo ốm. Đói khổ đã làm cho cô gái vừa qua tuổi dậy thì lép xẹp như mấm mòi, vú không có, mông cũng không, Vui vuốt tay từ má xuống chân Mận không bị mắc vào chỗ nào, cứ trơn tuột như vuốt cái sào tre. Cô gái người vùng quê nào đó ngoài Bắc Kỳ, theo cha mẹ đi ăn xin từ khi lên sáu, trôi dạt đến vùng này. Đã nhiều lần, cô gái muốn trốn khỏi xứ “mọi đầm” mà không được, vả lại nếu trốn được thì biết về đâu, ăn cái gì, chết đói là điều không tránh khỏi. Vạ thuyền bố mẹ Vui thương cô dâu không cười hời quá hơn con đẻ. Chỉ dăm ba tháng sau, được ăn ngày ba bữa, no nê với đủ các loại hiêm ngon của đầm phá, cá dìa, tôm thú, cua lột... Mận hiện lại nguyên hình một cô gái Bắc xinh đẹp, thon lẳn, hai mắt lúc nào cũng như có sóng. Ngày qua tháng lại, ba năm, năm năm rồi mười năm, bây con nối đuôi nhau ra đời và mẹ chúng thành thạo nghề sông nước như chính cô được sinh ra từ mặt phá. Người ta gọi Mận là o Vui, thím Vui rồi bà Vui.... Ngày ngày, Mận mặc quần vo lên đến bắp vế, ngực để trần để khỏi vướng víu, đôi vú bánh dày bà mẹ nặn tròn vo, lúc nào cũng căng nhưng nhức màu

mặn chín. Chính đôi vú đẹp một cách hoang dã và rất là đầm phá này đã cứu Vui một lần tưởng như đã chín mươi chín phần trăm rơi vào tay giặc trong một cuộc thủy lục không quân cộng hòa vây bắt lính. Ca nô, thuyền chiến... súng nòng tua tủa. Trên trời, trực thăng bay kín mặt đầm như cả đàn két két. Vui vừa hụp xuống, lặn chưa tới đáy thì chúng đã xáp tới. Vì gấp quá và run quá, chàng trai quên không trữ hơi. Sẽ chẳng được bao lâu thời gian nằm dưới nước. Thằng thiếu úy thuyền trưởng râu mép con kiến nhắc thấy Mặn, rùng mình nhẹ. Hắn thét lính dẹp ra, một mình hắn nhảy qua thuyền Mặn. Bố mẹ Vui ôm chặt thằng Mừng, ngồi chết khựng nhìn không biết làm chi. Thằng thiếu úy lấy mũi giày lật tung hết ván sập, nhìn kỹ không thấy gì, lần chui vào khoang. Hắn la thét, ngoắt Mặn vô. Hắn quăng mũ hành quân, ôm chầm lấy cô “mọi đầm”, vục cả mặt mũi vào đôi vú. Mặn vùng vẫy, nghiêng chặt răng cơ hồ đứt cả lưỡi. Hắn bóp, hắn hít, hắn mút. Khi cái lưỡi của hắn rà rà trên núm vú, Mặn run bắn, mềm nhũn và suýt nữa thì ngã xoài. Trong giây phút hãi hùng đó, không biết trời xui đất khiến thế nào Mặn buột ra:

- Thôi mà thiếu úy. Lính của thiếu úy sắp nhảy qua đó. Để khi khác. Thuyền em tối tối thường neo ngủ ở chỗ kia kìa!

Thằng thiếu úy trác táng nên chóng thỏa mãn. Hắn ngượng ngùng lấy mùi xoa lau một vết nhót

thăm ra ngoài chiếc quần quân phục thẳng nếp, nhảy về ca-nô, ngồi tọt xuống ghế chỉ huy, thét lính chạy lòng nơi khác. Một chớp mắt sau, Mận thấy chồng nhô lên cái chóp mũi để lấy hơi. Xong, mắt hút dưới đáy nước. Yên tâm rồi, bây giờ thì chỉ có thủy thần mới bắt được anh. Cô òa khóc...

Giờ đây đã khác xưa lắm lắm - Ông Vui vẫn đang triền miên trong suy nghĩ - thằng Mừng đã lớn khôn, nghề dưới nước cũng giỏi, nghề trên cạn như sửa xe, chạy máy, áp hàng... cũng tài. Ông bà đã già rồi, sức mấy rồi có ngày cũng tàn, ốm đau, run rủi... nó đi bộ đội, vạn thuyền không mất đứt tay chèo lái rường cột, màn răng đây? Con ông - một bầy vịt mái là vịt mái, lũ vịt này lớn lên, bay giông tuốt thôi. Còn thằng áp út, phải mười mười năm nữa mới mong thay thế được anh hấn. Người ta bắt thằng Mừng đi lính màn chi hè? Dân vạn chài xưa chừ có ai đi lính. Vậy là đến đời chúng nó, giòng giống, nghề nghiệp đâm phá bắt đầu tàn chằng? Chao ôi... Bầy vịt trời bay ngang bay dọc hay bay chéo qua mặt đầm mà có để lại dấu vết chi. Nhưng con bay đầu và con bay cuối thì bao giờ cũng có một cái gì đó, một cái gì không rõ lắm song vẫn là một cái gì. Ví như cổ vươn dài và căng hơn một cách dò tìm rà soát của con bay đầu hoặc khoảng cách hơi đoãng ra để làm tín hiệu từ phía sau cho cả đàn của con bay cuối. Như cái lái thuyền đó. Lái đường nào thì mũi theo đường ấy. Ông hay chính thằng Mừng con ông là vịt trời lông tía bay cuối đàn đây...?

Ông Vui thắng thốt đứng lên, vớ can rượu, mở nắp, ghé miệng vào. Nghe một cái ực...

*

Đêm không trăng sao. Thuyền đã về từ chập tối, bập bênh, nằm trong sự áp ủ đầy mạch bảo của những chòm râu si già.

Bà Vui và mấy đứa con gái chèo xuồng đi vớt rạm bè. Rạm nổi từng mảng lớn dày đặc như cháo kê. Nửa khuya, xuồng đầy mạp. Cũng vừa lúc Mừng lên bờ đi họp về. Người con trai trịnh trọng thông báo:

- Ngày một lên đường. Tập trung bên huyện, có xe đơn vị về đón đi luôn.

Ông Vui chẳng nói chẳng rằng tuồng như không nghe thấy và tuồng như còn có việc quan trọng hơn. Ông châm một bó hương cắm lên trang thờ, cúi đầu khom lưng vái. Rồi ông quỳ xuống, khuỳnh hai tay gài các ngón lại đưa lên ngang trái, lằm rằm. Cùng lúc ấy trên mặt đầm bỗng thốc lên một luồng gió chướng, luồng gió gần như dựng đứng, khi tới sát thuyền thì mềm lại, lan ra, hiu hiu, ve vuốt. Ông Vui mặt mày rạng rỡ quay ra, châm tiếp bó hương khác cắm vào chiếc lon vỏ bia hộp vẫn móc ở cạnh si già, nơi thờ các âm hồn vật vờ của riêng vạn thuyền ông. Xong đâu đấy ông vào ngòai xếp bằng tròn trên chiếc chiếu trong khoang.

- Mừng! Vô ngòai đây!

- Vô ngồi đây, Mận!

Người vợ giật mình. Mấy chục năm nay, mới nghe ông chồng gọi đến tên cúng cơm của bà, cái tên mà chính bà cũng chỉ thi thoảng, mơ hồ nghe vang lên trong giấc mơ. Rõ ràng là một việc cực kỳ hệ trọng sắp xảy ra. Bà bỗng run run như bị nhiễm lạnh. Giọng người chồng bên tai mà nghe như vọng lên từ đáy nước, trầm uẩn, xa vời...

- Không ai được cãi lời tui, nghe tui nói cho hết. Tui đã sắp đặt mọi chuyện đã cầu xin ông mẹ, ông mẹ đã bằng lòng rồi. Hồi trước, tui trốn lính quốc gia coi như đã tham gia việc cách mạng. Rửa cũng đủ cho cả vạ thuyền mình. Chừng thằng Mừng không việc chi phải đi nữa. Nhưng thời buổi chừ không thể “húp bát nước mắm cốt” được. Phải đông thôi. Ngày mai, thằng Mừng lên Huế nhảy lên tàu vô Sài Gòn, lánh tạm vài tháng, chờ tình hình lơ lửng sẽ trở lại vạ thuyền nhà. Chuyện ở đây tui lo. Thằng Mừng trốn thì cha thằng Mừng chịu phạt vậy thôi. Phạt mấy cũng chịu, phạt chi cũng làm. Mạ mi vô lấy ít bạc đưa cho con lận lưng... Tui nói rồi, cả nhà không ai được cãi!

Ông Vui mừng. Mặt đầm lặng phắc. Cơ hồ nghe được cả tiếng thở của con cá buôi, loại chuyên ăn dằm dưới tầng nước đáy.

Đã biết tính cha, Mừng nghe quá trái tai nhưng không dám mở miệng. Anh ngồi ngo ngoáy, mồ hôi dầu tóa ra khắp người. Chàng trai đưa mắt cầu cứu mẹ. Bà Vui nhè nhẹ lắc đầu.

Thời gian tan chậm chạp như sương đêm buổi mai tháng tám.

- Răng? Mi có ăn lời cha mi không? - Ông Vui lại cất tiếng, lông mày xé ngược như hai con tôm tít lộn đầu.

- Dạ... Dạ...

- Dạ dạ chi. Một là mi gặt, hai là mi lắc. Gặt chẳng nói mần chi, lắc, sẵn con sào găm bịt sắt nhọn đó, con sào từ đời ông nội mi để lại đến chừ. Tự tay tau sẽ phóng cho mi một phát, cho mi về châu Hà Bá. Tau đã nói là làm. Ông mẹ cho phép rồi. Nói đi, Mừng!

Bà Vui kêu xé lên một tiếng, ôm mặt. Mừng hoảng hốt.

- Dạ, tui xin nghe lời cha.

- Phải! Rửa là phải con ơi. Thề đi, thề trước vong linh tổ tiên ông mẹ, trước thủy cơ màu nhiệm Thần Phá đi!

Mừng như chiếc đòn mỏng manh bị dồn đến giữa mắt bão. Anh đứng dậy, trong đầu loé lên một tia chớp. Đến lúc này đành phải dối bố mẹ thôi, điều mà không một người trai dầm phá nào đang tâm làm. Anh hướng về phía bàn thờ cúi đầu, rành rọt:

- Con là thằng Mừng xin thề sẽ làm theo lời phải của cha. Nếu trái lời, xin chịu chết bầm chết dập!

Bà Vui thở hắt một hơi dài. Ông Vui hả hê vớ chiếc can nhựa. Rượu tràn ra cả chiếu từ ba chiếc tô

loe miệng. Bà Vui uống mấy ngụm xong đặt xuống, trong lúc hai cha con cạy úp tô xuống chiếu. Không ai chấp đàn bà khi uống, dù là đàn bà đầm phá. Nhưng anh con trai có học và mẫn cảm lắm rồi, anh thấy người mẹ đang tính toán một điều gì đó. Anh thấy cần mau chóng kết thúc câu chuyện:

- Tui chỉ xin cha một điều. Không thể trốn vô Sài Gòn được. Làm như vậy mang tiếng lẩn và nhất là gây ảnh hưởng xấu cho cả đoàn lính mới ở quê ta. Một, tui cứ lên huyện tập trung, cứ đi theo anh em về đơn vị. Dọc đường, một lúc sơ hở nào đó, tui sẽ lủi. Cha biết đó, tui lủi thì chỉ có Thần Đầm mới bắt được mà thôi...!

- Rồi! Rồi! Được!

Trong lúc người cha thanh thoi xoải thẳng cả bốn tay chân ngáy như sấm thì hai mẹ con ra ngồi sau lái, thì thầm. Đêm bí ẩn cũng gần tàn.

*

Mờ sáng. Mặt đầm chìm trong một màu bèngh bệch như nước luộc cá.

Mùng quăn Jin xám, sơ mi sọc như một cậu trai thành phố, ngồi sau lái. Người cha giật máy. Ông già sáu mươi tay vẫn còn khỏe lắm, chỉ hai vòng là máy nổ. Thuyền xé nước nhằm hướng tây nam đường quốc lộ. Mừng muốn được một lần tự điều khiển vạn thuyền trước khi đi xa.

Ông Vui há mồm ngạc nhiên khi thấy rập rình xung quanh thuyền ông, nhiều vạn khác cùng vượt qua, tiếng máy nổ rền cả mặt phá. Người ta gọi, kêu, hú, hét, vẫy tay quơ nón mũ... Lại có cờ quạt cắm đầu các mũi thuyền nữa. Cứ đỏ thắm mọi lạch luồng.

Cả một cộng đồng các vạn chài vùng đầm phá, không biết do ai tổ chức, hẹn hò đúng ngày giờ đã có mặt để đưa tiễn người con trai đầu tiên của họ ra đi bộ đội cách mạng.

Ông Vui đứng đầu mũi, bóng dựng như cái cột buồm, mắt lia khắp bốn bên. Trong lúc thẳng con ông hòa nhập vào cái giàn đồng ca hú hét, vẫy tay múa chân, quơ nón... đáp lại, thì ông bỏ vào trong khoang, ngồi lặng. Nhưng đôi mắt tinh như mắt rắn nước của ông vẫn không bỏ sót một chi tiết nào qua kẽ hở như sợi chỉ giữa vòm mũi và mạn.

Ông không khỏi xúc động vào tự hào, cho dù là một niềm tự hào cay đắng.

Đoàn thuyền cập bến. Mọi người đều ra đứng ngoài khoang. Mừng sải mấy bước lên cầu ván, nhảy lên bờ.

- Cha mạ với mấy em ở nhà. Tui đi!

- Ờ... đi! Cho mạnh giỏi!

Mừng bước lên đường nhựa, khuất dần sau những hàng cây chạy dài hai bên quốc lộ.

Đoàn thuyền đưa tiễn tản ra, ai về xứ nấy. Một ngày chài lưới mới đang chờ đợi. Phía núi Mu Rùa, ngoài cửa biển, mặt trời nhô lên dần. Mặt đầm óng ánh một màu nắng say say như rượu tươi.

Thuyền ông Vui về sau hết. Hôm nay là ngày Mừng ra đi, ông không đánh bắt. Về tới gốc si gà, bà Vui vung tay để sợi neo mềm mại trườn lên, ngoắc vào thân cây. Cái vung tay của bà không thể nói là kém hơn con trai bà. Bà đốt hai nén hương, một cắm lên trang thờ, một cắm đầu mũi - nơi vẫn hàng năm đặt lễ cúng Thần Đầm. Ông Vui nhìn vợ, không giấu được vẻ lạnh lùng bắn khoắn trên khuôn mặt như tạc bằng lim rông.

- Mụ mần chi rứa?

- Thắp hương!

- Thắp chi?

Hỏi xong, ông Vui cảm thấy mình quá ư vô lý. Thắp hương cho thần linh tiên phật, cho tổ tiên ông bà cha mẹ, cầu mong cho con cái được bình yên vô sự ăn nên làm ra... thì đâu có thừa, đâu phải là việc không nên mà hỏi. Tâm càng thành, càng được phù hộ. Thần linh chỉ trừng phạt những lòng giả dối. Nhưng mà... chi rứa hè? ... Ông chột dạ, lom khom nhìn.

Bà Vui ngồi bệt xuống, hai chân xếp ngoặc ra sau, chấp tay lạy. Đoạn bà đứng dậy, chiếu thẳng

mất vào chồng. Ông Vui như bị đồng khiển, bật đứng bên cạnh vợ. Bà Vui khấn to như đọc:

- Trên có chư vị Thủy Vương Hà Bá, dưới có vong linh ông bà cha mẹ. Con xin được giải lời hứa nguyên cho chồng con, con trai con. Chồng con vì thương con mà bày điều trái đạo. Con trai con vì không muốn phiền lòng cha mà phải thề nước hai. Đi thuận gió, về thuận mưa, nghe lời phải, bỏ điều tà. Con trai con đã một lòng, chồng con cũng không hai dạ. Rập đầu mong được chứng giải. Kính cáo.

Ông Vui ngã ngời đánh phịch. Bà Vui tạ xong ra đứng trước mui, rút con sào đầu bịt sắt nhọn đặt cạnh. Bà vo quần lên, và bắt đồ đưa tay xé rẹt hàng cúc áo. Hai bầu vú màu mận chín của ba mươi năm về trước phơi ra, hai bầu vú đã một lần cứu ông thoát tay giặc, hai bầu vú mà bày con của ông đã lần lượt bầu vào, hút kiệt và lớn lên, giờ đây đã thông xuống, tóp lại như hai trái mướp khô, ưỡn thẳng:

- Đây, mời ông! Tui xin được thay thằng Mừng gửi lại ông một cái lắc đầu... Ngày xưa, ông trốn lính là lợi cách mạng. Ngày nay, thằng Mừng trốn lính là hại cách mạng. Hấn không bao giờ làm. Ông hãy phóng vào ngực tui đi! Phóng đi!

Sự việc diễn ra quá dữ dội và bất ngờ. Ông Vui kiệt sức, lấp bắp:

- Mụ... Mụ... Ui chui cái mụ...!

Ông rên rỉ trong lòng. Ta thấp mưu hơn vợ con ta rồi... Cảnh tiễn đưa của cộng đồng các vạ chài đâm phá hồi nãy hẳn rõ trong óc ông. Thốt nhiên ông vụt nhận ra rằng, sự thất bại của ông cũng.... cũng thật là mất mặt...

Ông bước ra, quát vợ:

- Thôi đi vô nấu cơm! Con mụ “mọi đâm” kia!

Vừa lúc, thằng con áp út đang ngồi chơi khuất đầu bên kia cửa mui, vỗ tay reo:

- Mạ ơi! Vịt trời lông tía về rồi! Đó đó, mạ thấy không? Vịt trời lông tía!

Người mẹ nhìn vội lên cao:

- Ờ... ờ... nó bay đi, đến mùa lại bay về, có chi lạ mô con!

Ở vùng đầm phá, vịt trời có nhiều loại. Nhưng loại lông tía mới là loại quý hiếm, săn mồi rất giỏi. Dân vạ chài đầm phá chuyên sống trên mặt nước xưa nay vẫn coi chúng là sứ giả của những điều tốt lành, may mắn.

ĐẶNG VĂN NHƯNG



Họ và tên: **Đặng Văn Nhưng**

Ngày tháng năm sinh: 1.1.1941

Quê quán: Phù Cừ, Hưng Yên

Nghề nghiệp: Làm báo

Địa chỉ hiện nay: Tập thể Khoa học xã hội
và Nhân văn Quốc gia

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Truyện ngắn: *Hoạ mi Ngàn phố*,
Tiểu thuyết: *Huyền thoại Rừng Sát*, *Đường đời...*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Tạp chí Văn nghệ
Quân đội

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Năm 1983 Bộ tư lệnh tổ chức mời một số nhà văn và bạn viết trong quân đội đi thực tế ở một số đơn vị Hải Quân để viết một tập truyện nhân dịp kỷ niệm ngày 5-8, tôi cũng được mời trong dịp này. Thực ra những thực tế của chuyến đi cũng chưa đủ để viết thành công một truyện mà tư liệu tôi có được là do những chuyến đi khác ở Hải Quân khi tôi làm phóng viên của chương trình Phát thanh Quân đội nhân dân. Tư liệu của nhiều chuyến đi đã được tập hợp lại xây dựng thành truyện và những nhân vật tôi đã gặp, đã trò chuyện, tâm sự trong những lần ấy đã từ từ hiện lên trước ngòi bút của tôi mỗi lúc một rõ nét, một sâu đậm trong quá trình viết. Càng viết tôi càng thấy say mê, yêu mến những nhân vật và truyện của mình hơn. Tôi càng thấy yêu những người lính biển và biển hơn. Yêu như chính cuộc đời của mình vậy.

VỚI BIỂN

Đêm qua, một mình đi trên bãi biển Đồ Sơn, tôi đã nghĩ ra một câu chuyện khá ly kỳ về biển. Câu chuyện như một người nào đó, tôi không hề quen biết, không hề nhìn thấy, đã lặng lẽ đưa dắt tôi đi lang thang trong suốt đêm, trong tiếng sóng vỗ mơ hồ của biển, trong lấp lánh lân tinh với niềm say đắm mông lung. Tôi không sao chớp mắt. Tình tiết và ý nghĩa câu chuyện như chất men say ngấm vào da thịt, ngấm vào tâm não, làm tôi mê đi. Đến nỗi bây giờ khi đang đi xuống bãi biển xem những người dân chài kéo lưới, tôi vẫn còn như bồng bênh váng vất, vẫn còn như ngây ngất say. Tôi cứ ngỡ như tất cả những con sóng vàng óng ánh nắng chiều kia, cũng đang ùa theo về, hân hoan chào đón tôi, người sáng tạo ra cho biển một huyền thoại mới. Tôi định ninh rồi ngày nào đó, tôi sẽ kể cho mọi người nghe câu chuyện tôi vừa tưởng tượng ra. Tôi sung sướng mỉm cười nghĩ đến lời khen ngợi...

Tôi nắm vào sợi dây chèo to bằng ngón chân cái, bện bằng những sợi ni-lông nhỏ li ti của những người

đang kéo lưới, và cùng choãi chân đạp trên cát, ngửa người ra kéo lưới với họ. Sợi dây từ lòng biển được rút lên thẳng căng, tưởng không thể nào uốn cong được. Vậy mà khi nó được nhả khỏi những bàn tay người thì bỗng trở nên mềm mại nằm loằng ngoằng trên bãi cát màu nâu sẫm, tựa như sợi tơ khổng lồ được rút ra từ một ổ kén khổng lồ màu xanh. Thấy có người lạ, bỗng dừng tham gia vào công việc nặng nhọc của mình, mọi người nhìn tôi như dò hỏi: “Anh là ai? Làm như vậy để làm gì?” Tôi không quan tâm đến điều đó. Tôi đang vui, tôi muốn chia sẻ niềm vui. Thế thôi! Tôi cứ ra sức kéo, kéo đến nổi cả hai tay rất bỏng và đỏ tía lên. Một người đàn ông, mặt vuông, quai hàm bạnh, cằm ngắn và nhọn, trạc gần 40 tuổi, kéo bên tôi, nhìn thấy tự nhiên anh xoa xoa hai bàn tay vào nhau như thể chính anh bị bỏng rất chứ không phải tôi. Anh nói:

- Tại anh chỉ kéo bằng tay, mà không kéo bằng bụng đấy! Như chúng tôi đây này, anh chỉ vào sợi dây lõi màu trắng ngà to bằng chiếc đũa cũng đang thẳng căng, nối từ sợi dây chèo vào bụng, rồi mỉm cười nói tiếp - bụng ăn bụng chịu mà!

Nhìn theo tay anh, tình cờ tôi phát hiện ra chiếc áo lính thủy kẻ sọc anh mặc ở bên trong, chiếc áo còn rất mới, sọc xanh thì rất xanh mà sọc trắng thì rất trắng.

Tôi hỏi:

- Anh ở Hải Quân về phép?

- Vâng!

- Chắc là lữ M?

Anh nhìn tôi ngạc nhiên:

- Sao anh biết?

- Tôi đoán vậy.

Cũng có thể, tôi đã nhiễm phải cái thói cứ nhìn thấy người là đoán này đoán nọ của mấy anh mới tập xem tướng. Cũng có thể do tôi vừa ở lữ đoàn M về, nên bị một mặc cảm chi phối, nhìn thấy người lính nào mặc quần áo hải quân là lại đoán anh ta ở lữ đoàn M.

- Xin lỗi, anh tên là gì?

- Minh, tôi tên Minh.

- Chắc anh quê ở đây? - Tôi lại đoán.

Minh không trả lời ngay, tay vờn lần trên sợi dây kéo. Im lặng một lát, anh nói:

- Cho là vậy cũng được, anh ạ!

Thật là khó hiểu, tại sao câu trả lời lấp lửng, có vẻ như đùa ấy, gương mặt anh bỗng dịu xuống, buồn bã. Và bất giác, anh dăm dăm nhìn ra mặt biển xa, như đang trông đợi một cái gì, mà chỉ một lát nữa thôi nó sẽ hiện ra ở đường chân trời, nó sẽ lướt trên

đầu ngọn sóng đến với anh. Mặt biển chiều phồng căng, lác đác cánh buồm nâu trôi trong nắng. Từng đợt sóng dội lên xô vào bờ cát sỏi bọt làu sàu vỡ ra thành từng hạt nhỏ li ti nhảy tanh tách...

Từ lúc ấy Minh lảng tránh mọi sự ồn ào. Ngay cả khi mọi người bắt đầu hò lên điệu hò kéo lưới khỏe và vang, cho nhịp kéo nhanh hơn, dồn dập hơn, Minh cũng lặng thinh. Anh trở nên âm thầm lặng lẽ, như tách khỏi cuộc sống đang ồn ã trên bãi biển. Có lẽ tôi đã chạm vào một cái gì đó trong cuộc đời riêng của anh?

Mấy hôm nay nước kém, vàng lưới của Minh không ra bãi biển. Bãi biển bỗng trở nên vắng vẻ, nền cát mịn thưa thớt vết chân người. Không hiểu sao, trong cái vắng vẻ mênh mông của nước của trời ấy, tôi cứ nao nao một nỗi nhớ. Cái nhìn của Minh ra biển, quả thật đã gieo vào lòng tôi một nỗi băn khoăn dai dẳng. Nếu không phải là người có nỗi lòng với biển, không thể nhìn biển với cái nhìn đứt ruột, đứt gan như thế? Cái nhìn đã lay động cả tâm hồn tôi, tôi không thể không tìm anh. Nhà anh kể cũng không khó tìm, hỏi thăm ai cũng biết. Chỉ có điều làm tôi khó hiểu là nhà anh chật chội thế? Có thể nói là lụp xụp nữa. Ngôi nhà tranh chỉ có hai gian một chái. Vuông sân đất mọc đầy rêu xanh, ở góc sân, những bụi cỏ mọc từ bao giờ, hoa cỏ vật vờ. Chỉ có một vết nhẵn từ ngõ đi thẳng vào cửa. Bếp đun nấu là cái

chái nhà kéo dài xuống một chút. Mái rạ lợp lâu ngày đã ẹp xuống, sơ mòn, bạc phếch. Một ngôi nhà nửa như có người ở, nửa lại như bỏ không. lúc tôi đến Minh không có ở nhà, chỉ có một bà cụ đang lúi húi làm gì ở trong góc bếp, tấm lưng gầy cong gập sau lần vải nâu bạc phếch. Tôi đoán bà cụ là mẹ của Minh. Tôi chào cụ và hỏi Minh. Bà cụ lật đật chạy sang hàng xóm gọi. Một lát sau cả hai mẹ con cùng về. Minh vào nhà với tôi, còn bà cụ lại xuống bếp. Nhà không có bàn ghế, chúng tôi ngồi với nhau trên chiếc giường tre cũ kỹ, uống nước bằng bát.

Tôi hỏi Minh:

- Cụ nhà đây sinh được mấy anh chị em hả anh:
- Có một mình tôi thôi.
- Thế chị và các cháu ở đâu cả rồi?

Tôi khẳng định Minh đã có vợ và có con. Một người như vậy không thể là một người chưa có gì. Ngập ngừng một lát Minh trả lời:

- Nhà tôi và các cháu về bên ngoại.
- Chắc anh về đây ít ngày giúp cụ đi biển rồi sang với cháu.
- Không, tôi ở đây hết phép.

Tôi thầm đoán hai người giận nhau hoặc con dâu khó đường ăn ở với mẹ chồng?

Tuy không nói ra, nhưng không hiểu sao nhìn gia cảnh anh, tôi cứ ái ngại thế nào ấy. Tôi mong vợ chồng anh đừng có chuyện gì. Nếu có thì thật khổ cho bà cụ, Minh đi xa, cụ biết nương tựa vào ai? Tuổi già như ngọn đèn hắt hiu trước gió! Lần nào đến nhà tôi cũng mong được gặp vợ và các con anh nhưng rồi mãi cũng chẳng thấy. Điều đó càng làm tôi tin rằng giữa vợ chồng anh có chuyện gì không vui thật. Một hôm, tôi nửa đùa nửa thật, khuyên anh:

- Ông nên chủ động đi tìm bà ấy về. đời lính được mấy ngày sống với vợ con. Giận nhau mãi làm gì?

Minh im lặng, tránh cái nhìn của tôi, đầu hơi cúi, yết hầu cứ đưa lên đưa xuống, như thể cổ nuốt vào một cái gì đó đang ứ nghẹn.

*

Bẵng đi một thời gian khá lâu, kể từ ngày đi nghỉ mát, tôi và Minh không gặp nhau nữa. Chuyện vợ chồng anh như thế nào tôi cũng đã quên rồi. Chỉ còn câu chuyện tôi tưởng tượng về biển, trong một đêm trăng mờ, giữa tiếng sóng nghe như giận hờn với bờ cát, là vẫn còn xao động mãi trong tôi. Tôi định chữa lại phần cuối một chút, rồi sẽ đem kể với mọi người. Nhưng chưa làm được việc đó thì phải đi công tác. Tôi lại đi ra Hải quân. Và, thế là tôi nghĩ đến Minh, người đã tình cờ quen biết trên bãi biển Đồ Sơn. Nhưng lần này tôi không có nhiệm vụ đến lữ

đoàn M, mà chỉ đến lữ đoàn H. Cho nên, tôi yên trí rằng không thể gặp Minh. Chính vì thế mà tôi rất ngỡ ngàng khi gặp lại anh ở hải đội một của lữ đoàn này. Sau cái giây phút vồ vập, nắm bắt tay, hỏi thăm nhau, trong không khí cởi mở, tôi hỏi Minh:

- Thế nào, đã làm lành với nhau chưa? Chắc sắp để đũa nữa rồi phải không?

Nghe tôi hỏi, Minh ngớ ra không hiểu, gương mặt anh bỗng trở nên ngây thơ quá đỗi. Nhưng rồi chỉ một lát sau, dường như anh hiểu ra mọi chuyện. Và giây phút bồi rồi qua đi, gương mặt anh lại đượm một nỗi buồn, mỗi nỗi xót xa. Trông anh già hẳn đi.

- Tôi nay anh có ở đây không?

- Sao?

- Tôi sẽ kể cho anh nghe những điều anh hỏi tôi hôm trước...

*

Minh cấp chiếu, rủ tôi lên buồng lái của một tàu phóng lôi. Buồng lái không phải là nơi ngủ, nên chúng tôi phải thu xếp mãi mới được hai chỗ nằm, nằm theo hình thước thợ, chụm đầu vào nhau. Tôi thò bàn chân ra cửa, còn Minh phải dút vào trong gầm ghế lái. Tuy không thoải mái lắm, nhưng cần chi, đời lính đã làm chúng tôi quen với mọi cách ngủ rồi. Và lại, mục đích tìm chỗ này, chủ yếu không phải

là để ngủ. Nếu chỉ có vậy, thì chúng tôi đã chẳng từ chối khi đồng chí thuyền trưởng bố trí cho một buồng ở dưới khoang, có giường nệm êm, ga trải trắng, có điều hòa nhiệt độ. Đêm nay không trăng, nhưng sao trời chi chít. Tôi nằm ngửa mặt lên trời, nhìn những ngôi sao lung linh mà cứ vẩn vơ nghĩ về những chuyện nghe được từ thời còn thơ bé. Chuyện rằng, khi ở trên trời có một ngôi sao đổi ngôi thì ứng với dưới mặt đất có một người chết! Rồi một đêm tôi nằm khoanh trong một cái nong tre, ngả giữa sân nhìn qua mấy ngọn cau già trên nền trời đầy sao và nhắm đến những ngôi sao đổi ngôi. Tôi đếm, tôi đếm mãi đến sáng... và ngày hôm sau tôi cứ buồn rã rời cả người vì chỉ sau có một đêm thôi mà có nhiều người chết quá? Từ đó trở đi, không bao giờ tôi dám đếm sao đổi ngôi nữa. Và, khi bất chợt bắt gặp một ngôi sao đổi ngôi là nỗi buồn trong lòng tôi lại nhói lên. Tất nhiên, bây giờ tôi không tin như thế nữa. Nhưng dù sao thì những ngôi sao đổi ngôi cũng báo hiệu một cái gì đó chói sáng để rồi vĩnh viễn tắt lịm. Mình cũng đang nhìn lên những ngôi sao, nhưng không hiểu anh đang nghĩ gì? Có thể anh cũng đang liên tưởng tới một câu chuyện nào đó, có liên quan đến cuộc đời anh. Hai chúng tôi cứ nằm yên lặng mãi, chưa nói với nhau được một lời nào. Thế mới biết, những chuyện tâm sự mà hẹn trước bao giờ cũng khó nói, bao giờ cũng khó mở đầu. Nhưng chẳng lẽ cứ im

lặng mãi, chúng tôi đành vòng vo nói những chuyện không đâu, những chuyện chẳng liên quan gì đến những điều mà tôi được biết, sau lần gặp nhau trên bãi Đồ Sơn, trở về lữ đoàn M, Minh nhận được quyết định chuyển sang lữ đoàn H, làm trợ lý tác chiến. Và hôm nay, anh xuống đây kiểm tra giai đoạn một huấn luyện của hải đội. Đáng lẽ kiểm tra xong thì anh về lữ đoàn, nhưng gặp tôi nên anh ở lại bảo là để cho vui. Và bây giờ thì chúng tôi đang nằm trò chuyện với nhau. Cứ vòng vo như thế, Minh vào chuyện lúc nào tôi không còn nhớ nữa. Chỉ biết khi ấy đã khuya, mọi người đã ngủ cả, sóng biển dường như cũng êm hơn, chỉ còn phập phồng như hơi thở nhẹ. Tôi có cảm giác những quả phóng lôi đang nằm trên bệ phóng kia cũng đã ngủ say rồi.

- Tôi không ngờ sự tình lại diễn ra như vậy anh ạ! - Minh bắt đầu bằng câu ấy - Tôi còn nhớ một buổi chiều, tháng 8 năm 1964, khi vừa ăn cơm xong, tôi được lữ trưởng gọi lên giao nhiệm vụ. Tuy không nói ra, nhưng chỉ nhìn nét mặt lữ trưởng, tôi cũng hiểu được nhiệm vụ lần này quan trọng như thế nào. Lữ trưởng kéo ghế mời tôi ngồi rồi nói ngay:

- Đảng ủy và thủ trưởng lữ đoàn đã cân nhắc kỹ và quyết định giao cho đồng chí một nhiệm vụ đặc biệt. Để hoàn thành nhiệm vụ này, ngoài việc nắm chắc kỹ thuật sử dụng vũ khí, khí tài, còn đòi hỏi một tinh thần cảm tử. Đồng chí có dám nhận không?

Lữ trưởng chưa nói nhiệm vụ cụ thể, có lẽ vì chưa biết tôi có dám nhận nhiệm vụ hay không. Nói thẳng ra là có dám chết không? Lúc bấy giờ không khí chiến thắng đang dâng cao, lòng căm thù giặc Mỹ đang sôi sục sau ngày 5 tháng 8. Không khí ấy đang có sức cổ vũ, lôi cuốn mọi người lao vào cuộc chiến đấu. Được nhận nhiệm vụ đặc biệt là niềm vinh dự lớn lao, ai lại chối từ. Vả lại, là người lính, khi đã được cấp trên giao nhiệm vụ thì phải biết, đó chính là mệnh lệnh chỉ có chấp hành, chấp hành và chấp hành. Không đắn đo suy nghĩ, tôi trả lời ngay:

- Báo cáo lữ trưởng, tôi sẽ hoàn thành nhiệm vụ được giao dù có phải hy sinh.

Lữ trưởng không cười như mọi lần, khi nghe cấp dưới hứa hẹn, mà chỉ nhìn tôi với ánh mắt chan chứa yêu thương như nhấn gửi một điều gì không thể nói ra. Ông bắt đầu nói cụ thể công việc...

Anh ạ, lúc đầu tôi cứ tưởng, tôi sẽ chấp nhận sự hy sinh, tôi sẽ đi đến cái chết một cách nhẹ nhàng, thanh thản. Nhưng rồi sự đời quả thực không đơn giản. Giá như lúc đó có một con tàu nào đó đến đón tôi đi ngay, thì có lẽ, tôi cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều đến thế. Nhưng đằng này tôi phải nằm chờ suốt một ngày, một đêm, và lại phải làm một số thủ tục trong các thủ tục ấy có tiết mục: gửi lại tổ chức mọi thứ giấy tờ có trong người. Lúc đầu tôi nghĩ đơn giản,

mấy cái giấy tờ hàng ngày lộn cộm ở trong túi, móc ra gửi lại thì có chuyện gì? Nhưng không ngờ, chính nó lại là chuyện. Không biết tất cả những ai đã từng gửi lại mọi giấy tờ, để đi làm nhiệm vụ đặc biệt nào đó, có cái cảm giác này không, chứ ở tôi thì có. Ấy là lúc móc hết mọi giấy tờ trong người ra rồi, tôi bỗng thấy người nhẹ hẫng, trống chệnh, chơi vơi như rơi vào một khoảng không mênh mông vô tận. Tôi có cảm giác như sợi dây vô hình bấy lâu nay vẫn ràng buộc tôi với cuộc sống đã lìa đứt. Tự nhiên tôi đâm lo! Như thế là tôi chẳng còn gì trong người nữa, chẳng còn gì để chứng tỏ mối liên hệ của mình với cuộc đời nữa. Tôi hốt hoảng! Không! Không! Tôi phải giữ lại một thứ giấy tờ gì đó, thứ giấy tờ ấy sẽ làm tôi yên tâm hơn để ra đi. Giấy tờ gì cũng được, có thể là một con tem, có thể là một chiếc vé xe vé tàu, giấy tờ gì cũng trở nên thân thiết, cũng trở nên có ý nghĩa đối với tôi trong lúc này. Tôi bày tất cả những thứ giấy tờ ấy lên chiếc giường tôi vẫn nằm hàng ngày của mình, cái nào gửi lại thì xếp sang một bên, cái nào đốt đi thì đốt. Nhưng rồi đến bức thư của Sa thì tôi cứ ngần người ra không biết nên gửi lại hay nên đốt đi? Hay là ta giữ lại mang theo, một ý nghĩa chợt loé lên, tôi bám lấy. Lúc đầu tôi đã quyết định giữ lại chiếc vé xe Hải Phòng - Đồ Sơn, chiếc vé xe lần đầu tiên tôi về thăm Sa. Chiếc vé xe đã bị người phụ lái xé gần đứt đôi, nhưng tôi vẫn giữ được. Tôi cứ cầm bức thư của Sa để sang chỗ này rồi lại bỏ sang chỗ

kia đến mấy lần. Cuối cùng tôi chẳng bỏ sang chỗ nào cả, mà cuộn thật nhỏ lại luồn vào trong gấu áo, sau khi đã cẩn thận xóa hết tên của tôi và của Sa trên bức thư. Giả dụ ai có nhặt được thư thì cũng không thể biết thư của ai gửi cho ai, chỉ biết đây là bức thư của một người con gái gửi cho một người lính hải quân. Bây giờ thì bức thư không còn là giấy tờ nữa, nó đã bị mất trong lần tôi đi làm nhiệm vụ đặc biệt ấy. Nhưng tôi thuộc và như anh nói, suốt đời tôi không bao giờ có thể quên. Vâng, chiều anh tôi cứ đọc nguyên văn lá thư ấy.

Anh thương nhớ.

Sáng hôm nay, sau khi tiễn anh đi, trở về, em bị mẹ mắng cho một trận nên thân. Mẹ bảo em làm con gái thì phải biết giữ gìn, đi như thế người ta coi thường cho! Mẹ nói đúng. Đáng lẽ em cứ để cho anh đi thì phải, đằng này em lại giữ anh, rồi lại đi cả đêm với anh. Có lẽ vì thế mà anh đã coi thường em, nếu không thì sao anh lại hỏi: “Có phải em yêu anh là để trả ơn anh đã cứu em không?” Không phải thế đâu anh ạ! Em không bao giờ lại dùng thân mình để trả ơn cho bất kỳ một người nào. Bởi em nghĩ trong đời, em sẽ còn phải mang ơn nhiều người khác nữa chứ không phải riêng anh. Nói như vậy anh đừng nghĩ em là kẻ vô ơn, anh hiểu em, người ta chỉ nên trả ơn bằng mồ hôi, thậm chí bằng cả máu của mình nhưng không thể trả bằng tình yêu...

Anh thương yêu! Anh đừng giận em nhé! Biết đến bao giờ chúng mình mới được sống bên nhau.

Em của Anh

Vũ Thị Kim Sa

Thật tình Sa đã hiểu lầm tôi, tôi hỏi câu đó hoàn toàn không có ý gì coi thường Sa mà chỉ muốn biết một sự thật: Sa yêu tôi vì yêu hay để trả ơn. Nói thật, tôi không thích tình yêu ơn nghĩa, tôi chỉ thích tình yêu của trái tim... Tôi định ninh rằng một ngày nào đó tôi sẽ nói cho Sa hiểu lòng tôi...

Minh im lặng. Tôi hiểu anh đang xúc động. Có lẽ những kỷ niệm đẹp đẽ của một thời yêu đương say đắm đang trở về trong anh. Tôi chưa chát nghĩ, ngày xưa thì mong “bao giờ chúng mình được sống bên nhau”. Thế mà bây giờ... lại thế? Lại thế là thế nào? Tôi cũng chưa rõ. Nhưng không hiểu sao, tôi cứ nghĩ, vợ chồng anh đang có chuyện không vui vì chính chị là người gây nên. Cay đắng, nhưng cũng là lẽ thường, có bao nhiêu cặp lúc yêu đương thì rất đẹp, nhưng khi thành vợ thành chồng lại không ít chuyện này chuyện nọ, có khi phải lìa bỏ nhau, thù ghét nhau... Người ta sống bằng thực tại chứ có ai sống bằng kỷ niệm đâu?

- Thế anh cứu chị ấy hồi nào? - Tôi hỏi.

- Thực ra, không phải một mình tôi mà còn mấy anh em nữa. Năm ấy, cũng vào độ cuối thu, chiều

xuống trời se lạnh, sương đã phủ mờ mặt biển. Ai cũng tưởng mùa gió bão đã qua. Có ngờ đâu, một cơn bão muộn lại ập đến...

Đáng lẽ, tôi phải bắt đầu câu chuyện từ đây mới phải. Bởi vì, do cơn bão này mà tôi được cử đi làm nhiệm vụ đặc biệt lần ấy. Cuộc đời người ta kể cũng lạ, có khi chỉ là sự ngẫu nhiên, nhưng nó lại là bước ngoặt, nó dẫn dắt người ta đi theo hướng này hay hướng khác, đem lại cho người ta niềm vui hay nỗi buồn, vinh quang hay tủi nhục! Đối với tôi, có lẽ là tất cả. Do cơn bão ập đến bất ngờ và dữ dội, một số thuyền đánh cá của dân không kịp về bến, đã bị sóng gió cuốn đi đâu mất. Sáng hôm sau, tàu của chúng tôi được lệnh đi tìm cứu những thuyền ấy. Anh em chúng tôi, tất cả còn đang mệt nhoài, ướt sũng vì suốt đêm qua phải chống đỡ quyết liệt với sóng gió, để chúng tôi khỏi ném tàu lên vách núi của đảo, hay lôi tuột đi chìm xuống biển sâu. Bản thân tôi cũng chỉ một ly nữa là không còn để hôm nay nằm kể chuyện cho anh nghe. Mặc dù được báo chậm, nhưng tàu của chúng tôi đã được chằng giữ khá cẩn thận. Chúng tôi buông neo phía ngoài để đề phòng sóng gió đánh dạt vào bờ đá, và huy động tất cả dây cáp để chằng giữ tàu vào những gốc cây lớn trên vách đá cho sóng khỏi lôi tàu đi. Lúc thường ai cũng tưởng như thế là quá chắc chắn, nhưng khi sóng gió nổi lên, gió như bầy ngựa

điên quần lộn, sóng như những quả núi đen ngòm cứ lừng lững dâng lên, đổ ập xuống, thì tất cả đều trở nên mỏng manh. Con tàu chỉ còn như một trò chơi tung hứng trong bàn tay ngông cuồng man rợ của thiên nhiên. Lúc ấy tâm bão đi qua, tôi đoán thế. Tôi vừa thấy tàu của chúng tôi bị bốc lên cao và bị ném xuống đánh hẫng một cái, tưởng như bị bẻ làm đôi, thì bỗng thuyền trưởng hét lên ghê rợn:

- Chông! Chông!

Thì ra, tàu của chúng tôi đã bị rê neo, có nguy cơ bị ném vào vách đá trong khoảnh khắc. Tất cả chúng tôi mỗi người vồ lấy một cây sào đã chuẩn bị sẵn, lao phập vào bờ. Những con sào cong lại như những cánh cung, muốn bật tung chúng tôi lên trời cho gió bão. Nhưng con tàu đã được ghìm lại. Giữa lúc ấy thì một tai họa khác ập đến, một quả bom “thả chìm” bị bung dây chằng, hất xuống mặt boong, đang lăn trên sàn. Không kịp suy nghĩ một giây, không kịp hét lên một tiếng, tôi buông sào nhảy tới ôm lấy quả bom, đẩy lại. Tay tôi ghì, ghì cả người, cả cầm vào quả bom. Chân choãi ra đạp chuôi chuôi trên mặt boong nhóp nhép. Quả bom nặng hơn tôi đang đà lăn nhưng chẳng để ý đến sự chống đỡ của tôi, nó cứ lăm li đẩy tôi đi lệt xệt. Tôi nghiêng chặt rằng, bấp tay bấp chân căng lên, các ngón chân cố bám xuống mặt boong trơn lỳ. Mắt tôi như lòi ra, mặt cho nước mưa tràn qua. Miệng thở phì phì... Bất giác chân tôi bị

hẫng ra ngoài, không còn đập trên mặt boong nữa mà đánh chòng vòng trong không khí. Một ý nghĩ lóe lên: Mình sắp bị hút xuống biển... Có tiếng kêu: “Buông ra! Buông ra!” Tôi không thể nào buông được. Tôi như bị hút chặt vào quả bom. Tôi càng ghi nó chặt hơn. Tôi co chân lại, dùng đầu gối đập trên sàn boong, rồi đầu gối cũng bị hẫng ra ngoài. Giữa lúc ấy thì có mấy người nhào lại. Quả bom được cứu thoát. Tôi cũng được cứu thoát...

Suốt một đêm quần lộn như thế, sáng hôm sau chưa kịp cho cái gì vào bụng thì tàu lại nhổ neo đi tìm kiếm thuyền dân... Biển đẹp là thế, nhân hậu là thế nhưng biển cũng tàn bạo và lạnh lùng lắm. Khác với đất liền, sau một biến cố phi thường, đất liền bao giờ cũng lưu giữ lại, cũng phơi bày ra những bằng chứng cho con người phán xử, cho con người tiếc thương. Nhưng biển thì không, biển xóa đi hết và lạnh đậm như chẳng hề biết gì, chẳng hề can dự gì vào biến cố ấy. Chính vì lẽ đó mà cuộc tìm kiếm của chúng tôi trở nên vô vọng. Mặt biển bao la, dấu tích lại chẳng có, chúng tôi không thể bầu vịu vào cái gì, lần theo dấu vết nào để tìm những con thuyền bị gió bão cướp đi xa. Tất cả chỉ là phỏng đoán, chỉ là cảm giác. Suốt một ngày tròn chẳng tìm ra dấu vết gì của tai họa, chúng tôi đành quay về. Khi đi ngang qua đảo Hải Âu, một hòn đảo độc lập cách đất liền khá xa, tình cờ tôi phát hiện ra một vài mảnh ván vật vờ dưới chân đảo. Chúng tôi cho tàu ghé lại thì phát

hiện thêm, ngoài mấy mảnh vụn vật vờ dưới nước còn có những mảnh ván bị hất lên bờ, nằm gác trên những mỏm đá. Chúng tôi xác định chắc chắn có một con thuyền nào đó bị sóng gió quật nát ở chân đảo này. Thế là chúng tôi cho neo tàu lại, bắt đầu cuộc tìm kiếm. Thoạt đầu, chúng tôi bắt gặp một xác người đàn ông nằm vắt ngang trong khe đá, toàn thân bị dập nát, đầy những vết tím bầm, đầu bị vỡ một mảng bằng ba đầu ngón tay ở sau gáy. Quần áo bị rách bươm. Người đàn ông này không còn trẻ nữa, trong bộ tóc dày ướt sũng nước biển tôi đã nhìn thấy lốm đốm mấy sợi bạc. Nhưng không thể xác định được khoảng bao nhiêu tuổi vì mặt mũi đã bị đổi dạng. Chỉ có bắp chân, bắp tay và lồng ngực là chỉ rõ, đây là một con người lực lưỡng, một con người thực sự của biển. Chúng tôi khiêng cái xác để xuống bãi cát nhỏ duy nhất của đảo. Bãi cát màu vàng như một vệt nắng. Tôi tiếp tục bám vào rễ cây đa thông xuống để leo lên một bậc đá cao hơn, thì bất ngờ nhìn thấy xác một người con gái, trên người dường như không còn một mảnh quần áo nào. Thân thể cũng tím bầm nhiều chỗ. Tôi bước lại đưa tay định lật cái xác để bế lên, đưa xuống bãi cát thì, trời ơi! Cái xác còn nóng và đôi mắt người con gái ấy từ từ mở ra, miệng mấp máy, nhưng không thành tiếng. Không chậm trễ, tôi bế thốc người con gái lên và tụt qua tảng đá xuống, nháy về tàu để đồng chí y tá của tàu làm động tác cấp cứu. Để thân thể người con gái như vậy không

tiện, tôi cởi chiếc áo ngoài đắp cho cô. Không tìm thấy ai khác nữa, chúng tôi bới cát chôn xác người đàn ông rồi lấy những tảng đá xếp xung quanh thành một nấm mộ, cho sóng biển khỏi bào đi. Anh có biết người đàn ông ấy là ai không? Chính là cha của Sa.

Nằm ở bệnh xá của chúng tôi một thời gian, sức khỏe của Sa hồi phục. Tôi cũng không hiểu vì sao bị sóng gió hất cao lên như thế mà Sa vẫn còn sống, chỉ bị xây xát thôi. Tuy bình phục, nhưng có lẽ vì vừa trải qua một tai họa khủng khiếp quá, nên Sa vẫn còn gầy xanh, vẫn còn ngây dại. Đơn vị cử tôi đưa Sa ra bến ô tô, lấy vé cho Sa về Đồ Sơn... Tôi cứ tưởng như thế là mọi chuyện đã xong, chúng tôi chẳng bao giờ gặp nhau nữa. Nhưng rồi, một hôm tôi nhận được thư của Sa. Thư Sa viết rất ngắn, mấy dòng đầu là hỏi thăm sức khỏe của tôi và của anh em trong đơn vị. Mấy dòng sau Sa viết những lời nhắn của bà mẹ mong tôi về chơi. Tuy còn ngần ngại chưa biết có nên về hay không, thì thuyền trưởng đã báo cáo lên cấp trên cho tôi về mấy ngày. Tôi về đến nơi thì Sa cũng vừa ra biển. Bà mẹ Sa cứ ôm lấy tôi khóc. Suốt mấy ngày ở đây, tôi được chiều chuộng như là về với mẹ tôi vậy. Tôi cũng chỉ còn mẹ. Bố tôi đã mất từ nạn đói năm 1945. Thật tình khi ở đơn vị, tôi rất ít nghĩ đến Sa. Nhưng sao bây giờ về đến đây, nhìn căn nhà trống vắng, nhìn bà mẹ Sa, tôi cứ thấy băng khuâng, thấy nhớ Sa. Có lúc tôi thậm chí trách bà cụ sao nhắn tôi

về lại còn để Sa đi biển. Nhưng tôi lại tự bào chữa cho bà, bà nhấn tôi về với bà chứ có phải về với Sa đâu! Càng nghĩ ngợi, nỗi nhớ càng day dứt. Buổi chiều nào tôi cũng lang thang ra biển, nhìn mặt biển xa, nhìn những cánh buồm vàng thắm nắng chiều rồi thầm mong Sa về. Nhưng càng mong lại càng chẳng thấy. Tôi buồn! Có lẽ linh tính, và đôi lúc tôi nghe bà cụ thở dài: “Con Sa bảo đi một vài bữa mà sao hôm nay vẫn chưa về?” tôi ngó ý xin đi thì bà giữ: “Anh cứ ở chơi, nay mai em nó về thôi!” Câu nói của bà như hiểu thấu tâm can tôi, làm tôi ngượng quá, nên nói dối: “con về thăm mẹ thôi, còn cô ấy thì... Tôi định nói là “có quan hệ gì với con đâu”, nhưng tôi đã dừng lại vì thấy rằng, nói như vậy là không phải. Tôi ở thêm một vài ngày nữa, và hôm sau quyết định vác ba lô về đơn vị. Khi ra đến con đường rẽ xuống bờ biển, tôi không thể nào không nhìn ra biển. Và không hiểu sao tôi không rẽ ra bến ô tô mà lại rẽ xuống biển. Tôi khoác ba lô đi đi lại lại trên bãi cát, lòng như lửa đốt, như thể Sa đã hẹn tôi ở đây mà không đến. Thấy thuyền nào về, tôi cũng lại xem có Sa về không và khi tôi cảm thấy vô vọng rồi thì bỗng Sa xuất hiện. Sa khác quá, Sa nhanh nhẹn, hoạt bát quá, Sa xinh quá. Suýt nữa thì tôi không nhận ra nếu không nhìn thấy cái nốt ruồi ở giữa trán cô. Còn Sa, Sa nhận ra tôi nay, cô nhảy phắt xuống thuyền và gọi:

- Anh Minh! Anh vừa về đến đây à?

Tôi chưa kịp trả lời thì Sa đã quay sang giới thiệu tôi với mọi người.

Sa càng sôi nổi, càng tự nhiên bao nhiêu thì tôi càng ngượng ngập, càng lúng túng bấy nhiêu, trước những cô gái cứ nhìn tôi cười, rồi nhao nhao:

- Gặp nhau thích quá rồi còn gì nữa!

- Về đi thôi, đưa nhau về đi thôi!

- Đẹp đôi đấy! Các bác các chú cũng giục Sa đưa tôi về nhà, công việc ở đây đã có người khác lo.

Thế là Sa giục:

- Về nhà đi anh!

Tôi không còn biết nói sao đành chào mọi người, khoác ba lô theo Sa, Sa tỏ ra rất vui, cô bước đi rất nhanh, gót chân cứ lấp loáng trên nền cát, để lại những vết mờ nho nhỏ. Cô hỏi tôi:

- Anh về được mấy ngày? Không ai chỉ đường cho anh sao mà lại đi xuống biển?

Lúc này tôi đã bình tâm trở lại và nhận ra không thể bước theo Sa về nhà được nữa. Tôi nói với Sa là tôi đang khoác ba lô đi, chứ không phải mới về đến đây. Tôi đã ở nhà mấy ngày rồi, bây giờ tôi không ở thêm được nữa. Sa vừa tỏ ra ngạc nhiên vừa tỏ ra ân hận:

- Sao? Thế nhận được thư em, anh về ngay à? Em cứ nghĩ là em đi biển mấy ngày, anh về là vừa,

không ngờ - Sa thần người ra một lúc rồi như phát hiện ra điều gì đó, cô reo lên: Nhưng bây giờ đang nào cũng tối rồi, xe không chạy nữa đâu, anh về nhà em nghỉ, sáng mai đi sớm.

Tôi không dám nói với Sa rằng tôi đã ra đi từ trưa, nhưng vì Sa, cho nên bây giờ tôi vẫn còn quanh quẩn ở đây. Tôi từ chối:

- Không, tôi không ở thêm được nữa đâu!

- Sao thế? Anh giận em à?

Tôi không thể quay lại được nữa vì tôi đã nói dối mẹ Sa là tôi hết phép phải đi ngay. Vả lại tôi chẳng đã nói: "Con về đây là về thăm mẹ chứ cô ấy thì..." Bây giờ quay lại, biết ăn nói với bà ra sao?

- Không, tôi không giận Sa, nhưng tôi không thể quay lại được!

Sa giận dữ:

- Anh không quay lại được thì anh đi đi.

Tôi đi thật:

Trời gần tối, những người trên bãi biển đã về hết chỉ để lại những dấu chân và mùi cá tanh nồng thoảng lên. Sao trời đã mọc, ngôi mờ ngôi tỏ. Gió biển ào ạt thổi phía sau lưng tôi. Bỗng tôi nghe có tiếng chân người chạy gấp phía sau. Tôi quay lại thì vừa lúc Sa đến. Sa nắm lấy tay tôi nói trong hơi thở gấp:

- Anh, Anh đừng đi!

Tôi bồi hồi ôm lấy Sa, Sa để nguyên không nói gì. Tiếng sóng biển vây quanh vỗ vào sự im lặng của chúng tôi một điệu nhạc nồng nàn êm dịu. Chúng tôi không nói đến chuyện về hay đi nữa mà cứ đứng như thế một hồi lâu, rồi sóng đôi đi lang thang trên bãi cát. Đi mãi, đi mãi, khi gặp một doi đá của một quả đồi thấp nhô ra biển thì dừng lại, cùng ngồi xuống một phiến đá phẳng. Đêm không trăng, những ngọn đèn gọi cá trên mặt biển xa cứ chong chong như những con mắt đợi chờ, lẫn với những vì sao thức thâu đêm. Đêm tối, không nhìn thấy những ngọn sóng, mà chỉ nghe tiếng ì ầm phía xa và tiếng ùm ùm vỗ dưới chân đá. Tất cả như chìm sâu trong mơ. Không gian mênh mông huyền diệu. Chúng tôi không còn biết đâu là đất, là trời, là nước, tất cả như đang bồng bênh nổi trôi, như đang hòa trộn, đang êm đềm chảy về một cõi hư vô nào đó.

Có tiếng chiến sĩ gọi nhau đổi gác, Minh dừng lại một lát rồi lại tiếp ngay:

- Con bão bất ngờ ấy có ý nghĩa quyết định, để tôi được giao nhiệm vụ đặc biệt. Chắc anh còn nhớ, tôi đã kể với anh về quả bom chìm bị bung dây chằng suốt lặn xuống biển rồi. Chính hoạt động nhào lại ôm quả bom, ghì giữ nó lại của tôi, được anh em đánh giá là một hành động dũng cảm. Chuyện đó đến tai

lữ trưởng, ông đã gọi tôi lên để khen ngợi. Và cũng căn cứ vào hành động ấy mà lữ trưởng chọn tôi đi làm nhiệm vụ đặc biệt lần này, một nhiệm vụ mà sự hy sinh cầm chắc trong tay.

Anh có biết không? Sau khi gấp bức thư của Sa, bức thư tôi đã đọc anh nghe khi nãy, nhét vào gấu áo, đốt hết những giấy tờ nào cần đốt, gửi lại tất cả những giấy tờ nào cần gửi, tôi về giường nằm. Nhưng nằm thế thôi, anh bảo ngủ thế nào được. Trước khi chết người ta có nhiều điều nghĩ ngợi khác nhau, nhiều nỗi nhớ khác nhau. Tôi cũng thế, tôi nhớ mẹ tôi, tôi nhớ những bạn bè thân thích, tôi nhớ quê hương hàng xóm. Nhưng riêng đối với Sa, tôi không phải chỉ có nhớ tôi còn thương, tôi còn ân hận, tôi còn nhiều nỗi băn khoăn vò xé. Tôi không hiểu, sau cái đêm chúng tôi thương nhau ấy có chuyện gì xảy ra đối với Sa không? Đến nay đã gần 3 tháng mà tôi mới chỉ nhận được có một bức thư trên của Sa thôi, bức thư đến tay tôi sau hai ngày tôi về đơn vị. Có lẽ đấy chỉ là bức thư để tỏ thái độ trước câu nói thiếu suy nghĩ của tôi, khi chúng tôi chia tay nhau ở ngã ba lúc rạng sáng hôm ấy. Còn từ bấy đến nay tôi không nhận được thêm lá thư nào nữa. Nếu Sa có thai thì thật khổ cho Sa, Sa sẽ mang tiếng không chồng mà chửa. Sa sẽ chống lại với dư luận như thế nào? Mẹ Sa đau khổ về đứa con gái “hư hỏng” của mình như thế nào? Và, bà sẽ giận tôi, khinh tôi như thế nào?

Sa sẽ phải nuôi con khi tôi vắng mặt trên cõi đời. Rồi con tôi sẽ ra sao? Liệu Sa có đi lấy người khác không? Nếu có thì con tôi sẽ ở với ai? Người chồng của Sa có thương nó hay lại hắt hủi nó?

Tôi đang hình dung ra con tôi đang lang thang bơ vơ trên cõi đời. Nếu tôi đã cưới Sa thì con tôi sẽ là con liệt sĩ, nó sẽ được xã hội trọng nom, được ưu tiên này khác. Nhưng đảng này người ta chỉ coi nó là một đứa con hoang!

Nhưng rồi tôi lại hình dung ra, vì thương tôi mà Sa sẽ thương chiều con tôi, nuôi dạy nó nên người. Nhưng nếu Sa không có thai thì... Có nghĩa là tôi ra đi không còn để lại dấu tích trên đời này. Phía sau tôi sẽ là một khoảng trống không cùng. Tôi bỗng thấy nuôi tiếc và lo sợ... Cứ nghĩ vẩn vơ, có lúc tôi cảm thấy run sợ trước nhiệm vụ. Nhưng thoái thác ư? Không! Không! Cái hèn nhất, cái nhục nhất của người lính là người không dám nhận nhiệm vụ, nhất là nhiệm vụ nào mình biết chắc cái chết sẽ cầm ở trong tay. Con người ta có cái lạ thế đấy, ai cũng sợ chết nhưng khi cần phải chết mà lại chối từ thì không bao giờ làm. Kể cũng lạ, khi mình đã chuẩn bị sẵn sàng đi vào cái chết thì lại không chết. Lần ấy, tôi hoàn thành nhiệm vụ và trở về. Tất nhiên số anh em cùng đi với tôi hy sinh cả. Tôi được một chiếc thuyền dân cứu vớt từ biển lên đem về...

Về đơn vị, tôi được lũ đoàn đón tiếp như một anh hùng. Anh em chạy lại ôm lấy tôi reo hò. Lũ

đoàn trưởng ôm lấy tôi rung rung nước mắt và tổ chức ngay cuộc họp Đảng ủy bất thường, nghe tôi báo cáo lại diễn biến và kết quả trận đánh. Tôi được các đơn vị trong lữ đoàn kéo đi kể chuyện động viên khí thế chiến đấu trong lữ đoàn. Lúc này, giặc Mỹ đã tăng cường mức độ của cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc nước ta. Các đơn vị trong lữ đoàn chúng tôi dường như ngày nào cũng nổ súng đánh trả những cuộc tấn công ăn cướp ấy. Cho nên những buổi kể chuyện của tôi có tác dụng lắm. Người ta bảo “Họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai”. Thật không đúng. Niềm vui chiến thắng trở về còn đang náo nức trong tôi, thì tôi lại nhận được thư Sa. Sa báo tin cho tôi biết Sa đã có thai! Ôi! Anh đã nhận được một cái tin như thế bao giờ chưa? Suốt ngày người tôi cứ bâng khuâng, cứ nhẹ lâng. Tôi đứng ngồi không yên vì sung sướng, vì hạnh phúc, tôi tự hào, tôi xấu hổ. Thấy ai nhìn mình là cứ ngỡ như họ đã biết mọi chuyện, mặt tôi nóng bừng. Bỗng dưng tôi cười, bỗng dưng tôi bần thần nghĩ ngợi. Tôi muốn giấu thư của Sa đi, nhưng lại muốn cho mọi người đọc. Tôi chạy ra bờ biển và muốn kêu to lên cho muôn trùng sóng nước cùng nghe rằng tôi sắp có con, rằng cuộc đời tôi sắp được tiếp nối đến mai sau. Trong đời, có lẽ chưa bao giờ tôi thấy biển đẹp đến thế.

Mặt biển căng và xanh thẳm, bầu trời tím ngắt. Lộp lộp những con sóng cứ chấp chới rung rinh như nhẩy múa. Những cánh buồm dường như cũng nhiều

hơn, chuyển động nhanh hơn. Và cả mây ở trên trời cũng lang thang khắp nơi. Tôi đã thuộc những điều trong thư Sa viết, nhưng tôi vẫn thò tay vào túi lấy bức thư ấy ra đọc lại. Sa nói rằng việc Sa có thai chưa ai biết, kể cả mẹ. Cho nên Sa mong tôi về ngay và nếu xin phép được đơn vị thì tổ chức cưới luôn một thể. Đảm rằng mình yêu nhau thật thì chẳng sợ ai cười chê và cũng chẳng ai cười chê. Nhưng dù sao thì cũng không nên có dư luận này nọ. Thực ra thì Sa cũng chẳng nói, lòng cũng như lửa đốt, tôi muốn về ngay với Sa. Không kìm nén được niềm vui, không kìm nén được niềm mong ước trở về bên Sa, tôi quyết định cầm thư lên trình bày với lý trưởng và xin về vài ngày. Khi lý trưởng đọc thư, tôi hồi hộp lo lắng. Sợ lý trưởng sẽ phê phán là quan hệ không chính đáng sẽ kỷ luật tôi, không cho tôi về thì khổ cho Sa biết chừng nào!

Nhưng đọc xong thư, lý trưởng lại bắt tay tôi nói: “Thế là cậu có hai niềm vui đến cùng một lúc. Đảng ủy vừa quyết định đề nghị cấp trên tặng thưởng huân chương chiến công cho cậu. Thôi được, cậu thu xếp về đi. Tôi giải quyết cho cậu 15 ngày phép về tổ chức cưới luôn đi. Giá không có chiến tranh, tôi có thể cho cậu nghỉ cả tháng, nhưng bây giờ thì thế thôi, được không?”.

Thật quá sức tưởng tượng của tôi, tôi chỉ mong về vài ngày thế mà lý trưởng lại cho tôi nghỉ nhiều

thế, lại còn dặn dò tôi khi nào chuẩn bị xong, điện lên, đơn vị sẽ cho người về dự lễ cưới, đây về Đồ Sơn kể cũng không xa lắm.

Tôi vội bắt tay tạm biệt mọi người để ra về ngay trưa hôm ấy. Ai cũng chúc tôi hạnh phúc. Có người còn gửi cả quà mừng và có người còn gửi cả đồ chơi cho đứa con tương lai của tôi nữa. Như thế đấy anh ạ, bạn bè đồng chí ai cũng mong hạnh phúc của chúng tôi trọn vẹn. Ấy thế mà, anh có tưởng tượng được không, khi tôi về đến ngã ba, một đường rẽ vào làng chài của Sa, một đường rẽ xuống bãi biển. Cái ngã ba mà tôi và Sa chia tay nhau ấy, thì bất ngờ tôi bắt gặp một bà mẹ, đầu tóc rũ rượi, quần áo tả tơi bết bùn đất, đang quỳ giữa ngã ba, với tay về phía biển mà kêu gào, đòi biển trả lại con cho bà, đòi kẻ nào giết con bà phải đền tội. Bà mẹ ấy chính là mẹ của Sa. Tôi sững sờ, chết lặng, tưởng như ngã quỵ ngay xuống. Nhưng trước bà mẹ như thế, tôi làm sao mà ngã được, tôi bước lại bên bà, dìu bà dậy, đưa về nhà...

Sa mới hy sinh trong chuyến đi biển chiều hôm trước. Chiếc thuyền đánh cá của Sa bị máy bay Mỹ đuổi bắn tan nát. Xác Sa đến hôm nay vẫn chưa tìm thấy. Đêm hôm ấy, tôi đem tất cả những gì anh em mừng, anh em tặng Sa và đứa con tương lai của tôi ra biển và lội xuống một đoạn khá xa, với một niềm mong ước là Sa và con hiểu tấm lòng của đồng đội tôi, nhận lấy ở đây một niềm hạnh phúc thương đau.

Tôi thả cả chiếc áo mà tôi đã đắp lên người Sa ngày trước. Chiếc áo Sa đã giữ từ buổi chúng tôi yêu nhau. Nhưng anh ạ, nhưng không hiểu sao tất cả những thứ tôi thả dường như không chịu rời xa mà cứ vật vờ quanh quần bên chân tôi, trên mặt nước phập phồng. Cả chiếc áo nữa, chiếc áo cũng không chịu trôi đi, không chịu chìm xuống mà cứ nổi vật vờ như một xác người...

Minh bỗng im lặng. Có lẽ anh đang nuốt nước mắt. Còn tôi biết nói gì trước câu chuyện của anh.

- Chắc đến bây giờ thì anh đã hiểu mọi chuyện. Minh hỏi dường như không đợi tôi, anh đã tiếp. Quê tôi không phải ở Đồ Sơn mà ở một vùng đồi núi trên sông Đà cơ, ở đây tôi còn một bà mẹ như bà mẹ của Sa... Thật ra chuyện đời của một người lính tôi chẳng muốn kể ra làm gì, nhưng đã trót nói dối anh thì bây giờ phải kể lại cho anh hiểu. Thật tình, lúc đầu tôi cứ tưởng nói dối thì nỗi đau của mình có thể dịu bớt. Nhưng không phải anh ạ, càng nói dối tôi càng thấy đau.

Câu chuyện dường như sắp hết, trời cũng đã gần sáng, con nước đang dâng lên đầy biển, nâng tàu của chúng tôi lên cao hơn mặt càn. Tôi hỏi:

- Thế bây giờ anh có định lấy vợ không?

- Có, rồi tôi sẽ lấy.

- Lấy đi thôi, đã 20 năm rồi còn gì!

- Tôi cũng biết thế. Hai mươi năm rồi mà đêm đến tôi thường nằm mơ thấy Sa dắt con đi trên mặt biển, bước theo những bước sóng. Bước chân Sa bước theo con sóng dài còn con và tôi bước theo con sóng ngắn. Tôi gọi, nhưng Sa cứ lặng lẽ đi như cá. Và lúc đến bờ, khi những ngọn sóng chồm lên đứt gãy thì Sa và con lại biến mất, chỉ để lại tiếng nấc dội lên. Cứ những đêm nằm mơ như thế, sáng hôm sau tôi lại xuống bãi biển nhìn ra mặt biển, ước thấy mẹ con Sa một lần nữa. Minh thử dài - tôi sẽ lấy vợ và tôi sẽ có con... Bây giờ thì tôi chưa biết lấy ai, nhưng nhất định rồi tôi sẽ lấy và tôi sẽ đưa vợ tôi, đưa mẹ tôi về với mẹ Sa. Tôi sẽ xây lại nhà. Tôi tin rằng ngôi nhà ấy sẽ không còn nửa như có người nửa như bỏ hoang mà ngày nào anh vào chơi nữa?...

Kể đến đây thì Minh ngừng hẳn. Không biết anh còn nghĩ ngợi gì thêm nữa? Chứ tôi thì dường như mới chỉ là bắt đầu. Tôi đã tưởng tượng ra một câu chuyện khá ly kỳ về biển. Câu chuyện làm tôi say đắm suốt một thời gian dài. Nhưng bây giờ trước câu chuyện về cuộc đời của một người lính biển, thì câu chuyện tưởng tượng của tôi về biển sẽ là gì? Không biết tôi có nên kể cho mọi người nghe nữa hay không. Đó là điều băn khoăn mãi của tôi.

Tháng 10-1983

LÊ NGUYỄN NGŨ



Họ và tên: **Lê Văn Tám**

Ngày tháng năm sinh: 20.2.1950

Quê quán: Hàm Đức, Hàm Thuận Bắc,
Bình Thuận

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Phú Thủy, thành phố
Phan Thiết

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Truyện ngắn: *Điện luân vũ đầu tiên* (1994), *Tiếng hát trắng bên thành cổ* (1994), *Mùa xuân B'Li không về* (1995), *Người bạn nhỏ nơi ga xép* (2001), *Tìm chồng trong động rấn* (2002); Tiểu thuyết: *Sao mai lấp lánh* (1998)...

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Tuần báo Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh 1983. Giải thưởng Báo Văn nghệ 1994. Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp VHNT Việt Nam.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Truyện ngắn này tôi viết về nỗi đau của một người bạn. Lý do chọn: vì tôi thích nó. Điều tâm đắc tôi muốn gửi vào tác phẩm này: Nói lên một trong những nỗi đau sau chiến tranh.

MOM SÔNG BÓNG NÚI

Ai là người sinh ra đời lại không từ cha mình và ai người chẳng biết kính yêu, quý trọng đáng đã có công sinh thành? Nhưng dẫu này ba tôi...! Tôi biết nói về ông thế nào, cái người cha khi còn sống, tôi đã từng nguyện với lòng sẽ từ biệt suốt đời, gặp nhau có họa chẳng chỉ lúc đưa ông vào... lòng đất mà thôi!

Ba tôi bị thương ở chiến trường, sau bảy năm phục viên về thì cuối năm bảy sáu sinh đôi. Tôi cũng còn một người anh lớn hơn dăm tuổi - anh Hoàng - ông có được do một lần hành quân ngang, tranh thủ ghé thăm nhà. Mẹ tôi do đau buồn sao đó, lúc sinh tôi vương phải bệnh hậu sản. Bệnh dây dưa đến khi tôi lằm chằm biết đi thì bà qua đời. Vì tôi còn bé quá nên trước khi nhắm mắt, mẹ cầm hai tay tôi đặt cả vào cha như gửi gắm lại ông sự dịu dặt nào đó trên đời. Và cứ thế trần trối nhìn ba tôi rồi.... “ra đi”!

Đó là nghe người ta kể lại chứ khi trí nhớ tôi ghi nhận được, chỉ thấy mình “mọc” lên trong cảnh khó nghèo của “gà trống nuôi con” bên eo sông Bà

Nhì. Gia cảnh chắc sẽ được dễ chịu hơn nếu ba tôi tục huyền. Nhưng có lẽ vì sự gửi gắm của mẹ nên mãi rồi ông vẫn chỉ bươn chải một mình để nuôi hai chúng tôi trong khó nghèo, nheo nhóc. Khó nghèo nheo nhóc đến tới tấm mảy mặt, dù đã có không ít lời khuyên cũng như sự gợi ý xa gần từ những phụ nữ ở xóm bên kia sông...

Đất Bà Nhì làng tôi vốn khô cằn, chua mặn. Mồ côi như hai anh em tôi phải vất vả là chuyện đã đành, nhưng đằng này cái nhà “lều” của chúng tôi lại nằm ở nơi vô cùng gần sông, trở nước! Từ đất Bà Nhì ấy muốn sang xóm Sa Ra bên kia sông, mùa nắng chỗ cạn nhất nước cũng chấp chới ngực anh tôi. Còn mùa mưa không biết bơi, muốn sang “thế giới bên kia” chỉ có cách băng đồng theo những bờ ruộng phèn vừa trơn vừa mảnh như giăng chỉ và xa thì gấp.... bốn mươi lần! Nơi cha con tôi ở vì vậy nên vui ít, buồn nhiều. Nhất là mỗi khi về chiều, cảnh đèn thê lương với biết cơ man nào tiếng ếch nhái óc... eo lúc xa lúc gần. Ấn tượng mạnh đến nỗi bây giờ, cứ mỗi lần thảng nghe ếch nhái kêu đâu đó là tuổi thơ tôi ở Bà Nhì lại lập tức hiện ra ngay.

Một nách hai con lại ở nơi keo như vậy, có lẽ trời thương phú cho ba tôi có một sức khỏe ít ai bằng. Hay hoàn cảnh thế nên ông không dám bệnh bao giờ thì chả rõ. Ngoài dáng vóc cao lớn, đẹp người ra, ba tôi còn là tay lội bơi rất giỏi. Có lần mùa lũ về, chính

mắt tôi thấy ông đội cái khạp đựng đầy nước uống, bơi đứng qua sông như đi trên cạn vậy. Nghe đâu ba tôi trước kia là bộ đội trinh sát hay đặc công gì đấy. Ấy là cũng nghe! Tính cha rất ít nói và không hay kể về mình. Chẳng mấy khi thấy ông chuyện về những tháng ngày trong quân ngũ, hay chí ít cũng traten đánh làm cho chính mình bị thương.

*

Làng tôi bên kia sông, Sa Ra có chợ chiều. Để nuôi sống hai con, ba tôi tháng nắng như ngày mưa, lúc nào cũng trần mình trần ra eo sông khi tát cá, lúc quần quật với mấy thẻo ruộng chua phèn. Những khi nông nhàn với chiếc xe đạp cà tàng gửi bên kia sông, ông “chạy” cá về bán dạo khắp trong vùng. Cuối ngày khi còn, vào bán vét lại ở chợ chiều Sa Ra. Năm nào cũng vậy cứ vào mùa mưa, nước sông dâng lên mấp mé mí sân nhà tôi. Để làm được việc, ba tôi có thể nói là người đầu tiên đem còng số Tám còng cho con mình vào độ tuổi sớm nhất thế giới. Tức năm tôi vừa năm tuổi! Còng nối tôi với gốc táo bên hông nhà qua sợi dây dài khoảng vài ba mét. Có vậy ông mới an tâm rời nhà vào lúc sáng sớm tinh mơ, để rồi về với người ngợm vừa tanh vừa khai nông khi bóng chiều nhập nhoạng. Mùi nước phèn và cá mắm khai tanh ở ông thường xuyên đến nỗi với anh em chúng tôi đã trở thành “hơi hóm” của ba! cứ vắng lâu chừng một đêm là thấy nhớ. Những hôm ông làm đồng hay “chạy cá”,

dưới bóng mát tàng táo, hai anh em chơi với nhau rất an toàn bởi tôi đã được còng số Tám níu giữ, dù mép sông có mấp mé hông nhà. Mãi sau cổ chân tôi trầy lở vì không chịu được còng sắt, ba mới thay vào bằng một trọng dây dù. Tuổi nhỏ hiền nhà là thế giới, tôi và anh Hoàng chơi được nhiều trò rất thích thú, mà trong điều kiện mình hai đứa đã nghĩ ra. Từ chơi ô ăn quan, đá banh đến cả đánh thuyền, đánh chắt...

Một hôm vì ham đi bẫy chim bìm bịp quá, tôi đã mầy mò tháo được dây dù ở chân, theo anh Hoàng. Tất nhiên với kinh nghiệm của trẻ quen ở vùng sông suối, anh không để tôi chết đuối, nhưng qua một ngày lấm dẫm nước sông, tôi bị cảm to. Lỗi là ở tôi, song việc này khiến anh Hoàng phải ăn no đòn vì đã không trông em được chu toàn như lời ba dặn, dù từ trước đến nay tôi chưa thấy ông đánh con bao giờ. Kể đến tôi phải đi bệnh viện tỉnh vì bị viêm phế quản. Trong những ngày nằm viện ấy, ba tôi được tin anh Hoàng ở nhà đã bỏ đi hoang! Qua ý nghĩ non nớt của thằng bé quanh năm chỉ ở mom sông, việc đi viện của em đồng nghĩa với cái chết nên anh quá lo sợ.

Bệnh tôi lúc đó cũng đã đỡ, nghe tin anh bỏ nhà ra đi, lập tức ba xin tôi xuất viện ngay. Chiều ấy hai cha con về, bên này sông nhìn những vạt nắng vàng vương trên mấy ngọn tre và mái tranh òi ẹp của ba cha con bên mom sông, mà tôi buồn muốn khóc. Từ nay tôi sẽ phải tha thủi một mình, không còn anh để

hú hí vui chơi. Trước khi đi nhà cửa xung quanh anh Hoàng đã quét dọn sạch sẽ, ngăn nắp. Và trên bộ vật tre, chắc là do dọn nhà tìm ra được, anh đã bày hết lên đồ chơi của hai anh em tự đời nào đời nào. Những đồ chơi ấy cái nào trước đây hư hỏng, anh đã sửa lại cho lành. Thấy thế tôi sà xuống bộ vật, khóc òa! Ba tôi bấy giờ đứng ở mom sông, nhìn sững qua Sa Ra, bên ấy có đường quốc lộ băng ngang, thì thoáng vọng về những tiếng còi xe nghe mơ hồ như từ một thế giới khác. Bỗng ông cứ thế bất động mãi trong nắng chiều.

Từ ấy bên mom sông, mọi chăm lo nuôi dưỡng ba dồn dành hết cho nên hồn nhiên tôi lớn. Thay vào trọng dây dù ở cổ chân, tôi đã dần biết giúp ông việc nhà rồi đồng áng. Ba tôi nhờ vậy mà có điều kiện “thâm canh” hơn vào nỗi cơ cực của mình. Thâm canh với tất cả tháo vát người cha và kiên luôn sự táo tợn của mẹ. Anh Hoàng tôi giờ nghe đâu ở Sài Gòn nhưng mãi vẫn không thấy về.

Một hôm ba và tôi ngăn nước cái vũng gần nhà để tát cá. Sì sụp, bì bõm cả buổi nhưng cuối cùng dưới đáy bùn chỉ là mấy con rô, nhét nhỏ. Bù lại từ đầu đến chân hai cha con bùn vấy như trâu lăn sình! Lúc cơm trưa, ba gấp mấy con cá đồng ít ỏi bỏ vào chén tôi, nhìn tôi ăn hồi lâu đoạn ông trầm ngâm bảo:

- Sắp đến ngày khai giảng rồi. Năm nay con phải đi học, để sau này có thể xin được những việc làm không cực nhọc như ba bây giờ.

Quả thật lúc này tôi đã quá cái tuổi đáng lẽ phải đến trường. Trước đây những lúc rảnh rỗi, ba cũng có dạy cho tôi biết đọc lõm bõm nhưng giờ vào trường, nguyên tắc là phải vô từ lớp Một. Nghĩ đến cảnh, mình lớn tòng ngòng lại phải chung lớp với những đứa lưng đeo cặp theo mẹ, khóc inh trên đường đến trường, tôi thấy nản vô cùng nên chống chế:

- Cần gì học. Nữa lớn có ba là thương bình Chổng Mỹ, con sẽ dễ xin việc làm thôi!

- Chống ngoại xâm là nhiệm vụ của mọi công dân, ba chẳng may bị thương thôi con. Ngừng một chút ông cương quyết: Mà cũng không phải vì vậy con dốt lại biết làm việc được. Phải đi học thôi!

Tôi nín thinh. Khi nào người mẹ nơi ông biến mất, chỉ còn lại sự nghiêm khắc của cha thì tôi biết là không thể không vâng lời. Vả lại chỉ có hai người tôi còn biết xin “cứu viện” vào ai?

Thế rồi nhập nhạng chiều đó, trong chiếc thúng ba tôi đội sông bơi về có đủ hết những gì cần thiết cho một cậu học trò vào lớp Một. Tất nhiên là cả quần áo, dép nón nữa, để có thể “học sinh hóa” thẳng bé quanh năm chỉ dính độc cái quần đùi trên thân thể màu nâu phèn như tôi. Đêm ấy giữa những giấc mơ thầy cô, lớp trò đứt nối, thức dậy lúc nào tôi cũng thấy ba cặm cùi, loay hoay bên ngọn đèn dầu tù mù với những đồ dùng học tập của tôi bày ngổn ngang trên mặt vạt tre.

Buổi sáng, sau khi thắp hương khấn vái gì đó trên bàn thờ mẹ, hai cha con lội sông, ông đưa tôi đến trường. Chiếc quần lót thấm ướt ra khúc giữa đồ ngoài ông bên bao người trong ngày khai giảng đầu tiên của đời học sinh là hình ảnh mà có lẽ tôi không bao giờ quên được!

Tôi được bầu làm lớp trưởng vì lớn tuổi. Thấp thoáng mà cấp Một rồi Hai, Ba. Trong suốt những năm mài đũng quần trên ghế nhà trường, dù ít được chứng kiến ông vất vả, khó nhọc như hồi ở nhà, nhưng thay vào đó bất cứ khoản chi phí, đồ dùng học tập nào tôi biết cũng mang đầy vị mặn mòi hôi nước mắt, một nắng hai sương của ba. Và không ai có thể học tôi được khi bên mình có sự lo lắng, chăm nom của một người vừa là cha lẫn mẹ như thế. Sau này khi lớn, thấy ba cặm cùi cô đơn, nhiều lần tôi ngỏ ý xa gần muốn có một người mẹ để cùng đỡ đàn hôm sớm thì ông gạt phắt đi: “Khi nào con có vợ, lúc ấy ba sẽ tính. Còn bây giờ con cứ học, đừng lo!”.

Chẳng biết do lời ba tôi hay bởi cái “máu” của mình mà tôi biết yêu quá sớm. Ấy là năm lớp Mười một. Người yêu tôi là Kiều học trên tôi một lớp, Mười hai.

Hôm Kiều thi đỗ tú tài, cô có làm một bữa tiệc mừng ở nhà. Mời khá đông bạn bè cùng lớp đến dự. Tất nhiên là trong bữa tiệc ấy có tôi. Nhà Kiều tuy giàu theo kiểu trang trại nhưng lại ở rất xa, mãi trên

rừng Ong Rắc, nơi chẳng gần chợ búa, thị tứ gì. Tất cả chúng tôi phải đeo nhau bằng xe máy, mất gần cả buổi mới thấu nơi.

Đời học sinh, những bữa tụ họp với mục đích như thế thường là rất vui. Ở nhà Kiều, tất cả chúng tôi xúm vào làm giúp cho nhanh có bữa tiệc. Gái theo việc gái, trai theo việc trai. Vừa làm chúng tôi vừa chònh gheo nhau, tiếng cười nghe ran ran suốt gian nhà bếp. Riêng tôi lúc bữa củi vướng tay, lên nhà trước cất chiếc đồng hồ, bỗng nghe tiếng Kiều trả treo, mua bán gì đó trước cổng rào.

-... Hồng dám rẻ đâu à ghen!

- Rẻ thật mà, tôi không nói ngoa đâu! Dưới chợ một ký cá này họ bán có bết lắm cũng mười lăm nghìn. Cá thu mà cô!

- Rẻ mà... cân non cũng quá cha mà mắc. Đâu, ông cân lại coi?

Tự dưng sống lưng nghe ớn lạnh, tôi vội nhìn ra và... đất trời bỗng tối sụm xuống mắt mình. Chiếc xe đạp với hai giỏ cá bên hông ngoài cổng là... của ba tôi! Mái tóc muối tiêu cùng lưng áo bạc dẫm mồ hôi của người đang xoay ngang theo đòn cân để cho Kiều nhìn rõ mặt ký...

Bữa tiệc ấy tôi không ăn được bất cứ thứ gì, ngoài uống. Nhìn khúc cá Kiều âu yếm bỏ vào chén mà tôi rung rung. Bước chân tảo tần, thương khó của

ba tôi lại có mặt tận nơi thăm sơn cùng cốc này ư? Nơi mà mặc dù đi xe máy, bạn tôi đưa nào cũng lắc đầu, lè lưỡi. Và hơn thế, đây chắc chắn không phải là nơi cuối cùng trên bước đường bán dạo của ông! Bên bao bạn bè cười vui, chúc mừng Kiều, tôi mơ hồ nghe được tiếng rao bán mỗi lúc một xa dần khi nãy của ba tôi: “Ai... cá... hôn? Ai... cá tươi hôn?”.

Sau đó thì tôi xa Kiều. Là đàn bà con gái, chuyện “cò kè bớt một thêm hai” em không có lỗi gì cả. Nhưng làm sao tôi có thể yêu em khi mà định mệnh đã báo trước cho mình một điềm chẳng lành về số phận? Làm sao tôi có được hạnh phúc với em mỗi khi nhớ đến lưng áo trắng mờ hôi như một ám ảnh khôn nguôi về vai vế nhà mình? Sau nữa lặn lội, vất vả như ba là để tôi yêu hay học, trong cái năm bài vở tràn ngập cho thi cử như lớp Mười hai?

Tháng ngày vừa ruộng đồng, cá mắm khó nhọc vừa lo lắng chuyện thi cử của tôi nên ba già đi rất nhanh. Mái tóc ông mới đen mà ngoảnh lại đã bạc trắng như tơ trời. Và may mắn thay năm đó, tôi đỗ ngay được Tú tài vào loại khá. Trước tuổi tác của ba và hoàn cảnh nhà, tôi quyết định lập gia đình. Từ nỗi ám ảnh trên trang trại nhà Kiều, tôi đã nhanh chóng bằng lòng lấy người con gái mà ba chọn, dù chưa yêu song cũng chẳng hề ghét. Cô ấy tên Hoan, khá đẹp, ở cách nhà tôi một khúc sông. Hoan là người thường giúp việc đồng áng cho ba tôi một cách

cần mẫn trong những năm tôi ở ghé nhà trường. Rồi ít lâu sau khi lập gia đình, theo lời khuyên của ba, tôi vào bộ đội.

Tiếp đó tôi được đi học khóa sĩ quan. Sau khi tốt nghiệp, tôi được điều ra đảo Trường Sa. Một lần, sau hơn năm dài ở đảo về phép thì... vợ tôi ở quê nhà đã gần đặng tới ngày sinh! Đất trời như sụp đổ dưới chân tôi. Trước cảnh khi lẫn tránh lúc gằm mặt khóc của Hoan, thoát đầu tôi nộ khí xung thiên, nhưng rồi cũng cố kìm lại được. Mình còn quá trẻ, gặp con vợ lòng dạ thế, thôi cứ cầm như bỏ đi cho lỡ chuyến đò này, rồi đời sẽ bày cho chuyện khác. Nhưng cứ thấy cái mặt trông lì lì, đi đi của Hoan là tôi lại tức lồng lên!

- Sao! Giờ thì cô nói đi, ai là cha của cái bụng cô?

Hoan lại tâm tức khóc và nhất quyết không hé răng lấy nửa lời.

- Không phải cứ khóc mãi mà xong với tôi đâu! Ai? Thằng nào đã làm cái... trò mèo ấy với cô, hả? Ai....? Ai...?

Hết nước nỡ, Hoan lại đưa đôi mắt ràn rụa lệ nhìn như cầu cứu sang ba tôi. Ông thở dài:

- Đàng nào cũng lỡ vậy rồi! Từ từ tính thôi con ạ. Với Hoan thì ba cũng đã...

Với ông thì cũng đã quen rồi, từ lúc cái thai mới lúp áo; còn tôi... một thằng chồng bỗng dưng đặt

trước cái bụng vợ to đùng mà không phải của mình!
Làm sao cô ta lại cho tôi “mọc sừng” cách ngang
nhiên vậy được chứ? Tôi rít răng:

- Cô nói đi? Một là khai, hai là chết với tôi, cái
thứ đàn bà lăng loàn, trác nết!

Hoan hét xì mũi lại vẫn ràn rụa khóc, và đằng
sau những giọt nước mắt ấy là thành lũy kín bụng về
tác giả của cái bụng mình. Tôi nghiêng răng. Trời ơi...
Tại sao những cách tấn công tôi học ở trường sĩ quan,
chẳng thấy ai dạy cho việc chọc thủng cái phòng
tuyên đầy nước mắt này! Tôi lòng lộn lên, lao đến
Hoan. Nhưng bỗng gặp cái nắm vai chắc như tay gấu
của ba tôi giữ lại.

- Từ từ.... tính con ạ. Có nóng lên thì cái bụng cũng
không thể trở thành của con, mà lại rách việc ra...!

Tôi cay đắng rơi phịch người xuống bộ vạt tre.
Ba tôi giọng lại nghe như chùng xuống:

- Trước là bộ đội, ba cũng đã từng xa nhà, xa vợ
con. Ba mong rằng trong trường hợp này con nên xử
sự bình tĩnh, có lý có tình. Nhất là ít nhiều phải có
chút khoan dung vì đây là việc trót đại, đã rồi... Hết
tình nhưng cũng còn nghĩa!

Còn cả ba tôi nữa! Dâu con lăng loàn vậy mà
suốt lượt những lá thư gửi tôi trong tháng ngày xa
cách, ông cấm có dĩ hơi chút nào về chuyện động trời

này. Cứ toàn động viên tôi với nhà cửa, ruộng đồng và cả con dâu lúc nào cũng bình thường tốt đẹp! Nay vỡ lở ra - như lời ông - muốn cho tôi yên tâm công tác, lo tròn nhiệm vụ, chùng về mọi việc sẽ dần xếp sau. Dần xếp cái nông nổi gì! Ba tôi có toan tính nào trong việc che giấu ấy?

Chẳng thế, trong kỳ phép đáng lẽ dài vui nhưng lại ngắn ngủi này. Tình cờ một lần qua thăm bên sông, tôi bỗng nghe - mà không phải một người - bóng gió về quan hệ **“cha chồng - nàng dâu”** giữa ba và vợ tôi bằng những lời lẽ khiến khó thể nào tin được ở tai mình! Có thể nào lại như thế, hả trời? Nơi keo cư, khuất lấp đói nghèo bên eo sông có lẽ nào lại là điều kiện làm tan vỡ hạnh phúc của tôi? Nhưng sự thật vẫn rành rành ra đó. Nơi mom sông hẻo lánh này quanh đi quẩn lại cũng chỉ có ba tôi và vợ, rồi hết vợ lại ba tôi trong suốt hơn năm trời tôi vắng nhà! Thêm nữa xâu chuỗi lại mọi sự: Từ việc ông chọn vợ cho tôi, khuyên tôi đi bộ đội, chẳng tin thư, những lời can ngăn của ông vừa qua... Và nhất là Hoan cắn răng không hề khai ra tác giả cái bào thai của mình...! Trời ơi, tại sao lúc nhỏ ba không dìm chết tôi dưới nước sông, nuôi nấng học hành chi để giờ này ông đang tâm phá nát? Mấy ngày phép bỗng quay cuồng trong tôi với những hiếu, những tình. Tình ư, hiếu ư? Mom sông Bà Nhì nơi gắn chặt, nuôi dưỡng tuổi thơ tôi bỗng chốc mà thành ra ác mộng!

Cuối cùng sau lời thề chỉ khi nào ông chết mới trở về, trong đau đớn tột cùng tôi khoác ba-lô chạy đi mặc cho ông bơi theo văng nước trắng cả khúc sông với những lời kêu gọi thống thiết...!

Cả đơn vị ngạc nhiên khi tôi trở về lúc chưa đầy nửa phép. Nhớ đảo, nhớ anh em nên ra sớm, cái lý do bịa đặt của tôi khiến toàn đơn vị cảm động, trừ đại đội trưởng. Linh cảm người chỉ huy cho biết sĩ quan thuộc quyền của ông vừa gặp điều gì đó rất buồn, thậm chí buồn!. Nhất là khi thấy tôi ngay chiều trả phép, đã tắm bơi không kể chết. Bơi như mê sảng, điên cuồng ngoài bãi biển. Nước mắt tôi và nước biển lúc ấy độ mặn có lẽ cũng ngang nhau.

Rồi những năm tháng sau đó ở Trường Sa, tôi còn biết tin ba tôi đã nuôi đẻ Hoan chu đáo và bên eo sông khuất lấp “cha con ông cháu” đùm bọc đê huê! Thậm chí có người còn nói đã tận mắt thấy ông cố công thằng bé con Hoan, chiều chiều bơi qua sông như cảnh cha già nuôi con muộn... Riêng tôi đã “điếc” lâu rồi với những tin kiểu ấy. Hơn thế sau này bình tâm lại, nghĩ cũng thương cho ông. Với người thiếu thôn tình cảm đã lâu vậy, lại phải chung đụng cùng một người phụ nữ rừng rục lửa yêu như Hoan trong mái nhà chật hẹp, eo sông vắng vẻ thì... “lửa với rơm” âu cũng chuyện thường tình. Chỉ trách, giận có điều chuyện ấy sao lại xảy ra với đáng... sinh thành mình thôi! Tuy là nghĩ thế, song tháng đầu ra đảo có nhiều

đêm tôi lại mơ thấy mình nhỏ lại ở mom sông, trong vòng tay nuôi nấng, chăm bẵm của ba với những tiếng bìm bịp kêu ồm ồm trên cả vạt tre theo nước ròng, nước lớn mỗi lúc khuya về...

Lâu dần rồi cũng thành chuyện đã qua, chuyện ở đất liền. Tôi luôn nhủ thầm như thế để quên đi và thấy được thanh thản, yên thân cùng đồng đội, đơn vị mến yêu của mình giữa bốn bề mênh mông biển nước.

*

Cái điện tín ba sắp chết bỗng miễn cưỡng lôi tôi về lại eo sông Bà Nhì, theo lời thề của mình trước đây. Dù về chậm nhưng từng đoạn từng lúc trên đường, tôi luôn tự trấn an và nhủ lòng nghĩa tử nghĩa tận, nhất là với người đã... trót để ra mình.

Anh Hoàng tôi vẫn chưa về. Tôi về còn kịp và bắt đắc dĩ thành người chủ tang. Hai mẹ con Hoan lúc này đang khóc rên rỉ ở chái sau. Lúc liệm nhập quan ông, trời ơi.... tôi không thể tin được ở đôi mắt mình. Trợn phấp dưới hạ bộ của ông.... không có gì cả! Sự khám phá đột ngột và rất muộn màng này ở ông làm tôi ngất đi, không nói kịp lời nào!

Mà... có thể nào nói hết được sự bội bạc, nông nổi của tôi cùng những thương khó, chịu tiếng chịu lời trong cả một đời người âm thầm hy sinh như ba tôi?!

Eo sông, ngày về 1998

NGÔ VĂN PHÚ



Họ và tên: **Ngô Văn Phú**

Ngày tháng năm sinh: 1937

Quê quán: Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Nghề nghiệp: Nhà văn

Địa chỉ hiện nay: Tập thể Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Đã xuất bản nhiều tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại và tiểu thuyết lịch sử.

Các giải thưởng văn học: Được nhiều giải thưởng về thơ, truyện ngắn, trường ca, tập văn của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam; Hội Văn nghệ Hà Nội,... Tuần báo Văn nghệ ...

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Văn Cao và Đoàn Chuẩn là hai nhạc sĩ nổi tiếng, có những nhạc phẩm rất hay về Hà Nội, về mùa thu... Mùa thu Hà Nội, cũng là nguồn rung cảm của mọi người từng sống ở Hà Nội, với những lá vàng bay, với hanh heo vào phố... Tôi viết truyện ngắn này trong một ngày đầu thu với lòng mến mộ hai nhạc sĩ tài năng, đồng thời, cũng là dịp, hoà chung với hai ông, cảm xúc mỗi khi Hà Nội vào thu, một mùa thu Hà Nội bằng khuâng, khơi gợi, khát khao... mang theo những xao xuyến, để tình yêu tìm đến tình yêu, tình bạn tìm đến tình bạn, khát vọng tìm đến khát vọng, hoài niệm tìm về hoài niệm... Tình bạn của hai người nổi tiếng này, rất tiêu biểu cho người Hà Nội. Những con người tài hoa của Hà Nội là như thế đấy! Hà Nội mùa thu đã nuôi lớn những tâm hồn. Và chỉ có những tâm hồn trong sáng, trung hậu mới nhuần thấm chất Hà Nội trong người, để nảy nở những tài năng, dâng hiến cho mọi người.

MÙA THU HÀ NỘI

1. Những chiếc lá vàng lả tả bay quanh ông... có chiếc chạm vào vai, chạm vào tay... có chiếc nằm dưới đất bị chân ai đó giày lên... Những hàng cây trầm ngâm trút lá, có gì đó băng khuâng, có điều gì chia sẻ giữa cây và lá, giữa lá vàng lá xanh. Lá buồn bay vắng ra khỏi cây, quăng thân lìa cành, tung mình trước gió thu lạnh, bay lên bay xuống đôi ba lần như tiếc một vòng đời đã qua, rồi nằm chỏng chơ trên đất...

Ông nghĩ: lúc này chỉ đất là nơi lá gửi thân! Đất đón lá về.

Ông đâu phải là triết nhân. Nhưng hồn lá hồn thu đã vọng vào ông... năm nào cũng thế. Khi ngọn gió heo may tràn vào phố, sau những ngày hè luôn sôi động, Hà Nội vào thu, với mây gió gợi thương, gợi nhớ lạ thường.

Ông là người mê gió, mê trăng, mê hồ, mê phố... khi mùa thu về, ông phải đến với gió, với phố, với hồ, với trăng.

Những tầng mây trắng bay đi đâu vội vã... Con người ông là thế, không dứt mình ra khỏi Hà Nội, nhưng cứ lúc mây mùa thu vội vã bay đi, gió heo may từ phương Bắc tràn qua sông Hồng vào làng, phố xá thì ông lại vương vấn buồn. Một nỗi buồn mênh mang không làm sao nói hết được.

Ông không nhiều bạn. Những người bạn thân nhất đã lên Việt Bắc đi kháng chiến. Ông ốm yếu, nặng gánh gia đình không đi nổi đành ở lại Hà Nội.

Ông trầm lặng buồn, mình không được như bạn bè, không được như chim được tung cánh trong bão táp như họ, ông đọc báo hàng ngày theo dõi tin chiến sự... Nhà ông đi ngược lên một chút là đến cột cờ. Thành quách xưa giờ quân Pháp đã đóng chặt. Những chiếc xe Jeep từ cổng thành phía Tây lao ra. Những viên quan ba, quan tư lạnh lùng, đánh xe chạy vút ra phía ngoại ô...

Mình chẳng được như bạn, được tung hoành trong vùng đất chiến sự, được xông pha khỏi lửa như ai... Tâm trạng ấy day dứt trong ông... Ông buồn, một nỗi buồn dai dẳng, âm thầm... và ông thấy mình bơ vơ như chiếc lá rụng giữa mùa thu, như con chim nào đang thảng thốt trong một ngọn cây... Và ông thèm được ngọn gió muốn được gửi hồn vào đám mây trắng đang được bay tự do trên bầu trời mùa thu đang dần trong veo kia...

Gửi gió cho mây ngàn bay...

Lòng ông vang lên một giai điệu.... Ông nhắm vội lấy. Ông đi chậm chậm để giai điệu đó ngấm tận trong hồn...

2. Mùa thu cũng đến bên bờ sông Lô. Lô Giang là một con sông đẹp. Phát nguyên từ Trung Hoa, sông chảy vào địa hạt Tuyên Quang, sau khi qua đất Vị Xuyên của Hà Giang, đổ vào Chiêm Hóa... Khi mùa thu đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đến đất Tuyên Quang, thì sông Lô cũng vừa qua trận lũ lụt mạt phục. Sông trong dần, gió heo may đã làm cho một loạt ngọn lau dọc đường sông nở hoa tím ngắt. Nước sông Lô đã nhanh chóng trong xanh nước càng đẹp khi có bóng núi, bóng rừng già, và bầu trời tím ngắt của mùa thu Việt Nam. Việt Bắc vừa chiến thắng trận phục kích đánh tàu chiến trên sông của giặc Pháp từ Bình Ca qua Đoan Hùng... khắp miền đất kháng chiến còn như chưa hết dư âm của tiếng pháo nổ ran trời của pháo binh Việt Nam, hạ thủ tàu và xuống chiến của đội quân viễn chinh Pháp.

Mùa thu đem màu sắc và hương vị đến từng cây cỏ, trời đất của ngõ trung du... Rừng Tuyên Quang lúc nào không ẩm ướt, những khi mùa mưa về, đất đá như sáng lên, sắc cỏ ngả vàng, và những cây phách ở rừng Tuyên lại ửng lên mùa thu, lá đỏ pha vàng.

Một gia đình nghệ sĩ vừa từ Phú Thọ chuyển dịch lên... ông đang ở bên bờ ngả đẹp nhất sông Lô, nơi có mảnh đất màu mỡ dành cho thứ đặc sản có một không hai của đất nước: bưởi Chi Đám, gia đình được bà con đón vào xóm như đón những người ruột thịt. Đêm ấy nhà nghệ sĩ đã xuống thuyền nằm trọn một đêm nghe sóng vỗ và trăng mùa thu bát ngát đến tận khuya, trong một dòng sông tím nhạt chỉ chút những sao... Ông thốt lên:

- Ô, ngân hà trần gian! Ngân hà trần gian...

Ông nghe ngàn lau vi vút bên những ghềnh đá, cái ngàn lau tím ấy, màu hoa tím như được chất ra từ núi, từ sông ở nơi này...

Một người Hà Nội gốc, từng mơ mộng với Đào Nguyên, với Thiên Thai, ông như bị hút hồn vào sông núi, vào con sông của trời, đất của chiến công, mùa thu đem đến thứ gió núi lạnh mà xao xác, thứ gió làm cho người xa Hà Nội, thoáng nhớ đến Hà Nội đã vào thu trong chốc lát.

Nhưng kìa, sóng đã dào lên những giai điệu và gió và tiếng lá, tiếng đất, tiếng trời, tiếng lòng sông trong tiếng sóng, tiếng đạn pháo hạ gục tàu chiến kẻ thù lại vọng lên.

Ông vội vã ngồi dậy, bên ngọn đèn treo trên mũi thuyền hắt xuống đủ sáng một trang vở, nghệ sĩ ghi rất nhanh những nốt nhạc của một tráng khúc sông

Lô... Sóng rung trong hồn ông, những âm thanh, giai điệu hiện dần lên trang giấy, dồn dập hùng mạnh và tha thiết... Ông thảng hoa cảm xúc trên gió sông, núi đêm, trời đêm... Ông bị hút hồn trong sóng nhạc hiện lên giữa hai bên bờ hư thực... Rồi ông viết lời cho bài hát:

*Sông Lô, sóng ngàn Việt Bắc, bãi dài ngô lau,
núi rừng âm u.*

*Thu ru bến sóng vàng, từng nhà mở biếc chìm
một màu khói thu*

*... Trên dòng sông, dòng người trở về
Reo mừng vui như sóng nước biếc....*

....

Sông mênh mông như bát ngát...

Và đêm ấy, dưới trăng, ông hát cho đất trời thu Việt Bắc và dòng sông Lô huyền thoại nghe bài hát còn tươi ánh mực tím, như cũng được nhuận từ màu sắc mùa thu.

3. Lại một mùa thu Hà Nội... Trong căn phòng nhỏ của một phố dài độc đáo, yên tĩnh đang vang lên một lời hát khe khẽ của thiếu nữ đang ngồi bên cửa sổ.

*... Gửi gió cho mây ngàn bay
Gửi bướm đa tình về thăm
Gửi thêm ánh trăng
Màu xanh lá thu
Về đây với thu tràn gian...*

*... Gửi tiếng tơ đồng tình duyên
... Gửi thêm ánh trăng
Màu xanh lá thu
Và đôi mắt xanh hồ thu...*

Hà Nội đã giải phóng, nhưng người con gái Hà Nội này, khi thấy gió thu theo cửa sổ tràn vào gian phòng con phố nhỏ, thu ngấm vào từng góc phố ngôi nhà, cô lại buột lên lời bài hát ấy... Và từ một ngôi nhà khác, tiếng ghita Ha oai lại vọng lên một bản nhạc mùa thu, trong nỗi băng khuâng vô cực và những khao khát lặng thầm...

Cô gái ngừng hát nghe...

Rồi tiếng nhạc lại ngừng im. Cô gái nhìn ra bên ngoài, cây bàng góc phố đang chuyển màu lá xanh dần sang màu đỏ

Có tiếng gõ cửa.

Một nghệ sĩ, mặc bộ đồ Việt Bắc, đội mũ lá cọ, chân đi đôi dép râu, cao su đen, lặng lẽ chờ.

Cửa mở, những tiếng reo bất ngờ, vui đến ngạc nhiên:

- Kia Văn! Trời ơi!

- Đoàn!

Họ là hai nhạc sĩ tiền chiến. Một ở lại với Hà Nội đau thương và anh dũng trong tạm chiếm, một theo kháng chiến lăn lộn chín năm trời Việt Bắc...

Họ ôm chầm lấy nhau, đứng lặng bên thềm cửa... Hai nghệ sĩ con ruột của Hà Nội, dặt nhau vào căn phòng.

Nghệ sĩ Đoàn đỡ chiếc mũ lá cho nhạc sĩ Văn, ngấm mãi chiếc mũ lá cọ, miệng khen:

- Đẹp quá! Đẹp quá!

Rồi ông hỏi:

- Làm một ly rượu tẩy trần chứ!

Ông Văn gạt đầu, ngấm gian phòng nhỏ của bạn:

- Phòng của Đoàn vẫn thế. Vẫn chẳng khác gì lúc chúng mình xa nhau...

Nhạc sĩ Đoàn đáp:

- Thì cả con người vẫn thế, có gì thay đổi đâu!

Hai phin cà phê đã được mang lên. Hương vị tỏa ngát trong căn phòng.

Ông Đoàn nói:

- Những năm Hà Nội tạm chiếm, nhiều lúc nằm ở phòng nhỏ này một mình với chiếc Radio mình vẫn nghe lên nhạc của các bạn ngoài kháng chiến... Nhạc của các anh đã đổi khác hoàn toàn... Hay quá! Văn có biết mình đã nghe được *Trường ca sông Lô* của Văn năm nào không?

- Chắc là gần đây!

- Không nghe ngay từ năm 1948, mừng quá, thích quá phải vùng dậy đi đi lại lại trong phòng... trong bụng cứ nghĩ.... phép thần nào để những nhạc sĩ tiền chiến như Văn, như Nguyễn Văn Thương lại có những bài hát kháng chiến hay thế... và mình lại buồn

Nhạc sĩ Văn hỏi:

- Trong những năm ở Hà Nội, Đoàn làm gì?

- Dạy nhạc, viết nhạc, thể thôi...

- Nghe nói Đoàn chơi Guita Ha oai hay lắm!

- Cũng tạm được. Nhưng mình đã dạy được mấy lớp nhạc cho các tay đàn trẻ, nhiều thiếu nữ Hà Nội đến học... Cũng là một cách để giết thì giờ và giữ lấy một luồng nhạc trong sạch trong lòng một Hà Nội chiếm đóng ấy mà... Bọn mình chơi Bach, Mojart, Bethoven.

Nhạc sĩ Văn gật đầu. Ông Đoàn ngồi một lúc, uống thêm vài ngụm cà phê nữa rồi nói:

- Mình đàn cho Văn nghe nhé!

Ông Văn mỉm cười gật đầu... Ông Đoàn hỏi:

- Bài gì nào? ***Trường ca sông Lô nhé!***

Ông Văn lắc đầu, rồi nói:

- Đàn một bài về mùa thu của Đoàn ấy....

- Buồn lắm...!

- Thì mùa thu phải thoáng buồn chứ! Gam mùa thu là gam buồn mà.

Ông Đoàn ngồi vào đàn... và tiếng đàn lại vọng ra... ông chơi bài **Thu quyến rũ** rồi sang bài **Gửi gió cho mây ngàn bay**. Ông Văn lắng nghe, ông thấy mình đang theo những giai điệu thoáng buồn, lang thang với gió với mây, với lá, với hồ và đôi mắt người Hà Nội...

*... Gửi gió cho mây ngàn bay
Gửi bướm đa tình về thăm
Gửi thêm ánh trăng
Màu xanh lá thu
Về đây với thu tràn gian...
... Gửi tiếng tơ đồng tình duyên
... Gửi thêm ánh trăng
Màu xanh lá thu
Và đôi mắt xanh hồ thu...*

Khi ông Đoàn ngừng đàn, ông Văn vẫn chưa thoát ra khỏi những âm thanh mùa thu trong tiếng nhạc... Ông nói:

- Thu quá! Hà Nội quá! Viết về mùa thu Hà Nội, với gam buồn, không ai hơn Đoàn đâu! Phải có một mùa thu Hà Nội như thế bên những giai điệu khác.

- Cảm ơn Văn!

- Đoàn có biết không! Ngay sau đêm viết **Trường ca sông Lô**, mình ở lại Bình Ca, trong cái

đêm náo nhiệt của một góc phố tre nứa của Thủ đô
kháng chiến của Việt Bắc... Sao mà nhớ mùa thu Hà
Nội đến thế....

Và ông khe khẽ hát:

... Gửi gió cho mây ngàn bay

Nhạc sĩ Đoàn cũng hòa giọng hát theo cùng bạn...



HỮU PHƯƠNG

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Thê**

Ngày tháng năm sinh: 26.12.1949

Quê quán: Bồ Trạch, Quảng Bình

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Đồng Hới, Quảng Bình

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Truyện ngắn: *Con người thánh thiện, Đêm hoa Quỳnh nở, Hoa cúc dại, Khách má hồng...*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Tạp chí Văn nghệ quân đội. Giải *Cây bút vàng* Bộ Công an và Hội Nhà văn Việt Nam.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Mùa xuân 1982, trong lần đưa sinh viên đi thực tập, được nghe kể về trận đánh mặt đối mặt giữa một số hạm tàu của ta với máy bay Mỹ trên dòng sông Gianh, từ đó chợt nảy ra một tứ truyện, nhưng vẫn chưa cầm bút được vì các nhân vật còn lơ mơ. Cuối năm 1982, tôi bận bịu cùng gia đình theo trường vào Huế, truyện vẫn gác lại. Mãi đến cuối 1988, nhân đi uống "bia khổ" tại nhà một người bạn ở Tây Lộc, các nhân vật của tôi mới hoàn chỉnh. Nhưng liền đấy vấn đề "tách tỉnh" được đặt ra. Mãi đến cuối 1990, khi chuyển gia đình ra Đồng Hới, tôi mới bắt tay vào viết *Ba người trên sân ga*. Đầu năm 1991, truyện in trên báo Văn nghệ. Sau đó nhà văn Nguyễn Quang Lập xin chuyển kịch bản điện ảnh. Và gần 10 năm sau phim *Đời cát* đoạt giải xuất sắc nhất Liên hoan phim Châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 45 tại Hà Nội.

BA NGƯỜI TRÊN SÂN GA

Bức thư đến, vô tình chấm dứt bữa cơm tối của đôi vợ chồng già, và tự dung rẽ họ về hai phía trái ngược nhau. Bà Cảnh chợt thấy miếng cơm nghẹn đắng ở cổ và một cái gì anh ách ở đâu đó trong bộ ngực lép xẹp, khi nhìn sự hồ hởi thái quá cũng như niềm vui đột ngột không thể dấu được trên nét mặt chồng. Bà thừa hiểu đó là thư của Tâm, mẹ cái Gianh, bởi chỉ thoáng cái cười lẫn trong râu và cái nháy mắt ranh mãnh của ông bạn già giao thông xã lúc giúi bức thư vào tay ông Cảnh qua hàng rào râm bụi, thì biết rõ.

Ông Cảnh vừa có chén rượu trước lúc xới cơm, nên trong người thấy phấn chấn, và không hiểu sao, lại hứng khởi nhắc đến cái chuyện hồi còn nhỏ của hai người, làm bà Cảnh vừa thích thú cười móm mém, vừa e thẹn đỏ cả mặt. Đây là cái thời gái mười bảy, trai mới đôi mươi trẻ nhất làng, đêm đi tham gia cổ động, đuốc cháy đỏ trời, khi tan cuộc hai người trở về trên lối cũ tối om, đây đó dọc vệ đường còn leo lét

những tàn thuốc cháy trong cỏ. Khi đó không hiểu sao ông nhắc đến chuyện lũ rắn cạp nong hay theo đóm ăn tàn; và bà, cũng không hiểu sao đi sát ông hơn và quờ tay nắm lấy khuỷu tay ông, bắt đền phải đưa về tận nhà. Bàn tay của họ tìm nhau trong bóng tối, và như có một luồng điện truyền qua, khiến họ lạnh đi, nóng rực, chỉ nghe rõ lời của hai trái tim đập dội trong lồng ngực.

Đó là cái phần đời đẹp đẽ và duy nhất họ có được với nhau trong hơn ba mươi năm qua; và ông chỉ nhắc lại khi chỉ có hai vợ chồng, muốn làm vui lòng bà. Bà Cảnh nghe ông nhắc lại chuyện ấy không biết bao lần kể từ hồi gặp lại nhau, nhưng lần nào bà cũng thấy mới mẻ và thích thú đến rơm rớm nước mắt. Hôm nay cái Gianh vắng nhà, nó bận tham gia đợt dã ngoại lên Bạch Mã của học sinh cấp ba, nên ông Cảnh nhắc chuyện cũ chẳng cần ý tứ.

Bữa cơm đang vui vẻ và ngon miệng như thế, thì cái thư đến, và họ chẳng thể tiếp tục như cũ được nữa. Bà Cảnh ngồi thờ người, tay chống đầu trong bát cơm ăn dở, và nhìn ông Cảnh một cái nhìn trách móc, tủi hờn của kẻ “chồng chung ai dễ chi nhường cho ai”. Ông Cảnh, có lẽ do quá mừng, đã không chú ý đến điều đó, tay run lấy bầy lật đi lật lại phong thư, miệng lẩm bẩm như nói với mình: “Thư của Tâm, thư của Tâm, bà nó ạ”. Và suýt nữa ông hôn lên những nét chữ quen thuộc trên phong bì, nếu không

kip liếc qua mặt vợ. Ông cố lấy lại bình tĩnh bằng câu nói to: “để xem... thư nói gì nào...” nhưng tay ông luống cuống đến mức bóc rách cả phong bì, và khi di trang thư vào cạnh đèn, ông mới biết là mình lật đặt bỏ quên cái kính lão ở đây.

Bà Cảnh không tài chi ngủ được, cứ rên hừ hừ như mọi lần bà cần rên. Nhưng đêm nay, bà thực sự thấy mình mệt mỏi quá sức, yếu đuối quá sức. Bà trở mình liên tục, và thấy đau nhức từng khớp xương ống chân ống tay. Hình như những đòn tra tấn của giặc xưa kia nó lặn đi đâu, giờ trở lại hành hạ bà. Và điều này lại khiến bà hờn giận những “ai” đó gấp bội. Hừ.... hừ.... “Người ta” sao lại quá sung sướng đến thế. Được tập kết ra Bắc, được sống rong ruổi như thế ở đây đó nơi xa bom đạn, thế chưa đủ sao? Mà “người ta” còn rủng mớ đèo bồng, còn thêm vợ nọ con kia? Để bây giờ...

Bà Cảnh bực bội trong cơn ghen tức âm thầm khi thấy ông Cảnh vẫn chưa tắt đèn đi ngủ, ngồi lặng lẽ bên bàn trà, thỉnh thoảng mở trang thư ra đọc lại, và hình như còn cười thầm một mình nữa. Bức thư Tâm viết có mấy dòng, rằng chị ốm đã mấy hôm nay, rằng không hiểu sao chị lại thấy nhớ cái Gianh quá. Và lần này xin phép “anh chị trong nớ” cho em nó ra quê chơi ít bữa.

Hừ.... hừ... Ôi dào, bà thì bà hiểu tâm địa các người, bà đi guốc trong bụng các người. “Ốm đã mấy

hôm nay” - dễ thường đời này chỉ một mình chị ôm chắt? Hừ... hừ... “Không hiểu sao thấy nhớ cái Gianh quá” - nhớ cái Gianh, hay nhớ “anh Cảnh”? Điều đó thì rõ như ban ngày rồi, lại còn “không hiểu sao”? Mà cái Gianh mới mười lăm tuổi ranh ấy đi từ trong nì ra ngoài nớ một mình được răng? Khiếp! Thế mới biết người ta nhấn nhe, hện hò nhau khôn đáo để chưa, ranh ma chưa! Nhưng không qua nổi mắt gái già này đâu! Bà thì bà biết trong tòng tong cái tổ con chuồn chuồn! Hừ... hừ...

Nỗi bực bõ và đau khổ ngấm ngấm cứ dày vò, hành hạ bà. Đầu tiên bà đổ lên đầu ông Cảnh, người chồng đã bội bạc lời nguyện ước xưa: “Chỉ hai năm thôi, hai năm là anh lại về... Em ở lại cố...”. Bà nhớ lúc đó, bà quàng cái tay nải gạo qua chiếc ba-lô của ông và nói, cố dần cơn nhớ nhung, tủi hờn đang dâng lên trong cổ; “Anh đi sức gối mạnh chân... chớ lo chi cả. Mọi cái ở lại đã có em...”. Bà phải cắn vào ngón tay mình để khỏi bật tiếng khóc, tiếng khóc của người vợ vừa mới bén hơi chồng ba hôm đã phải chia xa. Hừ... hừ Thế mà ông đi biệt, không một mẩu tin, hơn hai mươi lăm năm, mới trở lại. Và khi trở lại, nào phải chỉ có một thân một mình?

Đành rằng, cái chuyện trở về không đúng hạn chẳng phải riêng ông, và cũng chẳng phải lỗi tại ông, nhưng bà vẫn thấy tung tức. Ông trở về, lại dắt theo một con bé chừng mười tuổi, và cười tươi hơn hẳn bảo với bà rằng: “Đây, con chúng ta đây!” Ôi chao,

rứa có xung máu không? Đã không thấy được cái lỗi của mình lại còn xung xung như thể vừa mới lập được chiến tích. Té ra, bà phải chịu cảnh tù đầy, tra khảo để cho “các người” ở ngoài nớ tha hồ mà... Lần ấy suýt nữa bà đã nổi trận lôi đình ngay giữa họ hàng chòm xóm cho đã cơn giận. Nhưng cái vẻ ngây thơ con trẻ trên gương mặt phúc hậu, sáng sủa và cái vẻ khép nép của người chịu nhún nhường thay mẹ nó của con bé, đã làm dịu đi cơn tam bành của bà.

Nhưng liền đấy bà thấy tủi thân tủi phận quá thể. Và bà òa khóc. Ông Cảnh ngỡ đấy là những giọt nước mắt mừng rỡ của ngày gặp mặt, nên cứ vuốt mái tóc róm bạc của bà mà an ủi, rằng đất nước đã trọn vẹn, rằng giờ đây anh đã trở về, em đừng khóc nữa.

Ông Cảnh đâu hay rằng tận sâu thẳm tâm can, bà buồn tủi biết bao, thấy mình mất mát biết bao! Phải. Ngày ấy chia tay chồng chưa được mấy tháng, có kẻ đã rập rình theo dõi tối tối. Rồi cái “luật mười năm chín” đầm máu tràn qua, xóm thôn tan nát, bàng hoàng như vừa qua cơn ác mộng. Bà bị chúng bắt lên bắt xuống; tra khảo, đòi tuyên bố từ bỏ người chồng ngoài Bắc không biết bao lần. Người mẹ chồng già yếu, đã không qua nổi đòn thù, để lại một mình bà trợ trợ, cô độc như một nhành cây yếu đuối trước bão tố, với cái tuổi hai mươi lăm dang dở nổi nhớ chồng nơi xa gái...

Không biết bà sẽ sống tiếp ra sao, nếu không có tổ chức đến móc nối và dẫn dắt bà. Và nỗi nhớ chồng, lời thề nguyên trước lúc chia tay lần ấy của ông, đã thành chỗ nắm vịn, chỗ dựa đỡ cho bà đi qua những tháng năm nghiệt ngã... Lần sơ sẩy duy nhất trong quãng đời hoạt động của bà, là lần tổ du kích bố trí giết tên xã trưởng ác ôn giữa ban ngày. Công việc thực hiện trong một khoảnh khắc cực kỳ mạo hiểm, tới mức khi cài được tờ lệnh thi hành án của Mặt Trận lên cái cúc áo giữa ngực của tên bán nước, nơi cạnh đó là lỗ thủng của viên đạn còn rỉ máu, thì bà nhận được ám hiệu có động. Bà chỉ kịp rút lui một quãng và thay đổi bộ lót hợp pháp, thì bị bắt. Chúng nghi chính bà làm cái việc tày trời đó, nhưng vẫn chưa có cơ sở xác đáng; phần nữa, chắc chúng còn muốn khai thác, đơm nhữ đồng đội bà, nên chúng giam bà trong một xà - lim kiên cố. Rồi từ đó, bà bị đẩy từ nhà tù này sang nhà tù khác, với bao nỗi cực nhọc mà bà không nhớ hết. Và các phương cách giúp bà vượt qua những cực hình khủng khiếp của kẻ địch, là trong đầu bà luôn choán ngợp hình ảnh ông, là những đêm gối áp tay kê gối ngủ, là lời trao gửi cho nhau ngày chia biệt...

Cho đến một hôm, nghe súng nổ loạn xạ, rồi cửa xà lim bật mở, và ngoài sân lộ nhố bóng áo xanh mũ tai bèo, bà mới tin là mình thoát chết. Bà đã sống trong niềm vui tràn ngập nụ cười đầm nước mắt của

ngày Đất Nước hoàn toàn giải phóng, trong nỗi háo hức chờ đón người chồng trở về. Ôi, anh ấy sắp trở về và vợ chồng sum họp như xưa...

Những bận bở, hờn ghen về sự ba thê bảy thiếp của chồng phút đầu rồi cũng qua đi. Dẫu sao, giờ đây ông cũng đã trở về với bà, thể hiện, bằng xương bằng thịt sờ sờ ra đấy, chứ không phải trong mơ như trước. Từ nay bà sẽ giữ riết lấy chồng, bà sẽ không để mất ông một lần nữa, không sẽ chia cho bất kỳ một ai nữa...

Nhưng, ngay đêm đầu tiên hai vợ chồng có được sau hơn hai mươi năm trời cách biệt, bà đã khóc tức tưởi; đây là những giọt nước mắt buồn tủi và thất vọng về niềm hạnh phúc, đến lúc ấy, bà mới chợt nhận ra rằng mình đã quá già, đã ngoài năm mươi, rằng cái tuổi hồi xuân ngắn ngủi của người đàn bà ở bà cũng đã qua đi từ hồi nào hồi nào trong tù. Tiếng khóc của bà rầm rứt mãi, khiến ông Cảnh tỉnh giấc. Có lẽ ông không hiểu bà, nên đã kéo bà vào lòng đỡ dành như một nhà thuyết giáo: “Hoàn cảnh đất nước, hoàn cảnh lịch sử, chứ không phải riêng mình ta em?” Nhưng dẫu sao câu nói trong khuya và cử chỉ khuyên bảo âu yếm của ông cũng làm bà dịu lại, hoặc giả chính bà cố dịu để khỏi mất ngủ. Bà thương ông lắm lắm; giận là giận, bà vẫn thương chiều mọi sở thích của ông như bao người đàn bà biết sống một mực vì chồng.

Có một điều, phải, một điều thôi, bây giờ bà không thể vì thương ông, vì nể ông mà gượng chiều được nữa. Với cái tuổi chưa đến sáu mươi, nước da đỏ au nhanh nhẹn và còn tráng lực như ông đã nói chi chuyện già? Chao ôi, tạo hóa sao nỡ bắt công đến thế? Trong khi bà chỉ thua ông vài tuổi. Có thể một phần do bị tù đầy tra khảo, phần nữa sống trong trạng thái mòn mỏi mong chờ, đã đẩy bà nhanh qua cái mốc ấy khi nào, để bây giờ, người bà chỉ còn như con mấm khô quắt, và hết kiệt mọi ham muốn, mọi thèm khát, nếu không muốn nói là “chuyện ấy” trở nên cực chẳng đã với bà. Ban ngày mọi lo toan làm khuây khỏa, nhưng đêm đến là nỗi lo âm thầm của bà.

Quả thật, với bà đêm chỉ muốn ngả lưng cho sớm sau khi đã nhẩm đếm số tiền bỏ ra và số tiền nhặt về của gánh rau mùi trên vai sau mỗi buổi chợ; rồi một giấc ngủ êm nhẹ của người già đến từ lúc nào; cho đến khi thấy mỏi nhừ và đau ở sống lưng, biết là trời sắp sáng, dậy đổ lửa, đun cho ông ấm nước, pha trà và bắc lên nắm gạo nấu miếng cơm cho cái Gianh đi học.

Cái mong ước ấy của bà ít khi thực hiện được, bởi đêm đêm bên cạnh bà, ông Cảnh hình như không ngủ, cứ hay trở mình, gác tay gác chân, và đôi khi trườn cả người qua người bà. Thương ông bà gượng chiều, nhưng sự gượng chiều ấy đã trở thành một sự chịu đựng...

Rồi bà cũng tìm được cách khéo léo để “cách ly” ông. Đây là một dịp mùa hè đến, bà bảo ngủ chung nóng lắm, bà dọn cho ông một giường riêng. Cái nhà ba gian, gian liền sát bếp là chỗ của bà và cái Gianh (buồng bà phía trong, giường cái Gianh ở phía ngoài, cạnh cửa sổ; giữa là lối đi xuống bếp), gian giữa đặt bàn thờ ở phía trong, phía ngoài là bộ bàn trà, gian trên cùng đặt giường của ông. Bà yên tâm vì đã tìm được cách mà bà cho là diệu kế này. Nhưng bà nhầm, bà không tính đến chuyện ông có đôi chân. Một tối, bà đang nằm thiêm thiếp thì chợt nghe tiếng dép nhẹ đi đến, rồi thấy ông quờ tay lên người bà, vuốt tóc và và khẽ nằm xuống bên cạnh bà.

Từ đây, bà nín thở và thon thót lo mỗi khi có tiếng dép của ông lê qua, dù có khi ông chỉ đi tiểu tiện. Có một lần, không hiểu vì quá lo lắng, hay vì một lý do gì khác, bà bỗng bật lên tiếng rên khe khẽ khi có tiếng dép của ông từ xa, và lần ấy tiếng dép của ông chần chừ một giây rồi xa dần và im hẳn. Bà nín cười... Đây, cái sự thỉnh thoảng hay rên hừ hừ về đêm của bà, có căn nguyên vậy đó.

Nhưng hôm nay bà rên không phải vì lý do đó. Bà thực sự thấy mình đau yếu, thấy mình bất lực. Bà lo không biết xử lý ra sao trước yêu cầu thể nào cũng nói vào sáng mai của ông, là sẽ đi ra ngoài ấy thăm Tâm. Trước đây, lâu lâu ông xin phép bà đi thăm bạn bè, hay bà con đâu đó dăm bảy bữa, bà

không đắn đo cân nhắc, thoải mái chấp nhận ngay, và thậm chí còn chuẩn bị chu đáo cho ông đi xa. Nhưng bây giờ không hiểu sao bà hoàn toàn không muốn ông đi ra ngoài ấy một chút nào. Trái tim bà như bị ai bóp khi mừng tưởng rằng ông sẽ được Tâm đón tiếp săn sóc vỗ vạ như trời hạn lâu ngày gặp mưa. Rạng đêm đêm hai người má áp vai kề, thăm thì “anh anh, em em” mọi điều nhung nhớ, rồi...

Hừ... hừ... Không, không thể được. Ông ấy là chồng bà, là của riêng bà, không ai có quyền... Phải! Bà không chấp nhận chuyện đó! Bà không thể để ông đi. Hừ... hừ...

Và, suốt đêm, bà không sao chợp mắt, vừa rên vừa nghĩ kế giữ chân ông.

Sáng hôm sau, ông Cảnh không ngồi nhấm trà như mọi khi, mà xăn xăn đi vào đi ra, khi xếp các thứ rau vào rổ cho bà, khi tìm đôi quang gánh ở chái bếp. Bà Cảnh biết ông định nói điều gì rồi, nhưng bà giả lơ, không đụng đến. Cho đến khi bà cắp nón và ghé vai vào chiếc đòn gánh tre mỏng mảnh, ông Cảnh nói ắp úng, như đứa trẻ có lỗi:

- Minh ạ... Có lẽ... tôi phải đưa cái Gianh ra quê, nhân thể xem mẹ nó ốm đau thế nào.

Biết ngay mà! Bà Cảnh ngừng lại, lấy tay quệt thứ bã trầu dính đỏ bầm khoe miệng, ra chiều cân nhắc một giây, rồi xởi lởi:

- Ờ... Mà để tui coi... Từ hồi được làm chị làm em với mẹ cái Gianh tới chừ, đã khi mô ông cho tui được gặp bà con họ hàng dì ấy ngoài đó? Thôi, chuyến ni nhân có mấy ngày nghỉ, ông để tui đưa cái Gianh đi, chị em gặp nhau lâu lâu.

Bà nói và quảy quả đặt gánh lên vai như thể sợ kéo dài chợ trưa, và như thể chuyện không có gì phải bàn nữa, khiến ông không kịp phản ứng gì. Khi bà ra khỏi cửa rồi, ông mới ngớ ra, mới kịp hiểu, và đứng ngẩn tò te hồi lâu như đứa trẻ bị cụt hứng, trước cái lý lẽ đơn sơ mà chết cứng ấy của bà.

Bà Cảnh, sau chuyến đi cùng cái Gianh ra thăm “dì nó” trở về, hoan hỉ như sau một chuyến công cán dàn xếp thắng lợi. Bà hồ hởi kể với ông say sưa bao nhiêu thu nhặt được ở quê “ngoài đó”: Nào cái dòng sông Gianh nước trong và xanh dễ sợ, cứ ngỡ không có đáy; nào chạy dọc theo hai bờ bãi là tí tấp ngô non và lạc, với bốn bề viền những bờ dâu xanh mướt; nào đi trên đường quê cảm có thấy ánh mặt trời, cam bưởi cứ thả hương quần quít theo người, nào bên sông chiều con gái tắm đông chi lạ, o mô o nấy tóc dài và da trắng hết chỗ nói.

Bà vô tình, hoàn toàn không hay biết rằng, đã chạm đến nỗi sâu kín nhất trong lòng ông Cảnh. Bà đơn giản nghĩ rằng, tả thực cảnh quê hương ngoài đó, cái quê hương mà quả thật đã khiến bà thích thú, sẽ làm ông vui nỗi nhớ Tâm. Điều bà luôn luôn

mong muốn là làm sao cho ông hình ảnh Tâm không vượt trội bà. Nhưng bà đâu hay rằng chính những điều bà nói, đã thấp bùng lên nỗi nhớ Tâm cháy bỏng trong ông.

Chao oi, cái làng quê bên bờ sông Gianh ấy cứ như là nơi ngọn nguồn nỗi nhớ của ông. Thuở ấy, ông còn trai tráng lắm, đơn vị hải quân của ông đóng ở cảng cửa Gianh, trấn giữ một vùng mặt biển và một cửa sông trên bến dưới thuyền tấp nập. Chiều chiều dòng sông xanh chở những con tàu trắng đi lại giữa hai bên bờ còn ngoái lại trên mấy chàng lính thủy trên tàu. Nhưng cảnh thanh bình ấy chấm dứt đột ngột. Khi những quả bom đầu tiên của giặc Mỹ ném xuống miền Bắc xã hội chủ nghĩa, lại rơi đúng bến cảng này.

Không thể tiếp tục cuộc chiến đấu bất lợi giữa những con tàu chỉ đi lại được trên mặt nước hạn hẹp và trống trải, với lũ điều hâu rộng đường nhào lộn trên không và có vũ khí la-de lợi hại, đơn vị ông chuyển sang lối đánh du kích. Và những con tàu đang đêm lặng lẽ ngược dòng sông Gianh về neo ẩn dưới những lùm tre cao vút, xanh um vươn ra mặt sông; như từ lâu nó đã chuẩn bị cho cuộc chiến đấu ác liệt này. Rồi từ đó, đêm đêm dòng sông Gianh lại lặng lẽ tiễn đưa những con tàu ra đi trong nỗi thắc thỏm mong chờ... Để sớm hôm sau, trước khi có ánh ngày, những con tàu lại trở về nằm nghỉ dưới những

lùm cây cao vút, xanh um, lim dim nghe sóng sông Gianh vỗ về ru hát, thì trên mặt báo in đậm những chiến công của nó: số tàu chiến giặc bị đánh chìm, số xuống biệt kích bị bắt gọn ngoài khơi. Đó là nỗi kinh hoàng của bọn giặc biển và nỗi kinh khủng khiếp đến phát điên của bọn giặc Mỹ. Và hàng trăm tốp máy bay phản lực ngày càng sục sạo ráo riết khắp nơi mọi chốn, cố tìm cho ra dấu vết những con tàu bé nhỏ của đơn vị ông.

Ông nhớ một lần, những mái hầm của tiểu đội ông chưa kịp ngụy trang trước lúc ra đi. Sớm hôm sau trở về đã thấy mọc dày những cây dâu non, ông không ngờ có một bàn tay con gái đã làm việc đó. Và, cái chàng lính thủy ấy “vương phải tơ” của người con gái đất Phù Kinh tơ lụa. Những người lính chuyên đánh trận về đêm, ban ngày cố ngủ. Nhưng ông nào ngủ được đâu khi gót chân của nàng nhẹ êm bên cửa hầm và bàn tay quay xa của nàng như múa? Cái đuôi mắt hình lá dâu của nàng cứ mở to lo lắng và hồi hộp ngóng theo bóng con tàu của ông ra đi lúc hoàng hôn...

Rồi một hôm, ông nhớ rõ là một sáng mùa hạ trời rất trong, trong đến nỗi có thể trông rõ những nhánh cây khẳng khiu với những tán lá lúa thưa trên vách lèn màu xám của chín mươi chín chóp núi đá vôi của dải Phụng Hoàng chạy dọc phía nam dòng sông, không hiểu chúng nghi là những con tàu

nép hai bờ sông, hay chỉ là sự điên cuồng săn tìm trả thù vu vơ, mà bầu trời yên vui ban mai bỗng chốc đen đặc bóng lũ giặc trời. Thoạt đầu chúng chia thành hai toán bay, hàng dọc theo hai hướng đi qua, rồi đột ngột quay ngoắt trở lại, ngông những cái cổ ánh bạc lên cao và bất thần đâm bổ xuống dòng sông. Cùng với tiếng rú gào thét man dại của hàng chục động cơ máy bay, tiếng nổ văng óc của mưa bom, của rốc-két và tiếng giòn đánh của các ổ đại liên, mười hai ly bảy dân quân vây bủa trên các đỉnh lèn đánh trả quyết liệt, là những cột nước tự lòng sông; những cột lửa tự hai bên bờ dựng vụt lên trời. Tất cả như chùm trong một vùng hỗn chiến của lửa, nước chạy dọc hai triền sông.

Nhưng, như có phép thần, những lùm tre vẫn gan góc vươn ra che chở những con tàu. Và dòng sông Gianh cũng như đất mẹ hai bờ hứng chịu các luồng bom không chút chần chừ. Càng sục sạo săn tìm, lũ giặc trời càng điên cuồng cất bom hồi hả..

Và, trong tiếng đạn nổ bom gào, những người lính thủy nghe rõ cả tiếng trẻ con khóc thét, tiếng của người bị thương kêu rên, tiếng gia súc thét rống, tiếng của những ngôi nhà bốc cháy nổ lộp độp... Trái tim của họ đau nhức nhối. Không thể được! Không thể để nhân dân vì ta mà mất mát đến tính mạng và tài sản quá thế, con tàu ông xin lệnh nhổ neo, kéo cờ đỏ sao vàng, mặt đối mặt với lũ giặc trời Mỹ, thu hút

các luồng bom, để bảo vệ nhân dân và hàng chục con tàu khác.

Phút chốc, con tàu chiến sơn màu nước biển, ở đầu đó lao vút ra giữa lòng sông. Trên boong những người lính, không ai bảo ai, gọn ghẽ trong bộ đồ lính thủy mới nhất của mình: chiếc áo trắng in những con sóng xanh, chiếc mũ xanh có hai đuôi én tung bay, lanh lẹn và bình tĩnh ngồi vào vị trí chiến đấu quen thuộc, quanh cổ pháo hai nòng vươn thẳng lên trời một cách tự tin. Lũ máy bay giặc, như một bầy nhặng, bầu lầy con tàu của ông.

Ông nhớ là lúc đó, ông hoàn toàn không nghe một tiếng bom nào, chỉ thấy loáng thoáng những bóng đèn to nhỏ khác nhau lao thẳng từ trời cao vút xuống hạm tàu. Con tàu khi nghiêng khi ngửa, khi chồm lên khi giật lùi, vừa tránh bom đạn vãi từ phía, vừa nhả đạn đánh trả quyết liệt. Nước sông Gianh lúc đó cứ sôi lên sùng sục ở hai mạn tàu, và như nhuộm đỏ bởi máu đồng đội.

Về chiều, con tàu như kiệt lực vì thương tích đầy mình mẩy và vì những hòm đạn từ đất liền chuyển ra trên những con thuyền nhỏ nhoi của các cô dân quân với búi tóc tròn và bộ đồ đen nước dính chặt thân người, vừa bơi vừa đẩy dưới mưa bom, có lúc không đủ nạp cho cổ pháo hai nòng bấy giờ đã đỏ hồng. Không biết lũ phi công Mỹ nhận biết điều đó,

hay chúng sợ tối trời để sống mất con tàu, đã tập trung đánh đòn cuối cùng xuống con tàu của ông. Ông nhớ là lúc đó, ông thấy chóp lóe trùm con tàu, và mình bị hất tung xuống lòng sông như một tảng đá. Từ đáy sông lắng cát, không biết nhờ một sức mạnh nào; có lẽ là sự sống, còn sót lại ở hơi thở cuối cùng trước khi tắt lim, đã đẩy bật ông lên khỏi mặt nước. Nhưng hai cánh tay ông hình như không còn điều khiển được nữa, và trở nên nặng nề, đau buốt trong sự quấy đạp của ông. Ông bơi chỉ bằng hai chân, đúng hơn là ông chống chọi tuyệt vọng với thần chết đang nắm hai tay ông từ từ kéo xuống lòng sông ngạt thở...

Ông tỉnh dậy khi hoàng hôn vừa buông xuống mép nước, bên bờ dâu thắm xanh, nằm ngửa trong vòng tay một cô gái áo quần ướt sũng. Dòng sông và bầu trời yên ắng trong màu tím sẫm của nó, như chưa từng mấy phút trước đó có cuộc tàn ác chiến nước sôi lửa bỏng. Không biết nước từ mái tóc rối bời của người con gái chảy xuống, hay nước từ cái đuôi mắt hình lá dâu mở to lo lắng của nàng rơi mặn chát môi ông...

Chính tình yêu đã giúp Tâm tìm được ông ở phút hiểm nghèo, và vừa bơi vừa dìu ông từ giữa dòng sông mênh mông vào bờ, trong đôi tay quay xa kéo sợi dẻo mềm của gái Phù Kinh, dưới cái bầu trời mưa bom khủng khiếp ấy.

Sau này, khi cuộc chiến ngày càng ác liệt, có lẽ vì cái thời điểm về Nam của mỗi người đã trở nên không hạn định được cụ thể, ở trên người ta cho phép những người tập kết ra Bắc có thể xây dựng gia đình. Và ông đã cưới Tâm. Để kỷ niệm trận đánh không quên ấy, họ đã chọn tên sông đặt tên cho con gái của mình.

Ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, ông trở về thăm quê, không ngờ người vợ thuở ấy, sau bao năm tù tội, giờ vẫn còn chờ ông. Lúc đó, theo lời khuyên của Tâm: “Anh sống với em như thế, là đủ cho em một đời hạnh phúc rồi, bây giờ anh hãy vì chị ấy... Chị ấy nào đã trọn một ngày gọi là hạnh phúc...”, ông trở về, và mang theo cái Gianh cho đỡ nhớ...

Điều hoàn toàn bất ngờ và khó xử, đã xảy ra ngoài suy nghĩ của bà Cảnh, (có lẽ cả ông Cảnh nữa) là sự xuất hiện của Tâm ngay sau khi bà từ ngoài ấy trở về được ba hôm. Chiều ấy, ông Cảnh vừa hoàn thành một vòng bơi, và vừa mặc quần áo ông vừa cảm thấy hài lòng vì sự dẻo dai của mình vẫn còn khá dī. Ông trở về lòng thư thái. Đó là một điều hiếm hoi. Từ lâu, ông Cảnh đã là một ông già đầy tâm trạng, lặng lẽ và man mác buồn. Chẳng còn dấu vết gì ở ông của một thuyền trưởng tiếng tăm nữa, ngoài mái tóc đốm bạc thường xuyên cắt cua kiểu lính và nước da màu đồng hun một đời ăn gió, ăn sóng với thói quen ngày hai buổi, lúc tỉnh mơ và lúc chiều nhạt nắng, là lại ra con sông trước làng bơi một vòng.

Ông vừa bước vào sà-n, thì ngoài ngõ đã nghe tiếng của Tâm. Thoạt đầu, cả ba người cùng lặng đi mấy phút. Với ông Cảnh và Tâm, có lẽ là sự dồn nén của bao ngày mong mỏi, nhớ trông; giờ gặp lại mừng quá ghen ngào không nói nên lời, lại nữa bên cạnh họ còn bà Cảnh đang há hốc miệng vì ngạc nhiên, khiến họ phải dằn lòng. Nhưng bà Cảnh không thể nào tưởng tượng nổi một “nước cờ” táo bạo và khôn ngoan của “đối phương”, khi nghe Tâm, sau giây phút trấn tĩnh, đã tìm được cách lý giải rằng chị đi ký hợp đồng gì đó cho hợp tác xã, tiện thể ghé lại...

Bữa cơm chiều diễn ra bề ngoài vui vẻ, nhưng bên trong nhiều tâm trạng trái ngược nhau. Bà Cảnh lấy có “dì nó mới vô, còn lạ nước lạ cái”, giành lấy công việc xới cơm và tiếp thức ăn, để che lấp cõi lòng rối bời đến nỗi không tài chi ăn uống bình thường được. Ngực bà lại như có một cái gì đè chẹn, tưng tức khi thấy ánh mắt chột trở nên lấp lánh, trẻ trung của ông Cảnh, cứ hướng về phía Tâm. Đào ơi, sao! Ông vẫn chưa chịu yên cái phận già, mà còn tí tởn.

Họ còn gấp thức ăn bỏ vào bát nhau, nài nỉ nhau ăn thêm như một cặp uyên ương còn trẻ, khiến bà Cảnh thấy ngứa mắt. Và liền đấy bà cảm thấy tủi thân tủi phận, cảm thấy mình là người thừa trong mâm cơm, mặc dù họ cùng nhau gấp thức ăn bỏ lên bát bà, thúc giục bà ăn. Nhưng bà có nuốt được đâu. Bà nhìn trộm mái tóc dài của Tâm mà thèm, mà giận.

Này cô kia, sao bỗng đứng ở đâu lại ghé lưng vào chồng bà? Chao ôi, sao người ta hạnh phúc đến thế? Sao các người hạnh phúc đến thế? Bất giác, bà lại bật lên tiếng rên “hừ.... hừ...” ngay giữa mâm cơm.

- Chị làm sao thế? - Tâm hơi hốt hoảng, và hỏi bà một cách ái ngại, khi chị thoáng nghe tiếng rên.

- Không. Ờ mà... cái hồi bị chúng tra tấn, chửi trử trời cứ hay tức ngực...

Bà Cảnh nói lí nhí và đưa tay vuốt ngực, cổ nén cơn hờn ghen đang dâng đầy ứ trong người.

Rồi bà cũng tìm được cách để chống trả “đôi phương”. Ấy là đêm đó, trước khi đi ngủ, bà Cảnh nói to như phân công:

- Di nó với cái Gianh ngủ giường của tui trong buồng cho rộng; hai mẹ con tha hồ tâm sự, hỉ!

Đây là bà nói cho hợp lý thể thôi, chứ cái Gianh đã ý tứ xin phép bà đi họp tổ và ngủ lại nhà bạn từ đầu hôm. Rồi trước khi tắt đèn, bà dịch cái giường đơn của Gianh sang chặn cửa buồng, và vừa sửa soạn chỗ nằm cho mình, bà vừa phân bua rằng: “để hai chị em trò chuyện cho rõ”.

Cứ thế, suốt nửa tháng trời có mặt của Tâm, đêm đêm bà Cảnh nằm canh cửa buồng, mặc cho hai đầu ông Cảnh và Tâm, cứ trở mình thao thức trong khuya... Của đáng tội, mấy lần ông Cảnh có mạnh bạo bước tới, nhưng tiếng dếp của ông dù nhẹ nhàng,

dù rón rén đến mấy, cũng bị những ăng-ten thánh giác của bà phát hiện và lập tức miệng bà phát ra những tiếng rên “hừ... hừ...”, khiến ông phải rụt cổ lại.

Không thể nản ná, hy vọng tìm kiếm một cơ hội nào được nữa, Tâm đành dẫn lòng khăn gói trở về sau hơn nửa tháng vợ chồng chỉ được phép “kính nhi viễn chi”. Ngày Tâm lên đường là một buổi chiều nắng cuối xuân vàng mong manh trên từng ngọn cây so đũa ven đường. Ông Cảnh vừa đưa Tâm đi được một quãng, cả hai chưa nói với nhau được một lời riêng tư, đã nghe sau lưng tiếng chân bước gấp gáp. Không hiểu sao đến phút chót, bà Cảnh lại thay đổi ý kiến; bà không muốn để ông Cảnh tiễn chân Tâm một mình, bà đuổi theo họ. Bà vừa thở vừa phân trần về sự cần thiết có mặt của mình rằng: chuyện vé vúng ở bến tàu là phức tạp lắm, dì nó thì lạ, mà ông Cảnh đàn ông đàn ang vô lo, rồi kẻ cắp nó móc sạch...

Thế là cả ba người có mặt ở sân ga, ngồi trơ như ba pho tượng, trên một cái ghế băng đặt ở góc phòng đợi, không giấu được vẻ ngượng nghịu và sượng sùng. Cho đến khi cửa nhà ga bật mở và người tuôn vào như nước chảy về phía đoàn tàu đang đợi họ, bà Cảnh như sực nhớ điều gì, liền đi đến mấy quán hàng bày bán dọc sân ga. Bà mua vội mua vàng mấy gói kẹo, vài ổ bánh mì, rồi quay trở lại chỗ cũ; nhưng ông Cảnh và Tâm không còn ở đấy nữa. Bà đuổi theo bóng họ thấp thoáng ở cuối đoàn tàu.

Khi tìm được số ghế của Tâm, nhận ra túi đồ đạc đơn sơ của chị xếp gọn trên giá, mà không thấy hai người đâu, tự dưng bà thấy khó thở. Và một cái gì lại đầy ứ trong cổ họng và anh ách trong lồng ngực, vừa khô khát vừa day dứt, thúc giục bà lao đi. Bà lách về phía cuối toa, nơi có phòng vệ sinh nhỏ bé nhưng ở đây bọn con buôn đã lèn chặt quá đầu những bao tải lớn hàng hóa. Như con mèo đuổi hút bóng chuột, bà đảo mắt một lượt dọc các lối đi, phán đoán và lường ước điều gì, rồi bà lao qua phía cửa bên kia, nơi đoàn tàu quay lưng với một bức tường bao bọc sân ga dài và cao có chấn thép gai. Đây là nơi vắng vẻ nhất hiện giờ. Bà nắm lấy lan can toa tàu, vội vã bước xuống bậc tam cấp bằng sắt cuối cùng, định nhảy xuống đường đá. Nhưng không hiểu vì cái bậc quá cao so với mặt đường lổn nhổn đá khiến bà sợ, hay vì một cái gì khác làm bà khựng lại, thấy bãi hoải và con tàu chao đảo dưới chân. Bà tựa người vào thanh vịn bằng sắt rỉ vàng lấm tấm, bên bậc cửa lên xuống của con tàu, và rũ ra.

Không ai thấy cả (người ta còn bận tíu tíu với việc tìm chỗ ngồi và xếp hành lý ở phía bên kia), chỉ có một mình bà thấy, Tâm, một tay vòng qua vai ông Cảnh, tay kia lần những ngón dài và trắng ngần của gái phù Kinh tầm tơ xưa kia, xoa vuốt bờ vai và bộ ngực còn vạm vỡ của ông một cách âu yếm. Đầu nàng tựa ngả vào ngực và hướng về khuôn mặt phúc hậu với đôi mắt nhắm lơ mơ vào mặt ông Cảnh để mặc

cho nước mắt dần dụa hai má, miệng nở một nụ cười sung mãn của hạnh phúc. Ông Cảnh đứng như trời trồng, một tay vòng qua eo lưng Tâm, tay kia vuốt nhẹ lên mái tóc dài được búi lại thành trái bưởi sau gáy. Ông gần như quay lưng lại, nên bà không nhìn rõ sắc mặt ông. Rồi bà thấy ông cúi xuống áp khuôn mặt của Tâm, đôi môi của họ tìm được nhau và hút chặt lấy...

Bà Cảnh như sực nhớ điều gì, đứng bật dậy. Và thay vì nhảy phóc xuống, kéo xé hai người ra như bà đã từng tốn công kèm giữ họ lâu nay, không hiểu sao, bà lại lật đật leo lên sàn tàu, và vội vã tụt xuống phía cửa trước, nơi người ta vẫn còn lên xuống đông đúc. Bà sắp ngã bước qua những con đường đá có những thanh tà vẹt bằng bê-tông bắc ngang và những đường ray sắt chạy dọc một cách vô thức. Hình như bây giờ bà không còn ý thức được thời gian và không gian quanh mình nữa. Bà đi như một cái máy, đôi khi suýt đâm bổ vào người đi ngược. Cứ thế và đi, bước qua tất cả, bàn chân gầy guộc xương xẩu va vào đá vẫn không biết đau, bà bước lên cái hành lang rộng có mái che, bước qua cánh cửa phòng đợi, qua những dãy ghế giờ không một bóng người, đầu không ngẩng lên. Có lẽ chính bà cũng không biết bà đi đâu. Cho đến khi nghe cô nhân viên bán vé giọng miền Trung hỏi thoảng đâu đó rất xa xăm: “Mẹ xuống ga mô?”, bà mới sực tỉnh, và nhận ra là tay mình đang chìa tiền qua cửa soát vé. “Lệ Sơn”, bà nói

rồi cầm tấm vé quày quả trở lại con tàu, cũng vội vã và vô thức như khi bà đi đến đây, bàn chân gầy guộc rớm máu vượt qua những con đường rải đá, những hàng tà vẹt bê-tông bắc ngang và những đường ray sắt chạy dọc. Hai bên thành tàu chỉ còn lại những người đưa tiễn, mắt hướng về các cửa sổ, và loáng thoáng ở đó đây những lời dặn dò chúc tụng cuối cùng. Bà gặp ông Cảnh cũng vừa từ trong toa bước xuống bậc tam cấp, mặt đỏ ửng và mi mắt còn ngấn lệ chia phôi. Tự dưng, nước mắt bà cũng trào ra, chảy ào xuống gò má đầy nếp nhăn của lớp da môi khô đét vì tuổi tác và vì những tháng năm tù đầy cay cực. Bà ngăn ông lại ở bậc cửa và giúi vào tay ông tấm vé tàu.

- Ông đừng quay lại nữa...

- ? ?

- Nó còn trẻ người non dạ rứa, ông nỡ để nó đi một mình rặng đành?

Không hiểu nhờ một sức mạnh nào, một cái gì mới mẻ, bao dung và độ lượng đã giúp bà đứng vững và nói được những lời răn rỗi đó, khiến ông Cảnh cầm tấm vé lật đặt quay vào toa tàu, như thể vừa nhận được một mệnh lệnh không thể thối lui...

Và con tàu chọt giật mình, như thể vừa chứng kiến quá say cuộc đưa tiễn dằng dặc của ba người suýt làm nó trễ giờ, liền rú lên một hồi còi giữa trời hôm sâu thẳm...

Có phải tất cả mọi cái xảy ra trong mơ không? Bà không biết nữa, chỉ biết rằng khi cái chấm đen cuối cùng của con tàu nhòà hẳn vào không gian hun hút xa lắc, bà mới quay người lại, chợt nhận ra sân ga lặng vắng, và mình bà đứng trơ giữa những con đường đá với những hàng tà vẹt bê-tông rải ngang, những đường ray sắt chạy dọc vô tận. Bà bỗng bật lên tiếng nấc tủi thân, vì tuồng như con tàu đã bỏ bà; trơ trọi và cô độc giữa đời...

Bà cảm cổ bước như chạy ra khỏi sân ga, lùi thúi một mình và cũng hoàn toàn vô thức. Cho đến khi bàn chân bắt gặp lối bờ sông quen thuộc, nơi chồng bà sớm và chiều hai lần gắng gỏi bơi đủ một vòng, bà cố lấy lại vẻ bình thường để vào nhà; bởi bà biết trong nhà còn có cái Gianh. Nhưng khi đã vào được buồng mình, bà nằm vật ra giường, âm thầm héo rũ đi. Trái tim bà vẫn chưa thể tha thứ cho hành động mã thượng của bà lúc ở sân ga. Thế là cơn giằng co giữa lòng vị tha, độ lượng của người mẹ cao cả, với sự hờn ghen, tủi phận, của người vợ bị cướp mất chồng cứ bám riết, hành hạ bà, chốc chốc lật tẩm thân già nua, khô héo của bà từ mép giường bên này sang mép giường bên kia.

Bà mơ hồ có tiếng chân bước nhẹ, và liền đầy cảm giác được một cái gì mềm mại, mát rượi và êm ái đang lướt trên lớp tóc cần khô của mình, đã kéo bà dứt ra khỏi tâm trạng dần vật kia. Và đến lúc đó, bà

mới hiểu ra rằng, đó là những ngón tay thon thả của con gái đang lớn phổng trong nhà bà - cô con gái đã tắm đã uống cái nguồn nước sông Gianh kia từ thuở lọt lòng.

- Má... Ba đi rồi hả má?...

Không biết nhờ tiếng nói khê khàng, dịu ngọt, pha giọng của hai vùng đất của Gianh, hay nhờ một cái gì khác, khiến bà thấy mình bỗng chốc khỏe khoắn như không. Và cái cảm giác bị bỏ rơi trên sân ga cũng không còn nữa. Phải rồi, chuyến tàu của bà là chuyến cùng với cái Gianh, thậm chí cùng con cái của cái Gianh...

Bà nhòm dậy, kéo cái Gianh vào lòng, và kín đáo lau những giọt nước mắt tắm tức của mình bằng mái tóc mềm mượt của nó.

Lúc đó, căn buồng bỗng rạng lên chốc lát bởi những tia nắng cuối ngày bắt chợt rọi qua những song cửa phía tây...

Huế, 8-1990

Đồng Hới, 12-1990



QUÝ THỂ

Họ và tên: **Hồ Phước Quả**

Ngày tháng năm sinh: 3.10.1942

Quê quán: Quảng Nam

Nghề nghiệp: Viết văn

Địa chỉ hiện nay: Khánh Hòa, Nha Trang

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Truyện ngắn: *Pho Tượng; Long diên hương; Vũ điệu hiếu tử*. Tiểu thuyết: *Niềm kiêu hãnh cô đơn ...*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Báo Văn nghệ Hội Nhà văn Việt Nam năm 1992. Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp hội VHNT Việt Nam 1996 .

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Trong truyền thuyết Hy Lạp có nhân vật OEDIPE giết cha, lấy mẹ. Triết học cũng có đề cập đến cái gọi là “Mặc cảm oedipe”. Truyện ngắn *Sữa* dựa vào các gợi ý trên, tôi đã làm nhẹ sự việc để bạn đọc chấp nhận được cái mặc cảm tội lỗi, pha thêm chút huyền ảo ở đoạn cuối để “bạch hóa” trách nhiệm của cả hai số phận tàn nhẫn này. Nhân vật nữ đã thốt lên: “Không phải nó, không phải ta...”

SỮA

Đêm đen như một mái tóc ẩm, trong căn phòng tối tăm đầy tiếng muỗi vo ve có tiếng người thì thầm. Người đàn bà suốt ngày tiếp khách mệt mỏi, buồn ngủ, chỉ muốn cho nhanh. Hấn không chịu, cứ nằm nhìn trần ngâm hút thuốc. Chị ta hỏi. Hấn đòi chị cởi áo. Chị không chịu. Hấn lại đòi mở đèn. Chị hỏi:

- Mở làm chi?

Hấn nói:

- Để xem có cái gì cộm cộm trên da ngực.

Chị nói:

- Cái bớt

Hấn hỏi:

- Có từ nhỏ phải không?

Chị đáp:

- Ừ

Hắn đưa tay mở đèn, căn phòng sáng lên đột ngột hắn chồm dậy trở mắt nhìn chăm chăm vào bộ ngực trần của người đàn bà. Hắn hốt hoảng quơ vội áo quần không kịp xỏ dép, bỏ chạy. Người đàn bà hét “Quân lưu manh, trả tiền đây chạy đi đâu?” chị ta kịp trông thấy hắn lúi trong người xấp tiền ra ném trả lại rồi lao vào bóng đêm. Tuy đã làm nghề này đã nhiều năm gặp biết bao nhiêu kẻ lừa lọc song mỗi khi gặp cảnh như thế này, người đàn bà vẫn thấy sợ hãi và tức tối.

Chị ta chộp vội mớ tiền, không kịp mặc quần áo, ngồi lên giường đếm. Chị đếm đi đếm lại nhiều lần rồi lẩm nhẩm: “Lạ nhỉ, tại sao kì dị thế này?”. Tới lúc đó người đàn bà mới hoàn hồn. Chị vuốt ve mấy tờ bạc cho phẳng, xếp theo từng loại. Những đồng tiền cũ mềm nhàu nát. Rõ ràng hắn chẳng đếm. Hắn cũng chẳng biết mình có bao nhiêu tiền. Hắn đã ném lại tất cả. Chị tự hỏi: “Tại sao người thanh niên trẻ măng này lại hành động như thế? Hắn đã làm gì đâu. Hắn chỉ mới đặt lưng nằm xuống bên cạnh và quàng tay ôm mình, ôm một cách dịu dàng thân ái như ôm người tình thế rồi đèn sáng và hắn bỏ chạy. Có chuyện gì làm cho hắn hoảng hốt vội vàng đến thế? Hay là ngày mai hắn trở lại”. Chị tin đêm mai thế nào hắn cũng đến.

Cái “Thằng bé” mới đẹp và sạch sẽ làm sao! Hắn khác hẳn bọn làng chơi ở xóm này. Bọn đó chị

đã nhả mặt hết cả rồi. Hấn trông như người ở xa mới đến. Hấn rụt rè, nói năng nhỏ nhẹ, da thịt mềm như con gái. Hấn trắng trẻo và thơm tho từ đầu đến chân, một mùi thơm giống như trẻ con. Mặt hấn nhả nhụi chỉ có những sợi lông măng chưa hấn đã là râu, chần chần chỉ mới qua tuổi hai mươi. Có lẽ đây là lần đầu tiên “cu cậu” thử nếm mùi đời. Người đàn bà tự trách: Mình cũng ác, đáng lý ra đừng làm hấn sợ, đừng đối xử với hấn như thế. Kinh nghiệm cho chị biết, thanh niên mới lớn đều dễ thương, sau này cuộc đời mới làm cho chúng dần dần trở nên những con thú hung hãn, tham lam.

Trong căn phòng nhỏ bần thiêu tối tăm mà ánh sáng ngọn đèn vàng vọt không xua hết bóng tối đặc quánh như dầu hắc, người đàn bà định đứng lên đi tắm rồi ngủ, song chị ta mệt quá, cả ngày hôm nay tiếp bao nhiêu là khách, toàn bọn người đái vàng nước da sốt rét như con tằm búng, hôi hám, thô lỗ, nồng nặc mùi rượu. Tội nó hành hạ chị cho đáng đồng tiền mà chúng đổi cả mạng sống. Nước trong nhà đã cạn. Chị buồn ngủ quá, tự hện: Thôi mặc kệ, mai tắm, ngủ cái đã.

Người đàn bà leo lên giường nằm sõng soài. Ngày trước chị là người có nhan sắc, nay thì tuổi tác và nỗi nhọc nhằn đã làm cho thân thể tiều tụy như cây khô, hoa héo chỉ còn lại mái tóc đen nhánh, nước da trắng và mái tóc rất đẹp là còn phảng phất chút

nhân sắc ngày trước. Chị nằm ngửa, da bụng bùng nhùng, nhăn nheo, hai bên đùi làn da rạn nhiều chỗ, để lại những sọc trắng là vết tích của nhiều lần sinh nở, cặp vú nuôi nhiều lứa con giờ đây trông như hai chiếc túi rỗng, không đứng nổi, nằm vất về một phía sườn, trông thảm hại. Giấc ngủ màu xanh rêu chập chờn tới giống như đám bọt bèo nuốt dần đầu óc chị. Trong khi mơ màng chị còn nghĩ tội nghiệp cho thằng bé, không biết ngày mai nó còn trở lại nữa trong?

Trong ánh sáng nhợt nháy, vàng vọt chị kéo một góc tấm chăn trải giường che không kín thân thể loã lồ. Trong phòng tối tăm ẩm thấp như thế song ngoài đồng trăng sáng một cách dữ dội. Người ta nghe tiếng con rắn rờn thối phì phì lướt mình băng băng trên cỏ tìm mồi. Tiếng thét ai oán của mấy con chuột đồng uất ức tắt nghẹn dần trong cái cổ họng ham hố của loài rắn.

Hắn xô cửa chạy ra ngoài. Hắn vừa chạy vừa thở hồng hộc, mệt nhoài đau đớn. Bụng hắn quặn lên từng hồi, nôn nao, khó chịu. Hắn thẳng thốt nhìn lên trên trời sợ có cặp mắt nào tọc mạch nhìn xuống trông thấy hành động của hắn. Không, phía trên chỉ có một trời chi chít đầy sao dốc nghiêng đổ về một phía. Hắn cảm thấy chóng mặt ghê gớm. Hắn trông thấy mặt trăng giữa thánh sắc bén như một mảnh gương vỡ bay đuổi theo hắn tới nơi cánh đồng hoang vu này. Có thể mặt trăng đã trông thấy tất cả. Hắn

cúi đầu xấu hổ không dám nhìn lên. Hấn dừng lại trên cầu thỏ như con cá mắc cạn. Gặp giữa đêm tháng triều cường, nước biển dâng cao đẩy nước sông chảy ngược. Bèo bọt rác rưởi trôi về phía thượng nguồn. Hấn thấy mình bỗng bênh trở về quá khứ. Hấn đậu lại chính nơi khu vườn quất của dì Thuận trong buổi mai trong vắt thơm lừng hương cam.

Hồi ấy, mỗi khi hấn chạy trong vườn mái tóc màu nâu óng vàng như mật ong mới chạm tới những quả quít lủng lẳng dưới cành thấp. Lúc đó hấn chừng năm hay sáu tuổi. Hấn chưa đi học. Lũ trẻ con nhà quê chưa có đứa nào đi học ở tuổi này. Hấn cũng chưa tới tuổi bắt tổ chim đào hang dế. Hấn mới biết đi theo mấy đứa lớn cầm sào hái quả trộm vườn người. Sáng hôm đó mẹ sai hấn qua nhà dì Thuận xin mấy quả quất chung với đường phèn làm thuốc ho. Hấn là thằng cu Liêm. Thuở ấy dì Thuận mới hơn hai mươi tuổi. Dì là hàng xóm và cũng là bạn thân của mẹ Liêm. Dì Thuận mới có chồng, chưa con. Dì Thuận vẫn thường bế cu Liêm nựng nịu vuốt ve. Đã có lần dì nói: “chị nhiều con rồi, cho em thằng cu Liêm đi”. Mẹ Liêm nói: “Nay mai để ra tha hồ bông bế. Xin làm gì cái thứ nhõng nhẽo gầy gò như con nhái bén này, nuôi biết đời nào mới nhờ được”.

Mỗi khi bế cu Liêm dì Thuận thích nhắm nghiền mắt lại hít một hơi thật dài lên mái tóc có mùi trẻ con khét nắng một cách say sưa. Cu Liêm

cũng thích cái mùi là lạ trên ngực áo dì. Thời gian sau dì Thuận có thai. Lúc bụng dì đã to lùm lùm dì vẫn thường bế cu Liêm đi chơi. Đôi chân khăng kheo của nó không quắp hết cái hông nở nang của dì. Liêm còn nhớ mái tóc màu đen xanh ngời lên như chất thép của dì luôn luôn弥漫 hương cam quýt. Cái mùi trong người của dì cũng giống như mùi của mẹ. Lúc dì Thuận sinh đứa con gái đầu lòng đặt tên là Ái cu Liêm theo mẹ vào cái chòi canh cắt dưới bụi tre. Chỗ này dì Thuận nằm ổ tức là để giống như con chó Ky nhà nó. Lần đầu tiên cu Liêm thấy đứa bé mới sinh, trông nó xấu hơn cả con chó. Da con bé đỏ một cách dễ sợ làm sao. Nó hồng hồng, có chỗ trông như cây nến, có chỗ lông măng tơ vàng như bụi phấn, nó ngo ngoe trong nôi giống như con sâu chanh, trông con bé cũng giống những con chuột con đỏ lói lói, không có mắt mũi mà thằng Tạo thường trút trong ống tre ra cùng với lông gà và rơm rác để dọa mấy đứa con gái. Từ đó cu Liêm thấy cái gì mềm nhũn ngo ngoe nó sợ. Cu Liêm không dám chạm vào người con bé. Cái núm vú mềm mại của dì Thuận mà hấn sờ dưới làn vải cũng khiến cho hấn gớm.

Có điều cu Liêm lấy làm lạ vì sao bé Ái lớn nhanh quá. Nó lớn nhanh như mấy con thỏ con mới sinh ra đỏ lỏm chỉ vài ngày sau thân đã phủ một lớp lông tơ trắng mịn màng trông rất đẹp. Qua tháng thứ hai, thứ màu da bé Ái không còn đỏ nữa. Tới tháng

thứ sáu, con bé béo tròn, hai bên đùi nở đầy hoa sữa, lẩy ngón tay dí vào thành màu hồng quân, buông tay ra hoa sữa nổi ửng lên như vân đá. Cu Liêm đứng nhìn dì Thuận vạch vú ra cho con bú một cách tò mò. Tay con bé ôm bầu sữa mẹ, tay kia vân vê đầu vú, cả hai bên sữa đều chảy. Dì Thuận có con so sữa dì nhiều lắm, con bé bú không hết. Mỗi buổi trưa đi chợ về ngực áo loang loáng ướt. Dì không cho con bú ngay. Dì nói: “Mới sữa còn nóng, cho con bú không tốt” “Dì mở cúc áo, lẩy quạt mo quạt một hồi cho ráo mồ hôi rồi mới bế con bé lên cho bú. Nó dúi đầu vào vú mẹ bú chùn chụt ngon lành. Trông cảnh tượng thật lạ mắt. Thấy cu Liêm đứng một bên chăm chú nhìn, dì Thuận nói đùa:

- Thèm bú lắm không? Lại đây dì cho bú tí, ngon lắm, bú dì thì béo tròn chứ không phải ốm nhom giống như con nhái bén như thế này.

Rồi dì lôi đầu cu Liêm ấn vào vú mình. Mẹ và dì cùng cười rũ rượi. Cu Liêm xấu hổ dấy dựa nhưng la lên không được. Cái vú to đã choán hết khuôn mặt nó và miệng nó cũng đầy một thứ nước nhàn nhạt. Cu Liêm thấy sữa người khác hẳn sữa bò mà lữ chần trâu vắt ra trộn với đường đen đựng trong cái gáo dừa cho nó uống. Sữa người không ngọt tí nào. Thế tại sao con bé ham bú lại bú ngon lành đến thế?

Cuộc du hành trở về dĩ vãng rơi vào đúng buổi sáng xanh như lá non trong khu vườn quất của Dì

Thuận. Tay cu Liêm bưng chiếc liễn nhỏ đi vào vườn xin quất, không thấy dì Thuận, Liêm vào nhà. Dì Thuận vẫn thường ngày dậy sớm ra vườn, nhưng sao hôm nay đến giờ này dì vẫn còn nằm trên giường trùm mền kín cả đầu. Cu Liêm nói: “dì cho mẹ cháu quất”. Dì Thuận dỡ mền ra tóc bết mồ hôi, dì nói: “con ra vườn hái đi, dì ốm không đi được. Về nói với mẹ qua dì nhờ tí việc”.

Cu Liêm hái quất xong trở về nói với mẹ. Mẹ qua nhà dì, Liêm đi theo. Người dì nóng ran. Mẹ Liêm hỏi ra mới biết dì cho bé Ái về nội. Con bé cũng đã giáp năm. Dì tính bỏ bú cho nó nhưng khó quá. Bôi lọ đen xì đầu vú, nó vẫn ôm bú. Người ta bày lấy dầu cay bôi, con bé bú không được càng khóc to hơn. Người ta lại bảo lấy cái trứng gà so luộc chín để dưới gầm giường cho con bé bò vào lấy ăn, nó sẽ bỏ bú. Dì làm theo cách đó, bé Ái ăn xong trứng gà lại đòi bú. Nay sẵn dịp chồng về quê nội dì cho bông bé Ái theo để cai sữa cho nó luôn thể. Hôm nay dì bị sữa căng hành hạ phát sốt. Mẹ Liêm lấy khăn tắm nước mát đắp lên hai vú cho dì, dì vẫn không thấy đỡ đau. Mẹ Liêm theo cách của mấy bà mẹ vườn bày lấy cái tô sành nặn sữa vào hắt lên mái nhà. Khi mẹ nặn sữa dì đau phát khóc. Mẹ Liêm nói:

- Hay là nhờ thằng Liêm bú cho đỡ đau?

Liêm chưa kịp chạy thì bà đã tóm lấy. Dì Thuận bế Liêm ngồi trên chõng tre. Liêm dầy dụa,

dì siết Liêm với hai cánh tay dịu dàng. Cu Liêm tính khóc dì Thuận đã áp miệng nó vào bầu vú sung mãn nóng hổi của dì. Cu Liêm thấy vú dì không mềm nhũn như nó tưởng, nó bớt sợ. Vú dì cương cứng, căng phồng, khi cặp môi thằng bé mới chạm vào thì một dòng sữa nóng tuôn trào đầy cả miệng, cu Liêm nuốt không kịp.

Bầu vú bên kia cũng tự nhiên để sữa chảy ra nhỏ xuống vạt áo lấm đất của thằng bé. Dì Thuận rên nho nhỏ, tiếng rên hòa trộn đau đớn lẫn cảm khoái. Dì cúi xuống hôn mái tóc thằng bé. Chừng vài phút sau dì đổi bên. Cu Liêm bú no nê. Kỳ dị thay dòng sữa làm cho nó buồn ngủ không cưỡng lại được. Nó nhả vú ra ngáp mấy cái uể oải cựa mình. Trong đó mơ màng thằng bé thấy vú bên trái của dì có vết chàm làn da hơi cộm lên mường tượng như hình một con bướm màu nâu đậm trên cánh hoa. Vết chàm rất giống loài bướm thường quay về luống cải trở hoa vàng mùa xuân. Liêm ngủ ngoan lành trong vòng tay dì. Dì nhẹ nhàng đặt Liêm xuống chõng tre, ngồi quạt, trán nó lấm tấm mồ hôi. Dì hát nho nhỏ: “Con ơi con ngủ cho ngoan...”.

Điệu hát ru buồn buồn xua con bướm đậu trên vú dì bay vào giấc mộng của thằng bé. Rất nhiều năm sau con bướm không chịu bay đi đâu cả, nó còn ở lại mãi trong tâm tưởng trong tâm trí người thanh niên này.

Năm mươi lăm tuổi lúc Liêm đã học lớp chín nó thường dẫn bạn bè ra vườn quất dì Thuận. Những cây quất già đi, cao hơn nhưng vẫn trĩu quả. Dì Thuận đã có đứa con thứ ba. Thỉnh thoảng mẹ Liêm và dì Thuận vẫn nhắc lại chuyện Liêm bú vú dì. Hai người cùng cười. Liêm rất xấu hổ. Lúc này đôi khi dì Thuận mặt áo phin mỏng Liêm còn nhìn thấy hình ảnh con bướm nâu mờ mờ. Thời gian đó dì Thuận cỡ trên dưới ba mươi. Dì đẹp lắm. Làn da phơi bao nhiêu nắng cũng trắng và mái tóc ngày càng dài thêm đen nhánh. Buổi sáng dì gội đầu đuôi tóc làm ướt vạt áo sau. Người dì ngan ngát mùi cam quýt.

Cuộc sống có điều hình như gia cảnh dì ngày càng sa sút. Ngôi nhà ngói dột nát nhiều chỗ không thấy dì sửa lại. Mấy năm sau chiến tranh lan tới vùng này. Dì Thuận bán nhà dọn đi nơi khác. Từ đó Liêm không biết tin tức của dì.

Lúc gần sáng người đàn bà trông căn phòng chật chội, bẩn thỉu, còn ngộp lặn những giấc ngủ chập chờn ác mộng. Chị ta mơ thấy nhiều thứ toàn là những thứ phi lý và khủng khiếp. Cuối cùng chị ta thấy nước bắn, rách rưới, bùn lầy dâng lên vây quanh. Trong bờ cỏ rậm rạp có con rắn nước bò tới. Cái đầu nó ngóc lên khỏi mặt nước lắc lư, chiếc lưỡi chẻ đôi phóng về phía trước. Con rắn chậm chạp quần quanh người chị. Chị hãi hùng nhưng không sao vùng vẫy kêu la được. Người đàn bà nhìn xuống

ngực mình, kỳ dị thay không phải con rắn mà là một cánh tay trẻ thơ thít thật chặt với cặp môi nóng hổi bú chùn chụt. Tay kia nó mân mê vú làm cho chị rợn tới xương tủy. Thật lạ kỳ một nỗi cảm khoái đầy nàng lên chơi với. Đã bao năm qua niềm khoái cảm thân xác trở nên xa lạ với người đàn bà này, nàng giống như cành khô hết nhựa, bao nhiêu đàn ông đi qua đời nàng không ai khêu dậy nổi ngọn lửa đã tắt thể mà bây giờ nó bất ngờ cháy lên một cách mãnh liệt trong một giấc mơ quái đản, khoái cảm ngây ngất tới độ đau đớn tái tê vỡ òa ra thành tiếng rên rĩ: “Chao ơi!” và nàng thức dậy.

Một buổi sáng âm đạm màu tro lặng lẽ đậu nơi cửa sổ của căn phòng tối tăm.

Người đàn bà tỉnh dậy thở hổn hển giống như vừa bị bóp cổ. Tám chân rơi ra, thân thể lỏa lồ. Nhớ lại giấc mơ qua chị thấy xấu hổ và một nỗi sợ hãi mơ hồ dần dần hiện ra. Người thanh niên bỏ trốn hồi khuya là kẻ nào? Trời ơi! Không lẽ lại là nó? Người đàn bà rùng mình, toàn thân nổi gai, chân gỏi tay chân cả người chị bỗng nhiên đầy cái mùi đặc biệt của nó.

Tỉnh sượng, người đàn bà chạy chân đất ra giếng khơi. Chị không thể chịu nổi cái mùi trẻ thơ bám riết lấy mình. Cái mùi thực dễ sợ không thể nào chịu được, nó là một nỗi đau đớn trong tận cùng sâu thẳm. Chị múc nước lên xối ào ào kỳ cọ nhiều lần.

Bánh xà phòng mòn gần hết bọt và nước đục ngầu tràn ngập cống rãnh thê mà cái mùi trong người chị không chịu mất đi. Chị ngửa hai bàn tay, hai cánh tay, chị ngửi chỗ nào cũng thấy hơi thẳng bé. Chị lại chà xát, da thịt muốn bật cả máu thê mà cái mùi tàn nhẫn đó vẫn không chịu bay đi. Chị khóc.

Chị đau đớn rã rời để cái gàu đan bằng tre rơi tòm xuống giếng. Chị nhìn theo bất lực. Mặt nước xao động một lúc rồi đứng yên. Có bóng người dần dần hiện ra trên mặt nước. Một cô gái lặng lẽ nhìn chị. Một cái nhìn buồn bã trách móc. Chị nổi khùng tức tối chửi: “Mi là ai? Đồ chó! Nhìn chi? Đâu phải ta trong vườn quất năm xưa rợp tiếng chim và xanh bóng cây. Cô gái đó đã chết rồi! Đâu phải hấn cũng đêm đen nhầy nhụa, hấn vẫn còn sạch sẽ, trinh nguyên. Hấn mãi mãi là đứa bé. Cuộc đời không thể nào bôi bẩn hấn được. Thôi cút đi, đừng nhìn nữa bóng ơi...”. Chị nhổ một bãi nước bọt xuống giếng, cái bóng tan đi, chị lững thững trở về.

*

Hấn đứng một mình trong đêm giữa đồng không mông quạnh, lòng tràn ngập xấu xa hổ thẹn. Trên đầu hấn một ngôi sao băng trông như lưỡi gươm ánh sáng chém ngang bầu trời nổ tung trút xuống một trận mưa mảnh vỡ thủy tinh lấp lóa. Hấn thấy giống như cơn thịnh nộ của đất trời giáng lên đầu.

Cánh đồng trên cầu, chân trời cũng đã sáng lên mờ mờ và bắt đầu chuyển thành màu tím than rất trong và rất sâu. Những ngôi sao nhạt dần hấp hối trút hơi thở cuối cùng.

Một cơn đau lạ lẫm, hung tợn từ bụng dưới của hắn thốc ngược lên. Hắn ghì tay thật chặt vào thành cầu. Hắn vận mình cắn răng chịu đựng cơn đau. Hắn mơ hồ cảm nhận giờ đã đến. Đã tới lúc kết thúc bi kịch tàn nhẫn tại chỗ cây cầu này. Con sâu xấu xí sẽ được phép nhuộm màu hóa bướm rực rỡ. Hắn nhòa người người thật xa nhìn xuống dòng nước chảy dưới chân cầu đục ngầu như nước vôi. Hắn thấy mình nôn mửa, nôn mửa toàn bộ một thứ nước nhàn nhạt phảng phất mùi sữa mẹ. Bỗng nhiên hắn thấy mình nhỏ dần nhỏ dần. Hắn nhỏ và thấp đến nỗi phải kiễng chân hết sức mới với tới thành cầu.

Hắn đã hoàn nguyên và hắn khóc. Hắn nghe tiếng khóc của hắn lạ làm sao. Hòa với tiếng ếch nhái, tiếng côn trùng, tiếng con rắn roi huýt sáo lướt vun vút trên ngọn lau sậy, hắn nghe tiếng khóc của mình oa oa giống như tiếng khóc trẻ thơ. Rồi hắn thiu thiu ngủ trong vòng tay êm đềm của mẹ. Bao nhiêu nhọc nhằn khổ đau tan theo dòng sữa ngọt ngào. Một con người mới tinh khôi cùng với mặt trời cất mình bay lên.



NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG

Họ và tên: **Nguyễn Thị Như Trang**

Ngày tháng năm sinh: 31.12.1939

Quê quán: Kim Động, Hưng Yên

Nghề nghiệp: Viết văn, làm báo

Địa chỉ hiện nay: Phan Đình Phùng, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: 5 tiểu thuyết, 16 tập truyện ngắn, bút ký...

Các giải thưởng văn học: Giải nhất kịch ngắn của Tổng Liên đoàn LĐVN. Giải thưởng Báo Văn nghệ, Bộ Quốc phòng về tập truyện ngắn.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Tôi công tác ở quân đội. Hơn ba chục năm là nhà văn mặc áo lính đã nhiều lần tiếp xúc với quân chủng không quân. Những lần gặp gỡ ấy, các chiến sĩ lái máy bay của quân đội ta đã để lại trong tôi những ấn tượng thật khó quên, về tinh thần chiến đấu ngoan cường và sự hy sinh quên mình vì Độc lập-Tự do của dân tộc. Có chiến sĩ một mình xuất kích quần thảo với 36 máy bay địch. Anh đã mưu trí bắn hạ tên đại tá đoàn phó khiến địch tan tác rồi hạ cánh an toàn. Lại có chiến sĩ trẻ đang yêu đắm say nhưng anh không chút ngần ngại, sẵn sàng bay lên tiếp cận B52 của địch. Và anh đã bắn hạ Pháo đài bay của Mỹ bằng cả hai quả tên lửa ở cự ly rất gần, chấp nhận sự hy sinh anh dũng. Cái chết cao cả của người anh hùng trẻ tuổi ấy đã ám ảnh tôi rất lâu trước khi truyện ngắn *Chuyện thời con gái* hình thành, in lần đầu trên Tạp chí Văn nghệ quân đội, được nhiều bạn đọc hoan nghênh.

CHUYỆN THỜI CON GÁI

Bà mẹ ân cần rót một bát nước bốc khói, niềm nở đặt vào tận tay chị:

- Chị uống tạm. Ở nhà quê chỉ có nước chè tươi. Khách mỉnh cười:

- Cháu xin bác. Trời nóng quá. Cháu cũng rất thích chè tươi ạ.

Rồi chị khẽ thổi, ghé môi uống từng ngụm nhỏ ngon lành, trong lúc bà mẹ cầm quạt ngồi bên, vừa phe phẩy quạt cho chị, vừa ngắm vàng trán thanh khiết rịn mồ hôi của người khách lạ. Một người đàn bà thành phố đã đứng tuổi, ăn vận giản dị, tấm áo sơ mi xám nhạt rất hợp với đôi mắt to phẳng phất buồn. Khuôn mặt tao nhã tuy không còn nét trẻ trung, nhưng sự điềm tĩnh toát ra từ cái nhìn đầm thắm lại có một sức hút kỳ lạ.

- Vậy ra chị là...

Bà mẹ buông lời thăm dò. Thực ra, bà cũng chưa biết người khách lạ này là ai? Vì việc gì chị lại

ghé vào căn nhà đơn chiếc vốn chỉ có tiếng nói cười, những lời chào hỏi vồn vã vào những dịp lễ tết, khi các đoàn thể, chính quyền địa phương đến chúc tụng những gia đình có người hy sinh vì cách mạng. Ngoài những phút vui hiếm hoi ấy thì chỉ có mình bà lão vào ra thầm lặng, bà chỉ biết rằng, từ lúc khách bước qua rặng cúc tần ngoài ngõ và ngồi xuống bên bà, thì tất cả những đồ vật quen thuộc đến tẻ ngắt ở đây bỗng như có một sức sống mới, từ bức tranh mẹ con gà đã ố vàng dán trên tường, cái chum sành đựng nước mưa dưới gốc cây cau già trước mảnh sân đất nện, đến những cái chén cũ sạch bóng nhưng lạnh lẽo vì ít khi có bàn tay người động đến.... Tất cả đều có vẻ niềm nở, sống động khác thường. Căn nhà nhỏ bé của bà mẹ dường như ấm cúng hẳn lên.

- Dạ, cháu làm việc trên tờ báo tỉnh. Nhân hôm nay về xã có chút việc, cháu rẽ vào thăm bác.

- Quý hóa quá.

- Nhà ta cũng vắng vẻ nhỉ, thưa bác?

- Chẳng giấu gì chị - Bà mẹ thực thà kể lể - Ông lão hy sinh từ ngày đánh Pháp, tôi chỉ được hai em. Con chị lấy chồng bên kia sông, chỉ những ngày giỗ tết mẹ con nó mới bỗng bẻ nhau về thăm bên ngoại. Còn thằng em, nó thuộc diện con một, lại là con liệt sĩ được xã miễn trừ nghĩa vụ. Nhưng nó nhập ngũ ở trường đại học. Vào bộ đội rồi nó mới biên thư về nhà. Đây, em nó đây.

Bà mẹ nói và chỉ tay lên kệ thờ. Trên ấy, tấm ảnh Đạt trẻ măng, tóc rẽ lệch, vẫn cái nhìn hồn nhiên có phần nghịch ngợm như ngày nào nhìn chị thân thiết quá khiến chị chỉ muốn khóc. Bao nhiêu kỷ niệm tưởng như đã quên lãng chợt xô về; những bông hoa trinh nữ tím biếc khế đựng đũa; cơn gió phóng khoáng trên triền đồi nóng như hun ở một ngày hè; và những tàu cộ xanh nõn bình yên chở che trên đầu hai người... Khung cảnh thật bình yên, thơ thới, nếu dưới kia, không xa, những chiếc Míc sơn màu nguyệt trang không là lời cảnh báo nhọn hoắt về những bất trắc có thể xảy ra ở bất kỳ lúc nào...

Chị nuốt thăm nước mắt, cố xua đi những hoài niệm dai dẳng, nắm lấy bàn tay khô gầy của bà mẹ, giọng ngân ngạt:

- Bác ạ, trước đây con là... là... bạn học của anh Đạt.

- Trời đất! Bà mẹ kêu lên thảng thốt. Chiếc quạt đột nhiên tuột khỏi tay. Bà ôm lấy đôi vai chị lấp bắp - Sao con không nói ngay. Thế thì con phải ở đây ăn cơm với bác. Chị mà từ chối là tôi giận đấy. Ăn cơm với bác, nghe không?

Nỗi vui đột ngột làm bà mẹ cứ cuống lên, chẳng biết xưng hô thế nào cho phải.

Khách mỉm cười, nói giản dị:

- Vâng, con sẽ ngủ lại đây với bác đêm nay. Con xin ăn cơm nhưng có gì ăn nấy, đừng mua bán phiền phức, bác ạ.

- Được rồi. Được rồi. Có gì ăn nấy. Chị đi rửa mặt cho mát, nước mưa đầy chum kia, rồi ngồi nghỉ. Bác chỉ làm một loãng là có cơm nóng ăn ngay.

*

Bà mẹ xách rổ tát tả đi ra ngõ, niềm vui khiến cho tấm lưng còng như thẳng lên, dáng nhanh nhẹn hẳn. Bây giờ trong nhà chỉ còn lại mình Hạnh. Chị đứng lên, đầu óc bỗng chao đảo như say sóng. Chị vội vịn vào tường, khễ nhắm mắt. Khi trống ngực đã bớt đập thảng thốt, chị đến bên kệ thờ, châm ba nén hương, mắt như mờ đi, chị nhìn chăm chú bức ảnh của Đạt chắc là chụp từ ngày anh mới nhập ngũ, lòng thổn thức: Anh ơi, em đây, Hạnh đây. Hôm nay em mới về thăm mẹ được. Em có lỗi. Mong anh hãy tha lỗi cho em. Thế mà đã hơn hai mươi năm rồi! Khói nhang bốc mờ mờ. Mùi trầm xa vắng. Tấm ảnh Đạt trên kệ thờ khi tỏ khi nhạt. Cái nhìn thân thiết của anh khiến vết xước găm vào tim chị, từ lâu, bỗng nhói đau. Hình ảnh của anh những ngày đầu hai người mới quen biết chợt buột giá một vùng nhớ. Một cơn lạnh chạy dọc sống lưng, Hạnh rùng mình.

Ngày ấy, chị, một sinh viên khoa văn mới ra trường. Chiến tranh. Bom đạn. Và những lần đi công tác đạp xe suốt đêm cũng chẳng là gì đối với tuổi trẻ. Ở tòa soạn báo nơi chị về thực tập, khi được hỏi nguyện vọng, chị xin viết về đề tài chiến tranh. Lúc ấy, trưởng ban biên tập, cặp mắt kính trễ trên sống

mũi không giấu nổi cái nhìn ái ngại: đúng là ngựa non háu đá. Hoặc là cô ta còn non nớt quá! Đây là một đề tài hóc búa nhất, hơn nữa, để có tài liệu mà viết phải có những chuyến đi vất vả, nguy hiểm nữa, Hạnh cảm thấy nóng mặt nhưng vẫn giữ ý mình. Chị biết rằng, ngòi bút chỉ có cảm hứng khi viết về những gì ta căm ghét nhất, hoặc ngược lại, yêu thương đến ngạt thở. Chị khâm phục sự chịu đựng gian khổ của những người lính, nhất là những phút giây họ dũng cảm ngẩng mặt đối diện với cái chết. Từ ngày còn là học sinh phổ thông Hạnh đã yêu thích môn văn, vì văn học chính là sự giải bày tấm lòng mình, đồng thời là sự lý giải những hiện tượng, những số phận con người ở xung quanh ta bằng những cảm nhận tinh tế nhất - Hạnh nghĩ thế. Và chị khao khát lý giải một cách thấu đáo hành động quên mình của các chiến sĩ.

Năm 1972. Hà Nội là trọng điểm oanh tạc của bọn phi công Mỹ. Những lần chúng lên vào đánh phá Thủ đô, những chiếc Míc bé nhỏ lại lập công xuất sắc. Sau lần phi công ta bắn rơi chiếc “Thần Sấm” xuống Ngọc Hà. Tám ảnh chụp cô gái làng hoa bình thản cầm bình nước tưới cho những bông hoa tươi rói bên cạnh cái xác chết kèn càng của “Thần Sấm” Mỹ làm Hạnh xúc động. Chị quyết định phải gặp gỡ các chàng trai điều khiển những chiếc Míc dũng cảm để viết bài về họ.

Sân bay quân sự là một thung lũng nằm lọt giữa những nếp đồi cọ rất nên thơ ở phía bắc Hà Nội. Rõ ràng không khí thời chiến, tiếng động cơ máy bay đình tai nhức óc mỗi khi khởi động không ảnh hưởng đến quy luật sinh tồn của thiên nhiên. Những thân cọ xù xì trên những sườn đồi vẫn đều đặn mỗi mùa trắng lại nảy sinh một phiến lá xanh một màu xanh non trẻ đến ngỡ ngàng. Hạnh đạp xe lên vùng đồi cọ vào tầm chiều. Đồng chí chính ủy đoàn bay Lam Sơn thay mặt đơn vị tiếp nhà báo trẻ. Anh nhìn chiếc xe đạp dầu dãi trát kín bụi đỏ của Hạnh, cười điềm đạm:

- Nhà báo lên tận đây vất vả quá. Mời chị vào sở chỉ huy ta làm việc.

Hạnh hơi đỏ mặt vì tiếng “chị” được thốt ra một cách trân trọng ở người chỉ huy dày dạn này, cả cụm từ “sở chỉ huy” là lạ đối với một phóng viên quen khiến chị ngượng ngập. Chị nói nhẹ nhàng:

- Em là Hạnh. Xin anh cứ gọi em là cô cho tiện. Em có một đề nghị là xin được gặp đồng chí phi công vừa bắn rơi máy bay địch.

Chính ủy đoàn bay tỏ ý ngần ngại:

- Cậu ấy đang ở ca trực ngoài sân bay. Sau giờ trực chiến thì phải ngủ và nghỉ ngơi, đó cũng là kỷ luật. Thời chiến, anh em lái bọn tôi rất ít khi được rảnh rỗi cô Hạnh ạ.

Hạnh cố nài:

- Cái nghề làm báo... Anh thông cảm, trăm điều nghe không bằng một thấy. Hay là... em xin ra chỗ anh ấy đang trực. Em sẽ không làm mất nhiều thì giờ của các anh đâu. Được không ạ?

Hạnh được đưa ra sân bay trên chiếc comăng-ca dã chiến. Từ sở chỉ huy ra đây họ phải đi theo con đường đất đỏ ngoằn ngoèo dưới chân đồi. Đây là lần đầu tiên Hạnh được nhìn thấy những chiếc Míc gần đến thế. Đậu trên sân bay dưới những tấm bạt ngụy trang, ngoan ngoãn để cho những người thợ máy lau chùi, chăm sóc, những chiếc máy bay từng vào sinh ra tử nom vẻ rất đồi hiền lành, thân thiết. Chì thú vị thẳm nghĩ.

Những phi công của ca trực đang có mặt trong căn hầm rộng đào ngoằm vào sườn đồi. Trần hầm căng dù hoa, bên dưới là những giường cá nhân có trải nệm tinh tươm nhưng không có ai nằm trên đấy cả. Anh em đang túm tụm chơi bài tú lơ khơ trong bộ đồ bay có nhiều khóa thép, nút thắt rối rắm và những ống bơm cao áp gắn bên sườn, nom họ có vẻ kền càng, di chuyển chậm chạp tựa những người trên hành tinh khác trong tờ báo nước ngoài có lần Hạnh đã nhìn thấy. Khi đồng chí chính ủy đoàn bay giới thiệu nữ nhà báo trẻ, các phi công nhìn chì, mỉm cười thân thiện. Đồng chí biên đội trưởng, người đã lập công trong trận không chiến bảo vệ thủ đô mới đây đến gần bắt tay Hạnh. Anh có vẻ là người vui tính:

- Tôi là Độ, quê ở Thanh Chương, đã có một vợ gàn hai con. Về mặt này tôi tự nhận là cựu binh. Ở đây anh em nhiều người chưa vợ, chưa cả người yêu cô Hạnh ạ.

Hạnh bật cười, chị thấy có cảm tình ngay với người đàn ông vạm vỡ nói giọng xứ Nghệ đặc sệt này:

- Người Hà Nội rất hả dạ được tận mắt thấy máy bay Mỹ rơi ngay trên đất Thủ đô. Em muốn biết những chi tiết khi anh bắt hạ chiếc “Thần Sấm” ấy.

Anh Độ hấp háy mắt nhìn lên vòm hầm căng dù hoa:

- Biết nói thế nào nhỉ. Có lẽ các nhà văn, nhà báo có óc tưởng tượng phong phú nên nghĩ ra nhiều chuyện ấy thôi. Thật ra, với bọn tôi thì khá đơn giản. Điều cốt yếu là phải có một tập thể hiệp đồng chặt chẽ, ăn ý. Tôi nói thật chứ không khiêm tốn vờ đâu. Cô Hạnh biết không? Phải có radar mặt đất phát hiện mục tiêu chính xác, rồi đài chỉ huy hướng dẫn đường bay tinh táo. Việc còn lại là... là bọn tôi phải bám sát mục tiêu, khi nào chúng nó lọt vào vòng ngắm thì phải nhả đạn lập tức, không được chậm trễ. Có vậy thôi.

Hạnh xịu mặt nói như hờn dỗi:

- Anh kể đơn giản thế thì em đến thất nghiệp mất.

Biên đội trưởng cười hiền lành:

- Đúng thế. Tôi có bịa đâu. À, có chuyện này.

- Sao ạ?

- Hôm ấy tôi suýt nguy nếu cậu Đạt, số 2 của kíp bay không nhanh mắt phát hiện một máy bay địch từ tầng cao bổ nhào vào tôi. May thật.

Anh nói đến đây thì một liên lạc chạy đến, mời biên đội trưởng đi hội ý. Độ xin lỗi, đứng lên, rồi ngoái lại phía sau, gọi:

- Đạt ơi, lại đây nào - và anh cười cười - Có lẽ cậu sinh viên Hà Nội này hợp chuyện với nhà báo hơn.

Đây là lần đầu hai người gặp mặt, rất tình cờ, nhưng định mệnh hình như đã sắp đặt để cho cuộc đời Hạnh có những vết khắc rớm máu trong tim. Nhưng lúc ấy chị hoàn toàn không dự cảm được điều đó, chỉ biết rằng khi anh rời các bạn, cười ngượng ngập bước đến gần, chị nhận ra người sinh viên Hà Nội này cao hơn mình hẳn nửa đầu và khá điển trai. Đạt vui vẻ nói trước:

- Nhà báo gặp may đấy. Chiều nay không hiểu sao chỉ có một lần báo động, chứ mọi ngày bọn tôi chẳng được ngồi yên đâu.

Hạnh nói:

- Anh Đạt, em muốn hỏi chuyện bắn máy bay mà anh Độ không chịu kể.

- Đồng chí biên đội trưởng của chúng tôi ấy ư? Một người tuyệt vời đấy.

- Vậy theo anh, thế nào là một người tuyệt vời?

- À, trong hoàn cảnh cụ thể hiện nay thì đơn giản là thế này, anh ấy mà xuất kích thì bọn địch hãy liệu hồn! Bọn tôi thường nói vụng với nhau: Biên đội trưởng say đánh địch hơn là mình say người yêu.

Đến lượt Hạnh bật cười. Không hiểu sao chị cảm thấy nói chuyện với anh thật dễ chịu. Có lẽ anh chỉ hơn Hạnh vài ba tuổi. Nhưng rõ ràng nếp sống quân ngũ, sự luyện tập khắc nghiệt và những lần đối mặt với hiểm nguy đã giúp anh bớt đi sự phù phiếm và những non nớt trong ứng xử. Không hề kiêu cách, Đạt rất cởi mở và anh biết cách diễn đạt ý mình một cách độc đáo. Bất giác, chị bỗng nảy ý muốn trêu chọc người đối diện:

- Nói như vậy tức là.... là anh Đạt đã có người để say mê rồi?

Câu hỏi vừa buột ra Hạnh bỗng thấy mình sao ngốc quá. Một câu hỏi thật vô ý. Và chị đỏ mặt nhìn nhanh Đạt. Ánh mắt họ gặp nhau. Rồi cả hai cùng nhìn lảng đi, ngượng ngập. Câu hỏi không có lời giải đáp. Vừa lúc ấy chiếc keng treo trên cành bạch đàn cụt ngọn ngoài cửa hầm bỗng khua dồn dập. Đạt vội đứng lên, anh nói nhanh: “Hẹn gặp Hạnh sau vậy nhé”.

Những phi công vội vã rời cửa hầm. Hạnh nhìn thấy Đạt chạy trong tốp đầu tiên, anh vừa sải bước vừa sửa lại chiếc mũ bay nặng trĩu trên đầu. Rồi chị nhận ra cái dáng vạm vỡ của Độ từ đài chỉ huy bước vội xuống những bậc tam cấp. Chị hiểu rằng đồng chí biên đội trưởng đã không chịu bỏ lỡ trận chiến. Những người thợ máy đã nhanh chóng có mặt dưới chân thang máy bay. Một người đỡ khoang buồng lái. Đạt trèo lên khoang máy, ngồi xuống. Tiếng động cơ lập tức gầm lên khởi động. Không khí nóng ngột như rung lên. Bạt ngàn cỏ dạt bên đường bằng thi nhau ngã rạp xuống. Kể từ giây phút ấy mặc nắng nóng và gió quật vào tóc rối bời, Hạnh không sao rời mắt khỏi những con chim sắt giờ đây đã trở nên rất cần thiết đối với tâm hồn chị. Chiếc Míc đầu tiên do Độ lái đã rời đường băng. Liên sau đó, máy bay của Đạt lăn bánh trên nền xi măng dầm nắng. Hạnh để hết tâm trí mình dõi theo những chuyển biến mau lẹ trước mắt. Rồi chị sững sốt nhận thấy, trong một tích tắc trước lúc rời đường băng, hình như Đạt còn quay lại, thoáng giơ một bàn tay vẫy về phía chị. Rồi những cánh bay nhanh chóng xa dần, mất hút vào vòm trời xanh nhức mắt. Đồng chí chính ủy đoàn bay đứng sau Hạnh chợt nói: “Địch vào hai mươi tám chiếc. Chúng định giở trò gì đây?”. Trái tim Hạnh bỗng thất lại vì lo sợ: Phía quân mình chỉ có bốn máy bay xuất kích, lực lượng chênh lệch quá. Lạy trời, cầu mong cho các anh ấy an toàn trở về.

*

Khó có thể cho rằng, đây là chuyến đi thực tế thành công hay thất bại đối với Hạnh. Tuy nhiên nếu hiểu một cách đơn giản, là năng lực của nhà báo phải căn cứ vào số lượng bài in ra, thì cuộc gặp gỡ các phi công lần ấy với chị không có kết quả cụ thể. Chị không thể chỉ viết bằng những khái niệm mơ hồ hoặc sự bịa đặt sống sượng. Nhưng trong sâu thẳm lòng mình, Hạnh hiểu rằng từ nay, tâm hồn chị sẽ giàu có hơn vì sự quen biết một vùng đất mới có rất nhiều những phiên lá cọ bình thản đón nắng, và những người bạn mới đáng yêu. Và chính vì những tình cảm chưa chuyển tải được lên trang viết lại khiến tâm trí Hạnh luôn hướng về nơi đó như một món nợ chị chưa trả xong.

Khi chị lên sân bay lần thứ hai, không quên mang theo dăm số báo mới và mấy cuốn sách văn nghệ tặng thư viện đoàn Lam Sơn, thì mọi người ở đây đối với nhà báo trẻ đã trở nên thân thiết. Hôm ấy, những phi công chị đã quen đang trong giờ nghỉ. Họ ở trong doanh trại - những căn nhà cấp 4 nằm sơ tán dưới chân đồi cọ. Anh em đang xúm quanh bàn bóng. Tiếng cầu nhựa đập trên sàn gỗ và tiếng cười trẻ trung, sôi nổi. Hạnh đến, họ vui vẻ kéo chị cùng tham gia cuộc vui. Và làm như vô tình, mọi người ghép Hạnh và Đạt là một đôi nam nữ phối hợp trong cuộc thi đấu. Hình như sự có mặt một cô gái đẹp từ

Hà Nội đến khiến cho không khí thêm hào hứng. Các phi công trở hết tài năng. Họ thực sự là những cây vọt đáng nể. Nhưng Hạnh cũng từng là tay vọt không thuộc loại xoàng của tòa soạn. Kết cục cả hai người giành phần thắng. Chính ủy đoàn bay vui vẻ bắt tay Hạnh và trao phần thưởng cho họ: Một hộp kẹo ngon mà ngày ấy, chỉ những phi công được hưởng chế độ ưu đãi đặc biệt mới có. Một rắc rối nho nhỏ đã nảy sinh: Họ có chung quyền sử dụng chiến lợi phẩm. Hạnh muốn cùng mọi người chia sẻ nhưng Đạt ngăn lại, anh tuyên bố tất cả phần thưởng là của Hạnh và chị phải mang nó về Hà Nội làm quà. Mọi người xung quanh rào rào vỗ tay khiến Hạnh thật khó từ chối. Chị cười, đôi mắt đẹp nhìn Đạt cảm kích. Nhưng các chàng trai trong phút vui cuồng nhiệt lại không hài lòng với cử chỉ rụt rè ấy của chị. Họ đều được huấn luyện lái máy bay chiến đấu ở một xứ sở có nhiều tuyết rơi về mùa đông. Ở đây, con trai con gái gặp nhau dạn dĩ hơn, phóng khoáng hơn. Và họ đồng thanh hét lên: “Hôn đi! Hôn đi!”. Hạnh lúng túng thật sự, chị đỏ mặt. Nhưng mọi người vẫn không tha. “Hôn đi! Hôn đi!”. Họ giục giã. Và chị cảm thấy đôi môi Đạt lướt qua má mình.

Sau đấy, hai người ngồi bên nhau trên sườn đồi. Xung quanh họ, những cụm cỏ trình nữ đầy gai nhọn có những bông tím khế đung đưa mỗi khi một cơn gió thổi tới. Mùa hoa chè thơm thoảng đâu đây. Mặt trời đã lặn bên kia đồi. Những tia nắng cuối cùng của

ngày hè tươi đậm lên những tàu cộ non, biến chúng thành màu vàng chanh lộng lẫy. Hạnh thích thú ngắm nhìn những sắc màu biến đổi nhanh chóng trước mắt. Chị nói mơ màng:

- Khi anh bay trên ấy nhìn xuống hẳn là thú vị lắm?

Đạt cười:

- Không hẳn thế đâu. Khi ngồi vào buồng lái bọn anh thậm chí không có thì giờ để cảm nhận trời đẹp hay xấu, vì còn phải theo dõi những đồng hồ bay để kiểm tra máy móc, xăng dầu và tốc độ bay, rồi còn phải giữ liên lạc với mặt đất nữa.

- Em cũng muốn biết...

Đạt nheo mắt:

- À, cuộc phỏng vấn bắt đầu?

Hạnh cũng cười:

- Không, không phải em phỏng vấn. Em chỉ muốn biết cảm giác khi anh rời mặt đất.

Đạt nói nhẹ nhàng:

- Với người khác thế nào không rõ. Còn với anh, ngay sau khi người thợ máy đóng nắp ca bin buồng lái, bước xuống đất. Ở vào khoảnh khắc ấy, với anh, tất cả những gì thân thiết đã ở phía sau rồi, trước mắt người lái chỉ còn bầu trời rộng khôn cùng với vô

và những bất trắc có thể xảy ra trong một chớp mắt... Đạt ngừng lời, hình như anh đang chọn từ ngữ để diễn đạt cho chính xác những ý nghĩ của mình.

- Anh nói đi.

- Nói thật nhà báo đừng cười. Lúc ấy, tôi thấy rất rõ cảm giác cô đơn. Cô đơn đến thất lòng. Rất may cảm giác hụt hẫng ấy qua đi mau. Ngay sau lúc hệ thống máy móc bắt đầu hoạt động thì tâm trí người lái lập tức bị hút vào công việc: Phải bảo vệ đồng đội và tuyệt đối tuân theo sự chỉ huy của biên đội trưởng bay phía trước.

Hạnh bỗng sực nhớ:

- À, cả buổi chiều nay em không thấy anh Độ?

- Anh ấy đi công tác - Đạt trả lời và anh cảm thấy đôi mắt đen lo lắng nhìn anh chăm chú, lặng câm trong một câu hỏi bồi chồn, thôi thúc. Không thể dừng, anh ghé tai chị nói nhỏ điều gì.

- Thế thì tốt quá! - Hạnh thở ra nhẹ nhõm, như thực tình chị cũng chẳng rõ mình vui sướng vì sao. Vì anh đã tin cậy thổ lộ với chị những ý nghĩ và công việc của một phi công trong chiến trận? Vì một kiểu máy bay mới họ sắp được trang bị để đối phó hiệu quả hơn với bọn kẻ cướp nhà giàu? Vì không phải Độ đã gặp chuyện chẳng lành như chị đã hoang tưởng? Hay vì chị đã được ngồi cạnh Đạt trong buổi chiều hiem hoi tuyệt đẹp này? Hạnh không rõ, chỉ biết

rằng, những điều chị đã cảm nhận thật cần thiết cho công việc và cho cuộc đời chị.

Đặt quay sang Hạnh. Khi nhìn nghiêng, khuôn mặt chị thật dịu dàng, sống mũi nhỏ, cái nhìn đầm ấm và vầng trán cao thanh khiết. Một người thông minh và tốt bụng, anh nghĩ thế và mạnh dạn nắm lấy bàn tay rám nắng, trên cườm tay có đeo một chiếc lắc nhỏ bằng bạc của chị. Anh nói ngập ngừng:

- Lần trước Hạnh về rồi anh Độ cứ nhắc mãi. Còn anh thì tin rằng nhất định em sẽ lên.

- Điều gì làm anh tin như vậy? Giọng chị hơi run, tim đập thảng thốt, nhưng Hạnh không tìm cách rút tay về.

- Linh tính.

- Vậy, giả dụ em không lên?

Thì có dịp, anh sẽ về Hà Nội tìm em.

Hạnh bối rối im lặng. Đặt nhìn vào mắt Hạnh, nói thêm:

Nhưng điều ấy đối với bọn anh lúc này hơi khó, em hiểu không?

Chị ngoan ngoãn gật đầu, lại chợt nhớ đến điều anh ấy nói về cái cảm giác cô đơn khi người phi công rời mặt đất, Hạnh bỗng thấy một niềm xót thương lẫn sự triu mến tràn ngập khiến ngực chị nhói đau. Cần phải nói một câu gì, hay làm một điều gì để anh

ấy luôn cảm thấy rằng, trên ấy và dưới này luôn luôn là sự ràng buộc chặt chẽ, rằng tất thấy mọi người và cả chị nữa, luôn luôn ở bên anh ấy, rằng anh ấy phải chiến thắng chờ về...

Hạnh nghĩ thế, nhưng tất cả những điều đang diễn ra trong lòng chị thật khó nói lên lời, vì thế, chị chỉ khẽ rút chiếc lược bạc trên cườm tay trao cho anh và nói ngập ngừng:

Anh giữ lấy. Và hãy.... nhớ em luôn.

Điều kỳ lạ là dường như anh đã hiểu tất cả những điều chưa kịp nói. Anh trân trọng đón tặng vật và bỏ nó vào túi áo bên trái tim mình:

- Nó sẽ ở đây, mãi mãi, kể cả lúc anh phải quân nhau với chúng nó. Hạnh ơi, từ nay anh đã có nơi để mà mong nhớ, phải không em?

Hạnh không trả lời, chỉ ngược nhìn anh bằng ánh mắt tràn ngập sung sướng. Và đây là lần đầu tiên trong đời con gái, chị run rẩy đón nhận nụ hôn bờ ngõ của mối tình đầu trong trắng, để sau này những kỷ niệm về nó trở thành vết xước trong trái tim chị. Thời gian có thể làm lành vết thương, nhưng vết sẹo thì vẫn còn đó, mãi mãi ghi dấu vào cuộc đời người đàn bà.

Cuối năm 1972. Bầu trời Hà Nội luôn bị xé nát bởi những luồng đạn phòng không và tiếng rú đột ngột của còi báo động. Những pháo đài B.52 đã cất

bom rải thảm xuống cả bệnh viện và những khu phố đông dân. Công việc của một phóng viên chiến tranh ngày càng vất vả hơn. Ban đêm Hạnh cặm cùi viết bài. Ban ngày chị đội mũ rơm đến các cụm pháo bảo vệ cầu Long Biên. Có lần chị xông vào tận Hỏa lò gặp những giặc lái Mỹ vừa bị bắn hạ, nghe chúng kể: “Những chiếc Míc bé nhỏ thật đáng sợ. Họ dám lao đến gần vùng điểm nổ mới ấn nút phóng tên lửa. Theo lý thuyết thì không được phép làm như thế. Ở vùng biển nổ, nếu tên lửa trúng đích, máy bay đối phương bốc cháy có thể gây sát thương cho cả mình. Chúng tôi bị bất ngờ. Hoàn toàn bất ngờ”. Hôm sau ở tòa soạn Hạnh nhận được bức thư của Đạt chỉ vắn vện một câu ngắn ngủi: *Anh mãi yêu em*. Bên dưới là chữ ký rần rỏi quen thuộc. Hạnh khóc. Nước mắt chị thấm ướt những nét chữ phóng khoáng của người yêu. Lâu nay hai người vẫn trao đổi những bức thư say đắm. Rồi qua những dòng chữ nhiều hoặc ít của anh. Chị thầm đoán định mức độ ác liệt của những cuộc chiến. Bức thư gần đây anh viết: *Thật kỳ lạ, từ khi có em, anh thấy dường như cái chấm xanh lung linh dưới chân Tháp Rùa, mỗi khung cửa sổ sáng đèn trong đêm Hà Nội, cả những lối mòn ven đê như gắn bó máu thịt với mình hơn. Vì ở đó có em - cái dáng bé nhỏ vô cùng thương mến trong tấm áo màu cỏ mả miết đạp xe đi về, cặm cùi làm việc và lo lắng cho anh....* Còn bây giờ, chị hiểu rằng anh không có nhiều thì giờ dành cho tình yêu.

Khoảng hơn tháng sau, vào một ngày vùng trời Hà Nội chẳng mấy lúc được yên tĩnh, toà soạn nhận được tin có một máy bay rơi xuống vùng ngoại ô. Khi Hạnh đến nơi thì đám ruộng nước ở ven đê đã có đông bà con tụ tập. Mọi người ra sức đào bới. Gần một tiếng sau thì những mảnh kim loại cháy đen đã bị biến dạng khi va chạm mạnh lúc rơi xuống đất, nhưng vẫn có thể nhận ra đây là cái bộ phận buồng lái được đưa lên khỏi mặt ruộng vùng vĩnh bìn. Một cán bộ huyện đội, sau khi xem xét kỹ đã xác định đây là máy bay ta. Có người còn cam đoan đã nhìn rõ mảnh vỡ này bốc lửa ở trên cao nhưng không thấy dù bật ra. Hạnh hồi hộp chen trong đám đông cố đến gần khoang lái với chiếc máy ảnh trong tay. Mọi người không ai nghĩ đến việc can ngăn cô phóng viên khi chị loay hoay chui đầu vào khoang lái. Ở đây, Hạnh cố sức quan sát, lục lọi, mong tìm thấy những dấu vết còn lại của người chiến sĩ đã hy sinh. Rồi chị run bắn người lên khi chợt nhận ra, trong đồng tro tàn và những thanh sắt cong queo có một vật sáng lấp lánh. Hạnh nhặt lên và nhận ra chiếc lắc bạc quen thuộc của chính mình. Chiếc máy ảnh tuột khỏi tay Hạnh. Mặt trời, ruộng lúa và những đám mây quay tròn, quay tròn, Hạnh gục xuống ngất đi...

Ít lâu sau Hạnh nhận được một bức thư đóng dấu bưu điện từ sân bay vùng đồi cọ. Đó là thư của đồng chí biên đội trưởng. Trong thư Độ viết:

Em Hạnh thân mến,

Cho phép tôi coi em như người thân thiết trong gia đình phi công. Bởi vì trước đây, có lần Đạt đã tâm sự với tôi về tình yêu của hai người. Biết được tin ấy cả đơn vị chúng tôi vui mừng lắm. Thú thật, tôi còn có chút thâm ghen tị với hạnh phúc của các bạn đấy. Thật là một lứa đôi lý tưởng. Và tôi tin chắc rằng tình yêu của các em sẽ mãi mãi bền vững. Vậy nên lúc này tôi đã đắn đo rất nhiều khi cầm bút viết thư này cho em, nhưng tôi tự thấy mình không được quyền giấu em cái tin Đạt đã hy sinh trong một trận không chiến ở vùng trời Hà Nội. Tôi thông cảm nỗi đau đớn này của em, nhưng nếu có chút nào an ủi được em thì đây là một trường hợp hy sinh rất dũng cảm, là cái chết của một người anh hùng. Em biết không? Hôm ấy, bọn B.52 chúng nó vào Hà Nội nhiều đợt. Anh em chúng tôi phải xuất kích nhiều phen. Cũng như những lần trước đây, tôi rất yên tâm mỗi khi có Đạt là số 2 yểm trợ phía sau. Chúng tôi đã cùng bay đổi nhiều lần. Cậu ấy không bao giờ để tôi bị hở sườn hoặc để chúng nó bám đuôi mình. Và lần ấy, cả hai chúng tôi đều đã lập công. Đạt phóng hai quả tên lửa làm tan xác một "Con ma", còn tôi thì bắn hạ một "Thanh bảo kiếm". Sau đấy chúng tôi đã hết đạn, đang trên đường quay về lại nghe thông báo có thêm Pháo đài bay chúng nó đang vào không phận Hà Nội. Và những chiếc tiêm kích đi kèm yểm trợ cho B.52 đã rất xảo quyết xông vào công kích bọn tôi. Tôi ra lệnh

cho Đạt phải cố tránh cuộc giao chiến không cân sức, trở về sân bay an toàn. Hạnh biết đấy, mỗi chiếc Míc với đất nước còn nghèo khó của chúng ta là cả một tài sản khổng lồ. Trong hoàn cảnh ấy tôi cho rằng, đưa được máy bay an toàn trở về là một nhiệm vụ không dễ dàng. Và chỉ còn khoảng 3 phút bay nữa chúng tôi đã về đến vùng đồi cọ. Đúng lúc ấy, tôi nhận thấy bọn B52 đã cất bom rải thảm xuống Hà Nội do những đợt sóng xung kích va đập trên không trung. Rồi tôi thấy mình bỗng mất liên lạc với Đạt. Thoạt đầu tôi ngỡ cậu ấy bị bọn tiêm kích bắn hạ, bèn cố sức quan sát xung quanh, nhưng tôi đã không hề nhận thấy có dấu hiệu xấu, chỉ đơn giản là Đạt không trả lời những mệnh lệnh của tôi. Lúc ấy tôi không khỏi bực bội trong lòng. Đây là lần đầu số 2 có hành động vô kỷ luật trong chiến đấu. Tôi đâu biết rằng, Đạt đã lặng lẽ cho máy bay vòng trở lại, vừa cố tránh bọn tiêm kích, cậu ấy vừa tìm cách tiếp cận các Pháo đài bay. Vì Đạt đã quyết định sẽ dùng chính máy bay của mình làm quả đạn thứ ba. Tăng hết tốc lực, cậu ấy cho chiếc Míc đâm thẳng vào chiếc B52 gần nhất. Một đám cháy khổng lồ đã thiêu rụi chiếc Pháo đài bay khôn kiếp. Nhưng Hạnh ơi, người yêu của em thì không trở về nữa. Sau đấy, kỳ tích của người anh hùng của chúng ta đã được cả quân chủng chúng tôi học tập, noi theo...

*

Hai người đàn bà đã dùng xong bữa. Hạnh thấy ngon miệng với bát canh hoa lý nấu trứng tôm ăn với cà muối xối và món cá rô ron rán vàng chấm nước mắm chanh ớt. Quả thật những món ăn không chút cầu kỳ này chị thích hơn nhiều những lần dự tiệc tùng trong đời làm báo. Hạnh thành thật nói ra điều ấy khiến bà mẹ rất vui:

- Tưởng chị ưa ăn các thứ cao sang gì, chứ thích những món nhà quê ấy thì cứ ở đây với bác một tháng.

- Con cũng muốn thế, nhưng còn công việc và các cháu.

- À, bác thật sơ ý. Anh chị được mấy cháu rồi?

- Dạ hai. Cháu lớn năm nay đã vào đại học.

- Quý hóa quá. Anh ấy chắc cũng làm việc trên tỉnh?

- Vâng - Khách đáp gọn rồi ánh mắt chị ngó mung ra mảnh vườn nhỏ. Ngoài ấy, chút rắng đỏ cuối ngày còn ửng lên chiếc đọt cau mềm lả. Những nụ hoa trinh bạch lấm tấm rơi quanh chum nước. Không khí yên tĩnh thoảng mùi hoa cau thơm ngọt. Xa xa vẳng tới tiếng vạc gọi đàn. Đã lâu lắm, lâu lắm Hạnh mới có một buổi chiều tĩnh lặng không có tiếng động cơ rú nhức óc, không bụi bặm phù du chốn thị thành, không cả mùi thuốc lá ám ảnh trong căn hộ tập thể trên tầng bốn có chiếc cầu thang tối tối lúc nào cũng thoảng mùi khai để nghe lòng mình lắng lại với

những kỷ niệm của thời con gái. Không thấy chị nói gì thêm, lúc sau bà mẹ ngược nhìn lên và nhận ra nét buồn đang đọng trên gương mặt thiếu phụ. Chị ấy không nói gì về chồng. Lạ nhỉ. Nếu được sung sướng người đàn bà nào cũng muốn san sẻ niềm vui. Nhưng không lẽ người đẹp như thế mà không có hạnh phúc? Bà mẹ băn khoăn.

Và bà mẹ đã đoán không sai. Niềm vui thì khó giấu, còn nỗi buồn chỉ muốn nén chặt trong tim. Sau ngày mất Đạt, Hạnh buồn đến ngơ ngẩn. Chị không còn chú ý gì đến xung quanh. Nhiều đồng nghiệp sẵn đón cô phóng viên trẻ chỉ được đáp lại bằng thái độ lạnh lẽo. Tám năm sau, Hạnh đồng ý lấy một người bạn học cũ. Người ta bảo Quý là một kiến trúc sư có tài. Có thể đúng như vậy. Những bản vẽ thiết kế của anh về các biệt thự, nhà cao tầng và công sở bao giờ cũng được cơ quan đánh giá cao. Nhưng Quý bĩu môi: “đồng lương rẻ mạt, còn thù lao chẳng ra quái gì. Giá mà cho nước ngoài hay các liên doanh mạnh, bản thiết kế của anh phải được 7, 8 ngàn đô”. Hạnh nói nhỏ: “Đòi hỏi thì vô cùng, nhà mình còn thiếu gì đâu”. Quý cười khẩy: “Em lạ thật. Tự bằng lòng với cái lòng thỏ này còn gì là ý chí vươn lên nữa. Làm thằng đàn ông cho ra thằng đàn ông phải có một gia đình sung túc! Rồi anh sẽ kiếm đủ tiền cho em được nghỉ ngơi”. Hạnh hiểu, hai chữ “nghỉ ngơi” theo cách của Quý nghĩa là chị sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào chồng. Hàng tháng anh sẽ chỉ cho vợ một món tiền

chợ dư dả gộp cả tiền mua son phấn. Giầy dép và quà bánh hàng năm đôi lần chị về thăm bên ngoại. Rồi hàng ngày chị lo thay đổi món ăn và các thứ tráng miệng sao cho hợp khẩu vị của chồng. Tối đến thì nằm dài trên đi văng coi tivi và rửa móng tay móng chân.... Tóm lại, một kiếp sống của loài tầm gửi. Thế thôi. Hạnh không tưởng tượng nổi mình sẽ biến thành một mệnh phụ ăn nói kiểu cách như thế nào. Chị yêu cầu công việc của mình và cố không động đến những món thu nhập thêm của chồng. Đêm đêm nằm bên Quý nghe anh tính toán về cuộc sống tương lai sung túc, tự nhiên chị lại nhớ Đạt. Anh ấy nhập ngũ khi học năm cuối cùng đại học ngoại ngữ. Chưa bao giờ anh ấy nghĩ đến việc làm cho người nước ngoài chỉ vì mục đích kiếm tiền. Anh ấy yêu Hà Nội.... Nước mắt ứa ra, chị lặng lẽ cố nhích xa cái bụng đã bắt đầu xệ vì bia bọt của Quý. Với chồng, Hạnh chưa bao giờ tìm thấy sự đồng điệu về tâm hồn.

- Bác ơi, ngày ấy.... người ta báo tử về trường hợp hy sinh của anh Đạt vào thời gian nào?

- Tháng 4 năm 1973, chị ạ.

- Từ dạo ấy đơn vị có cử người về thăm gia đình ta không ạ?

Bà mẹ ngừng nhai trầu:

- Có đấy. Năm nào đơn vị cũng cho người về. Mới đây có một anh cao to nói giọng xứ Nghệ, bảo là

bạn chiến đấu của em nó. Bác cũng giữ lại ăn cơm. Anh ấy ở chơi cả buổi sáng.

- Anh ấy có nói gì không ạ?

- Kể nhiều chuyện từ ngày em nó còn, hai anh em lúc nào cũng ở bên nhau. Có điều...

- Sao ạ?

Bà mẹ kéo vạt áo, chấm mắt:

- Bác có nhờ anh ấy đề nghị với đơn vị: Em nó đã hy sinh vì nước cũng là vinh dự cho gia đình. Giờ bác chỉ có một ước nguyện đưa em nó về cho có mẹ có con. Anh ấy hứa sẽ báo cáo lại với cấp trên. Nhưng bác chờ đã lâu không thấy đơn vị hồi âm. Mà bác thì mỗi tuổi mỗi yếu.

- Mẹ ơi! Chị buột gọi mẹ một tiếng rồi thốt im bật, ngực lại nhói đau. Có lẽ hơn ai hết, chỉ mình chị biết được điều này, rằng hôm ấy anh đã chấp nhận hy sinh cùng cánh bay yêu quý với cả thể xác và linh hồn cho tình yêu Hà Nội bởi vậy, phần mộ của anh hiện giờ ở nghĩa trang đơn vị chỉ đơn thuần là sự tưởng nhớ công lao của người anh hùng, là sự tiếc thương của những tấm lòng đồng đội với người bạn chiến đấu không còn nữa. Nhưng chuyện ấy làm sao có thể nói với mẹ? Và chính điều đó cũng là nỗi khổ tâm của Độ, anh đã không thể đáp ứng yêu cầu của mẹ. Chị xích ngồi gần lại, lặng lẽ ôm lấy đôi vai gầy của mẹ và nhận ra rằng mình đã đến hôm nay thật

đúng lúc, vì chỉ có chị với những vật chứng quý giá mới có thể an ủi tuổi già của mẹ.

Hạnh lặng lẽ mở túi xách lấy ra một tấm ảnh khổ lớn đưa cho mẹ. Bà mẹ ngỡ ngàng giơ tay đón lấy tấm ảnh chụp một ngôi kiều dáng đẹp, khá bề thế. Các em thiếu nhi và những quân nhân mũ nâng ngang ngực đứng trang nghiêm trước bó hương đang nghi ngút tỏa khói. Bà lập cập đeo kính và nhẩm đánh vần những hàng chữ trên tấm bia đen: *Liệt sĩ Phan Hữu Đạt. Sinh 15-1-1950. Quê thôn Hạ, xã Ngọc Châu...*

Khi bà mẹ sững sờ ngẩng lên, đôi mắt bà ràn rụa ướn:

- Thế là con đã....

Chị ghen ngào:

- Vâng. Con đã đến với anh ấy - Nhưng một lát chị nói thêm - Mẹ ơi, vong hồn anh ấy sẽ về đây, ở bên mẹ. Còn phần mộ ở đơn vị đã có đồng đội anh ấy chăm lo. Mẹ cứ yên tâm. Mẹ đã già yếu. Đường xa cách trở. Con xin mẹ nghe con.

Bà mẹ nức khe khẽ. Cả chị nữa, chị cũng không cầm được nước mắt. Đã bao năm nay chị mới được thỏa lòng khóc nhớ anh ở chính căn nhà đã bao lần chị muốn đến mà chưa được thỏa nguyện. Lâu sau chị ngẩng lên lau nước mắt:

- Mẹ à, còn cái này. Đây là di vật...

Hạnh tháo chiếc lắc bạc từ ngày ấy vẫn không rời tay chị, trao cho mẹ. Cầm chiếc vòng bạc, bà mẹ òa khóc. Bà vẫn không quên, lần ấy anh về phép đã vui vẻ khoe với mẹ vật này đây. Anh còn đoán chắc sẽ đưa cô gái của chiếc vòng bạc này về với mẹ. Bà đã chờ đợi, và hy vọng rất nhiều. Nhưng con của mẹ đã không trở về, giờ chỉ còn chiếc vòng bạc này trong tay mẹ...

Hạnh nhẹ đỡ mái đầu bạc của mẹ để tự vào vai mình. Nước mắt bà thấm ướt áo chị. Khi nổi đau theo nước mắt đã nguôi ngoai, bà mẹ bỗng lơ mơ cảm thấy rằng, người có chiếc vòng bạc mà con trai mẹ nặng lòng yêu chính là thiếu phụ này. Chính là chị - mối tình đầu trong sáng, niềm say mê bền bỉ đã tạo nên niềm vui rạng ngời trên nét mặt anh cả trong những ngày tháng chiến đấu gian nan là người đàn bà này. Bà tin chắc vào điều đó, bằng trái tim đau khổ và mẫn cảm của người mẹ, rằng chính nỗi đau của tình yêu đã để lại nét buồn thẳm sâu trên gương mặt khả ái của chị. Vẫn gục đầu trên vai Hạnh, bà mẹ nghẹn ngào thì thầm gọi: "Con ơi!" Và tiếng gọi thân thiết xiết bao mong ước ấy khiến nỗi đau của mẹ như đã được chia sẻ. Còn Hạnh, chị biết rằng mình đã nói với mẹ những điều chỉ xuất phát từ tấm lòng chị. Nhưng chuyện ấy thực sự không quan

trọng, miễn là mẹ được thanh thản sống vui những ngày cuối đời.

Ngoài kia, bóng tối đã choàng lên mảnh vườn nhỏ. Sương đã xuống trong gió đêm lành lạnh. Nhưng cái lạnh đêm nay với hai người đàn bà đã trải qua nỗi đau mất mát chỉ càng làm họ gần gũi, thân thiết nhau hơn.

Hà Nội, 30-3-1997



HOÀNG MINH TƯỜNG

Họ và tên: **Hoàng Minh Tường**

Ngày tháng năm sinh: 21.1.1948

Quê quán: Ứng Hòa, Hà Tây

Nghề nghiệp: Dạy học, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Tiểu thuyết: *Con hoang; Đồng chiêm; Người đẹp trong khách sạn; Gia phả của đất; Những người ở khác cung đường...*

Các giải thưởng văn học: Giải A Văn học công nhân 1985-1990. Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1997.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Năm 1996 báo “Nhà báo và Công luận” ra đời, tôi đề xuất chuyên mục “12 truyện ngắn trong năm” với ý định mỗi tháng đăng một truyện ngắn hay trên báo này, rồi cuối năm tập hợp thành sách in. Truyện mở đầu chuyên mục do tôi viết có nhan đề là “Nhà phóng sự của một thời”, lấy chuyện viết thuê của mình và bạn bè mình ra để kể về cái sự làm thuê kiếm cơm của cánh nhà báo, nhà văn. Về sau truyện này đổi tên là *Gã viết thuê* và in trong tập “Gã viết thuê”, rồi được chuyển thành phim TH (có kết hợp với 2 truyện ngắn nữa của tôi có tên là: *Nhà văn giữa đời thường* (2 tập) do Đài truyền hình Hà Nội sản xuất, năm 2001.

NHÀ PHÓNG SỰ MỘT THỜI

Đặng Trần Nguyễn, bạn tôi, là một cây bút ký, phóng sự có hạng. Anh thường tự vỗ ngực bồm bộp khoe với bạn bè rằng, nếu chọn năm người viết phóng sự hay nhất nước, nhất định phải có anh, và nếu khắt khe, hơn, chỉ chọn ba người, thì cũng vẫn có anh.

Nguyễn không tự phụ quá đâu. Anh quả là người có tài và có duyên viết phóng sự. Một thời, những bài phóng sự cuối cùng với tên tuổi của anh nổi như cồn. Anh phanh phui những mằng tời tri động ở nông thôn. Anh gọi ra những vấn đề nhức nhối khiến cả xã hội sửng sốt. Anh dám đấu tranh và bảo vệ đến cùng những người trung thực bị oan ức, trù dập. Các báo được anh cộng tác viết bài đều coi đó như một niềm hạnh phúc.

Có tài thường có tật. Tính Nguyễn cực đoan và nóng như hổ lửa. Ông tổng biên tập cũ về hưu, tay thư ký tòa soạn dốt nát và hãnh diện tiến lên thay, anh đốp chát vô mặt ngay giữa phiên họp cơ quan, rồi quyết định về hưu một cục. Nghỉ hưu, nhưng thực ra

đó là thời kỳ làm việc cật lực nhất của Nguyễn. Anh viết như kéo cày, như bở củi. Viết thượng vàng hạ cám, từ mẩu tin dăm chục chữ, đến thiên phóng sự hàng chục trang. Bài viết của Nguyễn rải ra hàng chục tờ báo, với nhiều bút danh, nhưng riêng với những thiên phóng sự thì bao giờ Nguyễn cũng ký tên thật.

Một lần gặp tôi, Nguyễn bảo:

- Làm anh viết báo tự do không phải chuyện dễ ông ạ. Cứ như là người đi ăn đong, buông bút là treo mõm. Nghĩ mà thấy tiếc cái thời làm anh nhà báo quốc doanh. Lương bổng đã có cơ quan lo. Bài viết coi như một thứ làm thêm. Họp hành, công tác đã có xe đưa người rước...

- Nhưng mà ông được tự do, sướng - Tôi nói - Muốn viết gì thì viết, muốn đi đâu thì đi....

- Không thể có một thứ tự do nào khi trong túi của anh rỗng tuếch - Mắt Nguyễn chột hoe đỏ và giọng anh tắc lại - Tao ngu nên mới bỏ về hưu một cục. Hai triệu hồi ấy tưởng to lắm, hóa ra tiêu vèo trong ba tháng là hết. Con vợ tao từ ngày chồng về vườn, đâm dở chứng. Mấy lần nó viết đơn đòi ly dị...

- Thật thế ư? - Tôi sững sốt.

- Nhục lắm, tạo đã phải lên hầu tòa hai lần rồi. Mà bảo có muốn điên không, khi mấy đứa mặt búng ra sữa, vừa tốt nghiệp trường luật, đóng vai thẩm phán để hỏi cung mình. Nghĩ thương mấy đứa con mà

phải cẩn rằng nhờ các ông bà thẩm phán dàn hòa cho nó yên chuyện.

- Viết khỏe như cậu, mỗi tháng làm gì chẳng kiếm được một, hai triệu bạc? Kiếm ra tiền, tự khắc sẽ chữa được chứng điên của vợ...

- Đã bảo rồi, nhưng đây là kiểu ăn đông, buông bút là hết tiền. Ngày xưa ông Vũ Trọng Phụng chẳng ho lao thối phổi vì viết đấy sao? Với lại cái nghề viết không thể húp cháo cả cặn được ông ạ! Lĩnh được năm đồng thì cũng phải chi ra hai đồng, lần sau người ta mới đăng lại cho mình. Ông đọc Nam Cao thì biết. Lĩnh cái nhuận bút, gặp mấy thằng bạn là vèo ngay. Mà đã là thằng viết, lĩnh nhuận bút rồi lại đi chui lủ trốn tránh bạn bè thì còn có ra cái giống người...

Chưa bao giờ tôi thấy Nguyễn than phiền. Thở lộ với tôi thế này tức là cảnh ngộ của anh đã bức bí lắm. Phải tìm cách giúp vợ con Nguyễn vượt qua thời điểm cam go này. Tôi lặng lẽ đến gặp ông anh họ làm Tổng biên tập một tờ báo kinh tế, thuyết phục anh cho Nguyễn nhận một chân hợp đồng.

*

Có thể ví những trang báo như những mảnh ruộng trên đồng, như những sạp hàng ngoài chợ. Anh gieo gì sẽ gặt nấy, bày bán thứ hàng gì sẽ tự khắc có khách đến mua, đến bán cho anh thứ hàng nấy... Tờ báo *Tiếp thị* của anh tôi, vào thời kinh tế thị trường,

bỗng trở thành một tờ báo siêu hạng, độc giả tăng lên vùn vụt.

Đặng Trần Nguyễn vừa đến nhận hợp đồng đã có sáng kiến khai trương một chuyên mục mới: *Phiếm đàm ngoài chợ*. Bằng cái giọng văn tung tung, lúc cợt nhả châm chọc, khi móc máy chua cay, Nguyễn “phiếm đàm” đủ các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khi thì phiếm chỉ một cơ quan A, khi thì chỉ đích danh một công ty chi-cho-mex X. Độc giả, những người ngoài cuộc, đọc một cách khoái trá. Những ai có tật, đọc cứ thon thót giật mình. Rồi Nguyễn tiếp tục trở lại thể mạnh của anh: Những phóng sự về kinh tế, xã hội. Mở tờ *Tiếp thị*, bạn đọc tìm ngay bài của Đặng Trần Nguyễn, xài ngôn ngữ, như người đang khát tu một hơi vại bia ướp lạnh.

Tên tuổi của Nguyễn lại rộ lên. Anh như một siêu sao trên sân cỏ làng báo.

Gặp Nguyễn, tôi bảo:

- Thiên hạ đồn ầm lên rằng hồi này ông rất giàu...

Nguyễn cười phá, kéo tôi ra ngoài quán bia:

- Cũng khờ khớ hơn hồi viết báo tự do. Một năm về tờ *Tiếp Thị*, tao sang tên được con Dream II của thằng Ngô Tự Lập. Nó mới chạy hai vạn cây, để rẻ cho mười sáu vé. Mấy tháng trước đi viết phóng sự, cưỡi cái xe Phụng Hoàng tàng, mất thờ quá mày ơi.

- Tôi mừng cho ông - Tôi gật gù - Hóa ra họ đồn cũng đúng.

- Đồn thế nào?

- Rằng cán bộ phóng viên báo *Tiếp thị* bình quân mỗi tháng *hai vé*. Riêng ông thì gấp đôi.

- Hớ hớ... Phao tin đồn nhảm. Giảm sự điều toa đi một nửa thì đúng sự thật. Nói thật với mày, cộng tất tần tạt mọi khoản, mỗi tháng tao kiếm được hai triệu rưỡi, nộp cho sư tử cái Hà Đông hai triệu, còn lại xăng xe, thuốc thang, bia bọt...

- Nhưng bạn bè cũng nhiều người phàn nàn về ông - Tôi lại bảo - Họ trách ông lâu nay không viết phóng sự cho báo Văn. Phải xuất hiện trên tờ báo ấy mới đúng tầm cỡ của ông.

- Rõ là một lũ sĩ rơm - Nguyễn phẩy mũi - Hai trăm nghìn nhuận bút một thiên phóng sự, viết làm gì? Tên tuổi thì tao cũng chẳng màng. Hồi tao đăng nhiều ở đó là lúc còn háo danh. Bây giờ tỉnh ngộ rồi, thấm thía cái câu “lập thân tối hạ thị văn chương” lắm rồi. Mày cũng dân viết lách còn lạ gì bút ký, phóng sự. Viết những thứ ấy tốn văn lắm. Một chuyến đi mười ngày về dốc ào ra là hết, trong khi cũng chuyến đi ấy, có thằng nó bơi ra mấy cuốn tiểu thuyết, hoặc nhặt nhạnh tư liệu xào xáo dăm cái truyện ngắn. Ấy là chưa nói đến nỗi cơ cực của anh

đi viết phóng sự. Cuộc bộ, nhin đói, bị người ta đuổi quây quây là chuyện thường.

- Có khi còn bị đe dọa tính mạng nữa cơ - Tôi phụ họa - Có lần tôi với ông đã từng bị bao vây ở trụ sở Ủy ban xã Lưu Nguyễn là gì?

- Ấy đây, sao hồi ấy chúng mình háo máu vệt đến thế. Bọn trẻ bây giờ chúng nó thực dụng hơn tao với mày nhiều. Chúng nó toàn viết các mẩu tin và đi săn lùng quảng cáo. Tin về một khách sạn khai trương, về công ty A, xí nghiệp B hoàn thành vượt mức kế hoạch, về lễ khai thông cầu Z.... Mỗi tin chúng làm một phong bì dăm trăm ngàn. Tao với mày không thể làm theo bọn chúng được. Bởi mình còn cái chất sĩ rởm...

Lần đầu tiên tôi thấy câu chuyện của Nguyễn có một cái gì khác lạ so với cách sống lâu nay của anh. Nguyễn đang toan tính điều gì? Anh sẽ viết cái gì nếu từ bỏ cái sở trường bút ký, phóng sự của anh?

- Này, tao nghiệm ra rồi, không chỉ bọn viết văn làm báo chúng mình háo danh đâu nhé - Nguyễn bỗng ghé tai tôi thì thào. Bọn làm kinh tế còn háo danh hơn bọn ta nhiều. Nhưng mà cao hơn cái háo danh là chúng háo lợi. Đó là điều chúng hơn đứt bọn nhà văn nhà báo chúng ta. Tao đang nghiên cứu về bọn chúng. Thú vị lắm.... À mà thôi, lúc khác tao sẽ kể...

Đang nói, Nguyễn bỗng vụt đứng dậy, gọi chủ quán thanh toán tiền. Tôi níu tay anh ngồi lại, nhưng Nguyễn đã giúi tiền vào tay chủ quán rồi xăm xăm bước như muốn trốn chạy một cái gì.

*

Tôi đi công tác phía Nam. Bẵng đi gần năm không gặp Nguyễn. Và cũng chừng ấy thời gian không hề thấy Nguyễn xuất hiện trên mặt báo. Anh không viết nữa hay đã ký những bút danh khác?

Rồi bỗng một hôm tôi nghe bạn bè đồn ầm lên là Nguyễn chuẩn bị chuyển nhà mới, một ngôi nhà hơn trăm mét vuông, ba tầng. Thoạt đầu tôi không tin, Nguyễn kiếm đâu ra hàng trăm triệu để xây nhà? Trúng số độc đắc ư? Hay họ hàng nội ngoại hấn có người từ nước ngoài gửi cho tiền?

Hết hạn công tác, tôi bay ra Hà Nội, việc đầu tiên là bỏ ngay đi tìm Nguyễn. Chao ôi, quả không sai, nhà Nguyễn sừng sững ba tầng, nằm giữa khu mới Láng Hạ, khu phố dành riêng cho cán bộ trung cao cấp của thành phố. Điều tôi ngạc nhiên hơn là cả hai vợ chồng Nguyễn đều mập ú. Vợ Nguyễn năm ngoái còn gầy tong teo, vậy mà bây giờ cứ phây phây như gái mới lấy chồng.

Nguyễn bận tiếp một người khách. Đó là một người đàn ông trạc bốn tám, năm mươi, ăn vận khá sang trọng, comple đúng mốt, đầu tóc chải mượt. Tôi

để ý đến chiếc Tôyôta, đậu ngoài cửa nhà Nguyễn và ngầm hiểu rằng người khách của Nguyễn hẳn phải là giám đốc một ngành hay một công ty nào đó đang làm ăn phát đạt.

- Vô đi. Uống một cái gì nhé? Khi tiễn người khách ra xe xong. Nguyễn quay vào, ôm ngang vai tôi đầy thân thiết. Mày ngạc nhiên lắm phải không? Có còn nhớ câu chuyện tao định nói với mày ở quán bia hồi năm ngoái không? Đó, tất cả là ở ngòi bút. Tao vẫn sống và xây ngôi nhà này chỉ bằng ngòi bút.

Nguyễn bảo vợ lấy từ trong tủ lạnh ra chục lon Tiger, rồi lại bảo vợ đi nướng mực, rán lạc xường. Chúng tôi cùng lon, và nhìn nhau, vừa tu một hơi trăm phần trăm.

- Thăng cha mày vừa gặp, là một trong những con môi của tao. Nguyễn bảo tôi - Ba tháng nữa nó sẽ bảo vệ luận án phó tiến sĩ.

- Sao? Phó tiến sĩ thì có gì liên quan đến câu chuyện của chúng ta? Tôi nhếch miệng cười.

- Hó hó.... Mày đếch hiểu một cái gì - Nguyễn bật nắp lon bia tiếp theo, ấn vào tay tôi - Uống đi, rồi tao giảng giải cho mày nghe. Mày có hiểu thế nào là phó tiến sĩ không? Nghĩa là mày đã qua bậc đại học, có thể là mày vẫn dốt như con bò, nhưng mày có khát vọng được cấp một cái bằng phó tiến sĩ. Ô kê. Mọi

công nghiệp hóa cửa dẫn đến khoa học đều mở. Chỉ cần mày đăng ký làm luận án ở một trường đại học, một viện nghiên cứu nào đó. Điều kiện để mày có thể được bảo vệ luận án là một công trình nghiên cứu và tối thiểu là bảy bài báo có tính chất học thuật...

Nguyễn đi lại bàn mang đến cho tôi một tập bản thảo dày cộp vào những bài báo đã in trên các tạp chí, các tờ báo kinh tế.

- Đây là toàn bộ các bài báo cáo luận văn tao đã viết thuê cho ông khách mà mày vừa gặp. Tao nhắc lại, hấn là một con bò, nhưng hấn đang giữ một chức vụ ở một công ty. Khi có cái bằng phó tiến sĩ, hấn sẽ còn lên nữa. Tao cũng là một con bò, nhưng là con bò Lỗ Tấn từng với vợ: “Anh chỉ là một con bò. Suốt đời ăn cỏ và tiết ra sữa ngọt cho đời”... Hơ hơ... vì thế mà tao đã bán hoàn toàn chất xám và công sức cho cái con bò kia. Thừa tiên sinh, để hoàn thành một công trình phó tiến sĩ như thế này, cái con bò kia chỉ phải mất có ba ngàn đô la...

Tôi tròn xoe mắt lật giở từng trang bản thảo. Đúng là chữ viết tay của Nguyễn. Ngoài trang bìa là dòng chữ ghi nắn nót: *Luận án phó tiến sĩ*: Giảm tỷ lệ lạm phát xuống một con số - động lực thúc đẩy nền kinh tế thị trường nhiều thành phần của Việt Nam trong giai đoạn quá độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đây mới chỉ là một trong hàng chục công trình của tôi trong một năm trở lại đây, thừa tiên sinh - Nguyễn vẫn nói với cái giọng bỡn cợt. Miếng đất mà tiên sinh đang ngồi đây chính là tác phẩm đầu tay của tôi trong việc xoay chuyển cơ chế...

- Một luận án đổi lấy bốn chục mét vuông đất này ư? - Tôi có vẻ không tin.

- Tùy may, tin hay không thì may cũng chẳng sợ mùi gì một mét vuông đất ở đây. Nhưng đó là sự thật. Ông chủ của miếng đất này giờ đã là một phó tiến sĩ kinh tế, và tất nhiên đã thăng tiến trên con đường hoan lộ. Bản thảo luận văn phó tiến sĩ của ông ta kia, tao vẫn giữ bản gốc. Và như vậy bất cứ lúc nào tao cũng có cái để mặc cả...

- Hóa ra lâu nay ông ngừng viết bút ký phóng sự...

- Vâng, để chuyển sang dịch vụ viết luận án thuê. Cũng có viết thuê cả thôi, nhưng viết thuê cho các ông chủ tư nhân hoàn thành một luận án, tao phải đọc hàng trăm cuốn sách, bài báo tạp chí, phải đến các cơ quan để lấy số liệu, phải thuê máy vi tính vẽ các biểu đồ... và cuối cùng là phải biết chờ đợi cho đến khi ông phó tiến sĩ làm lễ đăng khoa...

Giọng Nguyễn bỗng khàn khàn đi. Tôi nói cảm giác như hai khóm mắt anh hơi ngấn ướt.

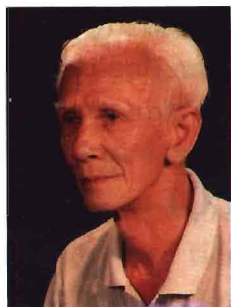
- Chắc may còn nhớ bài *Tiến sĩ giấy* của cụ Tam Nguyên Yên Đổ? Đáng buồn là thời nào cũng có

những ông tiến sĩ giấy. Cái bệnh háo danh và chuộng hình thức rởm của con người đã làm cho tiến trình phát triển của đất nước chậm lại rất nhiều... Vậy mà tao cũng đang góp phần vào sự tha hóa ấy. Chao ơi, chỉ vì những bài phóng sự không thể nuôi nổi mình...

Nhà phóng sự của một thời bỗng đưa hai tay ôm lấy mặt. Tôi thấy đôi vai Nguyễn khẽ rung lên.

7-1996

TRẦN KIM TRẮC



Họ và tên: **Trần Kim Trắc**

Ngày tháng năm sinh: 14.6.1929

Quê quán: Hương Hòa Lại Chợ Gạo,
Tiền Giang

Nghề nghiệp: Nuôi ong

Địa chỉ hiện nay: Thành phố Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Truyện về tiểu đoàn 307; Ông Thiềm Thừ; Hoàng đế ướm Long bào; Học trò già; Nàng Mimô; Trăng đẹp mình trắng; Áo dài đỏ; Kể ma làm, Cái lu...*

Các giải thưởng văn học: Giải văn học 1945-1954. Giải thưởng Hội Nhà văn năm 1995.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Có tình thương, có lòng nhân ái là có tất cả. Trải qua những năm chiến tranh cứu nước, ôn lại những kỷ niệm sâu sắc nhất trong tâm khảm là tình đồng đội. Có sống chung với nhau trong gian khổ và hiểm nguy ẩn tượng của tôi với người lính là sự giản dị.

Khi cầm bút viết về câu chuyện *Mấy sông cũng lội* tôi luôn vừa viết vừa mỉm cười với bạn cũ đã xa.

Trước đây tôi lấy tên truyện này là *Ngậm mà nghe* vì một chi tiết lý thú. Sau đó tôi đổi lại là *Mấy sông cũng lội* có nhiều hàm ý hơn.

MÁY SÔNG CŨNG LỢI

Loại máy bay săn giặc đi oanh tạc ở đâu cũng từng tập ba chiếc. Nếu đánh lớn đi chín chiếc theo đội hình tam giác. Mỗi chiếc đeo hai bên cánh hai quả bom tạ. Đó là các anh tham mưu nói vậy nghe vậy, chứ có đem cân đâu mà biết?

Tiểu đoàn về đóng quân ở khu vực chợ Thạnh Phú, giữa vùng lúa nước, trồng dừa phải lên liếp, chỉ duy nhất khu vực này mọc lên một khu Gò Cát nên huyện lỵ đặt ở đây. Chợ vùng giải phóng đã qua tiêu thổ kháng chiến, nhóm trên đường, nhà lá hai bên, có năm ba tiệm chạp phô, có quán cháo lòng, bì bún, hủ tiếu...

Sáng kiến riêng của ông L. Chính trị viên là cấm quân nhân ngồi quán, nhưng tay Ngôi trình sát rĩ tai tôi: “Ổng cấm mà tôi thấy ổng vô quán, không ngồi ngoài trước mà vào nhà sau làm khách của ông chủ quán dài dài. anh muốn “cãi hoạt” không? Theo tôi - “Tất nhiên hai đứa không đại gì khiêu khích nội qui, mà vào nhà cô Chín Sương để nhờ cô môi giới với chủ

quan lấy mệt bê qua cho mỗi đứa một tô có đủ giấm ớt.” Ngồi bảo, hồi còn học trường Quân chính mỗi lần đi phụ anh nuôi mua thực phẩm, thường mua được gì đều gửi nhà cô Chín trước khi gánh về chứ không có tình ý gì đâu. Hoa đã có chủ trước rồi, cậu đừng lo...

Ăn chưa xong tô hủ tiếu đã thấy chợ nhộn nháo sơ tán vì có tiếng máy bay. cô Chín chỉ cho hai đứa hầm trú ẩn cá nhân gần bụi tre. Ở đây nhà nào cũng có nhiều hầm trú ẩn đào sẵn cho khách.

Ba chiếc máy bay chuyển đội hình chiếc trước chiếc sau đảo một vòng quan sát. Chiếc đi đầu chúí xuống gầm rít buồng hết hai quả bom, tiếng nổ rất tai, đất cát rào rào trên đầu. Dưới hầm núp nhìn lên, thấy bầu trời sáng trưng, bụi tre gai phủ tàn lá trước đó bị búng tung lên quăng đi nơi khác. Tôi nhóng lên quan sát thấy hầm trú ẩn của Ngói bị đất cát khóa lấp không còn dấu vết. Hai chiếc sau chúí xuống liên tiếp, nhưng kinh nghiệm biết bom ấy nổ ở khoảng cách khác nên tôi vẫn thét gọi Ngói ơi Ngói ơi! Chẳng có lời đáp, hình bóng cũng không. tôi phóng lên chưa kịp định vị đúng chỗ để bới tìm đã thấy mặt cát động dậy, một cái đầu ngoi lên đến trán lại thôi. Chờ cho cát rút bớt xuống, lại ngoi thêm nấc nữa đến mang tai, sau đó mới vặn mình ngoi lên đến ngực.

Máy bay quần đảo một vòng, chúí xuống nổ một tràng đạn 20 ly, lại ngửa ức vọt lên.

Tôi thấy Ngói lắc lắc cái đầu cho đất cát vương tóc tung ra, rồi ngửa lên nhìn theo “phê bình” chiếc máy bay.

- Ê! Tự ái quá ta!

Cái mặt dơ hầy, ngửa lên há mồm đùa với hiểm nguy coi ngộ lắm.

Anh làm thế để trấn an mọi người vì lúc đó cô Chín cũng tới: “Có sao không anh?”

Ngói chống tay, lên khỏi hầm:

- Yên chí đi cô Chín! Trình Giáo Kim mới một búa, chưa đủ ăn thua đâu. Hề! Hề!

Trong chiến tranh, với đồng đội, ai cũng là bạn. Sau trận ấy, tình bạn giữa Ngói và tôi khá đặc biệt, gắn bó nào hơn kỷ niệm.

Năm 1952 vào tháng 4, tiểu đoàn 307 được lệnh chuyển về miền Tây. Tôi và Ngói có việc ở lại Đồng Tháp Mười đi sau.

Trước khi lên đường theo vết tiểu đoàn, hai đứa bàn với nhau, nếu theo đường liên lạc phải đi vòng qua Long Châu Sa - Long Châu Hà, qua từng trạm mất cả tháng trời lâu lắm, cứ nhắm hướng mà đi, gặp lộ vượt lộ, gặp sông lội sông, băng tắt mà đi nhanh hơn. đến đâu xin cơm đồng bào mà ăn, bà con dù ở vùng bị chiếm vẫn tốt bụng lo gì.

Độc Binh Kiêu rồi Mỹ An, Cái Bè, Mỹ Tho quá giang ghe cá qua sông Cửu Long, nín ở lại vùng vườn

tục chờ đến đêm vượt lộ Phú Quới đồn bót giảng giảng. Hai đứa băng đồng áp sát lộ, trăng mờ mờ sáng, áp sát mặt ruộng, có thể thấy trên mặt đường. Không xa, tháp canh đồn Phú Quới lơ lửng trên nền trời.

Không thấy động tĩnh, hai anh em vượt lộ men theo bờ ruộng nhắm hướng xóm vườn rào bước, rơi vào ổ phục kích mà không biết.

Nháng nháng lửa! Một tràng trung liên nổ rất rạt chen lẫn tiếng súng trường.

Tôi nghe Ngồi thét “chạy!”. Không còn kịp nữa, quay lưng là chết. Hai đứa cứ phóng tới. Tôi va vào cánh tay nào đó hình như tên phục kích quay súng định bắn theo bóng Ngồi, nghe khẩu súng cướp cò nổ lệch đi. Trong trận mạc, khoảnh khắc năm giây để đổi hướng mục tiêu là sống và chết. Súng vẫn nổ, nhưng chạy hơn mười bước, tôi mới nghe đạn réo về phía mình. Đó là giây phút bọn phục kích trở bộ vì bị bất ngờ khi con mồi xộc vào đội hình để thoát thân. Chạy gần đến ven vườn đạn vẫn rít theo. Ngồi nắm tay tôi, hình như anh có chậm bước để chờ được dắt tay nhau mà chạy. Có lắm thứ chạy, duy chỉ có chạy chết là một huyệt hơi chóng nhất, áp lực thần kinh dồn lên tim óc, còn hơi đâu mà điều hòa nhịp thở.

Hai đứa níu tay nhau hăm bước, hai gương mặt nhìn nhau phì cười. Cười thoát nạn cũng là cười... Vừa cười vừa buông tay ra để ôm bụng cười tiếp... Cái cười xém chết có cái đã riêng của nó.

Khi đi qua đồng chó ngáp để đến Phong Phú, Tân Nhuận Đông, giữa đồng còn nghi ngại đến chuyện thoát chết tôi hỏi:

- Ê Ngói! Có phải mình mạng Tào không?

- Không! Mạng Tào là anh còn tôi mạng Thổ. Tôi tên Ngói - Ngói là đất - Đất tức là Thổ. Đất còn là Ngói còn. Dù chỉ còn tò vò tha đất làm tổ trên lỗ mũi, hít mùi đất là sống. Bên Tàu họ đặt tên Trình Giảo Kim là sai, Trình Giảo Thổ mới đúng.

Lý lẽ này, nụ cười thoát hiểm này của bạn làm tôi liên tưởng đến cái đầu lắc lắc, vẻ mặt hóm hỉnh tỉnh bơ từ dưới đất ngoi lên phê bình máy bay giặc tự ái sau khi bị quả bom tạ chôn vùi trong hố cá nhân. Bạn tôi đi vào chiến tranh chết chóc hồn nhiên như anh nông dân sớm sớm chống xuống ra đồng bắt cá giăng câu - chiều chiều thắng bộ đạo xóm xem có cô em nào tươi mát liếc mắt đưa tình cho vui vậy. nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ. Không có gì khó cả! Bình tĩnh! Bình tĩnh!... Đờì mà...!

Sau này có lần, sau trận giải phóng An Biên, tiểu đoàn phái trinh sát vào thâm nhập thị xã Rạch Giá dò đường tấn công vào tỉnh lỵ. Anh rủ tôi đi theo xem thành phố cho đỡ ghiền. Bốn người tất cả, giả lái buôn Hoa kiều mặc áo xí xấu, trinh sát ban ngày. Đến trưa theo lộ Tà Niên rút về. Đang đi, bỗng đụng đầu với toán lính “ba trui” cách không xa. Anh nháy mắt

ra hiệu cho anh em rẽ vào một hiệu thuốc bắc lên đường. Ông thầy Tàu, chủ tiệm thấy áo xí xấu, tưởng đây là đồng hương tuôn ra một tràng xí xô xí xào, nào ai biết gì? Ngồi áp bụng vào quầy, chu mỏ đặt ngón tay lên huýt khê. Ông thầy trợn mắt: Hà! Cái lầy piết rồi..." (nghĩa là biết Việt Minh). Vô trong nhà uống nước chơi!!! Hồng có sao mà!

Bên ngoài bọn nhà binh kéo qua, tiếng giày đinh nghiến sỏi...

Ông thầy kéo ghế mời ngồi: "Hà! Ở lại đây ăn cơm chơi". Ngồi bảo: "Ở lại nghe! Mấy thuở được ăn cơm Tàu!". Cái anh mạng thổ này lạc quan chứa đầy trong bụng - tôi nghĩ vậy.

Bọn phục kích đồn Phú Quới tồn đạn một lúc nữa, nhưng không dám đuổi theo vì sợ du kích. Hai đứa chúng tôi băng đồng chó ngáp đến khuya tới Phong Hòa. Tôi muốn tìm chỗ ngủ. Ngồi bảo ráng chút nữa về vùng đóng quân cũ ở Tân Nhuận Đông.

Rạch Tân Nhuận Đông đã bị chiếm đóng. Lô cốt mọc lên, bót này cách bót kia nhìn thấy nhau được. chúng tôi bò vào nhìn các chòm cây dưới trăng để định vị các nhà dân đã đóng quân trước đây.

Hai đứa vào vườn. Đúng là vườn quít nhà cô Bảy Liễu cách lô cốt Rạch Cầu không hơn năm trăm thước. Áp tai vào vách lá xé, nơi bên trong trước kia là giường nằm gọi khê: "Má ơi" - "Ai đó!" - "Con đây!

Ngồi đây...". Nghe lục đục trong nhà một lúc... "Vô cửa sau đi...."

Sau lúc hàn huyên ở nhà ngang, má Năm giữ chúng tôi lại không cho đi: "Đồn bót kẹ nó! Đêm nó không dám ra đâu! Mấy thuở bay về đây, cơm nước ngủ nghe lại sức rồi đi đâu thì đi! Má thức canh, gà gáy má gọi..."

Hai đứa nằm ngủ trên bộ ván, khuya tôi sờ qua không rõ Ngồi đi đâu?

Trăng thượng tuần đã lặn. Má gọi dậy. Má đứng canh bên gốc dừa. Cô Bảy Liễu kéo xuống trong ụ ra, bịn rịn một lúc cũng phải từ giã. Rạch Cầu không rộng, bơi vài tay dầm là tới. Tôi bước lên trước thấy cô Bảy Liễu vịn hai be xuống bước theo khi Ngồi giữ mũi xuống. Hai cái bóng đứng giao đầu với nhau. Cô Bảy nhét cái gì vào túi Ngồi. Lại im lặng, đến khi tôi nghe như nửa thương nửa hờn:

- Thôi! Hai anh đi đi!... Em khóc bây giờ!

Chúng tôi ra đến giữa đồng lúa chín, trời hửng sáng dần. Nghe vài tiếng súng từ lô cốt Rạch Cầu bắn theo. Có lẽ trên tháp canh bọn gác thấy bóng người, bắn cầu âu, nhưng đã ngoài tầm đạn rồi, hai đứa đã vào địa phận còn giải phóng của tỉnh Vĩnh Long.

- Sao đi hoài không nói tiếng nào vậy ông nội?

- Nhớ chuyện hồi hôm

- Giữa đêm ông đi đâu mò không thấy?

- Ra ngoài chòi lúa với Bảy Liễu. Má sắp đặt cho đó!

- Vậy đã quá! Còn hơn lên mây! Buồn nỗi gì?

- Thương! Thương á mà!

Đi một khoảng lại thấy Ngói cười một mình.

- Cười cái gì vậy?

- Cười mình ấy mà! Cười cái miệng tía lia này nè! Đến lúc đó, như hai con ếch bắt cặp trần truồng như nhộng rồi, vào cuộc đứt đuôi con nòng nọc rồi, mà cái miệng vẫn chưa chịu kéo da non.

- Vậy mới tình tứ chứ!

- Tình tứ cái nỗi gì. Cái mình đánh nhịp, cái miệng thì hát đơn ca, nào là chẳng lúc nào thôi nhớ em, nào là chung thủy suốt đời, nào là mong ngày hết giặc làm đám cưới, nào là... nào là... nào là... cho đến khi bàn tay trần từ bên dưới đưa lên, đầu ngón bịt cái miệng già mồm lại, biết nàng nói gì không?

- Anh đừng nói nữa! Im đi để mà hưởng...!

Tôi bật cười ha hả? Ngói cũng ha hả cười theo. Tôi cố nén, nhưng cái nẩy bụng cứ giật giật bất cười.

- Vậy là thua rồi, tự nhiên thắng tà đạo, thua đứt đuôi con nòng nọc rồi.

- Cậu nói đúng! Đúng đó! Tình trường oái oăm hơn chiến trường! Lúc ấy có trời giúp cũng không tự nhiên được như lúc lâm vào trận mạc.

- Vậy lúc đó cậu làm sao?

- Thì im đi! Để mà hưởng chó làm sao nữa!

Xuyên qua tỉnh Vĩnh Long: Cái Ngang, Tam Bình, Thầy Phó, Cầu Kỳ, đến bờ Cổ Chiên chỉ ôm bắp dừa bơi qua cù lao là đến Sóc Trăng khu Chín.

Thuận theo tự nhiên của dòng chảy chúng tôi lên trên đầu cùn bơi theo nước xuôi băng qua là đến cù lao Chanh. Đang ôm bắp dừa chồi đập giữa mêh mông trời nước trong đêm thâu, hình như câu chuyện ngày qua chưa chịu thôi, Ngói bơi đến gần tôi, rỉ tai:

- Ê! Đang bơi đừng nói chuyện nghe! Coi chừng sặc nước!...

*

Tháng 10-1952, sau trận hạ đồn Bảy Ngàn bắt sống 95 tù binh và 2 chỉ huy người Pháp, tiểu đoàn 307 về luyện quân ở vùng Huyện Sử, Cà Mau, đóng quân dọc theo Kênh 30 và các kênh ngang từ Kênh 4 đến Kênh 11.

Đại đội trưởng Hưng đang ngồi trong văn phòng nghe dập gót chào.

- Có chuyện gì vậy Ngói!

- Cứu em với thủ trưởng ơi! Thư đây thủ trưởng xem giùm đi. Kỷ luật nặng chừng nào em cũng cam chịu, nhưng chém chạy tội lút đầu, nỡ lòng nào để khổ cho thân phận má hồng?

Ngồi con!

Từ ngày con ra đi, mẹ con má vẫn mạnh khỏe. Má sai em nó viết vài dòng cho con rõ. Con ra đi có gửi lại con thần lẫn cho con Bảy Liễu nó nuôi nên nó mừng lắm nay đã được bảy tháng rồi...

Theo thói quen, gặp phải chuyện gì ông Hưng đều nghiêng đầu nhìn bình thần phớt tỉnh không rõ ông cười hay lo.

- Sao lại nuôi con thần lẫn?

- Tội nghiệp em thủ trưởng! Anh biết quá mà! Em quen cô ấy từ hồi còn ở Khu 8, mình về đóng quân ở Tân Nhuận Đông, thề non hẹn biển chờ ngày chiến thắng trở về sẽ cưới hỏi đàng hoàng chứ nào có dám hó hé gì đâu. Đến khi đi sau với Ba Trắc, tạt ngang qua có một lần.

- Rồi đi lẻ đánh du kích hử! Vậy Ba Trắc có biết chuyện này không?

- Lúc ấy, hấn ngủ như chết, có hay biết trời trăng gì. Em kể lại mới biết!

- Biết mà không báo cáo cũng là đồng lõa.

- Tội em làm em chịu, đâu thể liên lụy đến anh em. Em chỉ xin đơn vị cho em đi phép 15 ngày, em về

nhận lấy trách nhiệm làm chồng làm cha, trọn nghĩa cho cô ấy an lòng, để bắt tích bắt tằm tội lắm...

- Chung thủy quá hả! Nhưng lặn lội lên Khu 8 e khó đấy! thôi cứ an tâm! Để hội ý với Ban chủ huy đã!

Phiên họp hội ý có đông đủ đến cán bộ tiểu đội. Góp ý kiến đánh giặc thì hay, nhưng hệ lụy tình ái đem ra bàn, lính nhìn nhau cười giễu hơn nói.

May mắn có Tiểu đội trưởng Tân Lùn - vợ là cô Nhàn quê ở Lai Vung, Sa Đéc, qua vùng bị chiếm đi bằng xe đò đến Cà Mau và U Minh quá giang xuống ba lá, lên lên xuống xuống thăm chồng thường xuyên cho đỡ nhớ, nên có nhiều kinh nghiệm:

- Ôi! Chuyện này để tôi lo! Cất thêm cho một cái chòi là xong tất, để tôi sai vợ tôi về Tân Nhận Đông liên lạc. Đồng ý thì rước xuống, sẵn ổ đẻ ở gần Trại an dưỡng của tiểu đoàn lo gì thiếu y tá!

Vợ Năm Tân lĩnh sứ mạng đi năm ngày trở về báo tin: “Má mừng lắm, nhưng bảo cận ngày quá, để má lo cho nó sinh nở cho mẹ tròn con vuông, sẽ cho vợ chồng, cha con sum họp”. Má còn gửi cho một bao quít đường, lần sau má gửi cho xoài tượng chấm nước mắm đường. Rồi chuối khô, nem Lai Vung, mặn, nhân, chôm chôm, mùa nào thức ấy như cô Bảy Liễu lúc nào cũng hiện diện.

Cho đến sau trận hạ đồn Hộ Phòng, tiểu đoàn lại về Kinh 30 Trí Phải. Vợ Năm Tân đi trên bờ quàng

dây kéo xuống theo kinh nước lớn, dừng trước nhà tiểu đội đóng quân rêu:

- Ông Ngồi đâu! Ra xem ai đây?

Ai đẩy bông con đứng lên, hấn lao xuống lợi xộn xộn ra tận nơi đón con. Đồng đội trên bờ kinh thấy hấn cười nước mắt chảy quanh. Đàn ông vừa cười vừa khóc coi ngộ lắm. Bộ đội tranh nhau chuyền tay bế cháu. Bé đội chiếc mũ trắng kết ren, khuôn mặt bụ bẫm, đôi môi chúm chím dễ thương, con gái Sa Đéc gạo trắng nước trong xinh phải biết.

- Tên cháu tôi là gì?

- Bà bảo tía là chim Ngồi - con là chim Cường.

Bác Ba Triệu lão nông nhà ở tách biệt đầu xóm, không có bộ đội đóng quân, đồng ý cho mẹ con cô Bảy Liễu tạm trú.

Sáng hôm sau tôi gặp Năm Tân mặt mày tươi rói, chào tôi bằng nụ cười.

- Có gì vui cười vậy?

- Chiều hôm qua ông chủ nhà lụm cụm ra rẫy hạ trâm bầu, đem về chặt khúc vạt nhọn làm bốn cái cọc. Tưởng ông ấy làm gì? Đâu ngờ ông ấy lui cui đem vào đóng cặp vào bốn cái chân chổng lấy dây tre buộc néo cho chắc. Ông già cẩn thận sợ vợ chồng bộ đội trẻ làm sập giường. Sớm dậy ngồi đối diện uống trà với ông mà mắc cỡ muốn chết...

Sấm thêm cho một cái giường rồi còn lo cho một cái chòi. Ông Ba Triệu gọi Ngồi ra bờ kinh chỉ một miếng rẫy giáp ranh: “Miếng rẫy này ủy ban xã chưa phân cho ai. Chú xin đi! Đắp nền cho cô ấy ở đây lảng giềng với tôi! Chú cứ an tâm đi chiến đấu. Con chú là cháu tôi, không phải lo lắng gì cả”.

Một ngày chủ nhật thôi, chỉ huy công trường là ông Hưng đại đội trưởng. Một tiểu đội chống xuống vào rừng U Minh chặt trăm chở về làm cột làm kèo, trung đội A phát cỏ, đánh tranh. Trung đội B lấy đất đắp nền, Trung đội C lên liếp.

Chưa hết nắng chiều lạ gọn ghẽ một nếp nhà lợp tranh, bung vách sậy đan. Một công củ sắn đã bỏ hạt, chuối trồng bờ ranh.

Ngôi nhà nhỏ, một gian hai chái. Một thửa rẫy lấy ngắn nuôi dài, một nụ hoa đầu đời tu oa lớn lên thời bình lửa.

Mô hình hạnh phúc thuở ấy thế thôi.

Ngày 28-10-1999



LÊ ĐÌNH TRƯỜNG

Họ và tên: Lê Quang Trường

Dân tộc: Kinh

Ngày tháng năm sinh: 10.6.1954

Quê quán: Cà Mau

Nghề nghiệp: Làm báo, viết văn

Địa chỉ hiện nay: Thành phố Cà Mau

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Cô gái nhỏ trong cơn bão khô* (1987); *Hơ tay trên ngọn khô* (1993); *Có mưa trên núi* (2004)...

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Truyện ngắn *Khoá thân màu xám* nung nấu đã lâu trong tâm hường người viết, nhưng thể hiện thật khó khăn. Sự phối hợp giữa hai thân thể hoàn mỹ chưa chắc đã sinh ra một tác phẩm hoàn mỹ - điều này mãi mãi là bí ẩn của thượng đế, và cũng chính vì điều này khiến cho con người luôn vươn tới khát vọng của sự hoàn thiện.

Một tác phẩm đã được xuất bản, chỉ một mình độc giả đối diện với tác phẩm, hoàn toàn không có sự hiện diện của tác giả để giải thích. Sự cảm thụ tác phẩm văn học của mỗi độc giả đều khác nhau. Do vậy, thật khó nói khi phải có vài dòng giới thiệu về tác phẩm của chính mình.

KHOẢ THÂN MÀU XÁM

Mười một tuổi. Nó học lớp sáu.

Đứa bé gái ấy thật bình yên. Cái cặp học sinh với những quyển tập đọc, chữ viết đẹp, sạch sẽ. Những quyển truyện tranh chọn lọc. Những buổi tối đi phố cùng với gia đình. Thỉnh thoảng, trong năm, nó đi dự sinh nhật của những đứa bạn cùng lớp. Và những công việc vặt vãnh trong khả năng của nó. Sáng thức dậy sớm, đánh răng, rửa mặt, quét bụi trên bàn, quét phòng, sắp xếp lại sách vở. Ba nó đưa nó đến trường. Mỗi ngày, đến giờ đi học là nó buồn. Mặc dù nó thích học, thích gặp các thầy cô trong trường, thích bay nhảy trong sân trường.

Từ ngày nó chào đời trong căn nhà này, những quán quýt ghì siết của ba mẹ nó bỗng nói lỏng. Ưu tư, sợ hãi luôn phảng phất trên gương mặt của ba mẹ nó. Nhìn dáng vẻ của nó, người ta mơ hồ cảm nhận một bất trắc nào đó chực xảy đến. Nó yếu đuối, mong manh, sương khói. Dường như lúc nào nó cũng chực biến khỏi cõi đời này. Một cơn bạo bệnh. Một tai nạn.

Trong ý nghĩ của ba mẹ nó, đôi lúc, thoáng lướt ngang trong họ một đám mây màu xám.

*

Không biết từ lúc nào, nó cảm thấy chông chênh và trống trải. Càng ngày nó càng cảm nhận rõ ràng, nó thực sự uất hận khi nhìn ngắm ba mẹ nó. Khi có sự hiện diện của hai người, lập tức nó bỏ đi mang theo sự bứt rứt, quạu quọ và bất an. Nó ra vào, tới lui trong nhà, tay nó vụt ném những đồ vật gây ra những tiếng động nhằm lấp đầy sự căm uất mà lúc nào nó cũng cảm thấy nhưng không thể hiện được một cách trọn vẹn. Càng gây tiếng động, thần kinh nó càng căng thẳng. Nó rất gần với trạng thái của kẻ điên, mà nó, vì còn quá nhỏ nên không nhận biết. Nó hoàn toàn không thích trạng thái này. Vì khi trạng thái này xâm lấn, nó không còn hồn nhiên nô giỡn như trước đây nữa. Một câu hỏi luôn luôn ức chế nó. Nó biết rằng, nó sẽ chiến thắng ba mẹ nó một cách tuyệt đẹp, khi nó diễn đạt được câu hỏi ấy. Nhưng chắc ba mẹ nó đau và chua xót lắm. Ba mẹ nó như hai cây cổ thụ che chắn cho nó. Nó liên tưởng đến điều ấy thật rõ ràng khi ba mẹ nó đi công tác để nó lại nhà một mình. Nó phải tự sửa soạn lấy bữa ăn. Đó là những ngày nó bơ vơ, trống trải. Ba nó hiểu trạng thái ấy và luôn bảo nó: “Con phải tập tính điềm tĩnh, không được nóng nảy”. Một hôm, dù hết sức kiềm chế, nhưng nó vẫn buột miệng: “Trong lớp, bạn chửi mình, bạn hiếp đáp

mình, con phải làm sao?”. Ba nó cầm lấy bàn tay của nó – bàn tay lạnh ngắt vì xúc động, ba nó mỉm cười: “À! Con phải cho cô hay”. Nó dồn tới: “Nhưng cô không xử!”. Ba nó ôm nó vào lòng “Bạn nào đánh con? Ba sẽ nói với cô chủ nhiệm”. Nó tỉnh như không: “Thế mà ba bảo con phải độc lập, phải tự giải quyết những vấn đề của mình”. Ba nó im lặng. Nó hả hê, nhưng lòng dạ nó tái xanh. Nó vừa nói, vừa bỏ đi ra chỗ khác như muốn tránh xa ba nó: “Ba khỏi lo! Con sẽ tự giải quyết, không làm phiền ba đâu”. Dường như ba nó không quan tâm lắm về dự định của nó.

Nó nuôi cơn giận suốt một ngày, một đêm. Giận gia đình. Giận đứa bạn cùng lớp. Sáng hôm sau khi vào lớp, nhét cặp vào học bàn, ngay lập tức nó đứng đối diện với đứa bạn trai cao lớn, cứng cáp hơn nó nhiều. Nó dang thẳng tay, tát hết lực vào mặt bạn trong khi đôi mắt nó đã tối mù vì khóc: “Hôm qua sao bạn giấu mặt tập của tôi”. Thằng kia toét miệng cười, chìa má bên kia: “Nè! Đánh nữa đi”. Nó quay mặt khóc tức tưởi. Sụp đổ. Bởi nó sẵn sàng chờ một hai cú đánh trả, nhưng thằng kia đã ào ra sân chơi cùng lũ bạn.

Từ đấy, bắt lực và hằn thù càng thêm theo đuổi nó.

*

Họ đẹp một cách toàn bích.

Người vợ với gương mặt thánh thiện, làn da mịn màng, mềm mại, vóc dáng như một người mẫu. Người chồng cương nghị đầy nam tính. Những đêm trong khu vườn tĩnh lặng, họ khoả thân dưới ánh trăng. Cả hai thân thể: một trắng muốt đầy ma lực, một rám đen dũng mãnh. Dù cả hai đôi mắt đều nhắm nghiền nhưng họ vẫn chiêm ngắm được độ tương phản của hai màu da. Họ nghe mặt đất của khu vườn chuyển động, run rẩy. Từng dòng nhựa co rút dữ dội, phóng thoát lên từng đỉnh của những chiếc lá non. Những đêm họ đi chơi về khuya, vội vã bước vào phòng khách khoá trái cửa lại, gấp rút, lính quýnh trút bỏ y phục. Những buổi sáng trong phòng tắm. Những buổi trưa trên nền gạch. Họ khát thèm nhau rô dại và không bao giờ muốn lơ nghĩ. Những lúc cách xa, hồi ức của họ tràn ngập những động tác của khoái cảm, của những hạnh phúc họ đã trải. Và họ cảm thấy rằng, các hình ảnh ấy quá nhiều, quá dồn dập, những hồi ức của họ không thể nào tái hiện đầy đủ.

Một hôm, người chồng nảy ra ý định, sẽ khắc một vạch trên cây cột để ghi lại dấu tích sau mỗi lần ân ái. Một thời gian dài, những vết gạch vội vã ấy trở nên dày đặc, khít rịt giống như người ta lấy một con dao bằm lên thân cột một cách vội vã. Cả hai, cùng lúc, chợt nhận ra, cụ thể hoá những rung động thâm kín thật là một hành động vô sỉ, nên họ đã kêu thợ đến thay cây cột ấy.

Một đêm, trong khu vườn, người chồng bửa toác cây cột cũ. Từng thanh củi mang dấu tích của ái ân được ném vào lửa. Từng chiếc. Thật chậm. Từng chiếc. Họ hoả thiêu tất cả những đắm say mà trong cơn ngẫu hứng cả hai cùng khắc lên. Bên cạnh ngọn lửa cất cao ấy cùng với tiếng nổ lép bép và âm vang phần phật của lửa, họ cũng đã kiệt lực khi trút cạn cho nhau. Cả hai cùng thiếp đi trên cỏ.

Đám lửa dần lụi tàn.

Kiệt lực, mỗi một, bài hoải khi họ thức dậy gió đã cuốn những tàn tro bám vào những đầu ngọn cỏ đang ướt sương. Tàn tro bay làm bẩn khu vườn của họ. Sáng hôm sau, người vợ dùng chổi quét lướt trên đám cỏ. Những tàn tro rơi xuống, len nấp vào trong cỏ rậm. Mấy hôm sau, nhờ vào những đám mưa lớn, những tàn lửa mới tan vào trong đất. Và cái vòng tròn chỗ đám lửa bắt đầu nảy lên những ngọn cỏ non.

Đối với người vợ, cái vòng tròn ấy thật dị thường. Trong cảm nhận của nàng nó không bao giờ hoà điệu với sắc cỏ chung quanh. Nàng xót xa khi chú ý đến cái vết sẹo, chỗ gốc cây mận. Hôm ấy, gió đàn, áp ngọn lửa làm tiêu huỷ hết một bên vỏ gốc cây mận. Vỏ cây chỗ ấy bị khét đen và bung ra, trơ thân gỗ màu nâu. Lớp vỏ tươi chung quanh vết thương co lại, dày lên, có vẻ như sức sống của cây mận không muốn lan đến để che kín vết thương. Ý nghĩ đó làm nàng nao lòng.

Chính đêm ấy, bằng những cảm nhận hết sức rõ ràng, nàng biết ngay mình đã thụ thai.

Từ dạo ấy, có những đêm nàng cố hoài tưởng những rung động cũ. Thật khó khăn và mơ hồ. Nàng cố gắng tìm kiếm và tái diễn. Nhưng tuyệt nhiên, cái không khí cũ, cái cảm giác cũ không còn nữa. Có nhiều lúc nàng phải tự đóng kịch như một con diêm làm cho chồng nàng vui. Chồng nàng thì vẫn đam mê, cuồng nhiệt. Nàng chợt nhớ lại, kể từ khi thụ thai, nàng không còn sức lực nữa. Dù màu nắng màu mặt ong thật đẹp, nàng cũng cảm thấy nóng nảy. Dù những đêm mưa, trong căn phòng giường chiếu ẩm cúng, tiếng mưa bên ngoài ào ạt, âm thanh dễ dàng, nàng cũng không cảm thấy yên giấc. Nàng cảm thấy như kim châm trên các vùng da thịt. Nàng xa lạ với đời sống. Nàng không còn hãnh diện vì vẻ đẹp thánh thiện của mình. Nàng chỉ quan tâm dò xét tâm trạng và sự biến chuyển cơ thể của chính nàng. Có một cơn sâu róm, mình toả đầy lông trắng rúc vào trong náo nàng, ngộ nguậy, sau đuôi nó thỉnh thoảng xị ra một vệt nước. Nàng muốn phát điên.

Nàng đâm ra thù ghét người đàn ông. Chính anh đã bày ra cái trò khắc dấu vào thân cột. Điên rồ và đại dột. Đó chỉ là một trò chơi, người ta có thể quên đi thật dễ dàng. Nhưng tại sao nàng không thể quên được cái trò chơi ấy. Tại sao? Ý nghĩ như thế nảy sinh trong bao nhiêu người đàn ông. Điều đó thật bí ẩn đối

với nàng. Phải chăng, với người đàn ông khác, là những bí ẩn khác. Không. Không có cái gì khác cả. Nàng tự trả lời. Bao liệt, tật bệnh, tục tằn – tất cả những thứ đó nhằm hành hạ, quăng quật một người đàn bà. Chỉ có thể. Chỉ là những thú tính được trùm kín bởi mảnh vải linh thiêng. Chính họ – đàn ông lẫn đàn bà đều ngợp người trong những mỹ từ ấy suốt cả cuộc đời và họ gọi đó là hạnh phúc. Ô kìa! Phải chăng nàng đã thức tỉnh quá sớm? Hay ngộ nhận quá sớm!

*

Dù muộn hơn, cho đến khi đưa bé ra đời người chồng mới cảm thấy vợ mình đã lãnh cảm. Phần nàng, nàng cố hết sức tự nhủ rằng mình vì quá khát khe, quá tưởng tượng nên đâm ra ngộ nhận tình yêu của chồng. Cho nên, vẫn không gian yêu dấu ngày xưa, vẫn hai thân thể hoàn mỹ ấy này dọ dẫm, lần mò tìm kiếm cái cảm giác tuyệt đỉnh của ngày xưa. Họ thử đi, thử lại hết mọi nơi, mọi góc ngách. Và dù đêm hay ngày, kết quả thật vô vọng. Tất cả, đối với nàng chỉ là thể xác với thể xác. Bóng dáng của sự thăng hoa đã câm nín.

Dần dần, cả hai cùng hướng về một nẻo: Tâm cảm, lòng thương yêu của họ tập trung cho đứa bé. Từ khi ra đời, nó yếu ớt, mong manh. Nó cần sự che chở đến suốt cuộc đời nó. Sự khoái lạc riêng tư – họ nghĩ – đó là một tội lỗi. Cũng may, họ đã thiêu huỷ hết những vết tích mà một thời họ muốn ghi dấu.

Hơn mười năm, họ yên tâm sống trong trạng thái ấy.

*

Đứa bé gái, từ khi nó bước vào lớp sáu, nó bỗng trở nên cô độc, không cần sự quan tâm của ba mẹ nó. Nó chỉ quan tâm mãnh liệt đến bản thân và ý nghĩ của chính nó. Có lẽ, từ lúc lên bốn, vào học mẫu giáo, mỗi khi ba nó rước nó từ lớp học về nhà, mơ hồ nó muốn hỏi ba mẹ nó một câu hết sức quan trọng, nhưng nó không hình dung một cách cặn kẽ câu hỏi ấy. Nó không bao giờ kịp thắc mắc một điều gì, bởi hằng ngày nó có đầy ắp những trò chơi vui thú, ngợp người trong sự chăm sóc thiết tha của ba mẹ nó. Nó cũng không hề hay biết câu hỏi vô hình ấy ngày càng lớn lên trong tâm tưởng nó. Trước đây nó hồn nhiên mê say ngắm cha mẹ nó. Họ đẹp, thông minh sáng láng như hai thiên thần. Những buổi chiều đi phố mua sắm hoặc dạo qua những công viên bao giờ cũng đi cả gia đình. Chưa bao giờ nó chịu đi riêng với ba hoặc với mẹ. Nó là mối dây sống động liên kết hai người. Nhưng giờ đây, nó khước từ mọi cuộc vui có sự hiện diện của ba mẹ. Nó chỉ im lặng lủi thủi ở nhà hoặc đi chơi riêng với bạn.

Buổi sáng hôm ấy, tiết trời lành lạnh. Không khí trong veo. Trong khu vườn nhà có vài chậu hồng đang nụ xinh xắn. Cô bé chuẩn bị đi học, áo dài trắng phất phơ – thật dễ thương và thanh khiết. Nó ghé mắt qua

những nụ hồng. Ba mẹ nó rạng rỡ bước ra. Giọng ba nó thật ấm: “Ba chụp cho con một Pô hình rồi hãy đi học con nhé!” Nó bỗng nghe thót ở tim, lùi xa những chậu hồng, giọng điệu gắt gỏng: “Không”. Một giây, tất cả đều im lặng. Nó cố trấn tĩnh, ôm chiếc cặp căng phồng sách vở, bước về phía ba mẹ. Nó nghiêng nghiêng gương mặt xanh xao với đôi mắt to, đen láy. Nó cố diễn thật đạt vai của một đứa bé hồn nhiên, giọng nó dịu dàng trong như nước suối: “Ba mẹ thật đẹp...” nói đến đó, nó rung lên, quì về phía mẹ nó. Nhưng lập tức, nó đứng thẳng người và ngẩng cao đầu, giọng điệu dữ dằn, nanh nọc: “Tại sao ba với mẹ sinh con không đẹp?”.

Nói xong, nó quăng chiếc cặp và thoát đi. Nó chạy nhanh ra cổng, vạt áo dài tung bay. Nó muốn cất cao lên, biến mất vào khoảng không. Nhưng bước chân của nó rồi loạn lảo đảo, vấp vấp chực nhào xuống đất. Một bên vai nó, ống tay áo dài rỗng phất phơ, xoắn xuýt trong gió. Cánh tay còn lại đang vẫy đập dữ dội, bạo liệt. Nó té nhào xuống sân. Trong cơn tuyệt vọng và xấu hổ, nó lết đi, muốn nhủi trốn vào một nơi nào đó, giấu biệt chiếc cánh gãy bầm sinh.

Trại viết Vũng Tàu, ngày 25-4-2004



BÃO VŨ

Họ và tên: **Bão Vũ**

Ngày tháng năm sinh: 5.10.1942

Quê quán: Lý Nhân, Hà Nam

Nghề nghiệp: Kiến trúc sư, nhà văn

Địa chỉ hiện nay: Phan Bội Châu, Hải Phòng

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Truyện ngắn: *Cánh đồng mơ mộng; Biển nổi giận; Mây núi Thái hàng; Hoang đường...*

Các giải thưởng văn học: Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2001. Giải thưởng báo Văn nghệ 1998 - 2000 - 2003.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Truyện ngắn này in lần đầu tiên trên báo Văn nghệ. Một số độc giả viết thư gửi báo Văn nghệ cho biết rất xúc động và đã cùng nhau trao đổi về truyện ngắn này. Nhiều *Tuyển tập truyện ngắn hay* và nhiều trang Website trên mạng Internet đã in truyện này. Tôi chọn tác phẩm này vì đó là một trong những truyện tôi viết với cảm xúc chân thực nhất. Một số bạn văn khi đọc truyện này cũng nhận thấy thế. Tôi đã sống trong không khí của truyện này của những năm sau giải phóng miền Nam. Đề tài về hậu chiến tranh luôn hấp dẫn người viết và người đọc. Tôi nhớ một câu nói của ai đó: "Sau những cuộc chiến tranh, phụ nữ luôn là người bất hạnh, luôn là *kẻ thua trận*". Tôi đang viết cuốn tiểu thuyết có cùng tên, trong đó tôi sẽ viết ra những gì mà truyện ngắn này chưa thể hiện.

VẾT THƯƠNG TRONG KHÔNG GIAN

Tôi, cao mét bảy sáu, ria rậm, tóc dài buộc túm đuôi gà, giọng khàn, có thể cởi trần với chiếc quần bó chèn mà không hổ thẹn. Tôi, với cây ghi-ta, có thể lên gân toàn thân, sô lô tới năm phút khiến khán giả nín thở, phó thác linh hồn để mặc tôi dẫn dắt đi tới tận cùng trời cuối đất. Và khi kết thúc trường đoạn “quỷ khiếp thần kinh” đó bằng một hợp âm chất chúa cùng tiếng hú rung chuyển núi rừng của người Bana, tôi đứng dạng chân hiên ngang, tay giơ miêng mê-đi-a-to (*) lên như anh chàng Đancô giờ cao trái tim bốc cháy của mình, khuôn mặt đại đi đau đớn, đón nhận tiếng gào thét của người hâm mộ. Tiếng gào thét như một cơn sóng thần tung tôi tới tột đỉnh vinh quang.

Anh nhăn mặt ư? Ô, cái nghiệp nó thế. Lang thang, gào thét quên đời. Hưởng cả niềm vui nỗi buồn trong những chuyến lưu diễn. Ai đó cứ thử vào nghề của tôi mà xem; gọi là ma nhập, đồng ộp, là vị thần có cánh hoặc con quỷ có đuôi... gì gì cũng được, chỉ trừ là mình. Đúng không còn là mình nữa.

Tôi thích lang thang. Có lẽ vì tôi được sinh ra trên một con thuyền trong chuyến tản cư về quê ngoại bằng đò dọc. Có lẽ vì tôi đeo nghiệp sưng ca. Có lẽ... vì nhiều lý do nào khác nữa mà tôi chưa biết đến. Nhưng tôi biết rất rõ rằng vì lang thang mà tôi đã nếm trải đủ chuyện tức cười và những điều buồn phiền trong các chuyến đi.

Mùa đông năm 1983. Trong chuyến về từ Praha, ở sân bay, tôi gặp gã bạn thân là vận động viên môn vật; một gã cơ bắp, mặt mũi lúc nào cũng lừ đừ như muốn túm cổ áo người ta giằng giật rồi ngáng chân... Hắn mặc blu-dông da, ngoài khoác chiếc măng-tô cũng bằng da, tay xách ca-táp to, vai đeo mấy cái túi như đồ nghề của phóng viên, túi nào cũng nhồi tròn cứng, dây đeo căng muốn đứt. Tôi vỗ vào bộ ngực đầy sắt thép của hắn thăm dò. Hắn ngừng nhai kẹo cao su nói khề, ra vẻ tự hào:

- Xích, lép, bi, moay-ơ, lưỡi cưa thép... hai áo da nữa! Chịu chưa?

Cả một gia tài! Hắn đã lên gồng cái thân xác to vật, mang tới hơn ba mươi cân mà đi đứng vẫn ra vẻ nhàn nhã, mặt mũi hả hê với cuộc hành xác tự nguyện. Tôi cũng vậy. Ở phòng chờ, tôi đã phải lê những bước nặng nề, tay chân cứng đờ như một rô-bốt. Thời đó, hàng hoá ở trong nước khan hiếm đến nỗi hầu như tất cả mọi người, nếu có dịp, đều biến những cuộc đi nước ngoài thành những cú apphe. Cho

dù bạn ở địa vị rất đáng kính nào đó thì cũng phải tìm mọi cách đem ra nước ngoài hoặc đem về nước mình những thứ hàng hóa rất kì cục đối với người ta và cách mang đi mang về những thứ hàng đó cũng rất kỳ quặc.

Dù thế, tôi vẫn thích lang thang.

Bây giờ, ta có thể đi nước ngoài với chiếc vali nhỏ đựng vài bộ quần áo, tập thơ mỏng; ít đô đủ để ném những loại rượu ngon, *puộc-bơ* cho các cô phục vụ và vài thứ *xú-vơ-nia*. Trong phòng chờ ở sân bay, ta có thể ngả người trên ghế mềm, mắt nhắm đưa nhìn những cô đầm trẻ mặc váy ngắn, tưởng tượng ra những điều thú vị; miệng khẽ huýt sáo giai điệu một bài hát nào đó. Và ta không cần biết dây *mai-so*, nôi áp suất, bi xe đạp,... là gì. Tôi đã tận hưởng cái hạnh phúc ấy trong chuyến đi Tiệp Khắc theo đoàn ca nhạc tạp kỹ, của một chương trình giao lưu văn hóa gần đây.

Vì thế, tôi càng thích lang thang.

Nhưng không phải tôi thích lang thang chỉ vì những niềm vui tôi đã gặp trong những chuyến đi như đã kể ở trên. Mà sau này tôi đi lang thang còn vì một hy vọng rằng tôi sẽ được gặp em. Tôi tin lý thuyết xác suất, và trái đất là hình tròn, như người ta vẫn nói. Nếu gặp lại Em lần nữa, tôi sẽ rẽ cuộc đời mình sang một hướng khác, dù hoàn cảnh có như thế nào đi chăng nữa.

Chuyến về từ Praha hôm đó, qua màn bụi trắng lạnh giá ngoài cửa sổ máy bay, tôi thấy trên cây cầu vượt vắng tanh bên nhà ga, một bóng người nhoè nhoẹt trong gió tuyết. Tôi nhìn bằng cảm giác và mơ hồ khuôn mặt quen thuộc. Tim tôi thất lại. Đến phút chót em mới đến sân bay. Em đến chỉ để nhìn theo chiếc máy bay mang theo tôi đi. Và em nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ biết có cuộc tiễn đưa ấy. Nhưng tôi đã nhìn thấy em bằng linh cảm. Tôi chỉ muốn nhào ra khỏi máy bay, vút lại tất cả mọi thứ xích, lép, bi, dũa, vải vóc... để ở lại với em. Nhưng không thể như thế được. Sẽ có bao nhiêu chuyện rắc rối nếu tôi thực hiện ý định ấy.

Khi đêm xuống, máy bay cất cánh. Gió mạnh từng cơn dồn cuốn màn tuyết dày trên quảng trường thành hình một con thú lớn lông trắng đang vật vờ vì đau đớn. Tôi vẫn thấy mơ hồ cái bóng nhoè nhoẹt xiêu vẹo ấy trên cây cầu vượt với bộ váy áo màu đỏ sẫm như một vết thương trên mình con thú tuyết khổng lồ kia. Cái bóng nhỏ nhoi trợ trợ tội nghiệp.

Máy bay lấy dần độ cao vượt thoát cơn gió tuyết. Tôi nhìn một lần nữa xuống kinh thành Praha cổ kính trong đêm với bạt ngàn đèn điện trên những đại lộ, dọc bờ sông Vltava, trải khắp ngọn đồi Strahôp, lóng lánh đủ loại màu sắc kỳ ảo của ngọc bích, kim cương... và trong đám châu báu ấy có em – Viên ngọc cô đơn bất hạnh của tôi.

Em tên là Ngọc, Nguyễn Hồng Ngọc.

Thế là chuyến đến Tiệp Khắc lần thứ hai này, suốt thời gian ở Praha, tôi không thể thư thái như đã tưởng. Nỗi buồn nặng trĩu như trọng lượng những thứ hàng hoá linh tinh mà tôi và gã đồ vật đã cố đeo mang theo trên người trong chuyến bay ngày ấy.

Mà thực ra những năm qua, có bao giờ tôi quên em. Ngay cả những lúc gào thét trên sân khấu những bài hát về quê hương nắng gió, giông bão; đắm mình trong dòng thác ánh sáng và âm thanh hỗn loạn; ngay cả những lúc uống bậy “ly cốc-tai tình ái” với một cô bé vũ công trong đoàn, hay với một nữ khán giả ái mộ cuồng nhiệt, tôi vẫn nhớ đến em.

*

*“Hẹn gặp ở quán **Lính hầu Biba** lúc 6h giờ tối”.* Đó là câu quảng cáo gắn trước cửa ra vào, in trên miếng bìa tròn lót vai bia, nhấp nháy trên mặt đứng của cái hầm rượu nổi tiếng Praha. “Có thể không biết Praha, nhưng không thể biết quán Biba”. Có người đã nói thế, dĩ nhiên đó một là tửu đồ.

Lần đến Tiệp trước ấy, ở quán Biba, tôi đã được hưởng không khí của thời trung cổ trong một hầm rượu Châu Âu. Những bức tường dày bả vữa một cách cầu thả, ám khói, đầy những hình vẽ của những gã lính say rượu không hề học hội hoạ: trái tim bị xuyên thủng, tiên cá, thuyền buồm cổ, đại bàng...và những vết bẩn do những cốc rượu bị ném vỡ trong những cuộc ẩu đả, xen những dòng chữ nguệch ngoạc

viết bằng bút chì, phấn màu, son môi... với các thứ tiếng. Dưới ánh sáng chập chờn của những ngọn nến, tôi tìm thấy một dòng tiếng Pháp: *"Anh không biết ngày mai sẽ ra sao. Vậy thì hôm nay hãy uống say đi!"* và: *"Ta, tướng cướp Duyboa, đã say mềm ở đây sau khi đánh chìm hạm đội của vua Phécđinăng đệ ngũ"*. Rất ấn tượng và gợi cảm. Nhưng chẳng ai hoài hơi lục tìm trong lịch sử một gã cướp biển Duyboa hay ông Phécđinăng đệ ngũ, vì đó chỉ là những hình vẽ trang trí của mấy tay hoạ sỹ thời nay.

Như những quán rượu cổ, Biba có các ca công mua vui tại bàn. Bỗng nhiên ở một góc phòng, lửa bùng lên. Lính cứu hoả chạy rầm rập. Khách nhón nháo. Sau mới hiểu, mấy tay đầu bếp đầu đội mũ lính đầu rồng trình diễn hài kịch "Lửa cháy đổ dầu thêm" để quay chín một con thỏ bằng rượu mạnh, ngay trước mặt khách.

Tôi không mấy hào hứng vì những trò như thế, cho đến khi một nhạc công mang phong cầm xuất hiện chơi một giai điệu phóng khoáng, lôi cuốn. Theo sau là cô gái tóc đen buông xoã, lông mày kẻ đậm, da hơi sẫm màu, tai đeo vòng, mặc váy dài nhiều nếp màu đỏ đậm. Tôi huých khế người bạn cùng đoàn:

Nhìn kỹ đi! Digan bằng xương bằng thịt đấy, những nghệ sỹ giang hồ lừng danh. Những kẻ bị chúa đoạ đầy suốt đời lang thang, bị xua đuổi khắp nơi, nhưng lại được Người ban cho những tài năng phi thường bẩm sinh. Những con người duy nhất biết

nhào trộn niềm vui với khổ đau thành một thứ bánh thánh để nuôi dưỡng thể xác và tâm hồn. Những kẻ...

Tôi chợt ngừng bật đoạn độc thoại ngẫu hứng khi cô gái mà tôi cho là Digan ấy cất tiếng hát lạnh lạnh:

“Dạt trôi khắp nơi...

Đời gió cuốn theo cát bụi và tôi

Không có gì ở cuối trời

Để chờ tôi

Không có ai ở cuối trời

Để đợi tôi

Dạt trôi khắp nơi...”

Trời ơi, cô gái hát tiếng Việt bài “Khúc hát giang hồ”, bài hát mà ngày xưa tôi đã chép tặng em! Đó là Ngọc. Tại sao lại như thế này? Tôi muốn kêu to lên gọi tên em. Nhưng tôi kịp nhớ ra rằng tôi có thể bị cảnh sát bắt về tôi uống say, gây rối, nếu như tôi gạt đám đông đang bùng bùng bia rượu vỗ tay theo nhịp hát kia; để lao đến bên Ngọc, xiết chặt lấy em.

Ngọc hai tay chống nạnh, lắc hông, dung đưa đôi vai, nện đế giày sập sập xuống sàn gỗ; khuỷu tay, ngón tay gõ liên hồi một cách tài tình vào những mặt bàn, lưng ghế dọc đường nhảy. Những đồ trang sức trên người em lóng lánh. Mắt em rực sáng, cổ vươn cao, nét mặt đượm buồn nhưng kiêu hãnh, thách

thức. Bài hát với giai điệu u trầm huyền hoặc, gợi ra hình ảnh những bóng người bơ phờ mệt mỏi, cúi rạp mình ngược gió, lê bước trên thảo nguyên trơ trụi vô tận, như tôi đã từng miêu tả để gợi cảm hứng cho em tập bài hát này.

Ngọc hát và nhảy múa mạnh mẽ như tức giận điều gì đó, lại như đang bị săn đuổi, cuồng cuồng chạy trốn đến tuyệt vọng. Một kiểu nhảy lạ kỳ, giống điệu clakét nhưng náo động hơn, khiến cho đoạn cuối bài hát, cả quán rượu ào lên những tiếng dậm chân, vỗ tay.

Tiếng hát chợt dừng bật cùng lúc với tiếng phong cầm. Con lốc cát bụi mù mịt thảo nguyên đã ngừng đột ngột, và một khóm hoa rực lửa bỗng hiện ra: Ngọc với bộ váy áo đỏ, đứng lặng giữa chùng một tư thế múa, tay giơ cao chiếc khăn mỏng màu lửa. Động tác của tôi ngày xưa, của chàng Đancô vừa mọc trái tim bốc cháy trong lồng ngực của mình ra làm ngọn đuốc.

Tôi như trong cơn mơ, xô đến bên Ngọc, nắm lấy tay em:

- Ngọc! Sao em lại ở đây?

Ngọc đứng chết lặng, vẻ mặt diễn cảm cho bài hát và điệu nhảy vụt biến nhanh chóng. Ngọc trở lại là em ngày xưa, buồn và kiêu kì.

*

Giữa năm 1976, đoàn nhạc quân đội của chúng tôi biểu diễn ở Sài Gòn. Thành phố mới giải phóng được một năm. Từ những thùng loa bay la liệt trên các hè phố vang lên những lời ca buồn lê thê như là các ca sỹ vừa hát vừa khóc. Cả những bài lính chiến hùng hổ kiểu phường tuồng nữa. Mới nghe thấy lạ tai hay hay, sau nhàm, phát bực mình, sốt ruột. Ấy là tự nhiên thế, chứ chẳng phải do được giáo dục tư tưởng gì. Đoàn chúng tôi đã hát những bài ca cách mạng và những bài hát ngoại quốc với giai điệu sáng khoái.

Một đêm, chúng tôi hát ngoài trời. Đêm phương Nam như huyền bí, không khí thoảng nồng hăng, ngai ngái như chất men gây hứng khởi. Đến lượt mình, tôi hát và tự đệm ghita. Một cậu bé phụ họa bằng bộ trống của Mỹ mới sắm có cường độ âm rất mạnh, ở những đoạn ca trào nghe dữ dội như chớp giạt, núi lở.

Khán giả thoát đầu tỏ thái độ thăm dò, nghi rằng chúng tôi chỉ hát những bài “tiên lên”, “xốc tới”... sau họ ngạc nhiên khi thấy chúng tôi hát tình ca và những bài hát quốc tế kinh điển. Đến bài “Khúc hát giang hồ”, bài hát như dành riêng cho chất giọng của tôi, lần đầu tiên trong đời ca sỹ, tôi biết đến sự hâm mộ cuồng nhiệt đúng nghĩa. Đám thanh niên hét gọi tên tôi, yêu cầu hát lại.

Một cô gái mặc áo dài đỏ rực len qua đám đông dày đặc chạy lên sân khấu, dúi vào tay tôi bó hoa nát tươm vì chen lấn. Và cô gái mắt ướt đầm đã vít cổ tôi,

hôn tới tấp khắp mặt tôi. Tôi kịp nhận ra cô có nước da bánh mật, đôi môi mỏng, sống mũi cao và cặp mắt buồn nhưng có vẻ kiêu hãnh, thách thức. Tôi đã tuyên bố với các đồng nghiệp rằng sẽ suốt đời không rửa mặt, để mãi mãi lưu giữ những vệt nước mắt và những vệt môi son của cô gái đã ái mộ tôi hết mình.

Khi tìm được nhà ông chú ruột, tôi gặp lại chính cô gái ấy. Đó là Ngọc, con riêng người vợ sau của chú tôi. Ngọc cũng là ca sĩ. Một nữ ca sĩ của những phòng trà, đang chờ nổi tiếng như Khánh Ly. Tôi hãnh diện thông báo điều đó với các đồng nghiệp và vênh vang:

- Được một ca sĩ xúc động phát khóc khi nghe ta hát là một thành công lớn nhân đôi. Các người hãy cố gắng để gần được như tôi.

- Trái lại, ca sĩ đó khóc thương cho một bài ca rất hay đã bị một tên thợ hát hạng bét tàn phá. -
Thằng cha chơi trống muốn làm tôi cụt hứng.

Nhưng rồi sau đó tôi thực sự hoang mang, nghĩ rằng hình như tay đánh trống đã nói đúng. Ngọc không hề tỏ ra có cảm tình với tôi, thậm chí còn như căm ghét khi nhìn thấy tôi. Có lẽ sự ái mộ nồng nhiệt đêm ấy là phản ứng bất thường, một dạng *stress* ở những cô gái mới lớn? Có điều khôn khổ cho tôi là chính sự nồng nhiệt ngẫu hứng của Ngọc đêm ấy đã lấy mất hồn tôi.

Thằng Hùng, con vợ cả của chú tôi, cũng gườm gườm nhìn tôi thù ghét. Nó là một gã cảnh sát đã

chiến mới đi học tập cải tạo về. Thăng trẻ con ấy nghĩ rằng mình là kẻ bất đắc chí, kiểu những nhà văn bị kịch trong những cuốn tiểu thuyết tâm lý xã hội bán hàng đông ngoài vỉa hè. Tôi điên tiết, đã mấy lần muốn cho nó một trận nhưng rồi phải cố nhịn.

Ông chú tôi, một nhạc sỹ chuyên sáng tác tình khúc *môđen tiền chiến* và là người theo thuyết vô vi, coi nhẹ mọi chuyện trên đời, đã nói với tôi:

- Con đừng chấp. Chúng nó bị nhồi sọ từ bé những điều về Việt cộng. Thăng Hùng tuy thuộc bộ máy công lực bảo vệ đô thành Sài Gòn, nhưng chỉ là thằng nhãi cầm súng nhựa chạy theo một gánh hát, chứ bắn giết gì được ai, lý tưởng lý tung gì đâu! Còn con Ngọc có ba để là thiếu tá không quân tử trận ở Khe Sanh, một tai nạn binh nghiệp, như mọi tai nạn nghề nghiệp khác. Nhưng hai đứa dị ứng với bộ đồ quân giải phóng của mày. Thì cũng như bệnh sỏi của trẻ con ấy, sẽ khỏi thôi. Chúng nó vẫn là “em út” của mày.

Tôi thấy yên tâm. Tuy nhiên tôi cũng tìm cách nói chuyện với Ngọc:

- Em nhìn kỹ xem anh có hung ác như áp phích của bọn tâm lý chiến không? Nếu em muốn nghe, anh có thể hát bằng tâm hồn bài ruột của Envit Preslây, hay những bài gạo của ABBA... Em trai của anh cũng hy sinh ở Khe Sanh. Cô ruột anh chết vì bom Mỹ khi đang cấy lúa trên đồng, để lại những

đưa em anh bơ vơ. Bố anh là liệt sỹ hồi “chín năm”. Anh không bao giờ quên. Nhưng những chuyện ấy đã qua rồi. Còn nhiều việc phải làm hơn là thù hận.

- Còn mày - Tôi nói với Hùng cũng đứng đó - Những người chết mà tao vừa nói ấy cũng là ruột thịt của mày. Bây giờ, anh em ruột không phải tiếp tục nhằm bắn vào nhau, mày còn khó chịu gì nữa?

Có lẽ tôi là một giảng viên kém, nên bài tẩy não ấy không mấy kết quả. Ngọc và Hùng vẫn giữ thái độ lạnh nhạt với tôi. Còn tôi thì mỗi ngày lại tìm thấy một điều đáng yêu ở Ngọc. Cô am hiểu sâu sắc về âm nhạc và văn học, tính tình mạnh mẽ, có bản lĩnh.

Bà mẹ Ngọc là một diễn viên cải lương có tiếng, ảnh hưởng tốt đến Ngọc, Bà rất tâm đầu ý hợp với ông chú nhạc sỹ của tôi. Nhưng hai ông bà không có con chung.

Những ngày ấy cuộc sống khó khăn lắm. Chú tôi đã phôtô những bản nhạc tiền chiến và đem những sách lý thuyết âm nhạc, tiểu thuyết cũ để bà vợ trộn lẫn với các loại sách bói toán tướng số, truyện võ hiệp bán ở vỉa hè. Ngọc giúp má bán hàng, thỉnh thoảng tham dự nhạc hội thanh niên với những bài hát mới. Hùng suốt ngày ra quán gặp bạn cùng cảnh ngộ, uống rượu. Tôi đem tiền lương và tiêu chuẩn thực phẩm của mình về phụ thêm với gia đình chú tôi.

Nhưng Ngọc đã coi tôi như một kẻ xâm lược. Một lần, tôi đang nằm đọc “chương” Kim Dung, cô bước vào phòng với vẻ lễ phép cường điệu như muốn chọc tức tôi:

- Thưa ông sĩ quan giải phóng. Dượng con mời ông xuống dùng bữa trưa.

Tôi phản ứng theo nghề nghiệp biểu diễn của mình, ngồi bật dậy, cất giọng hách dịch:

- Tốt lắm! Cô em hãy đem thức ăn lên đây và đứng bên hầu rượu. Nhanh lên, đừng để ta nổi giận!

Ngọc chạy xuống gác. Lát sau tôi nghe thấy dưới nhà tiếng cười rộ của chú tôi và má của Ngọc.

Rồi quan hệ giữa chúng tôi cũng được cải thiện. Một sớm chủ nhật, tôi về nhà ông chú sau vài tuần đi biểu diễn xa. Ngọc đón tôi vui vẻ khác thường:

- Em mong anh Hai về để cảm ơn đây.

- Chuyện chi kỳ vậy, Út? - Tôi bắt chước giọng Sài Gòn - Khi không lại cảm ơn. Út không đặt bẫy *qua* đây chứ?

- Lại còn ra vẻ coi như không biết gì. Mà anh đừng nhại giọng Nam Bộ. Tụi con gái chúng em lại thích nghe giọng Bắc kỳ.

- Được, thì nói giọng Bắc. Nhưng Ngọc cảm ơn anh vì cái gì?

- Vì tập nhạc chép tay rất đẹp anh tặng em. Có nhiều bài em thích lắm.

Tôi gõ trán:

- Có điều gì làm lẫn chẳng. Đúng là anh có bỏ quên tập nhạc ở đâu đó.

- Bỏ quên trong ngăn kéo bàn viết của em. Quên đã viết những câu bên lề bài ca “Khúc hát giang hồ” rằng “Anh sẽ suốt đời đem theo những vết môi hôn và những giọt nước mắt nhiệt thành của em”! - Ngọc cảm động nói.

- Thôi được rồi. Anh xin chịu tội, nếu như chuyện đó làm em bức mình.

Ngọc im lặng. Tôi chờ câu nói: “Không. Em không bức mình, mà ngược lại...” Nhưng Ngọc không nói câu đó và không nói gì hết. Cô chậm chạp bước lên gác.

Chiều hôm ấy, Ngọc nhờ tôi giúp thể hiện bài hát gây xúc động cho cô trong cái đêm ấn tượng nhất đời ca sĩ của tôi.

Như nhiều ca sĩ Sài Gòn cũ, Ngọc bị ảnh hưởng nặng lối hát thảm thiết cố định dành cho mọi bài hát có giai điệu buồn. Cũng giống lối diễn xuất quá tự nhiên thành thạo của các diễn viên cải lương nhà nghề.

- Em đừng hát theo cách buồn bã đơn điệu như thế. - Tôi nói với Ngọc - Hãy hình dung ra những

người Digan mệt mỏi bơ phờ, khép chặt vạt áo choàng, cúi rạp mình ngược gió, lê những bước chân lưu đày trên thảo nguyên trơ trụi vô tận. Hãy tưởng tượng rằng em ở trong đám người đó. Em đau đớn và kiêu hãnh vì được ở trong số những người bị Chúa trừng phạt phải suốt đời lang thang, nhưng lại được Chúa ban cho những khả năng kỳ diệu. Vì chính nỗi khổ đau cay cực đã nuôi dưỡng những tài năng. Đó là sự an ủi của đẳng tối cao đối với những số phận bất hạnh. Em hãy hát như những người Digan hát bài ca dành cho họ.

Ngọc lặng nghe, nét mặt cô bỗng trở nên u uất hoang dại và kiêu hãnh. Rồi cô hát, cặp mắt ươn, tiếng hát từ trong ức phát ra, tự nhiên như lời hát của những ca sĩ đồng quê phương Tây:

“Đạt trôi khắp nơi...

Đời gió cuốn theo cát bụi và tôi...”

Tôi không dùng tới chiếc pianô của ông chú, để thấy rõ chất giọng và tình cảm của Ngọc. Cô hát như tự sự về số phận cay đắng của mình. Da diết và khắc khoải. Khác với cách biểu hiện sự cuồng nộ của tôi khi trình bày bài hát này.

Ngọc hát xong, tôi lặng người đi một lúc, sau mới xúc động khẽ nói với Ngọc rằng ngay cả I-ma-xu-mắc, nữ ca sĩ da đỏ nổi tiếng của Mỹ cũng không thể hát hay hơn em.

Ngọc sung sướng bảo tôi:

- Giải phóng quân mà cũng biết nịnh đầm!

- Anh đã bị mất hồn từ lúc em tặng hoa cho anh
- Tôi nói - Bắt đầu từ một rung động nghệ sĩ tức thời, sau đây là sự đồng điệu về tâm hồn. Anh tin như thế.

Ngọc không nói gì. Mà cần gì phải nói khi đôi mắt đã biểu hiện tất cả. Chúng tôi hôn nhau, không phải cái hôn trên sân khấu hôm nọ.

Nhưng, có một bức rào ngăn vô hình giữa chúng tôi. Và tôi nhìn rõ bức rào ấy.

Trước khi chuyển sang Đoàn Ca nhạc quân giải phóng, tôi ở một đơn vị pháo phòng không và đã tham dự trận Khe Sanh nổi tiếng. Khẩu đội của tôi đã hạ tại chỗ một trực thăng HU-1A và bắn trọng thương một phản lực cơ F4H. Chiếc máy bay ấy, sau cũng rơi ở khu rừng gần đó. Thăng em tôi ở bộ phận quân y giải phóng đã chết vì rôcket bắn từ máy bay đối phương. Có thể chính quả rôcket ở máy bay của ba Ngọc đã giết chết em trai tôi? Có thể chiếc máy bay mà ba Ngọc lái đã tan tành vì đạn pháo của tôi? Tôi sợ những chuyện dù thuộc về quá khứ ấy sẽ như quả bom nằm sâu trong quên lãng, có dịp vẫn có thể phát nổ.

Rồi một chuyện đã đến thật bất ngờ.

Một tối, Hùng rủ tôi ra quán cà phê. Cuối cùng thì cũng có sự thay đổi đáng mừng cho tình huynh đệ của chúng tôi. Tôi nghĩ thế và thân mật bảo thằng

em: “Lẽ ra anh em mình phải đi nhậu tay đôi một bữa, nếu như mày nói sớm với anh. Tao đủ tiền bao mày tới bến”. Nó im lặng một cách khó hiểu cho đến khi chúng tôi ngồi ở một góc vườn ít ánh điện. Tôi nói với Hùng:

- Không biết nói thế này có vô chính trị không, chứ tao với mày “Cộng sản, Quốc gia” gì thì cũng là anh em ruột thịt. Đúng không? Như vậy ông già sẽ không còn buồn về chuyện thế sự nữa.

- Vứt mẹ nó chuyện chính trị đi! Tôi muốn nói với anh về một chuyện khác. - Hùng bỗng dưng nổi đóa, dằn mạnh tách cà phê, khiến tôi sững sốt. Nó thở hắt ra - Chuyện Ngọc!

Tôi lờ mờ hiểu. Và thằng em tôi đã nói với giọng cay độc:

- Anh cứ làm những gì mà kẻ thắng trận muốn làm, thậm chí anh có thể chiếm cả cái nhà mà ông già tôi có ý định chia đôi cho tôi và anh, nhưng... Ngọc là của tôi!... Anh đừng có giở trò đầu hót. Tôi nói để anh biết, tôi và Ngọc sẽ vượt biên. Còn lại tất cả là của anh. Chúng tôi sẽ vượt biên, vượt biên...

Hùng nói to như quát, làm tôi hốt hoảng:

- Câm mồm đi, thằng khùng! Chuyện vượt biên mà mày sủa ầm lên như chó ấy! - Nhà tôi gồm những người dễ nổi nóng. Nhưng thực ra tôi đâu có nổi nóng. Tôi choáng váng như bị nện một gậy vào đầu.

Chúng tôi ngồi im lặng một lúc lâu. Hùng rít đèn sáng rực đầu điều thuốc lá, soi rõ khuôn mặt khổ sở đanh lại như sắt. Rồi nó nói, giọng khác hẳn:

- Anh Hai ơi, em xin anh. Em thương Ngọc từ khi em đi học tập cải tạo. Ngọc đến thăm nuôi, săn sóc em như má, như chị, như vợ. Lúc đó em mới thấy mình chẳng còn gì cả, chỉ có Ngọc. Ngọc là tất cả đối với em. Bây giờ anh để yên cho chúng em đi.

- Tao đâu có biết được đó. Được rồi. Mà yên khỏi lo về Ngọc. Cả chuyện nhà cửa nữa. Ngay ngày mai tao về đoàn ở. Tháng sau đoàn ra ngoài Bắc, rồi đi nước ngoài. Mà và Ngọc việc gì phải bỏ hai ông bà già đi đâu cho cực? - Tôi nói ra về một ông anh độ lượng, cao thượng. Nhưng tim tôi lại gào lên câu hỏi: "Mày nói là mày thương Ngọc. Thế còn Ngọc? Hay là cô ta chỉ coi đó là tình anh em? Hai đứa ở một nhà từ bé, như ruột thịt, với những chuyện thông tục thường nhật, dễ gì đổi thành tình yêu!".

- Anh cứ để mặc chúng em. Chỉ cần thỉnh thoảng anh thăm nom hai ông bà già cho chúng em. Em cầu xin anh Hai đấy. Em không bao giờ nghĩ rằng anh hai lại phá em, nên mới có cuộc nói chuyện này.

Tôi còn có thể nói gì được nữa?

Hôm sau, tôi nói với mọi người rằng đoàn chúng tôi được lệnh chiều nay đi công tác miền Trung rồi ra Bắc. Hùng hơn hở như một đứa trẻ được chiều theo

ý muốn. Ông chú đang uống rượu, đã lơ mơ, gật gù bảo tôi:

- Con cứ đi. Đòi trai giang hồ, chí lớn bình thiên hạ. Cứ đi đi!... Ồ, mà chí lớn chí bé gì chúng mày. - Cái thuyết vô vi của ông lại trôi dạt - Kỳ này xong ba cái vụ hát xướng rồi chuyển vào đây. Tao với thím về Sóc Trăng. Nhà này một nửa là của mày. Chú cưới vợ cho, rồi cấp vốn để mày mở cửa hàng băng đĩa nhạc. Tao đã hứa với vong hồn ba mày là tao sẽ lo mấy chuyện vặt đó cho mày.

Ngọc lặng lẽ giúp tôi thu dọn hành lý.

- Anh hai. Sự thật là thế nào? - Ngọc hỏi tôi. Linh tính của một người đang yêu đã mách cô biết có điều gì không bình thường. Tôi nhìn vào mắt Ngọc và hiểu được cô sẵn sàng đi cùng tôi với cuộc sống lang thang ca hát. Nhưng Hùng là em trai tôi, nó đang vô vọng.

- Không có gì đặc biệt cả! - Tôi cười, đeo cái túi du lịch lên vai rồi cung tay chào Ngọc theo kiểu “chưởng” - *Hiền muội*, hãy bảo trọng! Hẹn tái ngộ.

Tôi đã rời khỏi nhà ông chú như chạy trốn một sự phiền toái.

Ra Bắc ít lâu, tôi được ông chú báo tin Hùng và Ngọc đã vượt biên. Tôi thấy có điều gì đó giống như sự thanh thản. Nhưng cũng từ đó tôi chọn hát những bài hát về lửa, về những cơn giông bão và về vùng cao nguyên khô cằn khắc nghiệt.

Tôi nhanh chóng nổi danh trên các sân khấu ca nhạc. Tôi được đề bạt chức phó đoàn trưởng, vì thành tích chiến đấu, công tác; vì lý lịch trong sạch nữa.

*

Bây giờ, tôi đang ngồi với Ngọc trong quán rượu “lính hầu Biba”.

- Em nói đi, vì sao em ở đây? - Tôi hỏi Ngọc.

- “Không có gì đặc biệt cả”. Ngày xưa anh đã trả lời em như thế khi em hỏi về một điều rất hệ trọng đối với em

- Lúc đó anh không thể nói khác được. Vì Hùng rất cần em. Còn bây giờ, hãy cho anh biết về em đi - Tôi nói như van vãn.

- Chúng em đến Tây Đức, rồi phiêu bạt qua Hung-ga-ri. Ở đó, Hùng đã bỏ em để sang Mỹ cưới con gái ông sếp cảnh sát cũ của anh ấy.

- Chú anh đã kể. Anh muốn biết về em hiện giờ.

- Anh đã có vợ con rồi phải không? Dượng cho em biết thế - Ngọc vẫn không nói về mình.

Tôi thở dài:

- Nhưng chúng mình vẫn là anh em kia mà. Em hãy về nước đi. Dượng vẫn thương em như con đẻ. Về đi! Dượng sẽ lo mọi chuyện cho em.

Ngọc uống cạn ly vang đỏ, ngấm chiếc ly không một lúc rồi mỉm cười:

- Má mất rồi. Em chẳng còn gì ở đây để về. Em đã có cuộc sống khác. Chồng em kia kia! Lấy nhau ở Hung. Anh ấy là người Digan. - Ngọc đưa mắt về phía gã chơi phong cầm lúc nãy đang vừa kéo vừa nhảy như chơi chơi. Một gã béo lùn có cái đầu to xù, tóc xoắn tít, bộ ria đậm đen nhánh như mực - Định mệnh đấy. Có lẽ vì em thích các bài ca của người Digan mà anh đã hát.

- Không phải. Em nói dối! Nói dối! - Tôi hốt hoảng nắm tay Ngọc một cách tuyệt vọng - Đừng tự dọa đầy như thế. Anh xin em. Anh bay chuyến bảy giờ tối ngày kia, nhưng anh có thể xin ở lại lo việc hồi hương cho em. Anh có bạn thân ở sứ quán.

- Không cần phải thế. Em vẫn bình thường mà. Còn anh cũng nên về ở hẳn với vợ em để ông đỡ cô quạnh. Được, mất gì thì cũng đã được mất rồi. Đừng lang thang nữa, cực lắm. - Ngọc ho khan, khuôn mặt thoáng tái đi. Chắc em không quen những mùa đông băng giá. Rượu và những cuộc nhảy múa ca hát kiếm sống thâu đêm đang tàn phá sức khỏe của em.

- Thế còn em thì sẽ chịu mãi được nỗi khổ cực vì lang thang? - Tôi hỏi.

- Chắc rồi cũng có lúc em không chịu được, lúc đó em sẽ chết - Ngọc cười như nói đùa - Có lẽ chết rồi, hồn em vẫn lang thang. Em thiêng lắm đấy nhé.

Em sẽ tìm đến anh, luôn ở bên để phù hộ cho anh nổi tiếng hơn nữa. Nhưng nhớ đốt nhiều tiền vàng cho em làm lộ phí... Lâu lắm rồi mới nhớ đến tục đốt vàng mã của người xứ mình. Có lần em muốn đốt cho má em mà không có.

Tôi định nói rằng rồi tôi sẽ đốt vàng mã cho má em, nhưng tôi im lặng vì cơn ghen ngào dâng đầy lồng ngực.

Ngọc như miễn cưỡng rút bàn tay ra khỏi tay tôi rồi đứng lên “ôm quyền” chào theo kiểu “chưởng” như ngày xưa tôi đã đùa cợt em lúc chia tay:

- Bái biệt! Xin *đại huynh* hãy bảo trọng! - Ngọc ngập ngừng - Có thể... *muội* sẽ đến phi trường tiễn *huynh*.

Nhưng mãi đến khi máy bay cất cánh, tôi mới mơ hồ thấy bóng Ngọc váy áo đỏ sẫm đứng lặng trên cây cầu vượt vắng tanh.

Cho đến bây giờ tôi vẫn tự hỏi rằng, trong chuyện này, tôi có phải là người cao thượng, độ lượng không?

Cái lần bà thím mất, theo ước nguyện của bà, tôi về đội khăn thay cho Ngọc. Có lẽ trước lúc theo Hùng vượt biên, trong tâm trạng tuyệt vọng, Ngọc đã nói hết với mẹ về tôi. Hay là cảm tính của người mẹ đã mách bảo bà? Ma chay xong, trong bữa cơm, ông chú say rượu, chửi tôi:

- Thằng ngu xuẩn! Không, mày là thằng hèn nhát, ích kỷ, độc ác! Đúng, đồ hèn nhát! Hèn nhát! Hèn nhát!... Ngọc ơi, con ơi! - Ông bung mặt khóc rưng rức như kiểu những người quá say.

Câu “Hèn nhát” được thét lên liên tục như những cái tát làm mặt tôi rất bỏng. Sau này, một lần nữa ngồi uống rượu với ông chú, tôi nói rằng những tính từ không hay ho mà ông ném tới tấp vào mặt tôi lúc đó là vô lý và bất công.

Ông chú nhìn tôi như nhìn một quái vật khôn khổ:

- Trước khi vượt biên, con Ngọc ngơ ngác như mất hồn. Nó hỏi tao: “Anh hai chỉ rung động chốc lát kiểu nghệ sĩ chứ đâu có thực lòng yêu con. Anh ngán con, vì ba con là thiếu tá ngục, chứ anh ấy thừa biết con chỉ coi Hùng như anh ruột, phải không dượng?” Đây, mày thử trả lời hộ tao! Còn thằng Hùng, nếu con Ngọc ở lại, thì nó đâu có đi!

... Gió mạnh từng cơn dồn cuốn màn tuyết dày thành hình thù sống động của một con thú lớn có bộ lông trắng đang vật vã vì đau đớn. Trong khoang máy bay, tôi như nghe thấy rú rít thê thảm của con thú bất hạnh ấy. Và, tôi vẫn thấy trên cây cầu vượt, bóng em nhỏ nhoi lơ lửng, nhòe mờ trong làn bụi băng giá, bộ váy áo đỏ sẫm như một vết thương ứa máu trên mình con thú tuyết khổng lồ kia. Vết thương trong không gian lạnh buốt.

Chiếc máy bay đưa tôi vượt qua mùa đông châu Âu trở về với nắng ấm. Dưới kia là những thành phố, làng mạc và những cánh rừng tuyết phủ. Một ý nghĩ giáy vò tôi, rằng sẽ có một ngày em vĩnh viễn nằm lại đâu đó trên con đường lưu đầy vô định ở một xứ xa lạ, giữa cơn bão tuyết mù trời.

Và tôi nhớ đến câu nói của em lúc chia tay trong quán rượu Biba:

- "... Có lẽ chết rồi, hồn em vẫn lang thang. Em thiêng lắm đấy. Em sẽ luôn ở bên anh, phù hộ cho anh nổi tiếng hơn nữa. Nhưng nhớ đốt nhiều tiền vàng cho em làm lộ phí, để hồn em tìm đến với anh..."

Praha - 1983

Hải phòng - 1997

B.V

Tái bút: Người ca sĩ trong câu chuyện này bây giờ đã rời sân khấu, về mở lớp dạy thanh nhạc cho trẻ con. Dù vẫn tin thuyết xác suất và quả đất tròn, nhưng anh không bao giờ được gặp lại Ngọc nữa. Vì anh không còn có dịp lang thang như ngày xưa.



MAI VUI

Họ và tên: **Đỗ Hoàng Quang**

Ngày tháng năm sinh: 29.11.1926

Quê quán: Gia Lộc, Hải Dương

Nghề nghiệp: Đại tá quân đội (hưu trí), nhà văn

Địa chỉ hiện nay: Cầu Niệm, Hải Phòng

Dân tộc: Kinh

Tác phẩm chính đã xuất bản: Truyện ngắn: *Những trận đánh nảy lửa* (1964); *Con gà mái lông sẫm* (1970); *Tia nắng* (1977); *Em bé Hóc Môn* (truyện thiếu nhi, 1981)... Tiểu thuyết: *Quãng đời niên thiếu* (1958); *Đường vào Tây Bắc* (1982). Ký sự: *Từ một góc Tà cơn* (1977)..

Các giải thưởng văn học: Truyện ngắn *Tia nắng* giải thưởng cuộc thi truyện ngắn Báo Văn nghệ năm 1967-1968 và một số giải thưởng khác.

Đôi lời giới thiệu truyện ngắn tự chọn: Từ ngày 5.8.1964, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc nước ta, huy động hàng ngàn máy bay phản lực, tối tân nhất thế giới đến đánh vào các thành phố, làng xóm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, hòng đẩy nước ta lùi lại thời kỳ đồ đá. Song chúng đã bị cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện của ta làm cho thất bại hoàn toàn.

Truyện ngắn *Con chó mực* nhằm thể hiện một thôn xóm, điển hình, tiêu biểu cho cuộc kháng chiến thần kỳ của nhân dân ta.

CON CHÓ MỤC

Thế là Đại phải xa bố, xa mẹ, xa làng xóm rồi.

Bên kia nhánh sông, trong sương mù, sông nước bênh bồng là quê hương yêu dấu của Đại đấy. Làng nằm trên cồn cát nổi giữa sông. Từ hai bên bờ, muốn tới làng của Đại, đều phải ngồi đò qua một đoạn sông nước chảy xiết xa lắc xa lơ.

Đại đi, Đại nhớ bên mới xây gạch mà hàng ngày Đại vẫn theo bố ra đây tắm. Nhớ bãi cát dài sau mỗi trận mưa. Đại chạy đi chạy lại giẫm bành bạch trên bãi cát nghe lạo sạo, mát rượi. Nhớ những buổi chiều, chị Nga dắt ra đồng chơi dưới rặng dừa đang ra hoa trông quanh hồ nghỉ mát của xã mới cất công đào xong hồi tết. Nhớ tiếng ru của mẹ, nhớ những buổi chiều nằm gác chân lên bụng bố nghe kể chuyện cổ tích và Đại nhớ con chó Mục nữa. Ôi! Biết bao nỗi nhớ.

Giặc Mỹ đến ném bom bắn phá dây nhà máy bên kia sông. Một quả bom rơi chéch sang đầu làng, một cây xoan bật rễ khô không trên mặt đất. Người già và trẻ em được lệnh đi sơ tán. Đại phải theo bà và

chị lên nhà bác ruột. Bác đi bộ đội, sức yếu phục viên về xã, sau xung phong đi khai hoang ở một tỉnh miền ngược. Hôm Đại đi, em đòi bố mẹ cho con Mực đi theo. Nhưng bố bảo:

- Nó đang ốm khật khừ thế kia, theo sao được. Bà thì công con, chị Nga gánh quần áo, đồ đạc. Cứ để nó ở nhà, chữa cho nó khỏi rồi đi sau. Con lên trên đó, không được ăn quả xanh, uống nước lã, con giun nó đục bụng đấy, biết chưa?

- Mẹ cũng xoa đầu Đại, dịu dàng nói:

- Để nó ở nhà hôm nào các chú bộ đội bắn rơi máy bay Mỹ. Mẹ bảo nó ngoạm một mảnh máy bay đưa lên cho con để bác làm cái ô tô mà chơi.

Mẹ nói vậy, Đại gật đầu bằng lòng ngay. Từ lâu Đại vẫn đòi bố mẹ mua cho một chiếc ô tô làm bằng gỗ. Mà chiếc ô tô làm bằng gỗ thì chẳng đẹp bằng ô tô làm bằng mảnh máy bay. Đại nghĩ vậy, thích lắm.

Tuy thế mới đi được vài ngày, Đại nhớ con chó Mực. Hồi còn ở nhà, Đại quý nó lắm. Nó nô đùa, quấn quýt với Đại suốt ngày. Đại chìa bàn tay ra, nó vẹo đầu vẫy đuôi, đặt chân trước giữa lòng bàn tay Đại. Đại bắt tay nó rồi nâng hai chân nó lên, dắt đi vòng quanh sân. Nó loạng choạng đi bằng hai chân sau, vừa đi vừa liếm tay Đại, day đi day lại. Đại chạy ra bãi cát trước nhà, nó đuổi theo. Tới nơi, nó lăn mình trên bãi cát ra vẻ thích thú lắm.

Vào những buổi chiều, khi bố Đại dắt Đại ra bên tắm, nó ngoe nguẩy đuôi theo ngay. Ra tới bờ sông, nó dừng lại một lúc rồi chạy đi chạy lại. Khi bố Đại cầm khúc tre quăng ra giữa sông, miệng “sù” một tiếng thì nó lao xuống, bơi ra ngoạm lấy, bơi vào đặt khúc tre trước mặt bố Đại. Những lúc như thế Đại thích lắm. Nhiều lần Đại bắt chước bố, cầm hòn đất ném vào bụi cây, mồm cũng “sù, sù”. Con chó “gừ, gừ” vài tiếng rồi cong đuôi chạy bỏ vào bụi cây, ngoạm hòn đất chạy ra. Một lần Đại cầm bút chì, tiện tay quăng vào trong bụi. Chiếc bút thì lọt vào lỗ hổng. Con Mực chui vào nhưng lỗ nhỏ, nó thò chân móc, bới mãi. Cào một chân không được, nó vừa gặm gừ, vừa dùng hai chân cào rộng miệng lỗ ra, ngoạm lấy chiếc bút chì đặt trước mặt Đại. Đại ôm lấy đầu nó, úp vào mặt mình. Nó thè lưỡi – cái lưỡi lốm đốm đen liếm vào mặt Đại.

Có lần con chó nhà hàng xóm đê ngửa con Mực ra cắn. Nó kêu “ăng ăng” vài tiếng rồi đứng dậy nhe răng ra cắn lại. Nghe tiếng con Mực kêu, Đại cầm roi và vọt con chó hàng xóm vừa nói: “Mày cậy lớn, mày bắt nạt nó này”. Con chó hàng xóm bỏ chạy, còn con Mực lê về nhà, máu ở bụng chảy rải từ đường vào tới sân. Đại thương nó quá. Đến bữa ăn, Đại xẻ nửa bát cơm cho con Mực. Nó chỉ ăn vài miếng rồi lủi thủi xuống bếp nằm.

Hôm sau, khi Đại mở mắt ra, vừa tụt xuống đất đã thấy con Mực ngoe nguẩy đuôi, nhìn Đại.

Hôm Đại đi sơ tán, nó theo Đại ra tận bến và cứ định nhảy xuống thuyền với Đại. Mấy lần bố Đại quát: “Con Mực ở nhà”. Nó mới chịu cụp đuôi đứng nguyên trên bờ. Khi thuyền đã xa bến, nó chạy đi chạy lại, miệng cứ ăng ăng như muốn nói với Đại “Nó nhớ Đại đấy”. Đại ngoái lại nhìn nó mãi cho tới khi khuất nó Đại mới quay lại, ngồi vào lòng bà, mắt mũi cay sè chỉ muốn khóc.

Nhưng tính trẻ thơ vốn vui đâu quên đấy. Lên tới rừng biết bao nhiêu là chuyện thú vị. Trước hết cây cối bạt ngàn xanh ngắt, một màu xanh bao la mà Đại tưởng như trong đó có bao nhiêu điều lạ sẽ đến với Đại. Ngay buổi đầu tiên, bác dẫn hai chị em ra nương sắn đào một gốc mà đã đầy một thúng củ. Bác nướng một củ cho Đại ăn. Ăn sắn nướng vừa thơm vừa bùi. Đại ăn no căng bụng mà không chán. Buổi chiều chị Nga dẫn Đại ra suối. Nước suối trong vắt như nước mưa. Nhìn rõ thấy những cây rêu từ lòng suối mọc lên, nghiêng ngả như những mớ tóc xanh xoã dài dưới nước. Những con cá trắng lấp lánh, lượn quanh hốc đá, thỉnh thoảng vọt lên đớp nước rồi lại vọt xuống đáy, đuôi ve vẩy trông như đuôi diều vẩy gió. Đại thích quá, sà ngay xuống suối. Nước mát lạnh. Đại thò tay nhặt một hòn sỏi trắng muốt, lông lánh thì ngay lúc đó trên cành cây cao có tiếng chim hót. Tiếng hót lên bổng xuống trầm dội vào rừng núi những âm thanh thánh thót, khiến Đại sững sờ, hỏi chị:

- Chim gì mà hót hay thế, chị Nga?

Nga đang mãi nhặt những hòn sỏi tròn trĩnh, trắng tinh dưới lòng suối, nghe em hỏi liền đáp:

- Con khướu!

- Con khướu nó thế nào? Sao ở quê ta không có, hờ chị?

- Ở rừng mới có chứ.

- Bắt về một con hót cho bố mẹ nghe, chị nhé.

Nga không đáp, ra hiệu cho Đại im lặng để nghe chim hót.

Dọc đường về, Đại trông thấy một con chim to màu sặc sỡ từ một lùm cây bên vệ đường bay vọt vào một ngọn đồi, cất tiếng gáy o o. Về nhà Đại hỏi bác, bác bảo:

- Gà rừng đấy cháu ạ.

- Nhà ai nuôi gà rừng, hờ bác?

Bác cười:

- Giống ấy không nuôi được trong nhà, cháu ạ. Nó ăn, ngủ ở rừng.

- Thế có ăn thịt được không?

- Ăn ngon lắm.

- Bác bắt về thịt cho cháu ăn đi.

- Không bắt được. Nó bay như chim ấy. Muốn ăn thịt nó, hôm nào bác cháu ta đi săn một buổi.

Một hôm, hai bác cháu vác súng đi săn. Hoàng hôn ở rừng thường yên tĩnh. Chỉ nghe tiếng suối róc rách chảy, tiếng lá rì rào, thỉnh thoảng có đôi ba tiếng chim rừng gọi nhau về tổ. Cảnh vật gợi buồn song trong lòng Đại đang vui. Đại cầm một sợi dây nhỏ nhẩy tênh tênh theo bác. Những con bướm trắng đang bay lượn hai vệ đường, chao đi chao lại như muốn chạy thi với Đại.

Đến chân một ngọn đồi, bác bảo Đại ngồi trong bụi cây, còn bác cầm khẩu súng kíp rón rén nằm bên lùm cỏ gianh.

Đợi mãi mới có con gà rừng sà cánh đậu xuống. Đại thích quá, đứng bật dậy, hét cuống lên:

- Bác kìa, nó đến! Bác bắn đi!

Bác chưa kịp bắn, con gà thấy động đã bay vọt mất. Bác quay lại bảo Đại:

- Ngồi yên chú, cháu. Thế là mất toi một con gà rồi đấy.

Lần sau thì Đại bó gối ngồi im thín thít. Con gà vừa chạm chân tới đất, bác đã bóp cò. Một tiếng nổ vang trong rừng chiều. Con gà trúng đạn chết ngay tại chỗ.

Sấm tôi, bác lại bắn thêm một con nữa. Lần này con gà rừng chỉ bị thương. Nó định bay chạy trốn

song cánh bị trúng đạn, nó không bay được. Nó rúc vào bụi cây.

Bác chạy vội đến, rẽ cây vạch cỏ tìm gà. Đại cũng chui hết bụi này sang bụi khác, mò hôi nhễ nhại mà không thấy. Đại nói với bác:

- Giá có con Mực, nó tìm được ngay, bác ạ.

- Con Mực nào?

- Con Mực của nhà cháu ấy mà.

Dọc đường về, Đại vừa đi vừa kể chuyện con Mực cho bác nghe. Bác gật gù:

- Con chó thể thì khôn đấy.

Thà không nhắc đến thì thôi, chứ đã nói đến con chó Mực, Đại càng nhớ nó. Chả biết nó đã khỏi bệnh chưa nhỉ? Bao giờ thì bố mẹ dắt nó lên với Đại, nó lên, nhất định Đại gọi nó ra nương xem trông sắc, trông ngô. Đại cũng biết bỏ hạt ngô xuống lỗ cơ. Từ ngày Đại sơ tán, Đại đã đi học võ lòng. Đại đã quét nhà, quét sân. Đại còn ra rừng nhặt nấm. Những cái nấm trắng như hòn phấn, to bằng quả trứng, ăn ngon như đậu luộc. Sau mỗi trận mưa rào, nấm mọc trắng cả cánh rừng. Đại vẫn theo chị Nga xách rổ đi nhặt đấy. Nhặt được nhiều lắm, đầy một thúng. Bà đem phơi khô, bảo để dành gửi về cho bố mẹ.

Đại cũng để dành được năm cái nấm cho con Mực nhé. Còn một điều nữa, bác đã bằng lòng cho con

Mực cùng đi săn với bác. Nhất định không con gà rừng nào chạy thoát được. Nó tinh nhanh lắm. Thoắt một cái, nó đã sổ vào bụi... Nghĩ đến đây, Đại nhe bộ răng sún ra cười rất ngộ nghĩnh.

Một hôm hai chị em đang tắm ở dưới suối thì bà ra gọi:

- Nga ơi... ơi! Cho em về ngay... Mẹ mày lên đấy.

Đại nghe gọi, mừng quá, lội ngay lên bờ chạy về. Mẹ Đại ngồi ở giữa nhà, thấy Đại liền ôm chầm lấy con, nựng:

- Nhớ con trai quá. Con trai mẹ béo đen lại. Mẹ cho nhãn đây này. Nhãn mẹ trồng còn mỗi một cây, bom nó phá sạch.

Mẹ đưa chùm nhãn cho Đại. Đại cầm nhãn nhưng nhìn trước nhìn sau, hỏi mẹ:

- Mẹ có cho con Mực lên không?

Mẹ Đại ngập ngừng:

- Con Mực bị thương chưa khỏi, con ạ.

- Sao thế? – Bà vội hỏi.

Mẹ Đại kể:

- Con chó khôn quá, bà ạ. Hôm giặc Mỹ bỏ bom trúng vào nhà ta, bố cháu Đại thì ở trận địa. Con vừa ra đồng. Cứ tưởng con chó chết, nhưng về nhà thấy nó nằm gọn dưới hầm. Một lần có kẻ gian vào trong làng.

Bị dân quân đuổi, nó chạy xuống nắp kín dưới ao bèo giữa đồng. Con Mực đuổi theo, lội ra giữa ao, sủa ầm lên báo cho anh em dân quân xuống bắt kẻ gian lên.

Như chợt nhớ ra điều gì, Đại hỏi:

- Nó khỏi bệnh chưa, hờ mẹ?

- Khỏi rồi. Nó chóng lớn lắm. Béo nần ra.

Rồi mẹ quay ra kể tiếp với bà:

- Có nhẽ... cách đây đã đến mười hôm rồi. Một buổi tối, trời đang mưa. Giặc Mỹ lên đến bỏ bom khu nhà máy. Bộ đội ta bắn rơi một chiếc. Tên giặc lái nhảy dù ra. Dân quân đổ ra bủa vây. Nhà con cũng dắt con Mực đi theo. Ra tới chỗ máy bay rơi, con chó chạy quanh mấy thửa ruộng gần đó. Nó đi đến đâu cũng hít hít ngửi ngửi. Nhà con sốt ruột mắng: “Con chó này chạy quẩn mãi thế?”. Chú Thìn, tiểu đội trưởng dân quân nói với nhà con rằng, thoáng nhìn thấy chiếc dù lơ lửng trên cánh đồng Gạo ấy. Nó chỉ rơi quanh cánh đồng hay gần sông thôi. Nhà con nghe nói, gọi con Mực lộn về cánh đồng rồi ra bờ sông. Thì ra tên giặc lái trốn vào bãi đay rậm dưới sông ấy, bà ạ.

- Đêm tối sao nó cũng biết mò ra đấy nhỉ?

- Thì dù nó rơi đúng bãi đay mà lại.

- Sao nó không rơi xuống sông cho chết hết đời quân kẻ cướp ấy đi.

Nga sốt ruột, giục:

- Mẹ kể nữa đi. Thế ta có bắt được thằng Mỹ không, mẹ?

Mẹ Đại gật gù:

- Bắt được. Con chó Mực đánh hơi tinh lắm. Nó biết tên giặc trốn ở bãi đay. Nó lội xuống sông rồi sông vào chỗ tên giặc nấp. Buồn cười quá. Tên giặc Mỹ nhát như cáy. Nghe con Mực sủa mấy tiếng, nó vội vàng giơ hai tay lên trời. Nhưng sau chỉ thấy một mình con chó, nó lấy dao định đâm. Con Mực cũng nhảy xổ vào thằng Mỹ mà cắn xé cho tới lúc bị thương. Vừa lúc ấy, bố mày, chú Thìn với hai cô dân quân làng bên bơi thuyền ra bắt được tên giặc lái.

Đại nghe mẹ kể đến đây thì buồn ngủ díp mắt lại. Một lát sau, Đại bỗng cười nắc nẻ lên. Đại mơ một giấc mơ thật đẹp. Đại sung sướng chạy theo mẹ trở về làng. Con thuyền còn lênh đênh giữa dòng sông, Đại đã trông thấy con chó Mực đứng trên bến xây gạch. Nó ve vẩy đuôi tỏ ý mừng rỡ... Đại bước lên bờ, con Mực quấn vào chân Đại. Đại cúi xuống xoa vào vết thương của con Mực. Đại thương nó quá. Chốc nữa, đến bữa ăn, Đại sẽ xẻ cho nó cả bát cơm đầy.

1969

MỤC LỤC

- Người đàn bà nói chuyện một mình	TÔ ĐỨC CHIÊU	8
- Người bán than rong	LÝ BIÊN CƯƠNG	35
- Hạnh phúc ở đâu	DŨNG HÀ	56
- Hoàng ở đâu bây giờ?	NGUYỄN QUANG HÀ	95
- Voi đi	SIÊU HẢI	113
- Khoảng trời riêng	DƯƠNG HƯỚNG	137
- Một người Hà Nội	NGUYỄN KHẢI	159
- Con tôi đi lính	CHU LAI	177
- Phim Pha	VĂN LINH	197
- Vịt trời lông tía bay về	HỒNG NHU	214
- Với biển	ĐẶNG VĂN NHUNG	237
- Mom sông bóng núi	LÊ NGUYỄN NGŨ	267
		433

- Mùa thu Hà Nội	NGÔ VĂN PHÚ	282
- Ba người trên sân ga	HỮU PHƯƠNG	293
- Sữa	QUÝ THỂ	319
- Chuyện thời con gái	NGUYỄN THỊ NHU TRANG	333
- Nhà phóng sự một thời	HOÀNG MINH TƯỜNG	362
- Mấy sông cũng lội	TRẦN KIM TRẮC	374
- Khỏa thân màu xám	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	388
- Vết thương trong không gian	BẢO VŨ	398
- Con chó mực	MAI VUI	423

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 8294648 - 8294685 - Fax: (04) 8294781

TRUYỆN NGẮN ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

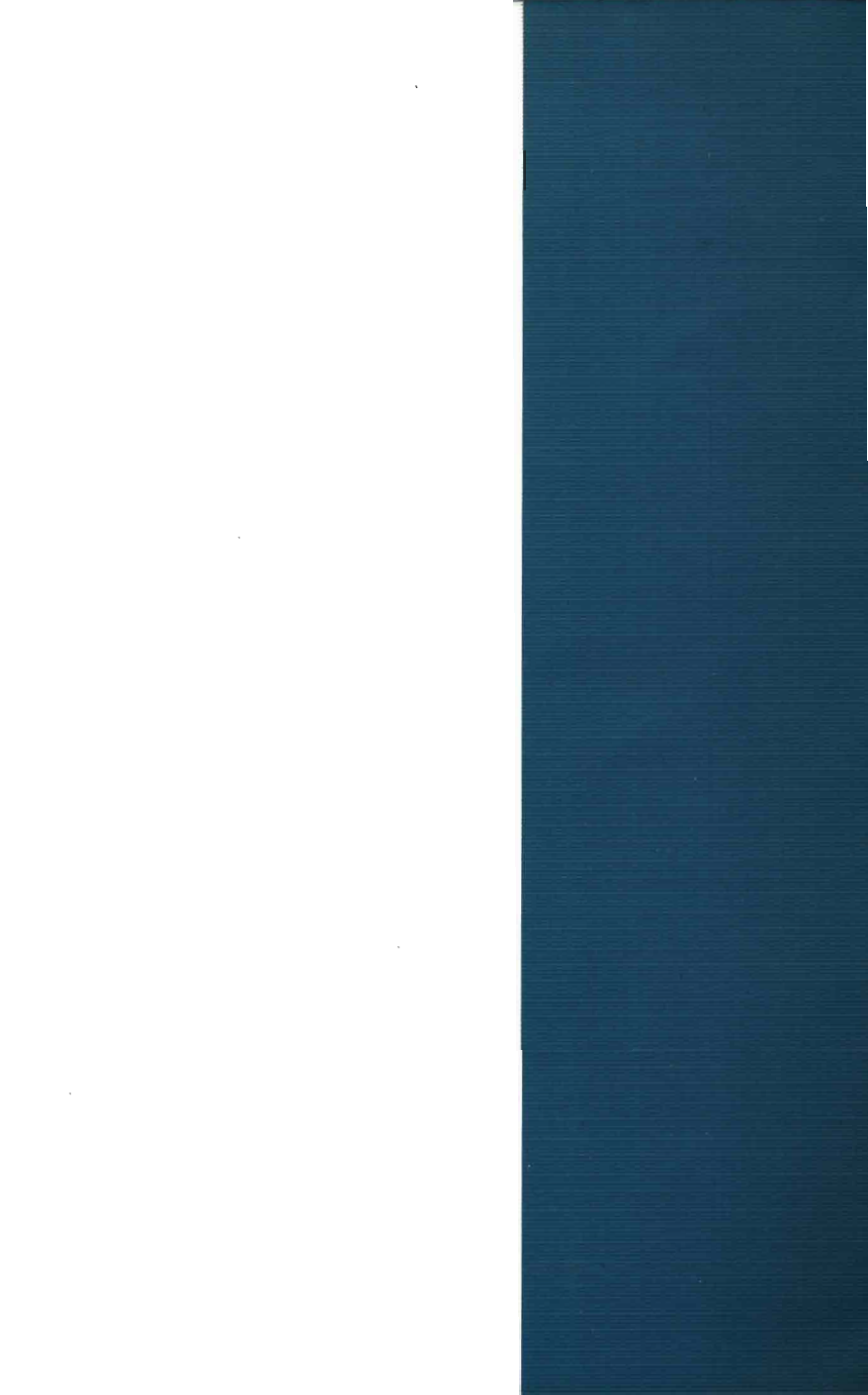
TÁC GIẢ TỰ CHỌN

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập: **Nguyễn Anh Vũ**
Vẽ bìa: **Nguyễn Trọng Kiên**
Sửa bản in: **Hoa Sách**

In 1.000 cuốn khổ 13 x 19cm tại Xí nghiệp in SAVINA.
Giấy phép xuất bản số 1388 Cục xuất bản cấp ngày
24/9/2004. TN KHXB số 425/VHGP cấp ngày 13/12/2004.
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2005.



TRUYỆ ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

TÁC GIẢ TỰ CHỌN



truyện ngắn đương đại - tập 2 (xb)



1

005022

301226

45.000 VNĐ